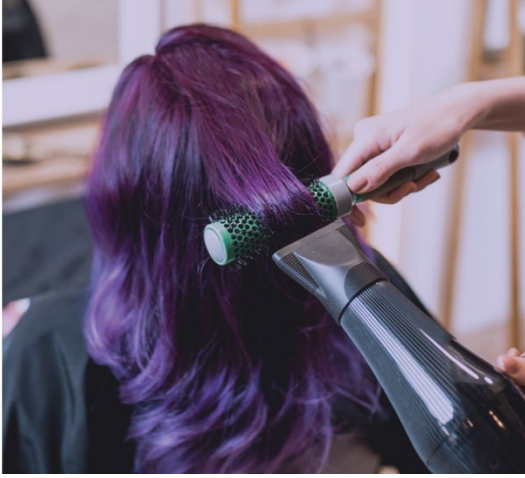
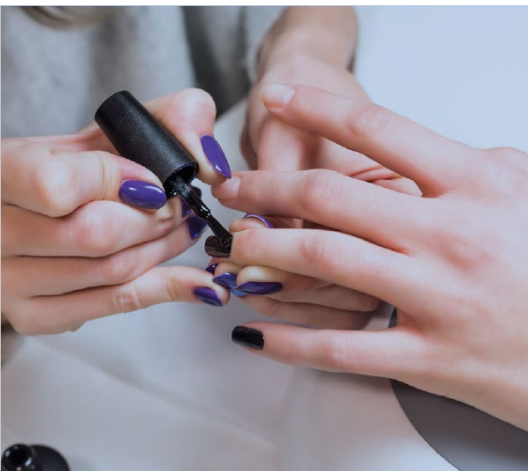




2026 Đạo Luật và Quy Định

Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm

BarberCosmo
Board of Barbering & Cosmetology





LƯU Ý

Ấn bản này bao gồm các quy chế và quy định chọn lọc của California về những điều cần chú ý để các chuyên viên ngành tóc và thẩm mỹ được cập nhật đầy đủ với các quy định của luật pháp được ban hành cho đến tháng 1 năm 2026. Các đề mục dành cho Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp và Bộ Luật Quy Định California không phải là một phần quy định của luật pháp; các đề mục này được cung cấp để dễ dàng tham khảo và thuận tiện. Mặc dù mọi nỗ lực đã được thực hiện để đảm bảo tính chính xác của ấn phẩm này, song ấn phẩm không có hiệu lực pháp lý. Nếu ấn phẩm có bất kỳ sự khác biệt hay lỗi nào xảy ra thì quy định của luật pháp sẽ được ưu tiên áp dụng.

2026

Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm

VÀ

Quy Định Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm





Nghiêm cấm bán lại *Đạo Luật và Quy Định của Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm năm 2026*; tất cả các bản sao phải được phát hành miễn phí.

Hướng dẫn cho phiên bản kỹ thuật số

Hãy nhấp vào biểu tượng ở cuối mỗi trang để trở về Mục Lục.

ĐẠO LUẬT NGHỀ LÀM TÓC VÀ TRANG ĐIỂM

Chương 10, Khoản 3 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp California

Chuyên Môn Và Nghề Nghiệp Tổng Quát

Điều 1. Quản Lý

7301. Trích Dẫn Chương 3
7302. Định Nghĩa 3
7303. Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm Tiểu Bang; Viên Chức Điều Hành 3
7303.1. Ưu Tiên Của Hội Đồng; Bảo Vệ Công Chúng 4
7305. Bầu Cử Viên Chức Thường Niên 4
7309. Văn Phòng Chính Và Các Văn Phòng Chi Nhánh 4
7311. Con Dấu 4
7312. Quyền Hạn Và Trách Nhiệm Của Hội Đồng 4
7313. Tiếp Cận Và Thanh Tra Các Cơ Sở, Đơn Vị Lưu Động Và Trường Học; Thông Báo Vi Phạm 5
7314. Lưu Trữ Hồ Sơ 6
7314.3. Ủy Ban Tư Vấn Sức Khỏe và An Toàn 6
7314.5. Nâng Cao Nhận Thức Về Lạm Dụng Thể Chất Và Tình Dục 7
7315. Quyền Của Đa Số Trong Việc Thực Thi Các Quyền 7

Điều 2. Áp Dụng Chương

7316. Hành Nghề Làm Tóc; Hành Nghề Trang Điểm 7
7317. Hành Nghề Làm Tóc, Trang Điểm Hoặc Điện Phân Được Trả Công Không Có Giấy Phép 9
7318. Miễn Trừ Đối Với Hành Nghề Ngoài Cơ Sở Được Cấp Phép Do Đau Ốm Hoặc Mất Năng Lực 10
7319. Các Cá Nhân Được Miễn Trừ Tuân Thủ Theo Chương Này 10
7319.5. Miễn Trừ Đối Với Học Viên 11
7319.7. Yêu Cầu Hành Động Theo Thông Tin Lạm Dụng Thể Chất, Tình Dục 11
7320. Ủy Quyền Hành Nghề Y Khoa Hoặc Phẫu Thuật 11
7320.1. Sử Dụng Các Dụng Cụ Kim Loại Trong Dịch Vụ Chăm Sóc Móng Tay Hoặc Móng Chân 11

7320.2. Sử Dụng Trái Phép Thiết Bị X-Quang 11
7320.3. Tự Nhận Là Bác Sĩ Thẩm Mỹ 12
7320.4. Tự Nhận Là Thợ Làm Tóc 12
7320.5. Điều Trị Bằng Laze Là Phạm Tội Tiểu Hình 12

Điều 3. Điều Kiện Dự Thi
7321. Điều Kiện Được Xét Dự Thi Chuyên Gia Trang Điểm 12
7321.5. Điều Kiện Được Xét Dự Thi Thợ Làm Tóc 13
7322. Điều Kiện Được Xét Dự Thi Chuyên Viên Tạo Kiểu Tóc 13
7324. Điều Kiện Được Xét Dự Thi Chuyên Gia Thẩm Mỹ 14
7326. Điều Kiện Được Xét Dự Thi Thợ Làm Móng 14
7330. Điều Kiện Được Xét Dự Thi Chuyên Viên Điện Phân 15
7331. Cấp Giấy Phép Hành Nghề Cho Đương Đơn Ngoài Tiểu Bang 15

Điều 4. Học Nghề
7332. "Người Học Nghề" 16
7333. Tiến Hành Chương Trình Đào Tạo Học Nghề 16
7334. Người Được Cấp Phép Học Nghề Làm Tóc, Trang Điểm, Chăm Sóc Da Hoặc Móng Hoặc Điện Phân 16
7335. Thời Hạn Của Giấy Phép Học Nghề 17
7336. Điều Kiện Để Người Học Nghề Được Hành Nghề 17

Điều 5. Kỳ Thi
7337. Yêu Cầu Thủ Tục Về Đơn Đăng Ký; Lệ Phí 18
7338. Nội Dung Kỳ Thi 18
7340. Chuẩn Bị, Quản Lý Và Chấm Điểm Bài Thi 18
7341. Gửi Thông Báo Tổng Điểm Đối Với Bài Thi Không Đạt 19
7342. Cấp Giấy Phép 19
7344. Hợp Đồng Đối Với Các Cơ Sở Khảo Thí 19
7345. Từ Bỏ Đơn Đăng Ký Và Mất Lệ Phí 19

Điều 6. Cơ Sở
7346. "Cơ Sở" 19
7347. Đơn Xin Cấp Giấy Phép Hoạt Động Cho Cơ Sở 19
7348. Cơ Sở Thuộc Trách Nhiệm Của Người Được Cấp Phép 20
7349. Tuyển Dụng Người Không Có Giấy Phép 20
7349.1. Sử Dụng Sai Lệch Cột Biển Hiệu Thợ Làm Tóc Để Hành Nghề Kinh Doanh Gian Lận 20
7350. Sử Dụng Một Phần Cơ Sở Cho Các Mục Đích Cư Ngụ 21

7351. Cung Cấp Và Duy Trì Các Tiện Nghi Đầy Đủ 21
7352. Tiện Nghi Rửa Tay 21
7353.4. Các Quyền Ở Nơi Làm Việc Và Thông Báo Về Luật Tiền Công Và Giờ Làm 21

Điều 7. Đơn Vị Lưu Động
7354. "Đơn Vị Lưu Động" 22
7355. Đơn Xin Cấp Giấy Phép 22
7356. Đơn Xin Chuyển Quyền Sở Hữu Hoặc Quyền Điều Hành 22
7357. Tuân Thủ Các Quy Định; Thiết Bị Bắt Buộc 23
7358. Đơn Vị Lưu Động Thuộc Trách Nhiệm Của Người Được Cấp Phép 23
7359. Tuyển Dụng Người Không Có Giấy Phép 23
7360. Sử Dụng Một Phần Đơn Vị Lưu Động Cho Các Mục Đích Cư Ngụ 23
7361. Áp Dụng Các Điều Khoản Của Chương 23

Điều 8. Trường Học, Người Hướng Dẫn Và Chương Trình Giảng Dạy
7362. "Trường Được Hội Đồng Phê Duyệt" 24
7362.1. Yêu Cầu Đối Với Trường Đào Tạo Thẩm Mỹ Được Phê Duyệt 25
7362.2. Yêu Cầu Đối Với Trường Dạy Làm Tóc Được Phê Duyệt 25
7362.3. Yêu Cầu Đối Với Trường Dạy Điện Phân Được Phê Duyệt 25
7362.5. Số Giờ Đào Tạo Thực Hành Và Hướng Dẫn Kỹ Thuật 26
7363. Khóa Học Tạo Kiểu Tóc; Số Giờ Đào Tạo Thực Hành 27
7364. Khóa Học Chăm Sóc Da; Số Giờ Đào Tạo Thực Hành 28
7365. Khóa Học Chăm Sóc Móng; Số Giờ Đào Tạo Thực Hành 29
7366. Khóa Học Điện Phân; Số Giờ Đào Tạo Thực Hành 29
7367. Chuyển Đổi Tín Chỉ 30
7368. Chỉ Định Dịch Vụ Do Trường Cung Cấp Như Là Công Việc Cho Học Viên 30
7389. Khóa Học Sức Khỏe Và An Toàn Về Chất Độc Hại 30
7389.5. Khóa Học Làm Tóc Và Trang Điểm Do Các Cơ Sở Cải Huấn Liên Bang Hoặc Tiểu Bang Thành Lập Tại Tiểu Bang 30
7395.1. Học Viên Trường Đào Tạo Thẩm Mỹ Làm Thực Tập Sinh Tại Các Cơ Sở 30
7395.2. Học Viên Trường Làm Tóc Làm Thực Tập Sinh Tại Các Cơ Sở 32

Điều 9. (Được bảo lưu)

Điều 10. Giấy Phép
7396. Mẫu Và Nội Dung Của Giấy Phép 34
7396.5. Giấy Phép Thử Thách 34
7397. Trưng Bày Giấy Phép 35

7398. Giấy Phép Sao Y 35
7399. Giấy Phép Tạm Thời 35
7400. Thông Tin Được Yêu Cầu Tại Thời Điểm Đổi Mới Giấy Phép 35
7401. Thông Tin Được Yêu Cầu Báo Cáo Cho Hội Đồng Khi Đổi Mới Giấy Phép; Báo Cáo Của Hội Đồng Cho Cơ Quan Lập Pháp 35
7402.5. Giấy Phép Dịch Vụ Cá Nhân 36

Điều 11. Biện Pháp Kỷ Luật
7403. Thu Hồi, Đình Chỉ Hoặc Từ Chối Cấp Giấy Phép 37
7403.2. Đình Chỉ Giấy Phép Tạm Thời; Thời Hạn Thử Thách; Phục Hồi Giấy Phép 38
7403.5. Đóng Cửa Cơ Sở Vi Phạm An Toàn Và Sức Khỏe 39
7404. Căn Cứ Áp Dụng Biện Pháp Kỷ Luật 40
7404.1. Vi Phạm Chương 42
7405. "Kết Án"; Hiệu Lực Đối Với Giấy Phép 42

Điều 12. Phạt Hành Chính Và Trát Hầu Tòa
7406. Ước Định Mức Phạt Hành Chính Đối Với Vi Phạm 42
7407. Bản Liệt Kê Các Khoản Phạt Hành Chính 42
7407.1. Ước Định Mức Phạt Áp Dụng Cho Cả Cơ Sở Và Cá Nhân Đối Với Cùng Một Vi Phạm 42
7408. Trát Hầu Tòa 43
7408.1. Kế Hoạch Thanh Toán Trả Góp 43
7409. Sửa Chữa Vi Phạm 43
7410. Kháng Cáo Lên Ủy Ban Xem Xét Kỷ Luật 44
7411. Kháng Cáo Quyết Định Của Ủy Ban Xem Xét Kỷ Luật 44
7413. Tính Đúng Hạn Của Kháng Cáo; Tính Chung Cuộc Của Quyết Định 44
7414. Hiệu Lực Của Việc Không Nộp Các Khoản Phạt Hành Chính 45

Điều 12.5. Cơ Sở Nhuộm Nâu Da
7414.1. Thanh Tra Hồ Sơ Được Yêu Cầu Lưu Giữ Theo Đạo Luật Cơ Sở Nhuộm Nâu Da Filante Năm 1988 45
7414.2. Các Trường Hợp Trong Đó Việc Vi Phạm Đạo Luật Cơ Sở Nhuộm Nâu Da Filante Năm 1988 Bị Coi Là Phạm Luật; Hình Phạt 45
7414.3. Quyền Ban Hành Thông Báo Trình Diện; Trách Nhiệm Đối Với Việc Ban Hành 46
7414.4. Phổ Biến Thông Tin Đến Các Cơ Sở Về Việc Tuân Thủ Đạo Luật Cơ Sở Nhuộm Nâu Da Filante Năm 1988 46

7414.5. Áp Dụng Điều Luật 46
7414.6. Thông Qua Các Quy Định 46

Điều 13. Doanh Thu
7415. Hết Hiệu Lực Của Giấy Phép 46
7417. Thời Gian Gia Hạn Đối Với Giấy Phép Hết Hiệu Lực 47
7418. Giấy Phép Bị Hủy Bỏ 47
7419. Gia Hạn Giấy Phép Bị Đình Chỉ 47
7420. Hết Hiệu Lực Của Giấy Phép Bị Thu Hồi 47
7421. Thiết Lập Lệ Phí 48
7422. Báo Cáo Về Lệ Phí Cho Kiểm Soát Viên 48
7423. Lệ Phí 48
7424. Biểu Phí Cho Hoạt Động Của Cơ Sở 49
7425. Biểu Phí Cho Hoạt Động Của Đơn Vị Lưu Động 49
7426. Lệ Phí Giấy Phép Sao Y 49
7426.5. Phân Chia Lệ Phí Thành Các Hạng Mục Dựa Trên Chức Năng Xử Lý; Mất Toàn Bộ Hoặc Một Phần Lệ Phí 50
7427. Miễn Lệ Phí Gia Hạn Giấy Phép 50

KHOẢN 1.5
Chương 1, Khoản 1.5 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp California

Từ Chối, Đình Chỉ Và Thu Hồi Giấy Phép

Chương 1. Các Điều Khoản Chung
475. Áp Dụng Khoản Luật 50
476. Miễn Trừ 51
477. "Hội Đồng"; "Giấy Phép" 51
478. "Đơn Đăng Ký"; "Tài Liệu" 51

Chương 2. Từ Chối Cấp Phép
480. Căn Cứ Cho Việc Từ Chối; Hiệu Lực Của Việc Đạt Được Chứng Nhận Phục Hồi 52
480.5. Đơn Xin Cấp Phép: Giam Giữ 55
481. Tội Phạm Và Tiêu Chuẩn Phù Hợp Với Công Việc 55
482. Tiêu Chí Phục Hồi 56
484. Chứng Nhận Phẩm Chất Đạo Đức Tốt Của Đương Đơn 57

485. Thủ Tục Từ Chối 57
486. Nội Dung Của Quyết Định Hoặc Thông Báo 57
487. Điều Trần; Thời Gian 58
488. Yêu Cầu Điều Trần 58
489. Từ Chối Đơn Mà Không Có Điều Trần 58

Chương 3. Đình Chỉ Và Thu Hồi Giấy Phép

490. Căn Cứ Để Đình Chỉ Hoặc Thu Hồi 59
490.5. Đình Chỉ Giấy Phép Do Không Tuân Thủ Lệnh Cấp Dưỡng Con Cái 59
491. Thủ Tục Khi Đình Chỉ Hoặc Thu Hồi 59
492. Hiệu Lực Của Việc Hoàn Thành Chương Trình Chống Ma Túy Trong Biện Pháp Kỷ Luật Hoặc Từ Chối Giấy Phép 60
493. Hiệu Lực Chứng Từ Của Hồ Sơ Kết Án Phạm Tội Liên Quan Đến Suy Đồi Đạo Đức 60
494. Lệnh Đình Chỉ Tạm Thời Hoặc Hạn Chế 61
494.5. Các Hành Động Của Cơ Quan Khi Người Được Cấp Phép Có Tên Trong Danh Sách Xác Nhận; Các Định Nghĩa: Thu Thập Và Ban Hành Thông Tin Danh Sách Xác Nhận; Thời Hạn; Thông Báo; Khước Biện Của Đương Đơn Và Người Được Cấp Phép; Đơn Miễn Trừ; Hiệp Định Liên Ngành; Lệ Phí; Biện Pháp Sửa Chữa; Các Yêu Cầu Và Công Bố Thông Tin; Hiệu Lực Từng Phần 64
494.6. Vi Phạm Bộ Luật Lao Động - Cơ Sở Cho Việc Kỷ Luật Đối Với Giấy Phép 71

Chương 4. Khiển Trách Công Khai1

495. Khiển Trách Công Khai Người Được Cấp Phép Hoặc Người Có Chứng Chỉ Đối Với Hành Vi Cấu Thành Cơ Sở Cho Việc Đình Chỉ Hoặc Thu Hồi Giấy Phép Hoặc Chứng Chỉ; Thủ Tục 71

Chương 5. An Ninh Kỳ Thi

496. Căn Cứ Từ Chối, Đình Chỉ Hoặc Thu Hồi Giấy Phép 72
498. Gian Lận, Lừa Đảo Hoặc Xuyên Tạc Là Căn Cứ Cho Biện Pháp Xử Lý Giấy Phép 72
499. Biện Pháp Xử Lý Giấy Phép Trên Cơ Sở Các Hành Động Của Người Được Cấp Phép Liên Quan Đến Đơn Của Người Khác 72

QUY ĐỊNH NGHỀ LÀM TÓC VÀ TRANG ĐIỂM

Tiêu Đề 16, Khoản 9 của
Bộ Luật Quy Định Tiểu Bang California

Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm

Điều 1. Quản Lý
900. "Cơ Sở" 74
904. Thực Thi 74
905. Đăng Thông Điệp Thông Tin Khách Hàng 75

Điều 2. Điều Kiện Dự Thi
909. Bằng Chứng Đào Tạo 75
910. Đương Đơn Ngoài Tiểu Bang Hoặc Thuộc Lực Lượng Vũ Trang 75

Điều 3. Học Nghề
913. Phê Chuẩn Chương Trình Đào Tạo Học Nghề 76
913.1. Rút Lại Phê Duyệt: Nhà Bảo Trợ Chương Trình Học Nghề 77
914.1. Đệ Trình Đơn Xin Học Nghề; Tính Hội Đủ Điều Kiện 78
914.2. Đệ Trình Đơn Xin Học Nghề; Ghi Danh Lại 79
915. Đào Tạo Liên Quan 79
916. Số Giờ Và Lịch Trình Đào Tạo 80
917. Đào Tạo Trước Học Nghề 80
918. Người Đào Tạo Học Nghề 81
919. Những Người Đào Tạo Và Cơ Sở Được Hội Đồng Phê Duyệt 82
920. Ghi Chép Đào Tạo Học Nghề 83
921. Chương Trình Giảng Dạy Dành Cho Khóa Học Nghề Làm Tóc 84
921.1. Chương Trình Giảng Dạy Dành Cho Khóa Học Nghề Trang Điểm 86
921.2. Chương Trình Giảng Dạy Dành Cho Khóa Học Nghề Đốt Điện Phân 89
922. Chuyển Đổi 91
923. Nộp Lại Giấy Phép 92
924. Hoàn Tất Chương Trình Đào Tạo Học Nghề 92
925. Tuyên Bố Về Trách Nhiệm Của Người Đào Tạo 93
926. Tín Chỉ Học Nghề Cho Việc Đào Tạo Trước Đó 93

Điều 4. Kỳ Thi
931. Thông dịch viên 94
932. Điểm Đạt Trong Các Kỳ Thi 95

Điều 5. Đơn Vị Lưu Động
937. Cấp Phép Và Hoạt Động 95

Điều 6. Trường Học
940. Thiết Bị Cho Trường Học 96
941. Phê Duyệt Cho Trường Học 97
950.5. Chương Trình Giảng Dạy Dành Cho Khóa Học Điện Phân 98
950.10. Chuyển Giao Tín Chỉ 100
950.12. Làm Việc Cho Khách Hàng Có Trả Công 106
961. Tài Liệu Giảng Dạy 106

Điều 8.5. Thực Tập
962. Định Nghĩa 107
962.1. Thông Báo Tham Gia Chương Trình Thực Tập Trang Điểm 108
962.2. Thẻ Nhận Dạng Được Ép Phiến Của Trường 109

Điều 9. Giấy Phép
965. Trưng Bày Giấy Phép 109
965.1. Các Cá Nhân Được Miễn Trừ Áp Dụng Chương Này; Minh Họa Sản Phẩm 109
965.2 Giấy Phép Dịch Vụ Cá Nhân 110

Điều 10. Thủ Tục Kỷ Luật
969. Ủy Quyền Một Số Chức Năng 112
970. Tiêu Chí Liên Quan Đáng Kể 112
971. Tiêu Chí Phục Hồi 113
972. Hướng Dẫn Kỷ Luật 115

973. Căn Cứ Để Đình Chỉ Tức Thời 115
973.1. Thủ Tục Ban Hành Đình Chỉ Tức Thời 116
973.2. Nội Dung Của Thông Báo Đình Chỉ Tức Thời 116
973.3. Điều Khoản Và Điều Kiện Về Thử Thách 117
973.4. Định Nghĩa Đào Tạo Sửa Chữa 117
973.5. Phê Duyệt Khóa Đào Tạo Sửa Chữa 117
973.6. Quy Trình Khiếu Nại 118

Điều 11. Phạt Hành Chính Và Trát Hầu Tòa
974. Bản Liệt Kê Các Khoản Phạt Hành Chính 120
974.1. Ủy Ban Xem Xét Kỷ Luật 129
974.2. Kháng Cáo Lên Ủy Ban Xem Xét Kỷ Luật 129
974.3. Kế Hoạch Thanh Toán Trả Góp 131
975. Lý Do Chính Đáng Cho Việc Không Trình Diện Tại Phiên Điều Trần 131
976. Trát Hầu Tòa; Hoạt Động Không Được Cấp Phép 132

Điều 12. Sức Khỏe Và An Toàn
977. Các Định Nghĩa Về Sức Khỏe Và An Toàn 132
978. Thiết Bị Và Vật Dụng Tối Thiểu 133
979. Khử Trùng Các Dụng Cụ Không Dùng Điện 134
980. Khử Trùng Các Dụng Cụ Điện 135
980.1. Quy Trình Làm Sạch Và Khử Trùng Bồn Ngâm Chân Xoáy Nước Và Bồn Phun Khí 135
980.2. Quy Trình Làm Sạch Và Khử Trùng Bồn Ngâm Chân Không Ống 137
980.3. Quy Trình Làm Sạch Và Khử Trùng Bồn Ngâm Chân Không Có Xoáy Nước Hoặc Chậu 138
980.4. Tấm Lót Bồn Hoặc Chậu Ngâm Chân Dùng Một Lần 138
981. Dụng Cụ Và Vật Dụng 139
982. Khử Trùng Dụng Cụ Điện Phân 139
983. Tình Trạng Sạch Sẽ Cá Nhân 140
984. Bệnh Tật Và Nhiễm Ký Sinh 140
985. Khăn Lót Cổ 141
986. Chổi Quét Bụi Cho Cổ Và Cọ 141
987. Khăn 142
988. Dung Dịch, Kem, Phấn Và Mỹ Phẩm 142

989. Chất Độc Hại/Sử Dụng Sản Phẩm Bị Cấm 143
990. Gối Tựa Đầu, Khay Gội Đầu, Bát, Và Bàn Trị Liệu 143
991. Thủ Thuật Xâm Lấn 143
992. Lột Tẩy Da 144
993. Các Dụng Cụ Bị Cấm 144
994. Tình Trạng Sạch Sẽ Và Giữ Gìn Tốt 144
995. Tiêu Chuẩn Xây Dựng 145
998. Biểu Phí 145

Điều 13. Doanh Thu

999. Phí Cho Chi Phiếu Bị Từ Chối Thanh Toán 146

ĐẠO LUẬT

ĐẠO LUẬT NGHỀ LÀM TÓC VÀ TRANG ĐIỂM

BarberCosmo
Board of Barbering & Cosmetology

Chương 10, Khoản 3
Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp California

và

Chương 1, Khoản 1.5
Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp California

Bao gồm các sửa đổi cho đến tháng 1 năm 2026

CHƯƠNG 10
NGHỀ LÀM TÓC VÀ TRANG ĐIỂM

ĐIỀU 1
Quản Lý

7301. Trích Dẫn Chương

Chương này cấu thành chương về chăm sóc tóc, da, móng và điện phân và có thể được biết đến và được trích dẫn là Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm.

7302. Định Nghĩa

Các định nghĩa sau đây được áp dụng cho các mục đích của chương này:

(a) "Sở" nghĩa là Sở Nội Vụ Tiêu Dùng.

(b) "Giám Đốc" nghĩa là Giám Đốc Sở Nội Vụ Tiêu Dùng.

(c) "Hội Đồng" hoặc "Cục" nghĩa là Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm Tiểu Bang.

(d) "Viên Chức Điều Hành" nghĩa là viên chức điều hành của Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm Tiểu Bang.

7303. Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm Tiểu Bang; Viên Chức Điều Hành

(a) Bất kể Điều 8 (bắt đầu với Mục 9148) của Chương 1.5, Mục 1, Khoản 2, Tiêu đề 2 của Bộ Luật Chính Quyền, Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm Tiểu Bang thuộc Sở Nội Vụ Tiêu Dùng được trao quyền quản lý theo quy định tại chương này.

(b) (1) Hội Đồng gồm có 13 thành viên. Bảy thành viên là thành viên công chúng và sáu thành viên là đại diện ngành nghề.

(2) Thống Đốc bổ nhiệm năm thành viên công chúng và sáu thành viên là đại diện ngành nghề. Sáu thành viên là đại diện ngành nghề gồm những người sau:

(A) Một bác sĩ thẩm mỹ.

(B) Một thợ làm tóc.

(C) Một chuyên gia thẩm mỹ.

(D) Một chuyên viên điện phân.

(E) Một thợ làm móng.

(F) Một chủ cơ sở.

(3) Mỗi bên trong số Ủy Ban Thượng Viện Về Các Quy Tắc và Chủ Tịch Hạ Viện sẽ bổ nhiệm một thành viên công chúng.

(4) Thành viên hội đồng được bổ nhiệm với nhiệm kỳ bốn năm, ngoại trừ nhiệm kỳ của các thành viên do Thống Đốc bổ nhiệm, hai trong số các thành viên công chúng và hai trong số các thành viên là đại diện ngành nghề sẽ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ ban đầu là hai năm. Thành viên hội đồng không được phục vụ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

(5) Mỗi thành viên hội đồng sẽ được nhận công tác phí chiếu theo Mục 103.

(c) Hội đồng có thể bổ nhiệm một viên chức điều hành được miễn công vụ. Viên chức điều hành sẽ thực thi quyền hạn và thực hiện các nhiệm vụ do hội đồng giao phó và được giao phó cho viên chức điều hành theo chương này. Việc bổ nhiệm viên chức điều hành phải được sự chấp thuận của giám đốc. Trong trường hợp hội đồng mới được ủy quyền thay thế một hiệp hội hiện thời hoặc trước đó, giám đốc có thể bổ nhiệm một cán bộ điều hành lâm thời cho hội đồng để phục vụ tạm thời cho đến khi hội đồng mới bổ nhiệm một cán bộ điều hành chính thức.

(d) Viên chức điều hành sẽ sắp xếp các giám khảo, thanh tra và những viên chức khác cần thiết để thực thi các điều khoản của chương này.

(e) Mục này chỉ có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2027, và tại ngày đó thì được bãi bỏ. Bất kể các điều luật khác, việc bãi bỏ mục này sẽ khiến hội đồng phải chịu sự xem xét của các ủy ban chính sách phù hợp của Cơ Quan Lập Pháp.

7303.1. Ưu Tiên Của Hội Đồng; Bảo Vệ Công Chúng

Bảo vệ công chúng là ưu tiên cao nhất của Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm trong việc thực hiện các chức năng cấp phép, quy định và xử lý kỷ luật. Bất cứ khi nào việc bảo vệ công chúng trái ngược với những lợi ích khác được cho là đang tăng lên, thì việc bảo vệ công chúng sẽ là điều quan trọng nhất.

7305. Bầu Cử Viên Chức Thường Niên

Hội đồng sẽ bầu cử các viên chức hàng năm từ các thành viên của hội đồng, mỗi người sẽ nắm giữ chức vụ trong nhiệm kỳ một năm. Mỗi viên chức không được phục vụ ở một vị trí cụ thể nhiều hơn hai nhiệm kỳ.

7309. Văn Phòng Chính Và Các Văn Phòng Chi Nhánh

Hội đồng phải thiết lập văn phòng chính, đồng thời có thể thành lập các văn phòng chi nhánh và các cơ sở khảo thí trong tiểu bang như có thể là cần thiết để hội đồng tiến hành công việc.

7311. Con Dấu

Hội đồng sẽ thông qua và sử dụng con dấu chung để chứng thực các hồ sơ của hội đồng.

7312. Quyền Hạn Và Trách Nhiệm Của Hội Đồng

(a) Hội đồng sẽ thực hiện tất cả những điều sau đây:

(1) Thiết lập các quy tắc và quy định về hỗ trợ hoặc xúc tiến chương này theo Đạo Luật Thủ Tục Hành Chính.

(2) Chỉ đạo và quản lý các kỳ thi dành cho các đương đơn xin cấp giấy phép.

(3) Cấp giấy phép cho các đương đơn mà có thể được quyền xin cấp giấy phép.

(4) Kỷ luật những người được xác định đã vi phạm chương này hoặc các quy định được thông qua chiếu theo chương này.

(5) Thông qua các quy tắc quản lý các điều kiện vệ sinh và biện pháp phòng ngừa được sử dụng một cách cần thiết hợp lý để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của công chúng tại các cơ sở, trường học được hội đồng phê duyệt và trong khi thực hành các ngành nghề được nêu ra trong chương này. Các quy tắc phải được thông qua theo Đạo Luật Thủ Tục Hành Chính, Chương 3.5 (mở đầu bằng Mục 11340) Tiêu đề 2 Bộ Luật Chính Quyền và phải được đệ trình lên Sở Y Tế Công Cộng Tiểu Bang cũng như được Sở chấp thuận trước khi đệ trình lên Tổng Thư Ký Tiểu Bang. Bản sao bằng văn bản của tất cả những quy tắc đó sẽ được cung cấp đến mỗi người được cấp phép.

(6) Đề nghị cung cấp và cung cấp tất cả các tài liệu văn bản cho người được cấp phép và đương đơn bằng tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt.

(b) Các sửa đổi được thực hiện cho mục này của đạo luật bằng cách bổ sung vào tiểu phần này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2017.

7313. Tiếp Cận Và Thanh Tra Các Cơ Sở, Đơn Vị Lưu Động Và Trường Học; Thông Báo Vi Phạm

(a) (1) Để đảm bảo việc tuân thủ các luật lệ và quy định của chương này, viên chức điều hành của hội đồng và người đại diện được ủy quyền, ngoại trừ trường hợp được quy định trong Mục 159.5, có quyền tiếp cận và sẽ thanh tra bất kỳ cơ sở hoặc đơn vị lưu động nào trong giờ làm việc hoặc bất cứ khi nào các dịch vụ làm tóc, trang điểm hoặc điện phân đang được thực hiện. Mục đích Cơ Quan Lập Pháp là tiến hành các cuộc thanh tra vào các ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật cũng như các ngày trong tuần, nếu các thỏa thuận thương lượng tập thể và các điều khoản dịch vụ dân sự cho phép.

(2) Hội đồng phải duy trì chương trình thanh tra các cơ sở một cách ngẫu nhiên và có mục tiêu để đảm bảo việc tuân thủ các luật lệ hiện hành liên quan đến sức khỏe và sự an toàn của cộng đồng cũng như việc quản lý và hoạt động của các cơ sở. Hội đồng hoặc người đại diện được ủy quyền của hội đồng sẽ thanh tra các cơ sở để xác định hợp lý mức độ tuân thủ và làm rõ các điều kiện thị trường đòi hỏi việc thực thi có mục đích.

(b) Để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về sức khỏe và sự an toàn đã được hội đồng thông qua, viên chức điều hành và người đại diện được ủy quyền, ngoại trừ trường hợp được quy định tại Mục 159.5, có quyền tiếp cận và sẽ thanh tra cơ sở của tất cả các trường có thực hành việc làm tóc, trang điểm hoặc điện phân phục vụ cho công chúng. Thông báo vi phạm sẽ được gửi đến trường đã vi phạm các quy định về điều kiện liên quan đến sức khỏe và sự an toàn của khách hàng. Mỗi thông báo phải chỉ rõ mục bị vi phạm và thời hạn để khắc phục các vi phạm đó. Một bản sao của thông báo vi phạm sẽ được gửi đến Cục Giáo Dục Sau Trung Học Tư Thục.

(c) Với sự ủy quyền trước bằng văn bản của hội đồng hoặc cán bộ điều hành của hội đồng, bất kỳ thành viên nào của hội đồng đều có thể vào thăm và thăm viếng, với tư cách là thành viên hội đồng, bất kỳ cơ sở nào trong giờ làm việc hoặc bất cứ lúc khi nào các dịch vụ làm tóc, trang điểm hoặc điện phân đang được thực hiện. Việc thăm viếng của thành viên hội đồng phải nhằm mục đích tiến hành công việc của hội đồng một cách chính thức, nhưng không được sử dụng làm cơ sở cho bất kỳ hành vi kỷ luật cấp phép nào từ phía hội đồng.

(d) Hội đồng sẽ thông qua phương thức để thanh tra các cơ sở khi thanh tra viên gặp khó khăn do rào cản ngôn ngữ trong việc hiểu hoặc giao tiếp với chủ cơ sở, người quản lý hoặc nhân viên của cơ sở đó. Hội đồng sẽ đánh giá phương thức này hai năm một lần để đảm bảo phương thức vẫn hiện hành.

7314. Lưu Trữ Hồ Sơ

(a) Hội đồng sẽ lưu trữ các hồ sơ biên bản liên quan đến các cuộc họp công khai, cuộc họp của các ủy ban, và hồ sơ liên quan đến việc cấp, từ chối, gia hạn, đình chỉ và thu hồi giấy phép.

(b) Hội đồng sẽ lưu trữ hồ sơ đăng ký của từng người được cấp phép trong đó có ghi tên, địa chỉ, số giấy phép và ngày cấp. Hồ sơ này cũng bao gồm các yếu tố khác mà đương đơn có thể đã trình bày trong đơn xin dự thi cấp phép. Thông qua các câu hỏi tùy chọn trên đơn xin cấp phép bằng văn bản và trong đơn điện tử để gia hạn giấy phép được cấp theo quy định của chương này, hội đồng sẽ thu thập ngôn ngữ nói và viết ưu tiên của mỗi đương đơn.

(c) Các sửa đổi được thực hiện cho mục này của đạo luật bằng cách bổ sung vào tiểu phần này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2017.

7314.3. Ủy Ban Tư Vấn Sức Khỏe Và An Toàn

(a) Hội đồng sẽ thành lập Ủy Ban Tư Vấn Sức Khỏe Và An Toàn để cung cấp cho hội đồng những lời khuyên và khuyến nghị trước hội đồng về các vấn đề sức khỏe và sự an toàn có ảnh hưởng đến những người được cấp phép, bao gồm cách đảm bảo những người được cấp phép nhận thức được các luật lao động cơ bản và cách đảm bảo những người được cấp phép có nhận thức về việc lạm dụng thể chất và tình dục mà khách hàng của họ có thể gặp phải.

(b) Cho các mục đích của mục này, các luật lao động cơ bản bao gồm nhưng không giới hạn ở tất cả những điều sau đây:

(1) Những khác biệt chủ yếu giữa quyền lợi pháp lý, lợi ích và nghĩa vụ của một người làm công và một người làm việc độc lập.

(2) Quyền về tiền lương và giờ làm việc của người làm công theo giờ.

(3) Các luật về chống phân biệt đối xử liên quan đến việc sử dụng một ngôn ngữ nhất định tại nơi làm việc.

(4) Các luật về chống trả thù liên quan đến quyền nộp khiếu nại tới Sở Quan Hệ Lao Động của người lao động.

(5) Cách để có thêm thông tin về các luật lao động của tiểu bang và liên bang.

(c) Cho các mục đích của mục này, lạm dụng thể chất và tình dục bao gồm, nhưng không giới hạn ở những điều sau đây:

(1) Bạo lực gia đình.

(2) Tấn công tình dục.

(3) Buôn người.

(4) Ngược đãi người lớn tuổi.

(d) Các thành viên của ủy ban sẽ nhận được công tác phí chiếu theo Mục 103.

7314.5. Nâng Cao Nhận Thức Về Lạm Dụng Thể Chất Và Tình Dục

(a) Hội đồng có thể xúc tiến việc nâng cao nhận thức về lạm dụng thể chất và tình dục bằng các phương tiện thư tín, truyền hình, radio, điện ảnh, báo, sách, Internet hoặc các phương tiện truyền thông điện tử khác.

(b) Cho mục đích của mục này, lạm dụng thể chất và tình dục bao gồm, nhưng không giới hạn ở những điều sau:

(1) Bạo lực gia đình.

(2) Tấn công tình dục.

(3) Buôn người.

(4) Ngược đãi người lớn tuổi.

7315. Quyền Của Đa Số Trong Việc Thực Thi Các Quyền

Trong bất kỳ cuộc họp nào được thông báo phù hợp chiếu theo Đạo Luật Họp Công Khai Bagley-Keene, đa số trong hội đồng có thể thực hiện mọi trách nhiệm và quyền được giao cho hội đồng.

ĐIỀU 2
Áp Dụng Chương

7316. Hành Nghề Làm Tóc; Hành Nghề Trang Điểm

(a) Việc hành nghề làm tóc là toàn bộ hoặc kết hợp bất kỳ công việc nào sau đây:

(1) Cạo hoặc tỉa râu hoặc cắt tóc.

(2) Mát-xa mặt và da đầu hoặc điều trị sử dụng dầu, kem, sữa dưỡng hoặc các chế phẩm khác bằng tay hoặc dụng cụ cơ học.

(3) Đốt, gội, chỉnh sửa, chải, làm xoăn, uốn, uốn bằng hóa chất, duỗi hoặc nhuộm tóc hoặc đắp tinh chất cho tóc.

(4) Sử dụng các chế phẩm, chất khử trùng, phấn, dầu, đất sét hoặc sữa dưỡng cho da đầu, mặt hoặc cổ.

(5) Tạo kiểu cho tất cả các kết cấu tóc bằng các phương pháp tiêu chuẩn hiện hành tại thời điểm tạo kiểu tóc.

(b) Việc hành nghề trang điểm là toàn bộ hoặc kết hợp bất kỳ công việc nào sau đây:

(1) Chỉnh sửa, chải, làm xoăn, uốn, uốn vĩnh viễn không dùng máy, uốn vĩnh viễn, làm sạch, cắt, gội, duỗi, đốt, tẩy, nhuộm màu nhẹ, tạo màu, ép thẳng, nhuộm, đắp tinh chất, làm đẹp hoặc các điều trị khác bằng mọi cách đối với tóc của bất kỳ ai.

(2) Mát-xa, làm sạch hoặc kích thích da đầu, mặt, cổ, cánh tay hoặc phần thân trên bằng tay, các thiết bị, máy móc hoặc các dụng cụ có hoặc không sử dụng chế phẩm, chất khử trùng, tinh chất, sữa dưỡng hoặc kem.

(3) Làm đẹp mặt, cổ, cánh tay hoặc phần thân trên bằng cách sử dụng các chế phẩm mỹ phẩm, chất khử trùng, tinh chất, sữa dưỡng hoặc kem.

(4) Loại bỏ lông tóc thừa trên cơ thể của bất kỳ người nào bằng cách sử dụng các loại thuốc tẩy lông hoặc kẹp nhíp, hóa chất, chế phẩm hoặc bằng bất kỳ kiểu/loại dụng cụ, thiết bị nào, trừ việc sử dụng sóng ánh sáng, thường được gọi là tia.

(5) Cắt, tỉa, đánh bóng, nhuộm, tạo màu, làm sạch hoặc chăm sóc móng của bất kỳ ai.

(6) Mát-xa, làm sạch, điều trị hoặc làm đẹp tay, chân của bất kỳ ai.

(7) Nhuộm và làm cong lông mi và lông mày hoặc dán mi cho bất kỳ ai.

(c) Việc hành nghề chăm sóc da là toàn bộ hoặc kết hợp bất kỳ công việc nào sau đây:

(1) Làm mặt, mát-xa, kích thích, tẩy tế bào chết, làm sạch hoặc làm đẹp mặt, da đầu, cổ, bàn tay, cánh tay, bàn chân hoặc phần thân trên bằng cách sử dụng bàn tay, thiết bị thẩm mỹ, sản phẩm mỹ phẩm, chất khử trùng, sữa dưỡng, tinh chất hoặc kem để cải thiện vẻ ngoài hoặc sức khỏe của da mà không dẫn đến việc cắt bỏ hoặc phá hủy các mô sống.

(2) Nhuộm và làm cong lông mi và lông mày hoặc dán mi cho bất kỳ ai.

(3) Loại bỏ lông tóc thừa trên cơ thể của bất kỳ người nào bằng cách sử dụng các loại thuốc tẩy lông, kẹp nhíp, đường (sugaring), hóa chất không kê đơn hoặc sáp hay bằng bất kỳ kiểu/loại dụng cụ, thiết bị nào, trừ việc sử dụng laze hoặc sóng ánh sáng, thường được gọi là tia.

(d) Việc hành nghề chăm sóc móng là toàn bộ hoặc kết hợp việc cắt, tỉa, đánh bóng, sơn màu, nhuộm màu, làm sạch, chăm sóc móng cho bất kỳ ai hoặc mát-xa, làm sạch hoặc làm đẹp từ khuỷu tay đến đầu ngón tay hoặc đầu gối đến ngón chân của bất kỳ ai.

(e) Việc hành nghề làm tóc, hành nghề trang điểm, và hành nghề tạo kiểu tóc không bao gồm bất kỳ hoạt động nào sau đây:

(1) Buôn bán, chỉnh sửa hoặc tạo kiểu tóc giả hay phần tóc đơn thuần.

(2) Tết tóc tự nhiên. Tết tóc tự nhiên là phương pháp tạo sức ép lên sợi tóc hoặc chân tóc bằng cách xoắn, quấn, đan, kéo, cột hoặc tết tóc bằng tay hoặc thiết bị máy móc, miễn là dịch vụ này không bao gồm việc làm tóc hoặc sử dụng thuốc nhuộm, hóa chất phản ứng hoặc các chế phẩm khác để đổi màu tóc hoặc để làm thẳng, làm xoăn hoặc thay đổi cấu trúc tóc.

(3) Se lông. Se lông là một kỹ thuật giúp loại bỏ lông bằng cách xoắn sợi chỉ quanh phần lông không mong muốn và nhổ nó ra khỏi da và tỉa lông mày thừa.

(f) Bất kể quy định tại đoạn (2) tiểu phần (e), một người tham gia vào việc tạo kiểu tóc tự nhiên, được định nghĩa trong điều khoản về các dịch vụ tết tóc tự nhiên cùng bất kỳ dịch vụ hoặc quy trình nào được định nghĩa trong hành nghề làm tóc hoặc trang điểm được quy định, đều phải tuân thủ quy định chiếu theo chương này và phải nhận được cũng như duy trì giấy phép hành nghề làm tóc hoặc trang điểm áp dụng cho các dịch vụ được cung cấp hay thực hiện tương ứng.

(g) (1) Điện phân là việc hành nghề để loại bỏ hoặc phá hủy lông tóc trên cơ thể người chỉ bằng cách sử dụng kim điện.

(2) Thuật ngữ "điện phân" được sử dụng trong chương này bao gồm điện phân hoặc nhiệt phân.

(h) Việc hành nghề tạo kiểu tóc là một hoặc cả hai công việc sau đây:

(1) Tạo kiểu cho tất cả các kết cấu tóc bằng các phương pháp tiêu chuẩn hiện hành tại thời điểm tạo kiểu tóc.

(2) Chỉnh sửa, sấy khô, làm sạch, uốn, cắt, chải, kéo, gội, làm xoăn hoặc duỗi không sử dụng hóa chất cho tóc của bất kỳ ai sử dụng cả thiết bị chạy điện và không chạy điện.

7317. Hành Nghề Làm Tóc, Trang Điểm Hoặc Điện Phân Được Trả Công Không Có Giấy Phép

Trừ trường hợp được quy định trong điều này, việc bất kỳ cá nhân, công ty hay tổ chức nào tham gia hoạt động làm tóc, trang điểm hoặc điện phân có thù lao mà không có giấy phép hợp lệ, còn hạn do Hội Đồng cấp trừ khi người đó tham gia trong một chương trình thực tập từ một trường được phê duyệt hoặc trong một cơ sở hay đơn vị lưu động ngoài nơi được hội đồng cấp phép hoặc quản lý hay điều hành một cơ sở hay bất kỳ địa điểm kinh doanh nào khác có hành nghề làm tóc, trang điểm hoặc điện phân trừ khi được cấp phép theo chương này, đều được xem là bất hợp pháp. Những người

được cấp phép theo chương này phải giới hạn hành nghề và dịch vụ cung cấp cho công chúng chỉ ở những khu vực mà họ được cấp phép. Bất kỳ hành vi vi phạm nào đối với mục này sẽ bị phạt hành chính và có thể bị quy thành tội tiểu hình.

7318. Miễn Trừ Đối Với Hành Nghề Ngoài Cơ Sở Được Cấp Phép Do Đau Ốm Hoặc Mất Năng Lực

Chương này không ngăn cấm việc quản lý hành nghề theo chương này ngoài cơ sở được cấp phép, trong trường hợp cần thiết do khách hàng bị ốm hoặc mất năng lực thể chất hoặc tinh thần và khi được thực hiện bởi người được cấp giấy phép cho mục đích của cơ sở được cấp phép.

7319. Các Cá Nhân Được Miễn Trừ Tuân Thủ Theo Chương Này

Những người dưới đây được miễn trừ tuân thủ theo chương này:

(a) Mọi cá nhân được luật pháp của tiểu bang cho phép hành nghề thuốc, phẫu thuật, nha khoa, dược, thuốc nắn xương, nắn khớp, chữa bệnh bằng liệu pháp tự nhiên, chữa bệnh ở chân hay điều dưỡng và hoạt động trong phạm vi hành nghề mà họ được cấp phép.

(b) Sĩ quan thuộc Lục Quân, Hải Quân, Không Quân, Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, các thành viên của Dịch Vụ Y Tế Công Cộng Hoa Kỳ, và những người phục vụ gắn với các ban ngành trên khi được tham gia vào việc thi hành nhiệm vụ chính thức của họ trên thực tế.

(c) Những người được thuê để thực hiện các dịch vụ làm tóc, trang điểm hoặc điện phân trong quá trình và bổ sung cho công việc của chủ thuê liên quan đến ngành sân khấu, phát thanh, truyền hình hoặc sản xuất phim ảnh.

(d) Những người liên quan đến việc hành nghề trong phạm vi của mình khi thực hiện bên ngoài cơ sở được cấp phép nhưng không nhận thù lao.

(e) Những người liên quan đến việc quản lý các sản phẩm về tóc, da hoặc móng nhằm mục đích duy nhất là giới thiệu, trưng bày hoặc bán các sản phẩm đó.

(f) Những người thực hiện các dịch vụ làm tóc hoặc trang điểm trong một chương trình của tổ chức trong quá trình hoặc bổ sung cho việc tống giam hoặc bắt giữ tù nhân, phạm nhân hoặc người bị kết tội. Tuy nhiên, toàn bộ các điều kiện sau sẽ được áp dụng:

(1) Những người đó phải hoàn thành khóa đào tạo làm tóc do Sở Cải Huấn phát triển và được Sở Nội Vụ Tiêu Dùng chấp thuận về bảo quản đúng cách các thiết bị và ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm.

(2) Những người đó phải thi đậu kỳ khảo sát do Sở Cải Huấn phát triển và quản lý về bảo quản đúng cách các thiết bị và ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm.

(3) Tất cả các cơ sở làm tóc nằm trong các cơ quan cải huấn phải tuân thủ mọi tiêu chuẩn y tế và an toàn vệ sinh phù hợp theo quy định của Sở Cải Huấn.

7319.5. Miễn Trừ Đối Với Học Viên

Các học viên tham gia thực hiện các dịch vụ cho công chúng khi ghi danh vào một trường được hội đồng phê duyệt sẽ không bắt buộc phải được cấp giấy phép theo chương này nếu họ thực hiện các dịch vụ đó tại trường được phê duyệt mà họ được nhận.

7319.7. Yêu Cầu Hành Động Theo Thông Tin Lạm Dụng Thể Chất, Tình Dục

(a) Người được cấp phép hoặc đương đơn xin cấp phép đã hoàn thành việc đào tạo nhận thức về lạm dụng thể chất và tình dục thuộc khóa học về sức khỏe và sự an toàn được yêu cầu trong Mục 7389, và chủ lao động của họ, sẽ không phải hành động theo thông tin có được trong thời gian làm việc có liên quan đến lạm dụng thể chất và tình dục tiềm ẩn, trừ khi luật có quy định khác.

(b) Mục này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2019.

7320. Cho Phép Hành Nghề Y Khoa Hoặc Phẫu Thuật

(a) Chương này không trao quyền cho việc hành nghề y khoa hay phẫu thuật. Người được cấp phép chiếu theo chương này không phép thực hiện hoặc cung cấp việc hành nghề y khoa khi không được phép hoặc cấp phép để thực hiện việc đó theo giấy phép được cấp phù hợp với một số quy định luật pháp khác.

(b) Không có quy định nào trong chương này được hiểu là cấp bất kỳ đặc quyền nào dành riêng cho những người được chứng nhận theo Chương 10.5 (bắt đầu từ Mục 4600) của Khoản 2.

7320.1. Sử Dụng Các Dụng Cụ Kim Loại Trong Dịch Vụ Chăm Sóc Móng Tay Hoặc Móng Chân

Khi chăm sóc móng tay hoặc móng chân, không được sử dụng các dụng cụ kim loại trừ các dụng cụ kim loại cần thiết để cắt, tỉa, làm móng tay hoặc móng chân hoặc da móng hoặc để làm mịn và mát-xa chân tay.

7320.2. Sử Dụng Trái Phép Thiết Bị X-Quang

Bất kỳ người được cấp phép nào sử dụng thiết bị, dụng cụ hoặc máy móc X-quang trong việc điều trị cho con người hoặc nhằm mục đích hoặc với ý định loại bỏ lông tóc thừa trên mặt hoặc cơ thể người hoặc những ai sử dụng trên bất kỳ người nào dung dịch phenol nhiều hơn 10 phần trăm hoặc sản phẩm thăng hoa ăn mòn (thủy ngân) hoặc bất kỳ chế phẩm, dẫn xuất hay hợp chất nào ở dạng dung dịch lớn hơn một phần năm trăm, sẽ được coi là phạm tội tiểu hình.

7320.3. Tự Nhận Là Bác Sĩ Thẩm Mỹ
Những người không được cấp phép thực hiện các công việc của bác sĩ thẩm mỹ không được phép tự nhận mình là bác sĩ thẩm mỹ.

7320.4. Tự Nhận Là Thợ Làm Tóc
Những người không được cấp phép hành nghề làm tóc tại tiểu bang này không được phép tự nhận mình là thợ làm tóc.

7320.5. Điều Trị Bằng Laze Là Phạm Tội Tiểu Hình
Bất kỳ người được cấp phép nào sử dụng laze trong điều trị cho người sẽ được coi là phạm tội tiểu hình.

ĐIỀU 3
Điều Kiện Dự Thi

7321. Điều Kiện Được Xét Dự Thi Chuyên Gia Trang Điểm
Hội đồng sẽ cho phép tham dự kỳ thi lấy giấy phép trở thành bác sĩ thẩm mỹ để hành nghề trang điểm đối với bất kỳ người nào đã làm đơn gửi tới hội đồng theo đúng mẫu, đã nộp lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(a) Không dưới 17 tuổi.

(b) Đã học xong lớp 10 tại các trường công lập thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.

(c) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(d) Đã thực hiện bất kỳ điều nào sau đây:

(1) Đã hoàn thành khóa học về trang điểm tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(2) Đã thực hành trang điểm theo quy định tại chương này ngoài phạm vi tiểu bang trong một khoảng thời gian tương đương với việc học tập và đào tạo của một người có trình độ đã hoàn thành khóa học về trang điểm tại một trường có chương trình giảng dạy tuân thủ các yêu cầu được hội đồng thông qua. Mỗi kỳ thực hành ba tháng sẽ được xem là tương đương với 100 giờ đào tạo trình độ chuyên môn theo đoạn (1) của tiểu phần này.

(3) Có giấy phép hành nghề làm tóc tại tiểu bang này và đã hoàn thành khóa học kết hợp trang điểm tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(4) Đã hoàn thành khóa học về làm tóc tại một trường được hội đồng phê duyệt và đã hoàn thành khóa học kết hợp trang điểm tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(5) Đã hoàn thành chương trình học nghề trang điểm theo quy định tại Điều 4 (mở đầu bằng Mục 7332).

7321.5. Điều Kiện Được Xét Dự Thi Thợ Làm Tóc

Hội đồng sẽ cho phép tham dự kỳ thi lấy giấy phép trở thành thợ làm tóc để hành nghề làm tóc đối với bất kỳ người nào đã làm đơn gửi tới hội đồng theo đúng mẫu, đã nộp lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(a) Không dưới 17 tuổi.

(b) Đã học xong lớp 10 tại các trường công lập của tiểu bang này hoặc tương đương.

(c) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(d) Đã thực hiện bất kỳ điều nào sau đây:

(1) Đã hoàn thành khóa học về làm tóc tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(2) Đã hoàn thành chương trình học nghề làm tóc được hội đồng phê duyệt thực hiện theo quy định của Đạo Luật Tiêu Chuẩn Lao Động Học Nghề Shelley-Maloney năm 1939, Chương 4 (mở đầu bằng Mục 3070), Khoản 3 Bộ Luật Lao Động.

(3) Đã thực hành làm tóc theo quy định tại chương này ngoài phạm vi tiểu bang trong một khoảng thời gian tương đương với việc học tập và đào tạo của một người có trình độ đã hoàn thành khóa học về làm tóc tại một trường có chương trình giảng dạy tuân thủ các yêu cầu được hội đồng thông qua. Mỗi kỳ thực hành ba tháng sẽ được xem là tương đương với 100 giờ đào tạo trình độ chuyên môn theo đoạn (1).

(4) Có giấy phép hành nghề bác sĩ thẩm mỹ tại tiểu bang này và đã hoàn thành khóa học kết hợp làm tóc tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(5) Đã hoàn thành khóa học về trang điểm tại một trường được hội đồng phê duyệt và đã hoàn thành khóa học kết hợp làm tóc tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(6) Đã hoàn thành khóa huấn luyện quân sự tương đương được chứng minh bằng cách đệ trình hồ sơ Xác Minh Đào Tạo Và Trải Nghiệm Quân Sự (V-MET).

7322. Điều Kiện Được Xét Dự Thi Chuyên Viên Tạo Kiểu Tóc

Hội đồng sẽ cho phép tham dự kỳ thi lấy giấy phép trở thành chuyên viên tạo kiểu tóc để hành nghề tạo kiểu tóc đối với bất kỳ người nào đã làm đơn gửi tới hội đồng theo đúng mẫu, đã nộp lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(a) Không dưới 17 tuổi.

(b) Đã học xong lớp 10 tại các trường công lập của bang này hoặc tương đương.

(c) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(d) Đã thực hiện bất kỳ việc nào sau đây:

(1) Đã hoàn thành khóa học về tạo kiểu làm tóc tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(2) Đã thực hành tạo kiểu tóc như được định nghĩa trong chương này bên ngoài phạm vi tiểu bang này trong một khoảng thời gian tương đương với việc học và đào tạo của một người đủ tiêu chuẩn đã hoàn thành khóa học tạo kiểu tóc từ một trường có chương trình giảng dạy tuân thủ các yêu cầu được hội đồng cấp. Mỗi kỳ thực hành ba tháng thực hành sẽ được xem là tương đương với 100 giờ đào tạo trình độ chuyên môn theo đoạn (1).

7324. Điều Kiện Được Xét Dự Thi Chuyên Gia Thẩm Mỹ

Hội đồng sẽ cho phép tham dự kỳ thi lấy giấy phép trở thành chuyên gia thẩm mỹ để hành nghề chăm sóc da đối với bất kỳ người nào đã làm đơn gửi tới hội đồng theo đúng mẫu, đã nộp lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(a) Không dưới 17 tuổi.

(b) Đã học xong lớp 10 tại các trường công lập thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.

(c) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(d) Đã thực hiện bất kỳ điều nào sau đây:

(1) Đã hoàn thành khóa học về chăm sóc da tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(2) Đã thực hành chăm sóc da theo quy định tại chương này ngoài phạm vi tiểu bang trong một khoảng thời gian tương đương với việc học tập và đào tạo của một người có trình độ đã hoàn thành khóa học về chăm sóc da tại một trường có chương trình giảng dạy tuân thủ các yêu cầu được hội đồng thông qua. Mỗi kỳ thực hành ba tháng sẽ được xem là tương đương với 100 giờ đào tạo trình độ chuyên môn theo đoạn (1).

(3) Đã hoàn thành chương trình học nghề chăm sóc da theo quy định tại Điều 4 (mở đầu bằng Mục 7332).

7326. Điều Kiện Được Xét Dự Thi Thợ Làm Móng

Hội đồng sẽ cho phép tham dự kỳ thi lấy giấy phép trở thành thợ làm móng để hành nghề chăm sóc móng đối với bất kỳ người nào đã làm đơn gửi tới hội đồng theo đúng mẫu, đã nộp lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(a) Không dưới 17 tuổi.

(b) Đã học xong lớp 10 tại các trường công lập thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.

(c) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(d) Đã thực hiện bất kỳ điều nào sau đây:

(1) Đã hoàn thành khóa học về chăm sóc móng tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(2) Đã thực hành chăm sóc móng theo quy định tại chương này ngoài phạm vi tiểu bang trong một khoảng thời gian tương đương với việc học tập và đào tạo của một người có trình độ đã hoàn thành khóa học về chăm sóc móng tại một trường có chương trình giảng dạy tuân thủ các yêu cầu được hội đồng thông qua. Mỗi kỳ thực hành ba tháng sẽ được xem là tương đương với 100 giờ đào tạo trình độ chuyên môn theo đoạn (1).

(3) Đã hoàn thành chương trình học nghề chăm sóc móng theo quy định tại Điều 4 (mở đầu bằng Mục 7332).

7330. Điều Kiện Được Xét Dự Thi Chuyên Viên Điện Phân

Hội đồng sẽ cho phép tham dự kỳ thi lấy giấy phép trở thành chuyên viên điện phân để hành nghề đốt điện phân đối với bất kỳ người nào đã làm đơn gửi tới hội đồng theo đúng mẫu, đã nộp lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(a) Không dưới 17 tuổi.

(b) Đã học xong lớp 12 hoặc khóa trung học phổ thông được chứng nhận tại các trường công lập thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.

(c) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(d) Đã thực hiện bất kỳ điều nào sau đây:

(1) Đã hoàn thành khóa đào tạo về điện phân tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(2) Đã thực hành đốt điện phân, theo quy định tại chương này, trong 18 tháng ngoài phạm vi tiểu bang trong thời gian tương đương với việc học tập và đào tạo của một người có trình độ đã hoàn thành khóa học về điện phân tại một trường có chương trình giảng dạy tuân thủ các yêu cầu được hội đồng thông qua. Mỗi kỳ thực hành ba tháng sẽ được xem là tương đương với 100 giờ đào tạo trình độ chuyên môn theo đoạn (1).

(3) Đã hoàn thành chương trình học nghề đốt điện phân theo quy định tại Điều 4 (mở đầu bằng Mục 7332).

7331. Cấp Giấy Phép Hành Nghề Cho Đương Đơn Ngoài Tiểu Bang

Hội đồng sẽ cấp giấy phép hành nghề cho đương đơn nếu người này đệ trình cho hội đồng đầy đủ hồ sơ như sau:

(a) Mẫu đơn được điền đầy đủ và đã nộp mọi khoản lệ phí theo quy định của hội đồng.

(b) Bằng chứng về giấy phép hành nghề hiện tại do tiểu bang khác cấp, đáp ứng tất cả các yêu cầu sau đây:

(1) Giấy phép không bị thu hồi, đình chỉ hay bị hạn chế khác.

(2) Giấy phép đang trong tình trạng tốt.

ĐIỀU 4
Học Nghề

7332. "Người Học Nghề"

(a) Người học nghề là bất cứ ai được hội đồng cấp phép tham gia vào việc học hoặc thu nạp kiến thức về làm tóc, trang điểm, chăm sóc da, chăm sóc móng hoặc điện phân tại một cơ sở được cấp phép dưới sự giám sát của người được cấp phép do hội đồng phê chuẩn.

(b) Cho mục đích của mục này, "dưới dự giám sát của người được cấp phép" có nghĩa người học nghề sẽ được giám sát mọi lúc bởi người được cấp phép do hội đồng phê chuẩn trong khi thực hiện các dịch vụ tại một cơ sở được cấp phép. Người học nghề không thể là cá nhân duy nhất làm việc tại cơ sở vào bất cứ lúc nào. Người học nghề không được giám sát bởi người được cấp phép do hội đồng phê chuẩn để giám sát người học nghề, sẽ được cho là thực hành không giấy phép theo chương này.

7333. Tiến Hành Chương Trình Đào Tạo Học Nghề

Chương trình đào tạo học nghề sẽ được tiến hành tuân theo Đạo Luật Tiêu Chuẩn Lao Động Học Nghề Shelley-Maloney năm 1939, Chương 4 (mở đầu bằng Mục 3070) Khoản 3 Bộ Luật Lao Động theo các tiêu chuẩn học nghề do người quản lý học nghề phê duyệt. Bản sao của đạo luật này sẽ được lưu trữ trong hồ sơ của hội đồng.

7334. Cá Nhân Được Cấp Phép Học Nghề Làm Tóc, Trang Điểm, Chăm Sóc Da Hoặc Móng Hoặc Điện Phân

(a) Hội đồng có thể cấp phép học nghề làm tóc, trang điểm, chăm sóc da hoặc chăm sóc móng cho bất kỳ người nào đã nộp đơn tới hội đồng theo đúng mẫu, đã nộp lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(1) Trên 16 tuổi.

(2) Đã học xong lớp 10 tại các trường công lập thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.

(3) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(4) Đã đệ trình cho hội đồng bằng chứng có thể chấp nhận rằng bất kỳ khóa đào tạo nào mà người học nghề phải đạt được theo yêu cầu của luật pháp đều được tiến hành tại một cơ sở được cấp phép và dưới sự giám sát của người được cấp phép do hội đồng phê duyệt.

(b) Hội đồng có thể cấp phép học nghề đốt điện phân cho bất kỳ người nào đã nộp đơn tới hội đồng theo đúng mẫu, đã nộp lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(1) Không dưới 17 tuổi.

(2) Đã học xong lớp 12 hoặc khóa trung học phổ thông được chứng nhận tại các trường thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.

(3) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(4) Đã đệ trình cho hội đồng bằng chứng có thể chấp nhận rằng bất kỳ khóa đào tạo nào mà người học nghề phải đạt được theo yêu cầu của luật pháp đều được tiến hành tại một cơ sở được cấp phép và dưới sự giám sát của người được cấp phép do hội đồng phê duyệt.

(c) Tất cả những người nộp đơn đăng ký học nghề làm tóc cũng đều phải hoàn thành một khóa đào tạo trước học nghề do Hội Đồng quản lý trong khoảng thời gian do Hội Đồng quy định tại một cơ sở được Hội Đồng chấp thuận trước khi phục vụ công chúng.

(d) Tất cả những người nộp đơn xin học nghề trang điểm, chăm sóc da, chăm sóc móng hoặc điện phân cũng đều phải hoàn thành một khóa đào tạo trước học nghề tối thiểu do Hội Đồng quản lý trong khoảng thời gian do Hội Đồng quy định tại một cơ sở được Hội Đồng chấp thuận trước khi phục vụ công chúng.

(e) Những người học nghề chỉ được thực hiện các dịch vụ cho công chúng trong lĩnh vực mà họ đã được đào tạo kỹ thuật.

(f) Những người học nghề được yêu cầu phải hoàn thành ít nhất số giờ hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu và số giờ hoạt động thực hành tối thiểu cho mỗi môn học như được nêu rõ trong quy định của hội đồng đối với các khóa học được giảng dạy tại các trường do hội đồng phê duyệt, tuân thủ các Mục 3074 và 3078 Bộ Luật Lao Động.

7335. Thời Hạn Của Giấy Phép Học Nghề

(a) Giấy phép của người học nghề sẽ hết hạn sau hai năm kể từ ngày được cấp hoặc vào ngày người học nghề được cấp phép sau kỳ thi cấp phép hoặc nếu người học nghề trượt kỳ thi cấp phép hai lần, thì vào ngày công bố kết quả của kỳ thi lần hai, tùy theo điều kiện nào đến trước.

(b) Người có giấy phép học nghề không được làm việc nhiều hơn ba tháng sau khi hoàn thành khóa đào tạo được yêu cầu mà không nộp đơn và tham dự kỳ thi cấp giấy phép.

(c) Hội đồng có thể gia hạn thêm một khoảng thời gian hai năm hoặc ba tháng như được mô tả trong tiểu phần (a) và (b) dựa trên lý do chính đáng được đưa ra, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc trì hoãn nộp đơn và tham dự kỳ thi vì lý do người học nghề bị bệnh tật, tai nạn hoặc phục vụ trong lực lượng quân đội Hoa Kỳ.

7336. Điều Kiện Để Người Học Nghề Được Hành Nghề

Người học nghề có thể thực hiện bất kỳ hoặc toàn bộ các hoạt động nào mà người đó được cấp phép chỉ tại cơ sở được cấp phép và dưới sự giám sát và tuyển dụng của người được cấp phép do hội đồng phê duyệt.

ĐIỀU 5
Kỳ Thi

7337. Yêu Cầu Thủ Tục Về Đơn Đăng Ký; Lệ Phí

(a) Tất cả các đơn xin tham dự kỳ thi và cấp giấy phép phải ở dạng văn bản, theo mẫu do hội đồng chuẩn bị và cung cấp.

(b) Mỗi đơn xin phải kèm theo lệ phí theo quy định, và phải bao gồm bằng chứng cho thấy đương đơn hội đủ điều kiện tham dự kỳ thi và được cấp giấy phép. Điều này phải được chứng thực bằng cam kết của đương đơn và phải bao gồm tuyên bố thừa nhận có chữ ký rằng đương đơn hiểu rõ các quyền của mình với tư cách là người được cấp phép như đã nêu trong các tài liệu thông tin về các luật lao động cơ bản, theo quy định tại Mục 7314.3, rằng đương đơn đã được hội đồng cung cấp mẫu đơn xin. Mỗi đương đơn phải xuất trình bằng chứng nhận dạng thỏa đáng như một điều kiện để được chấp nhận vào cơ sở khảo thí. Bằng chứng nhận dạng thỏa đáng là giấy phép lái xe còn hiệu lực và chưa hết hạn hoặc thẻ căn cước có ảnh của người được cấp và phải do tiểu bang, liên bang hoặc cơ quan chính quyền khác cấp.

(c) Tất cả đơn xin điện tử để gia hạn giấy phép phải bao gồm tuyên bố thừa nhận có chữ ký rằng đương đơn xin gia hạn hiểu rõ các quyền của mình với tư cách là người được cấp phép như đã nêu trong các tài liệu thông tin về các luật lao động cơ bản, theo quy định tại Mục 7314.3, rằng đương đơn xin gia hạn đã được hội đồng cung cấp mẫu đơn xin gia hạn.

(d) Việc sửa đổi được thực hiện cho mục này bởi đạo luật bổ sung vào tiểu phần này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2017.

7338. Nội Dung Kỳ Thi

(a) Kỳ thi dành cho các đương đơn xin cấp giấy phép sẽ bao gồm bài kiểm tra viết nhằm đánh giá năng lực trong việc bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng các dịch vụ do người được cấp phép cung cấp.

(b) Kỳ thi sẽ bao gồm các bài kiểm tra viết để xác định kỹ năng và kiến thức của đương đơn về thực hành nghề nghiệp xin cấp phép, và sẽ bao gồm các bài kiểm tra viết về khử trùng, tẩy uế và sử dụng các dụng cụ máy móc và điện được áp dụng cho việc thực hành nghề mà đương đơn đã nộp đơn xin cấp phép.

(c) Các bài kiểm tra viết, theo quy định tại tiểu phần (b), sẽ xác định kỹ năng và kiến thức của đương đơn về cung cấp dịch vụ cho cá nhân có loại tóc và kết cấu tóc khác nhau, được áp dụng cho việc thực hành nghề mà người nộp đơn đã nộp đơn xin cấp phép.

7340. Chuẩn Bị, Quản Lý Và Chấm Điểm Bài Thi

Tất cả các kỳ thi phải được chuẩn bị bởi hoặc dưới sự hướng dẫn của hội đồng. Hội đồng sẽ thiết lập các tiêu chuẩn và quy trình bao quát việc quản lý và đánh giá cũng như sẽ tiến hành giám sát nếu cần thiết để đảm bảo sự tuân thủ theo đó.

7341. Gửi Thông Báo Tổng Điểm Đối Với Bài Thi Không Đạt
Hội đồng sẽ gửi thư hoặc chuyển đến người thi không đạt bất kỳ bài thi nào theo quy định trong chương này tổng số điểm nhận được đối với bài thi đó.

7342. Cấp Giấy Phép
Giấy phép hành nghề của công việc mong muốn sẽ được hội đồng cấp cho những thí sinh đã vượt qua kỳ thi một cách thỏa đáng, những người sở hữu những năng lực phẩm chất khác được luật pháp yêu cầu và đã nộp lệ phí cấp phép theo quy định trong chương này. Giấy phép sẽ ghi tên người có giấy phép cùng với công việc mà họ hành nghề tại một cơ sở được cấp phép. Giấy phép sẽ được hội đồng cấp vào cùng ngày mà đương đơn vượt qua kỳ thi thành công.

7344. Hợp Đồng Đối Với Các Cơ Sở Khảo Thí
Hội đồng có thể ký hợp đồng hoặc sắp xếp theo cách khác để có các cơ sở vật chất và tiện nghi cần thiết hợp lý cho việc tổ chức các kỳ thi.

7345. Từ Bỏ Đơn Đăng Ký Và Mất Lệ Phí
Nếu đương đơn không hoàn thành đơn xin của mình trong vòng một năm sau khi nộp đơn hoặc không tham dự kỳ thi trong vòng một năm sau khi hội đủ điều kiện thì đương đơn đó sẽ được xem là đã từ bỏ và bị mất lệ phí. Đơn xin được đệ trình sau khi từ bỏ đơn trước đó sẽ được xem là đơn xin mới và sẽ phải đáp ứng mọi yêu cầu xin cấp phép lần đầu.

ĐIỀU 6
Cơ Sở

7346. "Cơ Sở"
(a) Cho các mục đích của chương này, "cơ sở" nghĩa là bất kỳ khuôn viên, tòa nhà hoặc một phần của tòa nhà nào nơi diễn ra bất cứ hoạt động được cấp phép nào theo chương này.
(b) "Cơ Sở" cũng bao gồm bất kỳ khuôn viên, tòa nhà hoặc một phần của tòa nhà nào nơi việc hành nghề tạo kiểu tóc tự nhiên được trả công.

7347. Đơn Xin Cấp Giấy Phép Hoạt Động Cho Cơ Sở
(a) Bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào mong muốn đưa một cơ sở vào hoạt động đều phải nộp đơn lên hội đồng để xin cấp giấy phép kèm theo lệ phí theo quy định của chương này. Đơn xin phải nêu rõ cá nhân, công ty hoặc tổ chức sẽ vận hành một cơ sở mới hay sắp tiếp nhận quyền sở hữu một cơ sở hiện có. Đơn xin phải bao gồm tuyên bố thừa nhận có chữ ký rằng đương đơn hiểu rõ cơ sở có trách nhiệm tuân thủ

tất cả các luật lao động hiện hành của tiểu bang và đương đơn hiểu rõ các tài liệu thông tin về các luật lao động cơ bản, theo quy định tại Mục 7314.3, và rằng đương đơn đã được hội đồng cung cấp mẫu đơn xin. Mỗi đơn xin điện tử để gia hạn giấy phép phải bao gồm tuyên bố thừa nhận có chữ ký rằng đương đơn xin gia hạn hiểu rõ là cơ sở có trách nhiệm tuân thủ tất cả các luật lao động hiện hành của tiểu bang và đương đơn hiểu rõ các tài liệu thông tin về các luật lao động cơ bản, theo quy định tại Mục 7314.3, và rằng đương đơn xin gia hạn đã được hội đồng cung cấp mẫu đơn xin gia hạn. Nếu đương đơn đang chuẩn bị sở hữu một cơ sở hiện có thì hội đồng có thể quy định một khoản lệ phí thấp hơn mức lệ phí nêu trong chương này. Đương đơn, nếu là một cá nhân hoặc mọi nhân viên, giám đốc và cộng sự, nếu đương đơn không phải là cá nhân, không được có những hành vi bị kết tội hoặc phạm tội là căn cứ cho việc từ chối cấp giấy phép có hiệu lực tại thời điểm đơn xin mới đó được đệ trình chiếu theo Mục 480. Giấy phép được cấp theo mục này sẽ chỉ cho phép cơ sở hoạt động tại đúng địa điểm ghi trong giấy phép được cấp. Việc cơ sở hoạt động tại bất kỳ địa điểm nào khác được xem là bất hợp pháp, trừ khi nhận được giấy phép cho địa điểm mới tuân thủ theo mục này, áp dụng cho việc cấp giấy phép trong trường hợp đầu tiên.

(b) Các sửa đổi được thực hiện cho mục này của đạo luật bằng cách bổ sung vào tiểu phần này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2017.

7348. Cơ Sở Thuộc Trách Nhiệm Của Người Được Cấp Phép

Mỗi cơ sở phải luôn thuộc trách nhiệm của người được cấp giấy phép chiếu theo chương này ngoại trừ người học nghề.

7349. Tuyển Dụng Người Không Có Giấy Phép

Mọi cá nhân, công ty hoặc tổ chức thuê, tuyển dụng hoặc cho phép được tuyển dụng hoặc cho phép làm việc trong hoặc thuộc một cơ sở, mọi cá nhân thực hiện hoặc hành nghề bất kỳ công việc nào được quy định theo chương này mà không được hội đồng cấp phép hợp lệ, ngoại trừ trường hợp một cơ sở có giấy phép có thể sử dụng học viên thực tập như được mô tả trong Mục 7395.1 hoặc 7395.2, đều được xem là trái luật pháp. Bất kỳ người nào vi phạm mục này sẽ phải nhận trát hầu tòa và bị phạt chiếu theo Mục 7406 và cũng sẽ được xem là phạm tội tiểu hình.

7349.1. Sử Dụng Sai Lệch Cột Biển Hiệu Thợ Làm Tóc Để Hành Nghề Kinh Doanh Gian Lận

Mỗi cá nhân, công ty hoặc tổ chức liên quan tới việc hành nghề được quy định theo chương này được coi là hành nghề kinh doanh gian lận khi sử dụng biểu tượng truyền thống là cột biển hiệu thợ làm tóc gồm một ống hình trụ đứng có kẻ sọc cùng với một quả cầu trên đỉnh với mục đích gây hiểu sai cho công chúng theo bất kỳ cách nào nhằm để công chúng tin rằng cơ sở có thực hiện việc làm tóc hoặc có thuê một thợ làm tóc có giấy phép nhưng thực tế không thuê thợ làm tóc có giấy phép.

7350. Sử Dụng Một Phần Cơ Sở Cho Các Mục Đích Cư Ngụ
Người phụ trách cơ sở, dù là chủ sở hữu hay nhân viên, không được cho phép bất kỳ không gian trống nào hoặc một phần của không gian đó, trong đó bất kỳ nghề nghiệp nào được quy định trong chương này được tiến hành hoặc thực hành, được sử dụng cho mục đích cư ngụ hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác có xu hướng làm cho phòng mất vệ sinh, không lành mạnh hoặc mất an toàn hoặc gây nguy hại cho sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng dịch vụ.

Cơ sở phải có lối đi trực tiếp riêng biệt và khác với bất kỳ lối ra vào nào nối với các khu vực riêng tư.

Vi phạm mục này được xem là phạm tội tiểu hình.

7351. Cung Cấp Và Duy Trì Các Tiện Nghi Đầy Đủ
Mỗi cơ sở phải trang bị ít nhất một phòng vệ sinh công cộng được đặt trong hoặc gần khuôn viên để khách hàng sử dụng. Bất kỳ phòng vệ sinh nào được lắp đặt vào hoặc sau ngày 01 tháng 07 năm 1992 không được nhỏ hơn 18 feet vuông. Cửa vào phòng phải được che chắn tốt để không thể nhìn thấy được phòng vệ sinh nào có từ mọi phòng làm việc. Phòng phải được giữ ở điều kiện sạch sẽ và được tu sửa tốt, đầy đủ ánh sáng, thông thoáng tốt với bên ngoài và ngăn được côn trùng cũng như các loài gặm nhấm. Sàn nhà phải được làm bằng bê tông, nền lát bằng xi măng, gạch tráng men hoặc các vật liệu chống thấm khác. Tất cả các cống thoát nước phải được nối với hệ thống xử lý chất thải được chấp thuận và phải được che đậy kỹ càng. Không được sử dụng phòng vệ sinh làm kho chứa.

7352. Tiện Nghi Rửa Tay
Mọi cơ sở phải cung cấp các tiện nghi rửa tay đầy đủ và thuận tiện, bao gồm nước máy, xà phòng và khăn hoặc máy sấy tay.

7353.4. Các Quyền Ở Nơi Làm Việc Và Thông Báo Về Luật Tiền Công Và Giờ Làm
(a) Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2017, dựa trên việc có sẵn thông báo niêm yết do Ủy Viên Lao Động xây dựng chiếu theo Mục 98.10 Bộ Luật Lao Động, một cơ sở được hội đồng cấp phép phải niêm yết thông báo đó theo cách thức tuân thủ các yêu cầu của Mục 98.10 Bộ Luật Lao Động ở vị trí dễ thấy trong tầm nhìn rõ ràng của nhân viên và là nơi các thông báo tương tự thường được niêm yết. Thông báo phải được niêm yết bằng tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt và tiếng Hàn.

(b) Hội đồng sẽ kiểm tra việc tuân thủ yêu cầu niêm yết này khi tiến hành thanh tra chiếu theo Mục 7313.

(c) Việc vi phạm mục này sẽ phải chịu khoản phạt hành chính được thiết lập chiếu theo Mục 7407 và sẽ không bị phạt tội tiểu hình theo Mục 7404.1.

ĐIỀU 7
Đơn Vị Lưu Động

7354. "Đơn Vị Lưu Động"

Cho các mục đích của điều này, "đơn vị lưu động" nghĩa là bất kỳ cơ sở di động độc lập, tự chống đỡ và được che kín xung quanh nào được cấp giấy phép cho đơn vị lưu động để thực hiện bất kỳ công việc nào được hội đồng cấp phép và tuân thủ theo điều này cũng như tất cả các quy định về an toàn và sức khỏe do hội đồng đặt ra.

7355. Đơn Xin Cấp Giấy Phép

(a) Bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào mong muốn đưa đơn vị lưu động vào hoạt động đều phải nộp đơn lên hội đồng để xin cấp giấy phép, trong đó có các thông tin và dữ liệu quy định tại tiểu phần (b). Đương đơn, nếu là cá nhân hoặc mọi nhân viên, giám đốc và cộng sự, nếu đương đơn không phải là cá nhân, không được có những hành vi bị kết tội hoặc phạm tội là căn cứ cho việc từ chối cấp giấy phép chiếu theo Mục 480.

(b) Mỗi đơn phải bao gồm các nội dung sau đây:

(1) Mặt bằng sàn chi tiết thể hiện cách bố trí và kích thước của đơn vị lưu động và tất cả các hệ thống và thiết bị cần thiết chứa trong đó.

(2) Bằng chứng về việc mua hoặc thuê đơn vị lưu động.

(3) Lệ phí bắt buộc.

(4) Bằng chứng giấy phép lái xe còn hiệu lực của Tiểu Bang California được cấp cho nhân viên hoặc người làm công chịu trách nhiệm điều khiển đơn vị lưu động.

(5) Địa chỉ thường trực nơi đơn vị lưu động sẽ hoạt động.

(c) Sau lần phê duyệt đầu tiên về mặt bằng sàn và đơn xin đã được chấp thuận, đương đơn sẽ sắp xếp lịch hẹn để giới thiệu đơn vị lưu động với hội đồng hoặc đại diện của hội đồng để được phê duyệt lần cuối.

7356. Đơn Xin Chuyển Quyền Sở Hữu Hoặc Quyền Điều Hành

Người mua hoặc người cho thuê phải đệ trình đơn xin chuyển quyền sở hữu hoặc điều hành đơn vị lưu động hiện có đã được cấp phép lên hội đồng trong vòng 10 ngày sau khi mua. Mỗi đơn phải bao gồm các nội dung sau đây:

(a) Mặt bằng sàn chi tiết thể hiện cách bố trí và kích thước của đơn vị lưu động và tất cả các hệ thống và thiết bị cần thiết chứa trong đó.

(b) Hóa đơn mua hoặc giấy tờ thuê chứng minh việc mua hoặc thuê thiết bị hiện có và đơn vị lưu động.

(c) Giấy phép của đơn vị lưu động hiện có.

(d) Lệ phí bắt buộc.

(e) Bằng chứng giấy phép lái xe còn hiệu lực của Tiểu Bang California được cấp cho nhân viên hoặc người làm công chịu trách nhiệm điều khiển đơn vị lưu động.

7357. Tuân Thủ Các Quy Định; Thiết Bị Bắt Buộc

(a) Các đơn vị lưu động phải tuân thủ các quy định đã được hội đồng thông qua nhằm đảm bảo đơn vị đó được giữ gìn sạch sẽ, ở tình trạng sửa chữa tốt và tuân thủ theo điều này.

(b) Mỗi đơn vị lưu động phải trang bị các hệ thống chức năng sau đây:

(1) Nguồn cung cấp nước sạch độc lập, có thể uống được nếu có cung cấp dịch vụ gội đầu.

(2) Các bồn chứa nước nóng theo nhu cầu và liên tục có dung tích không được nhỏ hơn sáu ga-lông.

(3) Hệ thống thông gió đầy đủ.

7358. Đơn Vị Lưu Động Thuộc Trách Nhiệm Của Người Được Cấp Phép

Mỗi đơn vị lưu động sẽ luôn chịu trách nhiệm về người được cấp giấy phép chiếu theo chương này ngoại trừ người học nghề.

7359. Tuyển Dụng Người Không Có Giấy Phép

Bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức thuê mướn, tuyển dụng, cho phép được tuyển dụng hoặc cho phép làm việc trong hoặc thuộc một đơn vị lưu động, bất kỳ cá nhân nào thực hiện hoặc hành nghề bất kỳ công việc nào theo quy định của chương này mà không được hội đồng cấp phép hợp lệ đều được cho là vi phạm luật pháp.

Bất kỳ ai vi phạm mục này đều được xem là phạm tội tiểu hình.

7360. Sử Dụng Một Phần Đơn Vị Lưu Động Cho Các Mục Đích Cư Ngụ

Người phụ trách đơn vị lưu động, dù là chủ sở hữu hay nhân viên, không được cho phép bất kỳ không gian trống nào hoặc một phần của không gian đó, trong đó bất kỳ nghề nghiệp nào được quy định trong chương này được tiến hành hoặc hành nghề, được sử dụng cho mục đích cư ngụ hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác có xu hướng làm cho đơn vị mất vệ sinh, không lành mạnh hoặc mất an toàn hoặc gây nguy hại cho sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng dịch vụ. Mục này sẽ không áp dụng khi đơn vị lưu động được sử dụng cho các mục đích khác với việc thực hành bất kỳ nghề nghiệp nào được quy định trong chương này bên ngoài ranh giới địa lý được chỉ định mà đơn vị lưu động được cấp phép.

7361. Áp Dụng Các Điều Khoản Của Chương

Mọi điều luật quản lý các cơ sở theo chương này, trừ Điều 6 (bắt đầu từ Mục 7346), được áp dụng cho các đơn vị lưu động, trừ khi được quy định khác.

ĐIỀU 8
Trường Học, Người Hướng Dẫn Và Chương Trình Giảng Dạy

7362. "Trường Được Hội Đồng Phê Duyệt"

(a) Trường được hội đồng phê duyệt là trường trước tiên được hội đồng và sau đó là Cục Giáo Dục Sau Trung Học Tư Thục phê duyệt hoặc là một trường công thuộc phạm vi tiểu bang này và cung cấp khóa học hướng dẫn được hội đồng phê duyệt. Tuy nhiên, bất kể các quy định khác, cả hội đồng và Cục Giáo Dục Sau Trung Học Tư Thục có thể đồng thời giải quyết đơn xin phê duyệt của một trường.

(b) Bất kể các quy định khác, hội đồng có thể thu hồi, đình chỉ hoặc từ chối phê duyệt cho một trường, trong một thủ tục sẽ được tiến hành theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500) Phần 1 Khoản 3 Tiêu đề 2 Bộ Luật Chính Quyền khi chủ sở hữu hoặc nhân viên của trường có liên quan đến bất kỳ hành vi nào được quy định tại các đoạn từ đoạn (1) đến hết đoạn (8).

(1) Thực hiện không chuyên nghiệp, bao gồm, nhưng không giới hạn ở, bất kỳ điều nào sau đây:

(A) Thiếu trình độ hoặc cẩu thả nghiêm trọng, bao gồm cả việc liên tiếp không tuân thủ theo các tiêu chuẩn được chấp thuận chung cho việc hành nghề làm tóc, trang điểm hoặc điện phân hay xem nhẹ sức khỏe và sự an toàn của khách hàng.

(B) Lặp lại nhiều lần hành vi cẩu thả tương tự.

(C) Bị kết tội có liên quan chủ yếu đến năng lực, chức năng hoặc nghĩa vụ của chủ sở hữu một trường được phê duyệt, trong trường hợp đó, các hồ sơ về việc kết tội hoặc bản sao có chứng thực về việc đó sẽ là bằng chứng kết tội thuyết phục.

(2) Liên tiếp không tuân thủ các luật lệ về sức khỏe và sự an toàn do hội đồng thông qua và được Bộ Y Tế Công Cộng Tiểu Bang chấp thuận đối với quy chế của các trường được hội đồng phê duyệt.

(3) Liên tiếp không tuân thủ các luật lệ do hội đồng thông qua đối với quy chế của các trường được hội đồng phê duyệt.

(4) Một người tiếp tục hành nghề khi biết rõ là người đó bị bệnh truyền nhiễm hoặc dễ lây lan.

(5) Thường xuyên say rượu hoặc hay dùng hoặc nghiện dùng, bất kỳ chất bị kiểm soát nào.

(6) Thực hiện hoặc cố gắng thực hiện bất cứ công việc nào được cấp phép và quy định theo chương này hoặc nhận tiền hoặc thù lao dưới mọi hình thức, bằng cách xuyên tạc gian lận.

(7) Từ chối cho phép hoặc can thiệp vào cuộc thanh tra được ủy quyền theo chương này.

(8) Bất kỳ hành động hoặc hành vi nào đảm bảo việc từ chối phê duyệt một trường.

7362.1. Yêu Cầu Đối Với Trường Đào Tạo Thẩm Mỹ Được Phê Duyệt

Trường đào tạo thẩm mỹ được hội đồng phê duyệt phải đáp ứng tất cả những điều sau đây:

(a) Sở hữu trang thiết bị và không gian mặt bằng cần thiết cho việc hướng dẫn toàn diện 25 học viên khóa học trang điểm hoặc số học viên ghi danh trong khóa học, tùy theo số lượng nào nhiều hơn.

(b) Có ít nhất 25 học viên tích cực, học toàn thời gian đăng ký trong khóa học trang điểm của trường đang chờ phê duyệt. Cho các mục đích của mục này, một học viên tích cực, toàn thời gian là người có tên trong danh sách của trường đào tạo thẩm mỹ đang chờ phê duyệt và đã cam kết tham dự đầy đủ khóa học trang điểm.

(c) Duy trì khóa đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật đối với khóa học trang điểm đầy đủ theo quy định trong chương này và theo quy định của hội đồng. Khóa học hướng dẫn về bất kỳ nhánh trang điểm nào cũng phải được giảng dạy tại một trường đào tạo thẩm mỹ.

7362.2. Yêu Cầu Đối Với Trường Dạy Làm Tóc Được Phê Duyệt

Trường dạy làm tóc được hội đồng phê duyệt phải thực hiện tất cả những điều sau đây:

(a) Sở hữu trang thiết bị và không gian mặt bằng cần thiết cho việc hướng dẫn toàn diện 15 học viên làm tóc hoặc số học viên ghi danh trong khóa học, tùy theo số lượng nào nhiều hơn.

(b) Có ít nhất 15 học viên tích cực, học toàn thời gian đăng ký trong khóa học làm tóc của trường đang chờ phê duyệt. Cho các mục đích của mục này, một học viên tích cực, toàn thời gian là người có tên trong danh sách của trường dạy làm tóc đang chờ phê duyệt và đã cam kết tham dự toàn bộ khóa học làm tóc.

(c) Duy trì khóa đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật đối với khóa học làm tóc đầy đủ theo quy định trong chương này và theo quy định của hội đồng.

7362.3. Yêu Cầu Đối Với Trường Dạy Điện Phân Được Phê Duyệt

Trường dạy điện phân được hội đồng phê duyệt phải thực hiện tất cả những điều sau đây:

(a) Sở hữu trang thiết bị và không gian mặt bằng cần thiết cho việc hướng dẫn toàn diện năm học viên đốt điện phân hoặc số học viên ghi danh trong khóa học, tùy theo số lượng nào nhiều hơn.

(b) Có ít nhất năm học viên tích cực, học toàn thời gian đăng ký trong khóa học điện phân của trường đang chờ phê duyệt. Cho các mục đích của mục này, một học viên tích cực, toàn thời gian là người có tên trong danh sách của trường dạy điện phân đang chờ phê duyệt và đã cam kết tham dự toàn bộ khóa học điện phân.

(c) Duy trì khóa đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật đối với khóa học điện phân đầy đủ theo quy định trong chương này và theo quy định của hội đồng.

7362.5. Số Giờ Đào Tạo Thực Hành Và Hướng Dẫn Kỹ Thuật

(a) Khóa học làm tóc hoặc trang điểm do một trường thiết lập phải bao gồm ít nhất 1,000 giờ đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật về hành nghề làm tóc hoặc trang điểm theo quy định trong Mục 7316.

(b) Chương trình giảng dạy cho khóa học làm tóc tối thiểu phải bao gồm hướng dẫn kỹ thuật và thực hành trong các lĩnh vực sau:

(1) Một trăm giờ về sức khỏe và sự an toàn, bao gồm về các chất độc hại, an toàn hóa chất, phiếu dữ liệu an toàn, bảo vệ tránh hóa chất nguy hiểm, ngăn ngừa thương tích do hóa chất, luật và quy định về sức khỏe và sự an toàn cũng như ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm.

(2) Một trăm giờ về khử trùng và vệ sinh, bao gồm các quy trình khử trùng để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của khách hàng cũng như kỹ thuật viên và quy trình khử trùng thích hợp đối với thiết bị sử dụng tại cơ sở.

(3) (A) Hai trăm giờ về các dịch vụ làm tóc sử dụng hóa chất, bao gồm nhuộm màu, duỗi thẳng, uốn, tẩy, phân tích tóc, kiểm tra dị ứng da và sợi tóc, các biện pháp phòng ngừa an toàn, pha trộn công thức và sử dụng các chất tẩy màu nhuộm.

(B) Việc hướng dẫn về dịch vụ hóa chất cho tóc phải bao gồm hướng dẫn về việc cung cấp dịch vụ cho các cá nhân với mọi loại tóc và kết cấu tóc, bao gồm nhưng không giới hạn ở các kiểu uốn xoăn hoặc sóng khác nhau, độ dày sợi tóc và độ dày tổng thể của tóc.

(4) (A) Hai trăm giờ về các dịch vụ tạo kiểu tóc, bao gồm chỉnh sửa, sấy khô, làm sạch, uốn, chải, phân tích tóc, gội, làm xoăn và duỗi tóc không sử dụng hóa chất, cắt tóc, bao gồm cả việc sử dụng kéo, dao cạo, tông đơ cắt/xén bằng điện và kéo lớn mỏng, để cắt ướt và cắt khô.

(B) Việc hướng dẫn về dịch vụ tạo kiểu tóc phải bao gồm hướng dẫn về việc cung cấp dịch vụ cho các cá nhân với mọi loại tóc và kết cấu tóc, bao gồm nhưng không giới hạn ở các kiểu uốn xoăn hoặc sóng khác nhau, độ dày sợi tóc và độ dày tổng thể của tóc.

(5) Hai trăm giờ về cạo và tỉa râu, bao gồm chuẩn bị râu tóc của khách hàng để cạo, đánh giá tình trạng da của khách hàng, thực hiện các kỹ thuật cạo râu, thoa thuốc sát trùng sau khi cạo tiếp theo các dịch vụ chăm sóc da mặt, mát-xa mặt và lăn kem mát-xa.

(c) Chương trình giảng dạy cho khóa học trang điểm tối thiểu phải bao gồm hướng dẫn kỹ thuật và thực hành trong các lĩnh vực sau:

(1) Một trăm giờ về sức khỏe và sự an toàn, bao gồm về các chất độc hại, an toàn hóa chất, phiếu dữ liệu an toàn, bảo vệ tránh hóa chất nguy hiểm, ngăn ngừa thương tích do hóa chất, luật và quy định về sức khỏe và sự an toàn cũng như ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm.

(2) Một trăm giờ về khử trùng và vệ sinh, bao gồm các quy trình khử trùng để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của khách hàng cũng như kỹ thuật viên và quy trình khử trùng thích hợp đối với thiết bị sử dụng tại cơ sở.

(3) (A) Hai trăm giờ về các dịch vụ làm tóc sử dụng hóa chất, bao gồm nhuộm màu, duỗi thẳng, uốn, tẩy, phân tích tóc, kiểm tra dị ứng da và sợi tóc, các biện pháp phòng ngừa an toàn, pha trộn công thức và sử dụng các chất tẩy màu nhuộm.

(B) Việc hướng dẫn về dịch vụ hóa chất cho tóc phải bao gồm hướng dẫn về việc cung cấp dịch vụ cho các cá nhân với mọi loại tóc và kết cấu tóc, bao gồm nhưng không giới hạn ở các kiểu uốn xoăn hoặc sóng khác nhau, độ dày sợi tóc và độ dày tổng thể của tóc.

(4) (A) Hai trăm giờ về các dịch vụ tạo kiểu tóc, bao gồm chỉnh sửa, sấy khô, làm sạch, uốn, chải, phân tích tóc, gội, làm xoăn và duỗi tóc không sử dụng hóa chất, cắt tóc, bao gồm cả việc sử dụng kéo, dao cạo, tông đơ cắt/xén bằng điện và kéo lớn mỏng, để cắt ướt và cắt khô.

(B) Việc hướng dẫn về dịch vụ tạo kiểu tóc phải bao gồm hướng dẫn về việc cung cấp dịch vụ cho các cá nhân với mọi loại tóc và kết cấu tóc, bao gồm nhưng không giới hạn ở các kiểu uốn xoăn hoặc sóng khác nhau, độ dày sợi tóc và độ dày tổng thể của tóc.

(5) Một trăm năm mươi giờ về các dịch vụ chăm sóc da, bao gồm xoa bóp và mát-xa da mặt bằng hóa chất và bằng tay, kích thích, tẩy tế bào chết, làm sạch hoặc làm đẹp da mặt, da đầu, cổ hoặc cơ thể bằng cách sử dụng tay, thiết bị thẩm mỹ, sản phẩm mỹ phẩm, thuốc sát trùng, sữa dưỡng, tinh chất hoặc kem không dẫn đến việc cắt bỏ hoặc phá hủy các mô sống.

(6) Năm mươi giờ tẩy lông và làm đẹp lông mi và lông mày, bao gồm nhuộm màu và chải lông mi, lông mày và dán lông mi cho bất kỳ ai, và bao gồm loại bỏ lông tóc thừa trên cơ thể của bất kỳ người nào bằng cách sử dụng các loại thuốc tẩy lông, kẹp nhíp, đường (sugaring), hóa chất không kê đơn hoặc sáp hoặc bằng bất kỳ kiểu/loại dụng cụ, thiết bị nào, trừ việc sử dụng laze hoặc sóng ánh sáng, thường được gọi là tia.

(7) Một trăm giờ về làm móng tay và móng chân, bao gồm làm móng tay bằng nước và dầu, mát-xa bàn tay và cánh tay, mát-xa bàn chân và mắt cá chân, phân tích móng và các dịch vụ làm móng giả, bao gồm nhưng không giới hạn ở quét cọ acrylic, dung dịch và bột, ngâm móng, dán móng giả, đắp móng và sửa móng.

7363. Khóa Học Tạo Kiểu Tóc; Số Giờ Đào Tạo Thực Hành

(a) Khóa học tạo kiểu tóc do một trường thiết lập phải bao gồm ít nhất 600 giờ đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật.

(b) Chương trình giảng dạy cho khóa học tạo kiểu tóc tối thiểu phải bao gồm hướng dẫn kỹ thuật và thực hành trong các lĩnh vực sau:

(1) Một trăm giờ về sức khỏe và sự an toàn, bao gồm về các chất độc hại, an toàn hóa chất, phiếu dữ liệu an toàn, bảo vệ tránh hóa chất nguy hiểm, ngăn ngừa thương tích do hóa chất, luật và quy định về sức khỏe và sự an toàn cũng như ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm.

(2) Một trăm giờ về khử trùng và vệ sinh, bao gồm các quy trình khử trùng để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của khách hàng cũng như kỹ thuật viên và quy trình khử trùng thích hợp đối với thiết bị sử dụng tại cơ sở.

(3) (A) Hai trăm giờ về các dịch vụ tạo kiểu tóc, bao gồm chỉnh sửa, sấy khô, làm sạch, uốn, chải, phân tích tóc, gội, làm xoăn và duỗi tóc không sử dụng hóa chất, cắt tóc, bao gồm cả việc sử dụng kéo, dao cạo, tông đơ cắt/xén bằng điện và kéo lớn mỏng, để cắt ướt và cắt khô.

(B) Việc hướng dẫn về dịch vụ tạo kiểu tóc phải bao gồm hướng dẫn về việc cung cấp dịch vụ cho các cá nhân với mọi loại tóc và kết cấu tóc, bao gồm nhưng không giới hạn ở các kiểu uốn xoăn hoặc sóng khác nhau, độ dày sợi tóc và độ dày tổng thể của tóc.

7364. Khóa Học Chăm Sóc Da; Số Giờ Đào Tạo Thực Hành

(a) Khóa học chăm sóc da do một trường thiết lập phải bao gồm ít nhất 600 giờ đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật.

(b) Chương trình giảng dạy cho khóa học chăm sóc da tối thiểu phải bao gồm hướng dẫn kỹ thuật và thực hành trong các lĩnh vực sau:

(1) Một trăm giờ về sức khỏe và sự an toàn, bao gồm về các chất độc hại, an toàn hóa chất, phiếu dữ liệu an toàn, bảo vệ tránh hóa chất nguy hiểm, ngăn ngừa thương tích do hóa chất, luật và quy định về sức khỏe và sự an toàn cũng như ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm.

(2) Một trăm giờ về khử trùng và vệ sinh, bao gồm các quy trình khử trùng để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của khách hàng cũng như kỹ thuật viên và quy trình khử trùng thích hợp đối với thiết bị sử dụng tại cơ sở.

(3) Ba trăm năm mươi giờ về chăm sóc da, bao gồm xoa bóp và mát-xa da mặt bằng hóa chất và bằng tay, kích thích, tẩy tế bào chết, làm sạch hoặc làm đẹp da mặt, da đầu, cổ hoặc cơ thể bằng cách sử dụng tay, thiết bị thẩm mỹ, sản phẩm mỹ phẩm, thuốc sát trùng, sữa dưỡng, tinh chất hoặc kem không dẫn đến việc cắt bỏ hoặc phá hủy các mô sống.

(4) Năm mươi giờ tẩy lông và làm đẹp lông mi và lông mày, bao gồm nhuộm màu và chải lông mi, lông mày và dán lông mi cho bất kỳ ai, và bao gồm loại bỏ lông tóc thừa trên cơ thể của bất kỳ người nào bằng cách sử dụng các loại thuốc tẩy lông, kẹp nhíp, đường (sugaring), hóa chất không kê đơn hoặc sáp hoặc bằng bất kỳ kiểu/loại dụng cụ, thiết bị nào, trừ việc sử dụng laze hoặc sóng ánh sáng, thường được gọi là tia.

7365. Khóa Học Chăm Sóc Móng; Số Giờ Đào Tạo Thực Hành

(a) Khóa học chăm sóc móng do một trường thiết lập phải bao gồm ít nhất 400 giờ đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật.

(b) Chương trình giảng dạy cho khóa học chăm sóc móng tối thiểu phải bao gồm hướng dẫn kỹ thuật và thực hành trong các lĩnh vực sau:

(1) Một trăm giờ về sức khỏe và sự an toàn, bao gồm về các chất độc hại, an toàn hóa chất, phiếu dữ liệu an toàn, bảo vệ tránh hóa chất nguy hiểm, ngăn ngừa thương tích do hóa chất, luật và quy định về sức khỏe và sự an toàn cũng như ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm.

(2) Một trăm giờ về khử trùng và vệ sinh, bao gồm các quy trình khử trùng để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của khách hàng cũng như kỹ thuật viên và quy trình khử trùng thích hợp đối với thiết bị sử dụng tại cơ sở.

(3) Một trăm năm mươi giờ về làm móng tay và móng chân, bao gồm làm móng tay bằng nước và dầu, mát-xa bàn tay và cánh tay, mát-xa bàn chân và mắt cá chân, phân tích móng, sửa móng và dán móng giả, quét cọ dung dịch, gel và bột, ngâm móng, dán móng và đắp móng.

7366. Khóa Học Điện Phân; Số Giờ Đào Tạo Thực Hành

(a) Khóa học điện phân do một trường thiết lập phải bao gồm ít nhất 600 giờ đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật về hành nghề điện phân.

(b) Chương trình giảng dạy của khóa học điện phân gồm đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật trong các lĩnh vực sau:

(1) Một trăm giờ về sức khỏe và sự an toàn, bao gồm về các chất độc hại, an toàn hóa chất, phiếu dữ liệu an toàn, bảo vệ tránh hóa chất nguy hiểm, ngăn ngừa thương tích do hóa chất, luật và quy định về sức khỏe và sự an toàn cũng như ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm.

(2) Một trăm giờ về khử trùng và vệ sinh, bao gồm các quy trình khử trùng để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của khách hàng và kỹ thuật viên và quy trình khử trùng thích hợp đối với thiết bị sử dụng tại cơ sở.

(3) Bốn trăm giờ điện phân, nhiệt phân, phương thức kết hợp hoặc lưỡng kép, và điện.

(A) Môn học về điện phân sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng các kỹ thuật chèn đơn và đa kim, sử dụng dòng galvanic, phản ứng da, điện di anot và điện chuyển, đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị điện phân.

(B) Môn học về nhiệt phân sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng thiết bị nhiệt phân tự động và bằng tay, các kỹ thuật chèn, sử dụng dòng cao tần trong cả hai cường độ cao và thấp, phản ứng da, và đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị nhiệt phân.

(C) Môn học về phương thức kết hợp hoặc lưỡng kép sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng kết hợp dòng cao tần và dòng galvanic, các kỹ thuật chèn, phản ứng da, điện di anot và điện chuyển, đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị Kết Hợp/Lưỡng Kép.

(D) Môn học về điện sẽ bao gồm tính chất của dòng điện, nguyên tắc hoạt động của các thiết bị điện, các biện pháp phòng ngừa an toàn khác nhau áp dụng khi vận hành các thiết bị điện, và bảo trì đúng cách các thiết bị.

7367. Chuyển Đổi Tín Chỉ

Đối với các học viên chuyển từ chương trình hướng dẫn sang một chương trình khác, hội đồng sẽ cấp tín chỉ đào tạo đạt được trong khóa học tương đương với việc đào tạo được yêu cầu trong khóa học khác.

7368. Chỉ Định Dịch Vụ Do Trường Cung Cấp Như Là Công Việc Cho Học Viên

Các trường không được phép quảng cáo các dịch vụ làm tóc, trang điểm, điện phân tới công chúng trên các phương tiện truyền thông trừ khi các dịch vụ này được chỉ định rõ ràng là các công việc cho học viên.

7389. Khóa Học Sức Khỏe Và An Toàn Về Chất Độc Hại

(a) Hội đồng sẽ xây dựng hoặc chọn khóa học sức khỏe và sự an toàn về chất độc hại và luật lao động cơ bản, như được nêu tại Mục 7314.3, cũng như nhận thức về tấn công thể chất và tình dục, như được quy định tại Mục 7314.3, và khóa học sẽ được dạy tại các trường được hội đồng phê duyệt. Việc xây dựng khóa học sẽ bao gồm thử nghiệm về khóa học và các lớp đào tạo để chuẩn bị cho người hướng dẫn sử dụng khóa học một cách hiệu quả.

(b) Mục này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2019.

7389.5. Khóa Học Làm Tóc Hoặc Trang Điểm Do Các Cơ Quan Cải Huấn Liên Bang Hoặc Tiểu Bang Tại Tiểu Bang Thiết Lập

Khóa đào tạo về làm tóc, trang điểm hoặc tạo kiểu tóc do các cơ quan cải huấn liên bang hoặc tiểu bang ở California thiết lập có thể giúp cho người được đào tạo đủ tư cách để tham gia kỳ thi xin cấp phép hành nghề thợ làm tóc, bác sĩ thẩm mỹ hoặc chuyên viên tạo kiểu tóc, miễn là khóa học tuân thủ tất cả các điều khoản hiện hành của đạo luật này và các quy định được thông qua chiếu theo đó.

7395.1. Học Viên Trường Đào Tạo Thẩm Mỹ Làm Thực Tập Sinh Tại Các Cơ Sở

(a) Học viên ghi danh khóa đào tạo được phê duyệt tại một trường đào tạo thẩm mỹ do hội đồng chấp thuận chiếu theo tiểu phần (a) Mục 7362, sau khi hoàn tất tối thiểu 25 phần trăm số giờ bắt buộc để tốt nghiệp khóa học, có thể làm việc với tư cách là một thực tập sinh tại một cơ sở có tham gia vào chương trình đào tạo của trường.

(b) Cá nhân làm việc với tư cách là thực tập sinh sẽ nhận được tín chỉ xác nhận số giờ để tốt nghiệp, tuy nhiên tín chỉ này sẽ không vượt quá 25 giờ mỗi tuần và 25 phần trăm tổng số giờ bắt buộc để hoàn thành khóa học.

(c) Chương trình thực tập sẽ được tiến hành tại một cơ sở đáp ứng được tất cả các tiêu chí sau:

(1) Cơ sở được hội đồng cấp phép.

(2) Cơ sở có tối thiểu bốn người được cấp phép đang làm việc tại đó, bao gồm người làm công và chủ sở hữu hoặc người quản lý.

(3) Tất cả những người được cấp phép tại cơ sở đều có danh tiếng tốt với hội đồng.

(4) Những người được cấp phép đang làm việc tại cơ sở làm việc để nhận lương hoặc thù lao thay vì để cho thuê mặt bằng.

(5) Cứ mỗi bốn người được cấp phép đang làm việc tại cơ sở thì không có quá một thực tập sinh được phép làm việc tại đó. Người được cấp phép được tuyển dụng chính thức sẽ không bị thay thế hoặc bị cắt giảm hoặc điều chỉnh thời gian làm việc để phù hợp với việc bố trí thực tập sinh tại cơ sở. Trước khi bố trí thực tập sinh, cơ sở phải có văn bản đồng ý gửi tới trường và tới tất cả những người được cấp phép có liên quan rằng sẽ không xảy ra việc giảm hoặc điều chỉnh lịch làm việc hiện tại của người được cấp phép. Điều này không ngăn cấm người được cấp phép tự nguyện giảm bớt hoặc điều chỉnh lịch làm việc của mình.

(6) Các thực tập sinh phải đeo thẻ nhận dạng của trường ở vị trí dễ thấy trong suốt thời gian làm việc tại cơ sở và phải mang thẻ nhận dạng được ép phiến của trường có dán ảnh theo mẫu được hội đồng chấp thuận.

(d) (1) Tối thiểu 90 phần trăm trách nhiệm và công việc của một thực tập sinh sẽ bao gồm các hoạt động trong phạm vi hành nghề trang điểm được quy định tại Mục 7316.

(2) Cơ sở sẽ tham khảo ý kiến của trường chỉ định về sự tiến bộ của thực tập sinh trong quá trình thực tập. Chủ sở hữu hoặc người quản lý cơ sở sẽ giám sát và báo cáo cho trường một cách đều đặn về quá trình làm việc của học viên, cùng với sự hỗ trợ từ những người giám sát được cấp phép.

(3) Trường tham gia sẽ đánh giá kết quả học tập của thực tập sinh từ chương trình thực tập. Trường sẽ lưu giữ các hồ sơ chính xác về quá trình học tập của thực tập sinh trong chương trình thực tập đó cũng như các hồ sơ cho thấy kết quả học tập của thực tập sinh được chuyển thành tín chỉ khóa học như thế nào.

(e) Việc tham gia vào chương trình thực tập do một trường cung cấp là tự nguyện, học viên có thể hủy bỏ tại bất kỳ thời điểm nào và sẽ không phải là điều kiện tiên quyết để tốt nghiệp.

(f) Cơ sở chọn sử dụng thực tập sinh phải chịu trách nhiệm bảo hiểm trách nhiệm chung của thực tập sinh đó cũng như bảo hiểm trách nhiệm sơ suất về trang điểm, và phải cung cấp các bằng chứng cho trường tham gia về việc cơ sở đó được bảo hiểm với cả hai hình thức bảo hiểm trách nhiệm và thực tập sinh cũng được bảo hiểm theo bảo hiểm đó.

(g) (1) Mục đích của chương trình thực tập được cho phép theo mục này là để cung cấp cho các học viên những kỹ năng, kiến thức và thái độ cần thiết để có được công việc trong lĩnh vực mà học viên được đào tạo cũng như mở rộng việc hướng dẫn chính thức trên lớp.

(2) Việc hướng dẫn phải được dựa trên các kỹ năng, kiến thức, thái độ và mức độ thể hiện trong lĩnh vực trang điểm mà theo đó hướng dẫn được thực hiện.

(3) Thực tập sinh chỉ có thể thực hiện các hoạt động được liệt kê trong định nghĩa hành nghề trang điểm theo Mục 7316, nếu người được cấp giấy phép trực tiếp giám sát các hoạt động này, ngoại trừ trường hợp thực tập sinh không thể sử dụng hay xử lý hóa chất trừ khi thực tập sinh đó đã được đào tạo phù hợp để xử lý từ một trường đào tạo thẩm mỹ được phê duyệt. Thực tập sinh có thể làm việc cho khách hàng có trả tiền chỉ với tư cách trợ giúp và chỉ khi có sự giám sát trực tiếp và tức thời của người được cấp phép.

(4) Thực tập sinh không được thực hiện bất kỳ công việc nào vi phạm luật pháp.

7395.2. Học Viên Trường Làm Tóc Làm Thực Tập Sinh Tại Các Cơ Sở

(a) Học viên ghi danh khóa đào tạo được phê duyệt tại một trường dạy làm tóc do Hội Đồng chấp thuận chiếu theo tiểu phần (a) Mục 7362, sau khi hoàn tất tối thiểu 25 phần trăm số giờ bắt buộc để tốt nghiệp khóa học, có thể làm việc với tư cách là một thực tập sinh tại một cơ sở có tham gia vào chương trình đào tạo của trường.

(b) Cá nhân làm việc với tư cách là thực tập sinh sẽ nhận được tín chỉ xác nhận số giờ để tốt nghiệp, tuy nhiên tín chỉ này sẽ không vượt quá 25 giờ mỗi tuần và 25 phần trăm tổng số giờ bắt buộc để hoàn thành khóa học.

(c) Chương trình thực tập sẽ được tiến hành tại một cơ sở đáp ứng được tất cả các tiêu chí sau:

(1) Cơ sở được hội đồng cấp phép.

(2) Cơ sở có tối thiểu bốn người được cấp phép đang làm việc tại đó, bao gồm người làm công và chủ sở hữu hoặc người quản lý.

(3) Tất cả những người được cấp phép tại cơ sở đều có danh tiếng tốt với hội đồng.

(4) Những người được cấp phép đang làm việc tại cơ sở làm việc để nhận lương hoặc thù lao thay vì để cho thuê mặt bằng.

(5) Cứ mỗi bốn người được cấp phép đang làm việc tại cơ sở thì không có quá một thực tập sinh được phép làm việc tại đó. Người được cấp phép được tuyển dụng chính thức sẽ không bị thay thế hoặc bị cắt giảm hoặc điều chỉnh thời gian làm việc để phù hợp với việc bố trí thực tập sinh tại cơ sở. Trước khi bố trí thực tập sinh, cơ sở phải có văn bản đồng ý gửi tới trường và tới tất cả những người được cấp phép có liên quan rằng sẽ không xảy ra việc giảm hoặc điều chỉnh lịch làm việc hiện tại của người được cấp phép. Điều này không ngăn cấm người được cấp phép tự nguyện giảm bớt hoặc điều chỉnh lịch làm việc của mình.

(6) Các thực tập sinh phải đeo thẻ nhận dạng của trường ở vị trí dễ thấy trong suốt thời gian làm việc tại cơ sở và phải mang thẻ nhận dạng được ép phiến của trường có dán ảnh theo mẫu được hội đồng chấp thuận.

(d) (1) Tối thiểu 90 phần trăm trách nhiệm và công việc của thực tập sinh sẽ bao gồm các hoạt động trong phạm vi hành nghề làm tóc được quy định tại Mục 7316.

(2) Cơ sở sẽ tham khảo ý kiến của trường chỉ định về sự tiến bộ của thực tập sinh trong quá trình thực tập. Chủ sở hữu hoặc người quản lý cơ sở sẽ giám sát và báo cáo cho trường một cách đều đặn về quá trình làm việc của học viên, cùng với sự hỗ trợ từ những người giám sát được cấp phép.

(3) Trường tham gia sẽ đánh giá kết quả học tập của thực tập sinh từ chương trình thực tập. Trường sẽ lưu giữ các hồ sơ chính xác về quá trình học tập của thực tập sinh trong chương trình thực tập đó cũng như các hồ sơ cho thấy kết quả học tập của thực tập sinh được chuyển thành tín chỉ khóa học như thế nào.

(e) Việc tham gia vào chương trình thực tập do một trường cung cấp là tự nguyện, học viên có thể hủy bỏ tại bất kỳ thời điểm nào và sẽ không phải là điều kiện tiên quyết để tốt nghiệp.

(f) Cơ sở chọn sử dụng thực tập sinh phải chịu trách nhiệm bảo hiểm trách nhiệm chung của thực tập sinh đó cũng như bảo hiểm trách nhiệm sơ suất về làm tóc, và phải cung cấp các bằng chứng cho trường tham gia về việc cơ sở đó được bảo hiểm với cả hai hình thức bảo hiểm trách nhiệm và thực tập sinh cũng được bảo hiểm theo bảo hiểm đó.

(g) (1) Mục đích của chương trình thực tập được cho phép theo mục này là để cung cấp cho các học viên những kỹ năng, kiến thức và thái độ cần thiết để có được công việc trong lĩnh vực mà học viên được đào tạo cũng như mở rộng việc hướng dẫn chính thức trên lớp.

(2) Việc hướng dẫn phải được dựa trên các kỹ năng, kiến thức, thái độ và mức độ thể hiện trong lĩnh vực làm tóc mà theo đó hướng dẫn được thực hiện.

(3) Thực tập sinh chỉ có thể thực hiện các hoạt động được liệt kê trong định nghĩa hành nghề làm tóc theo Mục 7316, nếu người được cấp giấy phép trực tiếp giám sát các hoạt động này, ngoại trừ trường hợp thực tập sinh không thể sử dụng hay xử lý hóa chất trừ khi thực tập sinh đó đã được đào tạo phù hợp để xử lý từ một trường làm tóc được phê duyệt. Thực tập sinh có thể làm việc cho khách hàng có trả tiền chỉ với tư cách trợ giúp và chỉ khi có sự giám sát trực tiếp và tức thời của người được cấp phép.

(4) Thực tập sinh không được thực hiện bất kỳ công việc nào vi phạm luật pháp.

ĐIỀU 9
(Bảo lưu)

ĐIỀU 10
Giấy Phép

7396. Mẫu Và Nội Dung Của Giấy Phép

Mẫu và nội dung của giấy phép do hội đồng cấp sẽ được quy định tuân thủ theo Mục 164.

Giấy phép phải ghi rõ người được cấp phép được cấp là thợ làm tóc, bác sĩ thẩm mỹ, chuyên gia thẩm mỹ, thợ làm móng, chuyên viên điện phân hay người học nghề, và phải có ảnh của người được cấp giấy phép.

7396.5. Giấy Phép Thử Thách

(a) Bất kể quy định nào khác của luật pháp, hội đồng có thể, theo toàn quyền tự quyết của mình, cấp giấy phép thử thách cho đương đơn theo các điều khoản và điều kiện được hội đồng cho là phù hợp, bao gồm, nhưng không giới hạn ở, những điều sau đây:

(1) Đang điều trị y tế, tâm thần hoặc tâm lý.

(2) Đang tham gia chương trình phục hồi được chỉ định.

(3) Đang cai rượu hoặc ma túy.

(4) Tuân thủ tất cả các điều khoản của chương này.

(b) (1) Bất kể các quy định khác của luật pháp, và Cho các mục đích của mục này, khi quyết định cấp giấy phép thử thách, hội đồng sẽ yêu cầu đương đơn có tội danh được bãi bỏ cung cấp bằng chứng của việc bãi bỏ đó và sẽ cân nhắc đặc biệt đối với đương đơn nào có tội danh được bãi bỏ theo Mục 1203.4 hoặc 1203.4a Bộ Luật Hình Sự.

(2) Hội đồng cũng sẽ cân nhắc và xem xét bất kỳ tài liệu hợp lý nào khác hoặc lý lịch tính cách cá nhân do đương đơn cung cấp có thể sử dụng làm bằng chứng phục hồi được hội đồng xem là cần thiết.

(c) Hội đồng có thể sửa đổi hoặc chấm dứt các điều khoản và điều kiện áp dụng đối với giấy phép thử thách khi nhận được đơn thỉnh nguyện của đương đơn hoặc người được cấp phép.

(d) Cho các mục đích của việc cấp giấy phép thử thách cho đương đơn mới hội đủ điều kiện, hội đồng sẽ xây dựng các điều khoản thử thách tiêu chuẩn, bao gồm, nhưng không giới hạn ở, những điều sau đây:

(1) Hạn mức ba năm trên giấy phép thử thách cá nhân.

(2) Quy trình để đạt được giấy phép tiêu chuẩn dành cho đương đơn đã được cấp giấy phép thử thách.

(3) Các yêu cầu giám sát.

(4) Sự tuân thủ và các yêu cầu báo cáo hàng quý.

7397. Trưng Bày Giấy Phép
Những người được cấp giấy phép phải trưng bày giấy phép ở nơi dễ nhìn thấy tại nơi kinh doanh hoặc nơi làm việc.

7398. Giấy Phép Sao Y
Giấy phép sao y sẽ được cấp sau khi văn bản thông báo được đệ trình giải thích việc mất giấy phép, được xác nhận bằng cam kết của đương đơn cùng với lệ phí theo quy định trong chương này.

7399. Giấy Phép Tạm Thời
Giấy phép tạm thời không được cấp trong mọi trường hợp.

7400. Thông Tin Được Yêu Cầu Tại Thời Điểm Đổi Mới Giấy Phép
Những người được cấp phép của hội đồng, ngoại trừ các cơ sở, trong vòng 30 ngày sau khi thay đổi địa chỉ, phải thông báo cho hội đồng địa chỉ mới, và kể từ khi nhận được thông báo, hội đồng phải thực hiện những thay đổi cần thiết trong hồ sơ đăng ký.

7401. Thông Tin Được Yêu Cầu Báo Cáo Cho Hội Đồng Khi Đổi Mới Giấy Phép; Báo Cáo Của Hội Đồng Cho Cơ Quan Lập Pháp

(a) Cá nhân được cấp giấy phép chiếu theo Mục 7396 phải báo cáo cho hội đồng tại thời điểm gia hạn giấy phép về tình trạng hành nghề của mình, được xác định là một trong những điều sau đây:

(1) Hành nghề toàn thời gian tại California.
(2) Hành nghề toàn thời gian bên ngoài California.
(3) Hành nghề bán thời gian tại California.
(4) Không làm việc trong ngành.
(5) Đã nghỉ hưu.
(6) Các tình trạng hành nghề khác, có thể được hội đồng quy định bổ sung.

(b) Cá nhân được cấp giấy phép chiếu theo Mục 7396, tại thời điểm gia hạn giấy phép, phải nêu rõ bản thân trong đơn xin là một trong những người sau đây:

(1) Nhân viên.
(2) Nhà thầu độc lập.
(3) Chủ tiệm.

(c) Cá nhân được cấp giấy phép chiếu theo Mục 7347, tại thời điểm gia hạn giấy phép, phải báo cáo cho hội đồng về việc họ có một người làm việc độc lập đang hoạt động tại cơ sở.

7402.5. Giấy Phép Dịch Vụ Cá Nhân

(a) Cho các mục đích của mục này, "giấy phép dịch vụ cá nhân" nghĩa là giấy phép ủy quyền cho một cá nhân thực hiện các dịch vụ mà người đó được cấp phép chiếu theo chương này, bên ngoài một cơ sở, như được xác định tại Mục 7346, phù hợp với các quy định do hội đồng thiết lập.

(b) Hội đồng có thể cấp giấy phép dịch vụ cá nhân cho người đáp ứng được các tiêu chí để cấp phép dịch vụ cá nhân được nêu ra trong quy định.

(c) Hội đồng sẽ ban hành các quy định về giấy phép dịch vụ cá nhân. Khi thiết lập các quy định, hội đồng sẽ tổ chức, ở mức tối thiểu, hai cuộc họp cho các bên liên quan.

(1) Hội đồng sẽ quyết định các loại giấy phép thích hợp có thể áp dụng cho giấy phép dịch vụ cá nhân để bảo vệ sự an toàn của người tiêu dùng.

(2) Hội đồng sẽ ủy quyền cho người có giấy phép dịch vụ cá nhân thực hiện các dịch vụ bên ngoài cơ sở được cấp phép.

(3) Hội đồng sẽ không miễn trừ bất kỳ quy định hoặc yêu cầu hiện có nào về sức khỏe và sự an toàn cho người có giấy phép dịch vụ cá nhân.

(4) Hội đồng không bắt buộc người có giấy phép dịch vụ cá nhân phải được thuê bởi một cơ sở, trừ khi hội đồng nhận thấy điều đó là cần thiết để duy trì sự an toàn của người tiêu dùng.

(5) Các quy định có thể yêu cầu đương đơn xin giấy phép dịch vụ cá nhân phải có chứng từ bảo hiểm trách nhiệm và phải thông qua một chứng nhận lý lịch tư pháp.

(d) Giấy phép dịch vụ cá nhân sẽ có hiệu lực trong hai năm và phải được đổi mới trước khi hết hạn. Lệ phí cấp giấy phép dịch vụ cá nhân sẽ không quá năm mươi đô-la ($50). Lệ phí đổi mới giấy phép dịch vụ cá nhân sẽ không quá năm mươi đô-la ($50). Phí nợ quá hạn bằng 50 phần trăm lệ phí đổi mới có hiệu lực vào ngày đổi mới.

(e) Hội đồng phải báo cáo tiến độ của quy trình quản lý và cấp phép dịch vụ cá nhân cho Cơ Quan Lập Pháp vào hoặc trước ngày 01 tháng 07 năm 2017.

(1) Báo cáo phải được đệ trình tuân thủ Mục 9795 của Bộ Luật Chính Quyền.

(2) Yêu cầu báo cáo với Cơ quan Lập pháp theo tiểu phần này sẽ không có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2021, chiếu theo Mục 10231.5 của Bộ Luật Chính Quyền.

ĐIỀU 11
Thủ Tục Kỷ Luật

7403. Thu Hồi, Đình Chỉ Hoặc Từ Chối Cấp Giấy Phép

(a) Bất kể các quy định khác của luật pháp, hội đồng có thể thu hồi, đình chỉ hoặc từ chối bất cứ lúc nào mọi giấy phép được yêu cầu theo chương này dựa trên bất kỳ cơ sở nào đối với hành vi kỷ luật được nêu ra trong điều này. Các thủ tục theo điều này phải được tiến hành theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500) Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ Luật Chính Quyền, và hội đồng sẽ có toàn quyền quyết định theo đó.

(b) Hội đồng có thể từ chối cấp phép cho đương đơn dựa trên bất kỳ cơ sở nào được quy định trong Mục 480.

(c) Bên cạnh các yêu cầu được quy định trong Mục 485 và 486, dựa trên việc từ chối cấp phép cho đương đơn, hội đồng sẽ đưa ra thông báo các lý do từ chối, bao gồm:

(1) Các đánh giá bằng chứng phục hồi do đương đơn đệ trình, nếu có.

(2) Các tiêu chí của hội đồng liên quan tới việc phục hồi, được xây dựng theo Mục 482, trong đó có xem xét tới độ tuổi và mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm, cũng như bằng chứng liên quan tới việc tham gia sửa chữa hoặc các chương trình phục hồi khác.

(3) Nếu quyết định của hội đồng được dựa trên việc kết tội trước đó của đương đơn, các dẫn giải cho sự từ chối cấp phép của hội đồng và những lý do vì sao việc kết tội trước có liên quan đáng kể đến năng lực, chức năng hoặc nhiệm vụ của thợ làm tóc hoặc bác sĩ thẩm mỹ.

(d) Bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2009, tất cả những điều sau đây sẽ được áp dụng:

(1) Nếu việc từ chối cấp phép ít nhất một phần là do hồ sơ tiền án tiền sự tiểu bang hoặc liên bang của đương đơn, thì hội đồng, ngoài các thông tin được đưa ra chiếu theo đoạn (3), tiểu phần (c), phải cung cấp cho đương đơn một bản sao hồ sơ tiền án tiền sự của người đó nếu đương đơn gửi tới hội đồng văn bản yêu cầu một bản sao, ghi rõ địa chỉ mà bản sao sẽ được gửi đến đó.

(A) Hồ sơ tiền án tiền sự tiểu bang hoặc liên bang không được phép chỉnh sửa hay thay đổi từ hình thức đến nội dung theo quy định của Sở Tư Pháp.

(B) Hồ sơ tiền án tiền sự sẽ được cung cấp theo cách thức này để bảo vệ tính bảo mật và riêng tư của hồ sơ tiền án tiền sự của đương đơn và hồ sơ tiền án tiền sự sẽ không được hội đồng cung cấp cho bất kỳ người chủ nào.

(C) Hội đồng sẽ giữ lại một bản sao văn bản yêu cầu của đương đơn và một bản sao thư hồi âm gửi cho đương đơn, trong đó bao gồm thời gian và địa chỉ mà thư hồi âm đã được gửi đến đó.

(2) Hội đồng sẽ cung cấp thông tin này theo yêu cầu của Sở Tư Pháp hoặc Cục Điều Tra Liên Bang.

(e) Bất kể quy định tại Mục 487, hội đồng sẽ tổ chức phiên điều trần về việc từ chối cấp phép trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều trần của đương đơn. Đối với các yêu cầu điều trần khác, hội đồng sẽ quyết định khi nào phiên điều trần sẽ được tổ chức.

(f) Trong bất kỳ trường hợp nào mà thẩm phán luật hành chính đề nghị hội đồng thu hồi, đình chỉ hoặc từ chối cấp giấy phép, thẩm phán luật hành chính có thể, dựa trên việc trình bày các bằng chứng thích hợp, yêu cầu người được cấp phép thanh toán cho hội đồng các chi phí hợp lý cho việc điều tra và phán xử vụ việc. Cho các mục đích của mục này, "chi phí" bao gồm các khoản phí của hội đồng cho điều tra vụ việc, các khoản phí mà văn phòng Tổng Chưởng Lý đã chi để điều tra và trình bày vụ việc, cũng như các khoản phí mà Văn Phòng Điều Trần Hành Chính đã chi để xét xử vụ việc và ban hành quyết định đề xuất.

(g) Các chi phí được đánh giá sẽ do thẩm phán luật hành chính ấn định và trong bất kỳ trường hợp nào hội đồng cũng không được phép tăng thêm. Khi hội đồng không thông qua quyết định đề xuất và gửi trả vụ việc cho thẩm phán luật hành chính, thẩm phán luật hành chính đó không được tăng thêm bất kỳ chi phí nào đã được ấn định trong quyết định đề xuất.

(h) Hội đồng có thể yêu cầu thi hành lệnh thanh toán tại tòa thượng thẩm ở quận nơi tổ chức phiên điều trần hành chính. Quyền thực thi này sẽ được bổ sung vào bất kỳ quyền nào khác mà hội đồng có thể có liên quan tới bất kỳ người được cấp phép nào được chỉ định thanh toán các chi phí.

(i) Trong bất kỳ hành động pháp lý nào khi thu hồi các chi phí, chứng cứ về quyết định của hội đồng sẽ là bằng chứng thuyết phục hiệu lực của lệnh thanh toán và các điều khoản thanh toán.

(j) Bất kể các quy định khác của luật pháp, mọi chi phí được thu hồi theo mục này phải được ký gửi vào quỹ dự phòng của hội đồng như một khoản bồi hoàn dự trù trong năm tài chính mà các chi phí đó được thực sự hoàn lại.

7403.2. Đình Chỉ Giấy Phép Tạm Thời; Thời Hạn Thử Thách; Phục Hồi Giấy Phép

(a) Bất kể các quy định khác của luật pháp, viên chức điều hành hoặc người được chỉ định của họ, căn cứ theo cuộc thanh tra một cơ sở nơi có hành vi vi phạm các luật lệ và quy định về sức khỏe và sự an toàn liên quan tới thiết bị chăm sóc móng tay và móng chân cũng như theo trát hầu tòa được ban hành, có thể, không cần phiên điều trần trước, đình chỉ tạm thời giấy phép được cấp theo chương này nếu, theo quan điểm

của viên chức điều hành hoặc người được chỉ định của họ, hành động này là cần thiết để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của công chúng. Việc đình chỉ sẽ có hiệu lực khi viên chức điều hành hoặc người được chỉ định của họ cung cấp thông báo bằng văn bản về việc đình chỉ đối với người được cấp phép đó.

(b) Việc đình chỉ giấy phép chiếu theo mục này sẽ được thi hành ngay lập tức. Giấy phép đó sẽ bị thử thách trong một năm kể từ ngày đình chỉ và phải tuân theo các điều khoản và điều kiện như sau:

(1) Người được cấp phép phải tham gia khóa đào tạo sửa chữa do hội đồng phê duyệt liên quan tới các luật lệ và quy định về sức khỏe và sự an toàn áp dụng cho cơ sở đó.

(2) Người được cấp phép sẽ được hội đồng thanh tra lại. Người chủ cơ sở phải thanh toán mọi chi phí cho việc thanh tra.

(3) Người được cấp phép phải thanh toán cho hội đồng tất cả các khoản phạt theo trát hầu tòa. Trong trường hợp gặp khó khăn về tài chính, người được cấp phép có thể ký kết thỏa thuận với hội đồng để thanh toán định kỳ khoản tiền phạt đó.

(c) Người được cấp phép bị đình chỉ giấy phép theo mục này có thể kháng cáo bằng văn bản tới Ủy Ban Xem Xét Kỷ Luật để xác định xem việc đình chỉ và các điều khoản và điều kiện thử thách có nên được điều chỉnh hoặc bãi bỏ hay không. Đơn kháng cáo phải được đệ trình lên ủy ban trong vòng 30 ngày kể từ ngày việc đình chỉ giấy phép có hiệu lực. Đơn kháng cáo không được đệ trình trong khung thời gian quy định sẽ bị ủy ban từ chối. Đơn kháng cáo phải được thực hiện theo quy trình được mô tả trong Mục 7410. Người được cấp phép có thể kháng cáo quyết định của ủy ban lên viên chức điều hành của chương trình theo quy trình được mô tả trong Mục 7411.

(d) Nếu người được cấp phép không tuân thủ các điều khoản và điều kiện thử thách được áp dụng theo mục này, hội đồng có thể kiến nghị hủy bỏ thời gian thử thách của người được cấp phép. Các thủ tục sẽ được thực hiện theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500) Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ Luật Chính Quyền.

(e) Căn cứ vào việc hoàn thành tốt các điều khoản và điều kiện thử thách của người được cấp phép, hội đồng sẽ phục hồi giấy phép.

7403.5. Đóng Cửa Cơ Sở Vi Phạm An Toàn Và Sức Khỏe

(a) Bên cạnh việc ủy quyền được quy định trong Mục 494 và 7403, viên chức điều hành, bằng toàn quyền quyết định của mình dựa trên kết quả thanh tra, có thể ra văn bản thông báo đóng cửa ngay lập tức bất cứ cơ sở nào bị phát hiện đã vi phạm có tính chất nghiêm trọng về sức khỏe và sự an toàn, gây đe dọa tức thời tới sức khỏe và sự an toàn của công chúng.

(b) Viên chức điều hành sẽ ban hành văn bản thông báo đình chỉ giấy phép của cơ sở có nêu các lý do cho việc đó và thông báo đóng cửa. Thông báo đóng cửa này sẽ được dán tại cơ sở để công chúng và khách hàng có thể nhìn thấy rõ ràng.

(c) Khi văn bản thông báo đình chỉ giấy phép của cơ sở được ban hành, cơ sở này phải đóng cửa ngay lập tức đối với mọi công chúng lẫn khách hàng và phải dừng mọi hoạt động cho tới khi việc đình chỉ được viên chức điều hành hủy bỏ, đình chỉ hết hiệu lực hoặc được thay thế bằng lệnh ban hành theo căn cứ của Mục 494 hoặc cho tới khi cơ sở không còn hoạt động nữa theo chương này.

(d) (1) Trước khi ban hành lệnh đình chỉ theo mục này, nếu thực tế cho phép, viên chức điều hành phải gửi thông báo tới cơ sở và cho họ cơ hội giải trình. Nếu không có cơ hội giải trình nào được thực hiện trước khi ban hành lệnh đình chỉ, cơ sở có thể yêu cầu một cơ hội khác sau khi lệnh đình chỉ được ban hành.

(2) Thông báo và giải trình theo mục này có thể đưa ra bằng lời nói hoặc bằng văn bản, bao gồm thông báo và giải trình qua điện thoại, chuyển fax hoặc các phương tiện điện tử khác tùy hoàn cảnh cho phép.

(e) Dựa trên việc sửa chữa vi phạm, cơ sở có thể yêu cầu hủy bỏ thông báo đình chỉ bằng văn bản. Viên chức điều hành sẽ tiến hành thanh tra trong vòng 48 giờ để xác định thông báo đình chỉ bằng văn bản có thể được hủy bỏ hay không. Nếu thông báo đình chỉ bằng văn bản chưa được hủy bỏ do cơ sở không thể sửa chữa vi phạm khi thanh tra, khoản thu là một trăm đô-la ($100) sẽ được áp dụng cho từng lần thanh tra kế tiếp theo mục này.

(f) Thông báo đình chỉ sẽ tiếp tục được niêm yết cho đến khi viên chức điều hành gỡ bỏ, nhưng sẽ có hiệu lực không quá 30 ngày. Việc gỡ bỏ thông báo đình chỉ bởi bất kỳ người nào khác không phải là viên chức điều hành hoặc người đại diện được chỉ định hoặc cơ sở từ chối đóng cửa dựa trên việc ban hành văn bản thông báo đình chỉ giấy phép của cơ sở đều được xem là vi phạm chương này và có thể dẫn đến những hình phạt đã được cho phép trong chương này.

7404. Căn Cứ Áp Dụng Biện Pháp Kỷ Luật

Các căn cứ cho biện pháp kỷ luật như sau:

(a) Thực hiện không chuyên nghiệp, bao gồm, nhưng không giới hạn ở, bất kỳ điều nào sau đây:

(1) Thiếu trình độ hoặc cẩu thả nghiêm trọng, bao gồm cả việc không tuân thủ theo các tiêu chuẩn được chấp thuận chung cho việc hành nghề làm tóc, trang điểm hoặc điện phân hoặc xem nhẹ sức khỏe và sự an toàn của khách hàng.

(2) Lặp lại nhiều lần hành vi cẩu thả tương tự.

(3) Bị kết tội có liên quan chủ yếu đến năng lực, chức năng hoặc nghĩa vụ của người có giấy phép, trong trường hợp đó, các hồ sơ về việc kết tội hoặc bản sao có chứng thực về việc đó sẽ là bằng chứng kết tội thuyết phục.

(4) Quảng cáo bằng những lời lẽ sai lệch hoặc gian dối một cách có chủ ý.

(b) Không tuân thủ các yêu cầu của chương này.

(c) Không tuân thủ các quy định về sức khỏe và sự an toàn do hội đồng thông qua và được Sở Dịch Vụ Y Tế Tiểu Bang chấp thuận, đối với quy định của các cơ sở hoặc bất kỳ việc hành nghề nào được cấp phép và quy định theo chương này.

(d) Không tuân thủ các luật lệ đã được hội đồng thông qua đối với quy định của các cơ sở hoặc bất kỳ việc hành nghề nào được cấp phép và quy định theo chương này.

(e) Một người tiếp tục hành nghề khi biết rõ là người đó bị bệnh truyền nhiễm hoặc dễ lây lan.

(f) Thường xuyên say rượu hoặc hay dùng hoặc nghiện dùng, bất kỳ chất bị kiểm soát nào.

(g) Thực hiện hoặc cố gắng thực hiện bất kỳ công việc nào được cấp phép và quy định theo chương này hoặc nhận tiền hoặc thù lao dưới mọi hình thức, bằng cách xuyên tạc gian lận.

(h) Không trưng bày giấy phép hoặc các quy tắc và quy định về an toàn và sức khỏe ở nơi dễ thấy.

(i) Tham gia vào bất kỳ việc hành nghề nào yêu cầu phải có giấy phép theo chương này bên ngoài cơ sở được cấp phép và để được trả công dưới bất kỳ hình thức nào, trừ khi dịch vụ được cung cấp do khách hàng đau ốm hoặc mất năng lực thể chất hoặc tinh thần, và khi được thực hiện bởi người được cấp giấy phép cho mục đích của cơ sở được cấp phép.

(j) Cho phép sử dụng giấy phép khi người được cấp phép không đích thân tham gia vào công việc một cách tích cực và thường xuyên.

(k) Đưa ra những tuyên bố sai lệch đối với một vấn đề trọng yếu trong bất kỳ cam kết hoặc bản khai có tuyên thệ nào được yêu cầu theo các điều khoản của chương này.

(l) Từ chối cho phép hoặc can thiệp vào cuộc thanh tra được ủy quyền theo chương này.

(m) Bất kỳ hành động hoặc hành vi nào đảm bảo sự từ chối cấp phép.

(n) Không nộp lại giấy phép bị cấp sai hoặc cấp nhầm.

7404.1. Vi Phạm Chương
Bất kỳ cá nhân, công ty, hiệp hội hoặc tổ chức nào vi phạm chương này đều được xem là phạm tội tiểu hình trừ khi có hình phạt cụ thể được quy định khác.

7405. "Kết Án"; Hiệu Lực Đối Với Giấy Phép
Khai tội hoặc tuyên án có tội hoặc bị kết tội sau khi để tùy tòa xét xử đều được xem là lời kết tội theo ý nghĩa của điều này. Hội đồng có thể ra lệnh đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép hoặc từ chối cấp giấy phép khi thời gian kháng cáo đã hết hoặc phán quyết kết tội đã được xác nhận dựa trên kháng cáo hoặc khi lệnh ban hành án treo được đưa ra để tạm hoãn việc chịu án, bất kể trát lệnh tiếp đó theo Mục 1203.4 Bộ Luật Hình Sự cho phép một người rút lại lời khai tội của mình và đưa ra lời biện hộ vô tội hoặc bãi bỏ tuyên án có tội hoặc bác bỏ việc buộc tội, thông tin hoặc cáo trạng.

ĐIỀU 12
Phạt Hành Chính Và Trát Hầu Tòa

7406. Ước Định Mức Phạt Hành Chính Đối Với Vi Phạm
Ngoài quyền tiến hành các thủ tục kỷ luật theo chương này, thông qua các đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, hội đồng có quyền ước định các khoản phạt hành chính đối với việc vi phạm bất kỳ mục nào của chương này hoặc đối với việc vi phạm bất kỳ luật lệ và quy định nào được hội đồng thông qua theo chương này.

7407. Bản Liệt Kê Các Khoản Phạt Hành Chính
Hội đồng sẽ thiết lập theo quy định bản liệt kê các khoản phạt hành chính đối với các trường hợp vi phạm chương này mà có ảnh hưởng trực tiếp đến sự an toàn của khách hàng. Mọi khoản tiền thu được theo mục này sẽ được chuyển vào quỹ dự phòng của hội đồng.
Bản liệt kê sẽ chỉ ra từng loại vi phạm, tùy theo quyết định của hội đồng, vi phạm đó có thể được khắc phục hay không. Hội đồng sẽ đảm bảo rằng hội đồng và Cục Giáo Dục Sau Trung Học Tư Thục không ban hành trát hầu tòa cho cùng một vi phạm.

7407.1. Các Khoản Phạt Được Áp Dụng Cho Cả Cơ Sở Lẫn Cá Nhân Đối Với Cùng Một Vi Phạm
(a) Hội đồng sẽ quyết định dựa trên quy định khi nào một khoản phạt sẽ được áp dụng cho cả người được cấp phép cơ sở và cá nhân được cấp phép đối với cùng một vi phạm. Hội đồng cũng sẽ quyết định dựa trên quy định khi nào một khoản phạt sẽ được áp dụng chỉ đối với người được cấp phép cơ sở hoặc chỉ đối với cá nhân được cấp phép đối với cùng một vi phạm. Khi đưa ra quyết định, hội đồng sẽ xem xét tính nghiêm trọng của vi phạm đối với các quy định về sức khỏe và sự an toàn và xem vi phạm đó có phải là vi phạm tái diễn của người được cấp phép trong cùng cơ sở hay không.

(b) (1) Hội đồng sẽ thiết lập theo quy định một chương trình giáo dục khắc phục do hội đồng cung cấp, thay thế cho vi phạm lần đầu về sức khỏe và an toàn.

(2) Hội đồng có thể áp đặt một khoản phí để trang trải chi phí quản lý hợp lý của chương trình được mô tả trong đoạn (1).

7408. Trát Hầu Tòa

Thông qua các đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, hội đồng sẽ ban hành trát hầu tòa đối với bất kỳ vi phạm nào có thể ước định khoản phạt hành chính. Mỗi trát hầu tòa sẽ được lập bằng văn bản và mô tả chi tiết tính chất của vi phạm, bao gồm thông tin tham khảo tới điều khoản cụ thể được viện dẫn là đã bị vi phạm. Khoản phạt hành chính, nếu có, sẽ kèm theo tại thời điểm soạn thảo trát hầu tòa. Trát hầu tòa sẽ bao gồm yêu cầu sửa chữa bất kỳ điều kiện hoặc vi phạm nào cho phép sửa chữa, theo quyết định của hội đồng chiếu theo Mục 7406.

7408.1. Kế Hoạch Thanh Toán Trả Góp

Hội đồng có thể chấp nhận kế hoạch thanh toán cho các trát hầu tòa với các khoản phạt hành chính vượt quá năm trăm đô la ($500). Hội đồng sẽ quyết định dựa trên quy định các thông số của kế hoạch thanh toán, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn ở, các điều khoản của kế hoạch và căn cứ để hủy bỏ kế hoạch.

7409. Sửa Chữa Vi Phạm

Bất kỳ người được cấp phép nào phải nhận trát hầu tòa đều có thể tránh nộp khoản phạt hành chính liên quan bằng cách trình bày chứng cứ bằng văn bản thuyết phục hội đồng hoặc viên chức điều hành của hội đồng rằng vi phạm đó đã được sửa chữa. Điều khoản này chỉ được áp dụng khi người được cấp phép vi phạm lần đầu trong bất kỳ khoảng thời gian ba năm nào theo bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của chương này hoặc các luật lệ và quy định đã được thông qua chiếu theo chương này. Bằng chứng sửa chữa phải được trình bày trước hội đồng thông qua viên chức điều hành, theo thời gian và cách thức do hội đồng quy định. Tùy theo quyết định của mình, hội đồng có thể kéo dài thời gian sửa chữa vi phạm ở mức hợp lý nếu lý do chính đáng được đưa ra. Thông báo sửa chữa được nộp sau ngày quy định sẽ không được chấp nhận và khoản phạt hành chính phải được thanh toán.

7410. Kháng Cáo Lên Ủy Ban Xem Xét Kỷ Luật
Những người phải nhận thông báo vi phạm hoặc trát hầu tòa kèm theo khoản phạt hành chính đã được ước định có thể kháng cáo trát hầu tòa đó lên Ủy Ban Xem Xét Kỷ Luật do hội đồng thành lập. Mọi đơn kháng cáo phải được đệ trình bằng văn bản theo chương trình trong vòng 30 ngày kể từ ngày ban hành trát hầu tòa. Các đơn kháng cáo trát hầu tòa không được đệ trình đúng hạn sẽ bị từ chối.

Sau khi đơn kháng cáo đúng hạn đã được gửi đến chương trình, khoản phạt hành chính, nếu có, sẽ được tạm hoãn cho đến khi kháng cáo đó đã được phán xử.

Những người kháng cáo trát hầu tòa hoặc đại diện được chỉ định của họ, có thể trình diện trực tiếp trước Ủy Ban Xem Xét Kỷ Luật. Người kháng cáo có thể trình bày chứng cứ bằng văn bản hoặc bằng lời liên quan đến các sự kiện và hoàn cảnh liên quan đến trát hầu tòa được ban hành. Tiếp theo kháng cáo tới ủy ban xem xét kỷ luật, ủy ban này sẽ đưa ra quyết định dựa trên kết quả cứ liệu thực tế, có thể phê chuẩn, giảm nhẹ, bãi bỏ hoặc thay đổi bất kỳ tội danh nào được lập trong trát hầu tòa. Khoản phạt hành chính sẽ không tăng thêm trong mọi trường hợp. Người kháng cáo sẽ được cung cấp bản sao bằng văn bản quyết định của ủy ban xem xét kỷ luật liên quan đến kháng cáo.

7411. Kháng Cáo Quyết Định Của Ủy Ban Xem Xét Kỷ Luật
Những người nhận được quyết định từ ủy ban xem xét kỷ luật có thể kháng cáo quyết định đó bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản trong vòng 30 ngày sau khi nhận được quyết định đến điều hành viên chương trình. Tiếp theo phiên điều trần kháng cáo quyết định của ủy ban xem xét kỷ luật, giám đốc sau đó sẽ dựa trên kết quả cứ liệu thực tế để ban hành quyết định phê chuẩn, thay đổi hoặc hủy bỏ trát hầu tòa hoặc hình phạt hoặc hướng dẫn hình thức xử lý phù hợp khác. Khoản phạt hành chính sẽ không tăng thêm trong mọi trường hợp. Phiên điều trần tranh luận quyết định của ủy ban xem xét kỷ luật sẽ được tiến hành theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500) Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ Luật Chính Quyền, và giám đốc sẽ có toàn quyền quyết định trong phiên điều trần đó.

7413. Tính Đúng Hạn Của Kháng Cáo, Tính Chung Cuộc Của Quyết Định
Các kháng cáo trát hầu tòa không được đệ trình đúng hạn hoặc người kháng cáo hoặc đại diện của người kháng cáo không trình diện trước ủy ban xem xét kỷ luật vào thời điểm được chỉ định mà không đưa ra lý do chính đáng sẽ dẫn đến trát hầu tòa trở thành quyết định cuối cùng và sẽ không có khiếu nại hành chính nào nữa trừ khi luật pháp có quy định khác.

7414. Hiệu Lực Của Việc Không Nộp Các Khoản Phạt Hành Chính
Việc cấp giấy phép cho hoặc gia hạn giấy phép của người không nộp khoản phạt hành chính mà đã không bị phản đối hoặc đã bị phản đối nhưng kháng cáo đã được phán xử có thể tùy thuộc vào việc tất cả các khoản phạt được nộp cùng với bất kỳ chi phí nộp đơn, gia hạn hoặc nợ quá hạn nào được yêu cầu.

ĐIỀU 12.5
Cơ Sở Nhuộm Nâu Da

7414.1. Thanh Tra Hồ Sơ Được Yêu Cầu Lưu Giữ Theo Đạo Luật Cơ Sở Nhuộm Nâu Da Filante Năm 1988
Tất cả các hồ sơ được luật pháp yêu cầu các cơ sở nhuộm nâu da lưu giữ theo Đạo Luật Cơ Sở Nhuộm Nâu Da Filante Năm 1988 (Chương 23 (bắt đầu từ Mục 22700), Khoản 8), bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các hồ sơ liên quan đến các tuyên bố cảnh báo bằng văn bản, biển hiệu được yêu cầu niêm yết, năng lực của những người vận hành cơ sở, các tuyên bố thừa nhận, các mẫu đơn đồng ý của phụ huynh và các báo cáo thương tích sẽ được công khai cho việc thanh tra của hội đồng hoặc những người đại diện được ủy quyền của hội đồng trong bất kỳ cuộc thanh tra nào hoặc trong bất kỳ cuộc điều tra nào được thực hiện khi có đơn khiếu nại rằng cơ sở nhuộm nâu da đó đã vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Đạo Luật Cơ Sở Nhuộm Nâu Da Filante Năm 1988. Bản sao của bất kỳ hoặc toàn bộ các hồ sơ này phải được cung cấp cho hội đồng hoặc những người đại diện được ủy quyền ngay khi có yêu cầu.

7414.2. Các Trường Hợp Trong Đó Việc Vi Phạm Đạo Luật Cơ Sở Nhuộm Nâu Da Filante Năm 1988 Bị Coi Là Phạm Luật; Hình Phạt
(a) Bất kể các quy định khác của luật pháp, việc vi phạm Đạo Luật Cơ Sở Nhuộm Nâu Da Filante Năm 1988 (Chương 23 (bắt đầu từ Mục 22700) của Khoản 8) được xem là hành vi phạm luật theo các thủ tục được quy định trong Mục 19.6 và 19.7 Bộ Luật Hình Sự khi:

(1) Đơn khiếu nại hoặc thông báo bằng văn bản đệ trình tại tòa án chiếu theo Chương 5c (bắt đầu từ Mục 853.5) Tiêu đề 3, Phần 2 Bộ Luật Hình Sự được nộp tại tòa án cáo buộc việc vi phạm như là hành vi phạm luật, hoặc

(2) Tòa án, với sự đồng thuận của bị đơn và nguyên đơn, xác định rằng vi phạm đó là hành vi phạm luật nếu trong trường hợp vụ kiện được tiến hành như thể bị đơn đã bị buộc tội trong một khiếu nại phạm luật.

(b) Bất kể các quy định khác của luật pháp, một vi phạm đối với bất kỳ điều khoản nào trong Đạo Luật Cơ Sở Nhuộm Nâu Da Filante Năm 1988 được xem là hành vi phạm luật, đều có thể bị phạt một khoản tiền tối thiểu là hai trăm năm mươi đô-la ($250) và tối đa là một ngàn đô-la ($1,000).

(c) Mục này sẽ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 1994.

7414.3. Quyền Ban Hành Thông Báo Trình Diện; Trách Nhiệm Đối Với Việc Ban Hành

(a) Bất kỳ đại diện nào của hội đồng đã được giám đốc bổ nhiệm đều có quyền ban hành văn bản thông báo trình diện tại tòa án chiếu theo Chương 5c (bắt đầu từ Mục 853.5), Tiêu đề 3, Phần 2 Bộ Luật Hình Sự. Người đại diện được chỉ định đó không phải là viên chức thi hành luật và cũng không được hưởng các quyền lợi hưu trí thành viên an toàn do việc bổ nhiệm đó. Trừ khi có những quy định khác, việc ủy quyền cho người đại diện được giới hạn ở việc ban hành các văn bản thông báo trình diện cho hành vi vi phạm Đạo Luật Cơ Sở Nhuộm Nâu Da Filante Năm 1988 và chỉ khi việc vi phạm đó được thực hiện với sự chứng kiến của người đại diện.

(b) Sẽ không có bất cứ trách nhiệm dân sự nào về phía, và không có bất kỳ lý do khởi tố nào phát sinh chống lại bất kỳ người đại diện nào, thi hành theo tiểu phần (a) và trong phạm vi ủy quyền của người đại diện đó, đối với việc bắt giữ sai hoặc bỏ tù sai phát sinh ngoài bất kỳ việc bắt giữ hợp pháp nào hoặc khi người đại diện, tại thời điểm bắt giữ đó, có lý do hợp lý để tin là hợp pháp.

(c) Mục này sẽ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 1994.

7414.4. Phổ Biến Thông Tin Đến Các Cơ Sở Về Việc Tuân Thủ Đạo Luật Cơ Sở Nhuộm Nâu Da Filante Năm 1988

Hội đồng, cùng với các đại diện được ủy quyền của mình, có thể phổ biến thông tin tới các cơ sở nhuộm nâu da về việc tuân thủ Đạo Luật Cơ Sở Nhuộm Nâu Da Filante Năm 1988.

7414.5. Áp Dụng Điều Luật

Điều luật này chỉ được áp dụng đối với những cơ sở nhuộm nâu da được vận hành cùng với hoặc ở cùng địa điểm với một cơ sở được cấp phép theo chương này.

7414.6. Thông Qua Các Quy Định

Hội đồng có thể thông qua các quy định liên quan đến việc vận hành các cơ sở nhuộm nâu da tại các cơ sở được cấp phép.

ĐIỀU 13
Doanh Thu

7415. Hết Hiệu Lực Của Giấy Phép

Những giấy phép được cấp theo chương này, nếu không có ngoại lệ cụ thể nào, sẽ được cấp với thời hạn hai năm và sẽ hết hiệu lực lúc giữa đêm vào ngày cuối cùng của tháng mà hội đồng cấp.

7417. Thời Gian Gia Hạn Đối Với Giấy Phép Hết Hiệu Lực
Trừ khi được quy định khác trong điều luật này, người được cấp phép không gia hạn giấy phép đã hết hiệu lực trong thời gian quy định theo điều luật này có thể gia hạn vào bất cứ lúc nào trong vòng năm năm kể từ ngày hết hạn dựa trên đơn xin và việc nộp mọi khoản lệ phí gia hạn được tích lũy và chưa nộp cũng như các khoản phí nợ quá hạn. Nếu giấy phép được gia hạn sau khi hết hiệu lực, người được cấp phép, như một điều kiện tiên quyết cho việc gia hạn, cũng phải thanh toán phí nợ quá hạn và đáp ứng tất cả các yêu cầu giáo dục thường xuyên hiện hành, nếu có, theo quy định của chương này. Việc gia hạn theo mục này sẽ có hiệu lực vào ngày nộp đơn hoặc vào ngày các chi phí gia hạn tích lũy được thanh toán hoặc vào ngày phí nợ quá hạn, nếu có, được thanh toán, tùy theo điều kiện nào xảy ra trước. Nếu được gia hạn như vậy, giấy phép sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến ngày hết hạn được nêu trong điều luật này, điều này sẽ diễn ra tiếp theo sau ngày gia hạn có hiệu lực, khi giấy phép sẽ hết hạn nếu không được gia hạn lần nữa.

7418. Giấy Phép Bị Hủy Bỏ
Trừ khi được quy định khác trong điều luật này, giấy phép không được gia hạn trong vòng năm năm kể từ ngày hết hạn sẽ được xem như bị hủy bỏ và có thể không được gia hạn, khôi phục, phục hồi hoặc cấp lại sau đó. Người có giấy phép bị hủy bỏ chỉ có thể xin giấy phép mới bằng cách nộp đơn, thanh toán các lệ phí theo yêu cầu, hội đủ tiêu chuẩn và vượt qua các kỳ thi theo yêu cầu như khi người có giấy phép nộp đơn xin giấy phép lần đầu.

7419. Gia Hạn Giấy Phép Bị Đình Chỉ
Giấy phép bị đình chỉ hết hạn và sẽ được gia hạn bởi người được cấp phép theo quy định trong điều này, tuy nhiên, việc gia hạn này không cho phép người được cấp giấy phép, trong khi giấy phép vẫn đang bị đình chỉ và cho đến khi giấy phép được phục hồi, tham gia vào bất kỳ hoạt động nào đã được cấp phép hoặc vào bất kỳ hoạt động nào khác hoặc thực hiện vi phạm trát lệnh hoặc phán quyết dẫn đến việc giấy phép bị đình chỉ.

7420. Hết Hiệu Lực Của Giấy Phép Bị Thu Hồi
Giấy phép bị thu hồi hết hạn theo quy định trong điều này, nhưng không được phép gia hạn. Nếu giấy phép được phục hồi theo Đạo Luật Thủ Tục Hành Chính sau khi hết hạn, như một điều kiện tiên quyết để được khôi phục, người được cấp phép phải thanh toán phí phục hồi tương đương với phí gia hạn hiện hành.

7421. Thiết Lập Lệ Phí

Các khoản lệ phí sẽ do hội đồng thiết lập, trong phạm vi giới hạn của điều luật này, với một số tiền cần thiết để bù đắp các chi phí mà hội đồng sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ của mình theo chương này.

7422. Báo Cáo Về Lệ Phí Cho Kiểm Soát Viên

Mọi khoản lệ phí được thu thay mặt cho hội đồng và tất cả các hóa đơn thuộc bất kỳ loại hình hay trạng thái nào đều phải được báo cáo lên Kiểm Soát Viên vào đầu mỗi tháng cho tháng trước đó. Đồng thời, toàn bộ số tiền thu phải được nộp vào Ngân Khố Tiểu Bang và sẽ được đưa vào Quỹ Dự Phòng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm được thành lập theo đó.

Số tiền trong quỹ dự phòng này sẽ được dành riêng cho hội đồng theo Đạo Luật Ngân Sách thường niên và phần còn lại sẽ dùng để chi trả lương bổng và tất cả các chi phí khác phát sinh cần thiết khi thi hành chương này.

7423. Lệ Phí

Số lệ phí được quy định trong chương này có liên quan đến các giấy phép dành cho người hành nghề cá nhân như sau:

(a) (1) Phí nộp đơn xin hành nghề bác sĩ thẩm mỹ và khảo thí sẽ là chi phí thực tế để hội đồng triển khai, mua sắm, đánh giá và điều hành kỳ thi.

(2) Phí cấp giấy phép lần đầu dành cho bác sĩ thẩm mỹ sẽ không quá năm mươi đô-la ($50).

(b) (1) Phí nộp đơn xin hành nghề chuyên gia thẩm mỹ và khảo thí sẽ là chi phí thực tế để hội đồng triển khai, mua sắm, đánh giá và điều hành kỳ thi.

(2) Phí cấp giấy phép lần đầu dành cho chuyên gia thẩm mỹ sẽ không quá bốn mươi đô-la ($40).

(c) (1) Phí nộp đơn xin hành nghề thợ làm móng và khảo thí sẽ là chi phí thực tế để hội đồng triển khai, mua sắm, đánh giá và điều hành kỳ thi.

(2) Phí cấp giấy phép lần đầu dành cho thợ làm móng sẽ không quá ba mươi lăm đô-la ($35).

(d) (1) Phí nộp đơn xin hành nghề thợ làm tóc và khảo thí sẽ là chi phí thực tế để hội đồng triển khai, mua sắm, đánh giá và điều hành kỳ thi.

(2) Phí cấp giấy phép lần đầu dành cho thợ làm tóc sẽ không quá năm mươi đô-la ($50).

(e) (1) Phí nộp đơn xin hành nghề chuyên viên điện phân và khảo thí sẽ là chi phí thực tế để hội đồng triển khai, mua sắm, đánh giá và điều hành kỳ thi.

(2) Phí cấp giấy phép lần đầu dành cho chuyên viên điện phân sẽ không quá năm mươi đô-la ($50).

(f) Phí nộp đơn xin học nghề và cấp phép sẽ không quá hai mươi lăm đô-la ($25).

(g) Phí gia hạn giấy phép đối với các giấy phép cần được gia hạn của người hành nghề cá nhân sẽ không vượt quá năm mươi đô-la ($50).

(h) Phí nộp đơn xin hành nghề chuyên viên tạo kiểu tóc và khảo thí sẽ là chi phí thực tế để hội đồng triển khai, mua sắm, đánh giá và điều hành kỳ thi.

(i) Phí cấp giấy phép lần đầu dành cho chuyên viên tạo kiểu tóc sẽ không quá năm mươi đô-la ($50).

(j) Bất kể quy định tại Mục 163.5, phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép sẽ bằng 50 phần trăm phí gia hạn có hiệu lực từ ngày gia hạn.

7424. Biểu Phí Cho Hoạt Động Của Cơ Sở

Mức phí phải trả theo chương này liên quan đến các giấy phép hoạt động của một cơ sở như sau:

(a) Phí nộp đơn và cấp phép lần đầu sẽ không quá tám mươi đô-la ($80).

(b) Phí gia hạn sẽ không quá bốn mươi đô-la ($40).

(c) Phí nợ quá hạn bằng 50 phần trăm lệ phí đổi mới có hiệu lực vào ngày đổi mới.

(d) Bất kỳ phí nộp đơn và cấp phép lần đầu nào do thay đổi quyền sở hữu của một cơ sở hiện có cũng đều có thể được hội đồng thiết lập trong một khoản ít hơn phí được quy định cho một cơ sở mới, nhưng phải đủ để bù đắp cho những chi phí để giải quyết đơn xin và cấp giấy phép.

7425. Biểu Phí Cho Hoạt Động Của Đơn Vị Lưu Động

Mức phí phải trả theo chương này liên quan đến các giấy phép hoạt động của đơn vị lưu động như sau:

(a) Phí nộp đơn sẽ không quá năm mươi đô-la ($50).

(b) Phí thanh tra và cấp phép lần đầu sẽ không quá một trăm đô-la ($100).

(c) Phí gia hạn sẽ không quá bốn mươi đô-la ($40).

(d) Phí nợ quá hạn sẽ bằng 50 phần trăm phí gia hạn có hiệu lực từ ngày gia hạn, bất kể quy định tại Mục 163.5.

7426. Lệ Phí Giấy Phép Sao Y

Lệ phí cấp giấy phép sao y theo quy định tại Mục 7398 sẽ là mười đô-la ($10).

7426.5. Phân Chia Lệ Phí Thành Các Hạng Mục Dựa Trên Chức Năng Xử Lý; Mất Toàn Bộ Hoặc Một Phần Lệ Phí

Hội đồng, bằng các quy định, có thể phân chia các khoản lệ phí phải nộp liên quan đến các giấy phép theo chương này thành các hạng mục riêng biệt dựa trên chức năng xử lý, ví dụ như xem xét đơn xin, điều hành kỳ thi hoặc cấp giấy phép, miễn là tổng chi phí cho các chức năng xử lý này không được vượt quá mức tối đa theo quy định của hạng mục cấp phép đó.

Hội đồng, bằng các quy định, có thể thiết lập các thủ tục mà theo đó một phần hoặc tất cả lệ phí được nộp cùng với đơn xin cấp giấy phép sẽ bị mất do đương đơn rút lại đơn, không có mặt để dự thi hoặc được yêu cầu thi lại.

7427. Miễn Lệ Phí Gia Hạn Giấy Phép

(a) (1) Đối với các giấy phép hết hạn vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 và trước ngày 01 tháng 01 năm 2023, hội đồng sẽ không thu lệ phí và người được cấp giấy phép sẽ không phải trả phí gia hạn được quy định trong điều này.

(2) Tiểu phần này sẽ không còn hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2023.

(b) Nếu người được cấp giấy phép thanh toán phí gia hạn cho giấy phép hết hạn vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 và trước ngày 01 tháng 01 năm 2023, cả hai điều sau sẽ được áp dụng:

(1) Hội đồng sẽ không trả lại hoặc hoàn trả khoản thanh toán.

(2) Hội đồng sẽ không thu, và người được cấp giấy phép sẽ không phải trả phí gia hạn cho kỳ gia hạn tiếp theo.

(c) Mục này chỉ có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2025, và tại ngày đó thì được bãi bỏ.

KHOẢN 1.5
TỪ CHỐI, ĐÌNH CHỈ VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP

CHƯƠNG 1
Các Điều Khoản Chung

475. Áp Dụng Khoản Luật

(a) Bất kể các điều khoản khác của bộ luật này, những quy định của khoản này sẽ quyết định việc từ chối giấy phép dựa trên những cơ sở sau:

(1) Cố ý đưa ra thông tin sai lệch về thực tế trọng yếu hoặc cố ý bỏ qua thông tin về thực tế trọng yếu khi nộp hồ sơ xin giấy phép.

(2) Kết án phạm tội.

(3) Đã thực hiện bất kỳ hành vi nào liên quan đến tính không trung thực, gian lận hoặc lừa đảo nhằm mục đích chủ yếu là trục lợi cho bản thân hoặc người khác hoặc gây thương tích đáng kể cho người khác.

(4) Đã có bất kỳ hành vi nào mà nếu được thực hiện bởi người được cấp phép kinh doanh hoặc hành nghề đang được nói đến, sẽ là cơ sở để đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép.

(b) Bất kể các điều khoản khác của bộ luật này, những quy định của khoản luật này sẽ quyết định việc đình chỉ và thu hồi giấy phép dựa trên những cơ sở được ghi rõ trong đoạn (1) và (2) của tiểu phần (a).

(c) Giấy phép sẽ không bị từ chối, đình chỉ hoặc thu hồi dựa trên những cơ sở như thiếu tư cách đạo đức hoặc bất kỳ cơ sở tương tự nào liên quan đến tính cách, danh tiếng, nhân phẩm hoặc thói quen của đương đơn.

476. Miễn Trừ

(a) Trừ trường hợp được quy định ở tiểu phần (b), không có nội dung nào trong khoản này được áp dụng cho việc cấp phép hay đăng ký của những người chiếu theo Chương 4 (bắt đầu từ Mục 6000), Khoản 3 hoặc chiếu theo Khoản 9 (bắt đầu từ Mục 23000) hoặc chiếu theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 19800), Khoản 8.

(b) Mục 494.5 sẽ áp dụng cho việc cấp phép của những người được phép hành nghề luật chiếu theo Chương 4 (bắt đầu từ Mục 6000), Khoản 3, và việc cấp phép hoặc đăng ký của những người chiếu theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 19800), Khoản 8 hoặc chiếu theo Khoản 9 (bắt đầu từ Mục 23000).

477. "Hội Đồng"; "Giấy Phép"

Như được sử dụng trong khoản này:

(a) "Hội đồng" bao gồm "cục", "ủy ban", "ban", "sở", "phòng", "ban kiểm tra", "chương trình" và "cơ quan."

(b) "Giấy phép" bao gồm giấy chứng nhận, đăng ký hoặc các loại giấy tờ khác liên quan đến công việc hoặc ngành nghề được quy định trong bộ luật này.

478. "Đơn Đăng Ký"; "Tài Liệu"

(a) Như được sử dụng trong khoản này, "đơn đăng ký" bao gồm những tài liệu hoặc văn bản gốc được đệ trình và các tài liệu hoặc văn bản hỗ trợ khác bao gồm các tài liệu hỗ trợ được cung cấp hoặc đệ trình đồng thời hoặc sau đó, để hỗ trợ cho đơn đăng ký được cung cấp hoặc đệ trình bởi đương đơn hoặc bởi bất kỳ người nào khác nhằm hỗ trợ cho đơn đăng ký.

(b) Như được sử dụng trong khoản này, "tài liệu" bao gồm tuyên bố hoặc sự thiếu sót chủ yếu liên quan đến năng lực, chức năng hoặc nhiệm vụ của công việc hay ngành nghề.

CHƯƠNG 2
Từ Chối Cấp Phép

480. Căn Cứ Cho Việc Từ Chối; Hiệu Lực Của Việc Đạt Được Chứng Nhận Phục Hồi

(a) Bất kể điều khoản nào khác của bộ luật này, một hội đồng có thể từ chối cấp giấy phép theo quy định của bộ luật này với lý do đương đơn đã bị kết tội hoặc đã bị kỷ luật chính thức chỉ khi hội đủ một trong hai điều kiện sau đây:

(1) Đương đơn đã bị kết tội trong vòng bảy năm trước đó kể từ ngày nộp đơn có liên quan chủ yếu đến năng lực, chức năng hoặc nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề nộp đơn xin, bất kể đương đơn có bị giam giữ vì tội đó hay không hoặc đương đơn đã bị kết án phạm tội có liên quan chủ yếu đến năng lực, chức năng hoặc nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề nộp đơn xin và theo đó mà đương đơn hiện đang bị giam giữ hoặc theo đó mà đương đơn đã được phóng thích khỏi nhà tù trong vòng bảy năm trước đó kể từ ngày nộp đơn. Tuy nhiên, giới hạn bảy năm trước đó sẽ không được áp dụng cho một trong các trường hợp sau:

(A) Đương đơn đã bị kết án trọng tội, như được định nghĩa trong Mục 1192.7 Bộ Luật Hình Sự hoặc một tội mà theo đó bắt buộc phải đăng ký chiếu theo đoạn (2) hoặc (3), tiểu phần (d), Mục 290 Bộ Luật Hình Sự.

(B) Đương đơn đã bị kết án phạm tội về tài chính hiện được phân loại là một trọng tội có liên quan trực tiếp và bất lợi đến năng lực ủy thác, chức năng hoặc nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề nộp đơn xin, chiếu theo các quy định được hội đồng thông qua và theo đó đương đơn đang xin cấp phép theo bất kỳ mục nào sau đây:

(i) Chương 1 (bắt đầu từ Mục 5000), Khoản 3.

(ii) Chương 6 (bắt đầu từ Mục 6500), Khoản 3.

(iii) Chương 9 (bắt đầu từ Mục 7000), Khoản 3.

(iv) Chương 11.3 (bắt đầu từ Mục 7512), Khoản 3.

(v) Giấy phép làm giám đốc tang lễ hoặc quản lý nghĩa trang theo Chương 12 (bắt đầu từ Mục 7600), Khoản 3.

(vi) Khoản 4 (bắt đầu từ Mục 10000).

(2) Đương đơn đã bị kỷ luật chính thức bởi một hội đồng cấp phép bên trong hoặc ngoài California trong vòng bảy năm trước đó kể từ ngày nộp đơn, dựa trên hành vi sai trái trong ngành dẫn đến bị kỷ luật trước hội đồng mà theo đó đơn xin hiện tại được lập và việc kỷ luật chủ yếu có liên quan đến năng lực, chức năng hoặc nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề mà theo đó đơn xin hiện tại được lập. Tuy nhiên, biện pháp kỷ

luật trước đây của một hội đồng cấp phép trong vòng bảy năm trước đó sẽ không phải là cơ sở để từ chối cấp phép nếu cơ sở đưa ra biện pháp kỷ luật đó là bản kết án đã bị bác bỏ chiếu theo Mục 1203.4, 1203.4a, 1203.41, 1203.42 hoặc 1203.425 Bộ Luật Hình Sự hoặc lệnh bãi miễn hoặc xóa bỏ tương đương. Việc kỷ luật chính thức xảy ra trước ngày nộp đơn bảy năm có thể là căn cứ để từ chối cấp giấy phép chỉ khi hành vi dẫn đến biện pháp kỷ luật chính thức đó, nếu được thực hiện tại tiểu bang này bởi một bác sĩ và bác sĩ phẫu thuật được cấp phép theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 2000) của Khoản 2, cấu thành hành vi lạm dụng tình dục, hành vi sai trái hoặc mối quan hệ với bệnh nhân theo Mục 726 hoặc hành vi bóc lột tình dục như được định nghĩa tại tiểu phần (a) của Mục 729.

(b) Bất kể điều khoản nào khác của bộ luật này, sẽ không có người nào bị từ chối cấp phép chỉ dựa trên cơ sở đã phạm một tội hoặc trên cơ sở các hành vi dẫn đến bản kết tội, nếu người đó đã nhận được giấy chứng nhận phục hồi theo Chương 3.5 (bắt đầu từ Mục 4852.01), Tiêu đề 6, Phần 3 Bộ Luật Hình Sự, đã được sự khoan hồng hoặc ân xá của chính quyền hành pháp tiểu bang hoặc liên bang hoặc đã thể hiện tốt sự phục hồi chiếu theo Mục 482.

(c) Bất kể điều khoản nào khác của bộ luật này, không có người nào bị từ chối cấp phép dựa trên cơ sở bất kỳ bản kết án nào hoặc trên cơ sở các hành vi dẫn đến việc kết án, đã bị bác bỏ chiếu theo Mục 1203.4, 1203.4a, 1203.41 hoặc 1203.42 Bộ Luật Hình Sự hoặc lệnh bãi miễn hoặc xóa bỏ tương đương. Đương đơn có bản kết án đã bị bác bỏ chiếu theo Mục 1203.4, 1203.4a, 1203.41 hoặc 1203.42 Bộ Luật Hình Sự phải cung cấp bằng chứng về việc bác bỏ nếu việc này không được phản ánh trên báo cáo do Sở Tư Pháp cung cấp.

(d) Bất kể điều khoản nào khác của bộ luật này, một hội đồng không được từ chối cấp phép trên cơ sở của một vụ bắt giữ dẫn đến việc xử lý không phải bản kết án, kể cả vụ bắt giữ dẫn đến vi phạm, trát hầu tòa hoặc phán xử trẻ vị thành niên.

(e) Theo quy định của bộ luật này, một hội đồng có thể từ chối cấp phép trong trường hợp đương đơn cố ý nói sai thực tế được yêu cầu phải tiết lộ trong đơn xin cấp giấy phép. Hội đồng không được từ chối cấp phép chỉ dựa trên việc đương đơn không tiết lộ thực tế mà thực tế đó không phải là nguyên nhân để từ chối cấp phép nếu được tiết lộ.

(f) Một hội đồng phải tuân theo các thủ tục sau đây trong việc yêu cầu hoặc hành động dựa trên thông tin lý lịch hình sự của đương đơn:

(1) Một hội đồng cấp phép chiếu theo Chương 3 (bắt đầu từ Mục 5500), Chương 3.5 (bắt đầu từ Mục 5615), Chương 10 (bắt đầu từ Mục 7301), Chương 20 (bắt đầu từ Mục 9800) hoặc Chương 20.3 (bắt đầu từ Mục 9880), Khoản 3 hoặc Chương 3 (bắt đầu từ Mục 19000) hoặc Chương 3.1 (bắt đầu từ Mục 19225), Khoản 8 có thể yêu cầu đương đơn xin cấp phép theo các chương đó tiết lộ lịch sử kết án hình sự trên đơn xin cấp phép.

(2) Trừ khi được quy định trong đoạn (1), một hội đồng không được yêu cầu đương đơn xin cấp phép tiết lộ bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào liên quan đến lý lịch hình sự của đương đơn. Tuy nhiên, hội đồng có thể yêu cầu giảm bớt thông tin từ đương đơn liên quan đến lý lịch hình sự của đương đơn nhằm mục đích xác định sự liên quan đáng kể hoặc chứng minh bằng chứng phục hồi, với điều kiện là đương đơn được thông báo rằng việc tiết lộ là tự nguyện và rằng quyết định không tiết lộ bất kỳ thông tin nào của đương đơn sẽ không phải là yếu tố trong quyết định của hội đồng khi cấp hoặc từ chối đơn xin cấp phép.

(3) Nếu một hội đồng quyết định từ chối đơn xin cấp phép chỉ dựa hoàn toàn hoặc một phần vào lịch sử kết án của đương đơn, hội đồng phải thông báo cho đương đơn bằng văn bản tất cả những điều sau đây:

(A) Từ chối hoặc tuyên bố không hội đủ điều kiện cấp phép.

(B) Bất kỳ thủ tục hiện hành nào mà hội đồng có để đương đơn kháng nghị quyết định hoặc yêu cầu xem xét lại.

(C) Đương đơn có quyền kháng cáo quyết định của hội đồng.

(D) Các quy trình để đương đơn yêu cầu cấp bản sao lịch sử kết án hoàn chỉnh của người đó và chất vấn về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của hồ sơ theo các Mục 11122 đến 11127, Bộ Luật Hình Sự.

(g) (1) Trong tối thiểu ba năm, mỗi hội đồng theo bộ luật này phải giữ lại các mẫu đơn xin và các tài liệu khác do đương đơn gửi, bất kỳ thông báo nào được cung cấp cho đương đơn, mọi thông tin liên lạc khác nhận được từ và cung cấp đến đương đơn cùng với các báo cáo lý lịch hình sự của đương đơn.

(2) Mỗi hội đồng theo bộ luật này phải giữ lại số đơn nhận được cho mỗi giấy phép và số đơn yêu cầu truy vấn về lý lịch hình sự. Ngoài ra, mỗi cơ quan cấp phép phải giữ lại tất cả những thông tin sau:

(A) Số đương đơn có lý lịch tư pháp nhận được thông báo từ chối hoặc không hội đủ điều kiện cấp phép.

(B) Số đương đơn có lý lịch tư pháp đã cung cấp bằng chứng giảm nhẹ hoặc phục hồi.

(C) Số đương đơn có lý lịch tư pháp đã kháng cáo bất kỳ sự từ chối hoặc tuyên bố không hội đủ điều kiện cấp phép nào.

(D) Phán quyết cuối cùng và thông tin nhân khẩu học, bao gồm thông tin được cung cấp tự nguyện về chủng tộc hoặc giới tính, của bất kỳ đương đơn nào được mô tả trong tiểu đoạn (A), (B) hoặc (C).

(3) (A) Mỗi hội đồng theo bộ luật này hàng năm phải công bố qua Website Internet của hội đồng và qua báo cáo được đệ trình cho các ủy ban chính sách thích hợp thuộc Cơ Quan Lập Pháp các thông tin không định danh được thu thập chiếu theo tiểu phần này. Mỗi hội đồng phải đảm bảo tính bảo mật của các đương đơn.

(B) Báo cáo chiếu theo tiểu đoạn (A) phải được đệ trình tuân thủ theo Mục 9795 Bộ Luật Chính Quyền.

(h) "Kết án" được sử dụng trong mục này sẽ có cùng ý nghĩa như được định nghĩa trong Mục 7.5.

(i) Mục này không làm thay đổi theo bất kỳ cách nào hoặc có ảnh hưởng khác đến thẩm quyền hiện hành của các cơ quan sau đây liên quan đến việc cấp phép:

(1) Ủy Ban Thể Thao Tiểu Bang.

(2) Cục Giáo Dục Sau Trung Học Tư Thục.

(3) Hội Đồng Đua Ngựa California.

(j) Mục này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2020.

480.5. Đơn Xin Cấp Phép: Giam Giữ

(a) Một người đã đáp ứng mọi yêu cầu cần thiết để nhận được giấy phép quy định theo khoản này trong khi bị giam giữ, đã nộp đơn cho giấy phép đó dựa trên việc phóng thích khỏi tù, và đã hội đủ điều kiện được cấp phép sẽ không bị trì hoãn trong việc xử lý đơn xin hoặc bị từ chối cấp phép chỉ trên cơ sở một số hoặc tất cả các yêu cầu cấp phép đã được hoàn thành trong khi người đó đang bị giam giữ.

(b) Không có điều khoản nào trong mục này sẽ được diễn giải để áp dụng cho đơn thỉnh nguyện khôi phục giấy phép hoặc để hạn chế khả năng từ chối cấp phép của hội đồng chiếu theo Mục 480.

(c) Mục này sẽ không áp dụng cho việc cấp phép của các cá nhân theo đạo luật ban đầu được đề cập trong Chương 2 (bắt đầu từ Mục 1000), Khoản 2.

481. Tội Phạm Và Tiêu Chuẩn Phù Hợp Với Công Việc

(a) Mỗi hội đồng theo bộ luật này phải đưa ra các tiêu chí để hỗ trợ cho mình, khi xem xét từ chối, đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép, để quyết định xem một hành vi tội phạm có liên quan chủ yếu đến năng lực, chức năng, hay nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề mà hội đồng quy định hay không.

(b) Các tiêu chí để xác định liệu một hành vi tội phạm có liên quan đáng kể đến năng lực, chức năng, hay nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề mà một hội đồng quy định hay không phải bao gồm tất cả những điều sau đây:

(1) Tính chất và tính nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

(2) Số năm trôi qua kể từ ngày phạm tội.

(3) Tính chất và nhiệm vụ của ngành nghề mà đương đơn xin được cấp phép hoặc người được cấp phép được cấp phép.

(c) Một hội đồng không được từ chối cấp phép dựa trên toàn bộ hoặc một phần của một bản kết án mà không xem xét bằng chứng phục hồi do đương đơn gửi chiếu theo bất kỳ quy trình nào được thiết lập trong đạo luật thực hành hoặc các quy định của hội đồng cụ thể và theo chỉ dẫn của Mục 482.

(d) Mỗi hội đồng phải đăng lên Website Internet của mình bản tóm tắt các tiêu chí được sử dụng để xem xét liệu một hành vi phạm tội có được xem là có liên quan đáng kể đến năng lực, chức năng, hay nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề mà hội đồng quy định nhất quán với mục này hay không.

(e) Mục này không làm thay đổi theo bất kỳ cách nào hoặc có ảnh hưởng khác đến thẩm quyền hiện hành của các cơ quan sau đây liên quan đến việc cấp phép:

(1) Ủy Ban Thể Thao Tiểu Bang.

(2) Cục Giáo Dục Sau Trung Học Tư Thục.

(3) Hội Đồng Đua Ngựa California.

(f) Mục này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2020.

482. Tiêu Chí Phục Hồi

(a) Mỗi hội đồng, theo các điều khoản của bộ luật này, sẽ đưa ra tiêu chí để đánh giá việc phục hồi của một người khi:

(1) Cân nhắc việc từ chối giấy phép của hội đồng theo Mục 480.

(2) Cân nhắc việc đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép theo Mục 490.

(b) Mỗi hội đồng phải xem xét liệu đương đơn hoặc người được cấp phép đã thể hiện tốt việc phục hồi hay không nếu hội đủ một trong những điều sau đây:

(1) Đương đơn hoặc người được cấp phép đã hoàn tất bản án hình sự đang xem xét mà không vi phạm cam kết hay thử thách nào.

(2) Hội đồng, sau khi áp dụng các tiêu chí phục hồi của mình, nhận thấy rằng đương đơn đã phục hồi.

(c) Mục này không làm thay đổi theo bất kỳ cách nào hoặc có ảnh hưởng khác đến thẩm quyền hiện hành của các cơ quan sau đây liên quan đến việc cấp phép:

(1) Ủy Ban Thể Thao Tiểu Bang.

(2) Cục Giáo Dục Sau Trung Học Tư Thục.

(3) Hội Đồng Đua Ngựa California.

(d) Mục này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2020.

484. Chứng Nhận Phẩm Chất Đạo Đức Tốt Của Đương Đơn
Người nộp hồ sơ xin cấp giấy phép theo bộ luật này không phải đệ trình cho hội đồng cấp phép bất kỳ chứng nhận bởi người khác nào đối với phẩm chất đạo đức của mình.

485. Thủ Tục Từ Chối
Khi từ chối đơn xin cấp phép theo chương này hoặc Mục 496, hội đồng phải thực hiện một trong hai việc sau:

(a) Đệ trình và cung cấp tuyên bố ban hành theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500), Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ Luật Chính Quyền.

(b) Thông báo cho đương đơn về việc hồ sơ bị từ chối, nêu rõ

(1) lý do từ chối, và

(2) đương đơn có quyền điều trần theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500), Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ Luật Chính Quyền nếu yêu cầu điều trần bằng văn bản được đưa ra trong vòng 60 ngày kể từ ngày gửi thông báo từ chối. Nếu yêu cầu điều trần bằng văn bản không được đưa ra trong vòng 60 ngày thì quyền điều trần của đương đơn xem như bị từ bỏ.

Việc gửi thông báo từ chối có thể được thực hiện theo cách đã được cho phép đối với việc gửi triệu tập trong tố tụng dân sự hoặc bằng thư bảo đảm đến đương đơn theo địa chỉ mới nhất do đương đơn cung cấp bằng văn bản cho hội đồng trong hồ sơ của mình hoặc bằng cách khác. Việc gửi thư được hoàn tất vào ngày gửi thư.

486. Nội Dung Của Quyết Định Hoặc Thông Báo
Khi hội đồng đã từ chối đơn xin cấp giấy phép theo chương này hoặc theo Mục 496, thì hội đồng, theo quyết định hoặc trong thông báo của mình theo tiểu phần (b), Mục 485, phải thông báo cho đương đơn những nội dung sau:

(a) Ngày sớm nhất mà đương đơn có thể nộp lại đơn xin cấp giấy phép sẽ là một năm kể từ ngày quyết định có hiệu lực hoặc ngày gửi thông báo theo tiểu phần (b), Mục 485, trừ trường hợp hội đồng quy định một ngày sớm hơn hoặc một ngày muộn hơn theo quy định của quy chế khác.

(b) Tất cả các bằng chứng phục hồi có thẩm quyền được trình bày sẽ được xem xét khi nộp lại đơn. Cùng với quyết định hoặc thông báo theo tiểu phần (b), Mục 485, hội đồng sẽ cung cấp bản sao các tiêu chuẩn liên quan đến việc phục hồi được xây dựng theo Mục 482.

487. Điều Trần; Thời Gian

Nếu đương đơn yêu cầu phiên điều trần, hội đồng phải tổ chức phiên điều trần đó trong vòng 90 ngày kể từ ngày yêu cầu trừ trường hợp đương đơn đề nghị hoặc đồng ý bằng văn bản về việc trì hoãn hoặc đình lại phiên điều trần. Bất kể quy định trên đây, Văn Phòng Điều Trần Hành Chính có thể yêu cầu hoặc với lý do chính đáng, cho phép tăng thêm 45 ngày để tiến hành phiên điều trần, ngoại trừ trường hợp bị cáo buộc liên quan đến gian lận trong thi cử hoặc cấp phép, trong những trường hợp này khoảng thời gian đó có thể lên đến 180 ngày. Trong mọi trường hợp không có nhiều hơn hai mệnh lệnh được đưa ra hoặc yêu cầu được chấp thuận.

488. Yêu Cầu Điều Trần

(a) Trừ khi luật pháp có quy định khác, sau phiên điều trần do đương đơn yêu cầu theo tiểu phần (b), Mục 485, hội đồng có thể thực hiện bất kỳ hành động nào sau đây:

(1) Công nhận giấy phép có hiệu lực ngay sau khi đương đơn hoàn tất các yêu cầu cho việc cấp phép.

(2) Công nhận giấy phép có hiệu lực ngay sau khi đương đơn hoàn tất các yêu cầu cho việc cấp phép, ngay lập tức thu hồi giấy phép, hoãn việc thu hồi và áp đặt các điều kiện thử thách đối với giấy phép đó, có thể bao gồm cả việc đình chỉ.

(3) Từ chối cấp giấy phép.

(4) Thực hiện các hành động khác liên quan đến việc từ chối hoặc đồng ý cấp phép mà hội đồng, bằng toàn quyền quyết định của mình, có thể thấy là phù hợp.

(b) Mục này không làm thay đổi theo bất kỳ cách nào hoặc có ảnh hưởng khác đến thẩm quyền hiện hành của các cơ quan sau đây liên quan đến việc cấp phép:

(1) Ủy Ban Thể Thao Tiểu Bang.

(2) Cục Giáo Dục Sau Trung Học Tư Thục.

(3) Hội Đồng Đua Ngựa California.

(c) Mục này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2020.

489. Từ Chối Đơn Mà Không Có Điều Trần

Bất kỳ cơ quan nào thuộc Sở đã được luật pháp cho phép từ chối đơn xin cấp giấy phép dựa trên những căn cứ được quy định trong Mục 480 hoặc 496, có thể từ chối đơn xin mà không cần điều trần dựa trên bất kỳ căn cứ nào như vậy, nếu trong vòng một năm trước đó, và sau khi tiến hành các thủ tục theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500), Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ Luật Chính Quyền, cơ quan đó đã từ chối đơn xin của cùng một đương đơn với cùng một lý do.

CHƯƠNG 3
Đình Chỉ Và Thu Hồi Giấy Phép

490. Căn Cứ Để Đình Chỉ Hoặc Thu Hồi

(a) Ngoài bất kỳ hành động nào khác mà một hội đồng được phép thực hiện đối với người được cấp phép, hội đồng có thể đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép dựa trên cơ sở người được cấp phép đã phạm tội, nếu tội đó có liên quan chủ yếu đến năng lực, chức năng hoặc nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề đã được cấp giấy phép.

(b) Bất kể có các quy định khác, một hội đồng có thể thực thi bất kỳ quyền kỷ luật nào đối với người được cấp phép cho một tội danh không phụ thuộc vào thẩm quyền được phép theo tiểu phần (a) chỉ khi tội đó liên quan chủ yếu đến năng lực, chức năng hoặc nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề mà giấy phép đã cấp cho người được cấp.

(c) Theo ý nghĩa của mục này, bị kết án nghĩa là khai tội hoặc tuyên án kết tội hoặc bị kết án sau khi để tùy tòa xét xử. Hành động mà một hội đồng được phép thực hiện sau khi kết tội có thể được tiến hành khi thời gian kháng cáo đã hết hoặc phán quyết kết tội đã được xác nhận dựa trên kháng cáo hoặc khi lệnh ban hành án treo được đưa ra tạm hoãn việc chịu án, bất kể trát lệnh tiếp đó theo Mục 1203.4 Bộ Luật Hình Sự.

(d) Cơ Quan Lập Pháp theo đây nhận thấy và tuyên bố rằng việc áp dụng mục này đã không rõ ràng khi dựa theo vụ Petropoulos kiện Sở Bất Động Sản (2006) 142 Cal. App. 4th 554, và việc dựa trên vụ kiện đó đã đặt ra một số đáng kể các quy chế và quy định đang đề cập đến, dẫn đến việc những người được cấp phép đã bị buộc tội có thể gây phương hại cho người tiêu dùng California. Do đó, Cơ Quan Lập Pháp nhận thấy và tuyên bố rằng mục này xác lập một cơ sở độc lập để hội đồng áp dụng kỷ luật đối với người được cấp phép, và các sửa đổi đối với mục này được thực hiện bởi Chương 33 Các Quy Chế năm 2008 không cấu thành một sự thay đổi đối với, mà đúng hơn, là mang tính tuyên bố về điều luật hiện có.

490.5. Đình Chỉ Giấy Phép Do Không Tuân Thủ Lệnh Cấp Dưỡng Con Cái

Hội đồng có thể đình chỉ giấy phép theo Mục 17520 Bộ Luật Gia Đình nếu người được cấp giấy phép không tuân thủ trát lệnh hoặc phán quyết về cấp dưỡng con cái.

491. Thủ Tục Khi Đình Chỉ Hoặc Thu Hồi

Khi đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép dựa trên một hoặc nhiều căn cứ theo quy định trong Mục 490, hội đồng sẽ:

(a) Gửi cho người từng được cấp giấy phép một bản sao các điều khoản trong Mục 11522 Bộ Luật Chính Quyền.

(b) Gửi cho người từng được cấp giấy phép một bản sao các tiêu chí liên quan đến việc phục hồi được xây dựng theo Mục 482.

492. Hiệu Lực Của Việc Hoàn Thành Chương Trình Chống Ma Túy Trong Biện Pháp Kỷ Luật Hoặc Từ Chối Giấy Phép

Bất kể các điều khoản khác của luật pháp, việc hoàn tất thành công bất kỳ chương trình chống ma túy nào theo Bộ Luật Hình Sự hoặc hoàn tất thành công chương trình đánh giá vấn đề ma túy và chất có cồn theo Điều 5 (bắt đầu từ Mục 23249.50), Chương 12, Khoản 11 Bộ Luật Phương Tiện Giao Thông, sẽ không ngăn cấm bất kỳ cơ quan nào được thành lập theo Khoản 2 (bắt đầu từ Mục 500) của bộ luật này hoặc bất kỳ hành động khởi xướng nào được đề cập đến trong khoản đó, khỏi việc thi hành biện pháp kỷ luật đối với người được cấp phép hoặc khỏi việc từ chối cấp phép đối với hành vi sai trái trong ngành, bất kể bằng chứng về hành vi sai trái đó có thể được lưu vào hồ sơ có liên quan đến việc bắt giữ. Mục này sẽ không được diễn giải để áp dụng cho bất kỳ chương trình chống ma túy nào được tiến hành bởi bất kỳ cơ quan nào được thành lập theo Khoản 2 (bắt đầu từ Mục 500) của bộ luật này hoặc bất kỳ hành động khởi xướng nào được nêu trong khoản đó.

493. Hiệu Lực Chứng Từ Của Hồ Sơ Phạm Tội Liên Quan Đến Suy Đồi Đạo Đức

(a) Bất kể luật nào khác, trong thủ tục do một hội đồng thuộc Sở thực hiện chiếu theo luật pháp khi từ chối đơn xin cấp phép hoặc đình chỉ hay thu hồi giấy phép hoặc thi hành biện pháp kỷ luật khác đối với người được cấp phép, trên cơ sở đương đơn hoặc người được cấp phép đã bị kết án một tội có liên quan đáng kể đến năng lực, chức năng và nhiệm vụ của người được cấp giấy phép đang đề cập đến, hồ sơ kết tội sẽ là chứng cứ thuyết phục cho thực tế về tội trạng đã diễn ra, nhưng chỉ với thực tế đó.

(b) (1) Các tiêu chí để xác định liệu tội trạng có liên quan đáng kể đến năng lực, chức năng, hay nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề mà hội đồng quy định hay không phải bao gồm tất cả những điều sau đây:

(A) Tính chất và tính nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

(B) Số năm trôi qua kể từ ngày phạm tội.

(C) Tính chất và nhiệm vụ của ngành nghề.

(2) Một hội đồng không được loại trừ dứt khoát đương đơn chỉ dựa trên loại bản án mà không xem xét bằng chứng phục hồi.

(c) Như được sử dụng trong mục này, "giấy phép" bao gồm "chứng chỉ", "giấy cho phép", "giấy ủy quyền" và "giấy đăng ký."

(d) Mục này không làm thay đổi theo bất kỳ cách nào hoặc có ảnh hưởng khác đến thẩm quyền hiện hành của các cơ quan sau đây liên quan đến việc cấp phép:

(1) Ủy Ban Thể Thao Tiểu Bang.

(2) Cục Giáo Dục Sau Trung Học Tư Thục.

(3) Hội Đồng Đua Ngựa California.

(e) Mục này sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2020.

494. Lệnh Đình Chỉ Tạm Thời Hoặc Hạn Chế

(a) Hội đồng hoặc thẩm phán luật hành chính độc lập, theo quy định trong tiểu phần (h), có thể, dựa trên kiến nghị, ban hành lệnh đình chỉ tạm thời đối với người có giấy phép hoặc áp đặt hạn chế giấy phép, bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc xét nghiệm chất lỏng sinh học bắt buộc, giám sát hoặc đào tạo sửa chữa. Đơn thỉnh nguyện sẽ bao gồm các bản khai có tuyên thệ đáp ứng được yêu cầu của hội đồng bằng cách chứng minh cả hai nội dung sau:

(1) Người được cấp phép có liên quan đến các hành vi hoặc thiếu sót dẫn đến vi phạm bộ luật này hoặc đã bị buộc tội có liên quan đáng kể đến hoạt động được cấp phép.

(2) Việc cho phép người có giấy phép tiếp tục tham gia vào hoạt động được cấp phép hoặc cho phép người có giấy phép tiếp tục tham gia vào hoạt động được cấp phép mà không bị hạn chế có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe, sự an toàn và phúc lợi của cộng đồng.

(b) Không có lệnh tạm thời nào được đưa ra trong mục này được ban hành mà không thông báo tới người được cấp phép trừ khi đơn thỉnh nguyện và các tài liệu hỗ trợ cho thấy sự tổn hại nghiêm trọng có thể gây ra cho công chúng trước khi vấn đề được giải trình trong thông báo.

(c) Trừ khi được quy định tại tiểu phần (b), người có giấy phép sẽ được thông báo ít nhất 15 ngày về phiên điều trần đối với đơn thỉnh nguyện về lệnh tạm thời. Thông báo sẽ bao gồm các tài liệu được đệ trình lên hội đồng để hỗ trợ cho đơn thỉnh nguyện. Nếu lệnh được ban hành ban không có thông báo như quy định ở tiểu phần (b), người được cấp phép sẽ có quyền điều trần cho đơn thỉnh nguyện trong vòng 20 ngày kể từ khi ban hành lệnh tạm thời mà không có thông báo. Người được cấp phép sẽ được thông báo về phiên điều trần trong vòng hai ngày kể từ khi ban hành lệnh tạm thời ban đầu, và sẽ nhận được tất cả các tài liệu hỗ trợ cho đơn thỉnh nguyện. Việc hội đồng không thể tổ chức điều trần trong vòng 20 ngày sau khi ban hành lệnh tạm thời mà không có thông báo, trừ trường hợp người được cấp phép từ bỏ quyền điều trần, sẽ dẫn đến lệnh tạm thời bị hủy bỏ theo quy định của luật pháp.

(d) Tại phiên điều trần cho đơn thỉnh nguyện về lệnh tạm thời, người được cấp phép có thể:

(1) Có luật sư đại diện.

(2) Có hồ sơ về các thủ tục tố tụng, các bản sao của hồ sơ sẽ sẵn có cho người được cấp phép khi đã thanh toán các khoản phí được ước tính theo các điều khoản về chi phí sao chép đối với việc xem xét của tòa án được bao gồm trong Mục 11523 Bộ Luật Chính Quyền.

(3) Trình bày bản khai có tuyên thệ và bằng chứng bằng tài liệu khác.

(4) Đưa ra tranh luận bằng lời.

(e) Hội đồng, hoặc thẩm phán luật hành chính độc lập như được đề cập trong tiểu phần (h), sẽ ban hành quyết định đối với đơn thỉnh nguyện về lệnh tạm thời trong vòng năm ngày làm việc sau khi vấn đề được đệ trình. Tiêu chuẩn của bằng chứng cần thiết để có được lệnh tạm thời theo quy định của mục này sẽ là một ưu thế của tiêu chuẩn bằng chứng. Nếu lệnh tạm thời được ban hành trước đó mà không có thông báo thì hội đồng sẽ quyết định xem lệnh đó vẫn còn hiệu lực, bị hủy bỏ hoặc thay đổi hay không.

(f) Hội đồng sẽ lập cáo trạng trong vòng 15 ngày kể từ khi ban hành lệnh tạm thời. Trong trường hợp lệnh tạm thời được ban hành mà không có thông báo, thời gian sẽ được tính từ ngày ban hành lệnh sau khi có thông báo về phiên điều trần. Nếu người được cấp phép nộp Thông Báo Bào Chữa, phiên điều trần sẽ được tổ chức trong vòng tối đa 30 ngày kể từ khi cơ quan nhận được Thông Báo Bào Chữa. Quyết định sẽ được đưa ra dựa trên cáo trạng trong vòng 30 ngày kể từ khi vấn đề được đệ trình. Theo quy định của luật pháp, việc không tuân thủ bất kỳ yêu cầu nào trong tiểu phần này sẽ khiến lệnh tạm thời bị hủy bỏ.

(g) Theo Mục 1094.5 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự, các lệnh tạm thời sẽ do tòa án xét duyệt và sẽ chỉ được giải trình tại tòa án tối cao trong và đối với các Quận Sacramento, San Francisco, Los Angeles hoặc San Diego. Việc xét duyệt lệnh tạm thời chỉ giới hạn trong việc quyết định xem liệu hội đồng có lạm dụng quyền hành của mình khi ban hành lệnh tạm thời hay không. Việc lạm dụng quyền hành được xác định nếu hội đồng với vai trò bị đơn đã không thực hiện các thủ tục theo quy định của luật pháp hoặc nếu tòa án xác định rằng lệnh tạm thời không được hỗ trợ bởi bằng chứng đáng kể khi xem xét toàn bộ hồ sơ.

(h) Trong quyền hạn của mình, hội đồng có thể ủy thác phiên điều trần đối với đơn thỉnh nguyện lệnh tạm thời cho thẩm phán luật hành chính của Văn Phòng Điều Trần Hành Chính. Nếu hội đồng tự điều trần đơn thỉnh nguyện được thông báo, thẩm phán luật hành chính sẽ chủ trì phiên điều trần, quyết định chấp nhận hay loại trừ bằng chứng, và tư vấn cho hội đồng những vấn đề về luật pháp. Hội đồng có thể thi hành tất cả các quyền hạn khác của mình liên quan đến việc tiến hành phiên điều trần nhưng cũng có thể ủy thác bất kỳ hoặc tất cả quyền hạn đó cho thẩm phán luật hành chính. Khi đơn thỉnh nguyện đã được ủy thác cho thẩm phán luật hành chính, người đó sẽ độc lập thực hiện tất cả các quyền hành của hội đồng liên quan đến việc tiến hành phiên điều trần. Quyết định được thẩm phán luật hành chính độc lập ban hành sẽ là quyết định cuối cùng khi quyết định đó được nộp cho hội đồng. Nếu thẩm phán luật hành chính ban hành lệnh tạm thời mà không có thông báo, thẩm phán đó sẽ chủ trì phiên

điều trần đã được thông báo, trừ khi không thể, trong trường hợp đó, thẩm phán luật hành chính khác sẽ điều trần vụ việc. Quyết định của thẩm phán luật hành chính độc lập đối với đơn thỉnh nguyện lệnh tạm thời được xem là cuối cùng, chỉ phụ thuộc vào việc xem xét của tòa án theo tiểu phần (g).

(i) Việc không tuân thủ lệnh tạm thời được ban hành theo tiểu phần (a) hoặc (b) sẽ cấu thành lý do riêng biệt cho biện pháp kỷ luật đối với người được cấp phép, và có thể được giải trình tại, và là một phần của, phiên điều trần đã được thông báo theo tiểu phần (f). Các lý do cho việc không tuân thủ lệnh tạm thời có thể được đệ trình vào bất kỳ thời điểm nào trước khi quyết định buộc tội được đưa ra. Việc vi phạm lệnh tạm thời được xác nhận trên cơ sở người được cấp phép đã được thông báo về lệnh tạm thời đó cùng với các điều khoản của lệnh, và trên cơ sở trát lệnh đó vẫn có hiệu lực vào thời điểm vi phạm. Việc phát hiện vi phạm đối với lệnh tạm thời tại phiên điều trần sẽ được xem xét như là một phần của bất kỳ việc xem xét nào về quyết định cuối cùng của cơ quan.

Nếu lệnh tạm thời do cơ quan ban hành không có nội dung gì khác ngoài việc đình chỉ hoàn toàn công việc và ngành nghề của người được cấp phép, và người được cấp phép vi phạm lệnh tạm thời trước phiên điều trần về buộc tội được quy định trong tiểu phần (f), cơ quan có thể, dựa vào thông báo tới người được cấp phép và bằng chứng vi phạm, điều chỉnh hoặc kéo dài lệnh tạm thời.

(j) Khai tội hoặc tuyên án có tội hoặc bị kết tội sau khi để tùy tòa xét xử đều được xem là lời kết tội theo ý nghĩa của mục này. Hồ sơ kết án có chứng thực sẽ là chứng cứ thuyết phục cho thực tế về tội trạng đã diễn ra. Hội đồng có thể hành động theo mục này bất kể thực tế là đơn kháng cáo đối với bản án có thể được đưa ra.

(k) Các lệnh tạm thời được đưa ra trong mục này sẽ bổ sung, nhưng không giới hạn, quyền tìm kiếm biện pháp khẩn cấp được quy định trong bất kỳ điều khoản nào khác của luật pháp.

(l) Đối với một hội đồng, đơn thỉnh nguyện lệnh tạm thời có thể do viên chức điều hành đệ trình. Đối với một cục hoặc chương trình, đơn thỉnh nguyện có thể do người đứng đầu hoặc người quản lý chương trình đệ trình, trong trường hợp có thể.

(m) "Hội đồng", theo cách sử dụng tại mục này, sẽ bao gồm bất kỳ cơ quan nào được mô tả trong Mục 22, và bất kỳ cơ quan y tế liên kết nào trong phạm vi thẩm quyền của Hội Đồng Y Khoa California. Hội đồng cũng sẽ bao gồm Hội Đồng Y Khoa Chỉnh Xương California và Hội Đồng Thẩm Tra Phương Pháp Nắn Khớp Tiểu Bang. Các điều khoản trong mục này sẽ không được áp dụng đối với Hội Đồng Y Khoa California, Hội Đồng Y Khoa Chữa Bệnh Chân hoặc Ủy Ban Thể Thao Tiểu Bang.

494.5. Các Hành Động Của Cơ Quan Khi Người Được Cấp Phép Có Tên Trong Danh Sách Xác Nhận; Các Định Nghĩa: Thu Thập Và Ban Hành Thông Tin Danh Sách Xác Nhận; Thời Hạn; Thông Báo; Khước Biện Của Đương Đơn Và Người Được Cấp Phép; Đơn Miễn Trừ; Hiệp Định Liên Ngành; Lệ Phí; Biện Pháp Sửa Chữa; Các Yêu Cầu Và Công Bố Thông Tin; Hiệu Lực Từng Phần

(a) (1) Trừ trường hợp được quy định tại các khoản (2), (3), và (4), một tổ chức cấp phép của chính quyền tiểu bang sẽ từ chối cấp, tái kích hoạt, phục hồi hoặc gia hạn giấy phép và sẽ đình chỉ giấy phép nếu người được cấp phép có tên trong danh sách xác nhận.

(2) Sở Phương Tiện Cơ Giới sẽ đình chỉ giấy phép nếu người được cấp phép có tên trong danh sách xác nhận. Bất kỳ tham khảo nào trong mục này liên quan đến việc cấp, tái kích hoạt, phục hồi, gia hạn hoặc từ chối giấy phép sẽ không áp dụng cho Sở Phương Tiện Cơ Giới.

(3) Hội Đồng Luật Sư Tiểu Bang California có thể đề nghị từ chối cấp, tái kích hoạt, phục hồi hoặc gia hạn giấy phép, và có thể đề nghị đình chỉ giấy phép nếu người được cấp phép có tên trong danh sách xác nhận. Từ "có thể" sẽ được thay thế cho từ "sẽ" liên quan đến việc cấp giấy phép tạm thời, từ chối cấp, tái kích hoạt, phục hồi, gia hạn hoặc đình chỉ giấy phép trong mục này đối với các giấy phép thuộc thẩm quyền của Tòa Án Tối Cao California.

(4) Sở Kiểm Soát Thức Uống Chứa Cồn có thể từ chối cấp, tái kích hoạt, phục hồi hoặc gia hạn giấy phép, và có thể đình chỉ giấy phép nếu người được cấp phép có tên trong danh sách xác nhận.

(b) Đối với các mục đích của mục này:

(1) "Danh sách xác nhận" nghĩa là danh sách do Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) cung cấp hoặc danh sách do Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) cung cấp gồm những người có tên trong danh sách 500 người nợ thuế quá hạn lớn nhất chiếu theo Mục 7063 hoặc 19195 Bộ Luật Doanh Thu Và Thuế hiện hành.

(2) "Giấy phép" bao gồm giấy chứng nhận, đăng ký hoặc các giấy ủy quyền khác để tham gia vào một công việc hoặc nghề nghiệp do một tổ chức cấp phép của chính quyền tiểu bang cấp. "Giấy phép" bao gồm giấy phép lái xe được cấp theo quy định tại Chương 1 (bắt đầu từ Mục 12500), Khoản 6 Bộ Luật Phương Tiện Giao Thông. "Giấy phép" không bao gồm giấy đăng ký xe được cấp theo quy định tại Khoản 3 (bắt đầu từ Mục 4000) của Bộ Luật Phương Tiện Giao Thông.

(3) "Người được cấp phép" nghĩa là người được giấy phép cho phép lái xe cơ giới hoặc được giấy phép, giấy chứng nhận, đăng ký hoặc ủy quyền khác cho phép tham gia vào một công việc hoặc nghề nghiệp do một tổ chức cấp phép của chính quyền tiểu bang cấp.

(4) "Tổ chức cấp phép của chính quyền tiểu bang" nghĩa là bất kỳ tổ chức nào được liệt kê trong Mục 101, 1000 hoặc 19420, văn phòng Tổng Chưởng Lý, Sở Bảo Hiểm, Sở Phương Tiện Cơ Giới, Hội Đồng Luật Sư Tiểu Bang California, Sở Bất Động Sản, và các cơ quan tiểu bang, hội đồng hoặc ủy ban khác là cơ quan cấp giấy phép, giấy chứng nhận hoặc giấy đăng ký ủy quyền cho một cá nhân tham gia vào một công việc hoặc nghề nghiệp, kể cả các giấy chứng nhận, giấy phép kinh doanh hoặc nghề nghiệp, hay giấy cho phép hoặc giấy phép do Sở Phương Tiện Cơ Giới hoặc Sở Tuần Tra Đường Cao Tốc California cấp. "Tổ chức cấp phép của chính quyền tiểu bang" không bao gồm Hội Đồng Cấp Phép Nhà Thầu Tiểu Bang.

(c) Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) và Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) mỗi bên sẽ gửi danh sách xác nhận riêng của mình tới các cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang. Các danh sách xác nhận sẽ bao gồm tên, số an sinh xã hội hoặc số nhận dạng người nộp thuế, và địa chỉ mới nhất được biết của người được nhận diện trên danh sách xác nhận.

(d) Bất kể các quy định khác, mỗi cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang phải thu thập số an sinh xã hội hoặc số nhận dạng người nộp thuế liên bang từ tất cả các đương đơn cho mục đích so khớp tên trong các danh sách xác nhận do Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) và Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) cung cấp tới đương đơn và người được cấp phép.

(e) (1) Mỗi cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang phải xác định xem đương đơn hoặc người được cấp phép có nằm trong danh sách xác nhận mới nhất do Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) và Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) cung cấp hay không.

(2) Nếu đương đơn hoặc người được cấp phép có tên trong các danh sách xác nhận, cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang phải ngay lập tức cung cấp thông báo sơ bộ tới đương đơn hoặc người được cấp phép về ý định đình chỉ hoặc từ chối cấp hoặc gia hạn giấy phép của cơ quan. Thông báo sơ bộ sẽ được gửi trực tiếp hoặc qua thư tới địa chỉ mới nhất được biết đến của đương đơn hoặc người được cấp phép trong hồ sơ của cơ quan cấp phép chính quyền tiểu bang trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được danh sách xác nhận. Thông báo qua thư phải được hoàn tất theo Mục 1013 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự.

(A) Cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang sẽ cấp giấy phép tạm thời có hiệu lực trong vòng 90 ngày tới bất kỳ đương đơn nào có tên trong danh sách xác nhận nếu đương đơn đó hội đủ điều kiện được cấp phép.

(B) Thời hạn 90 ngày cho giấy phép tạm thời sẽ không được gia hạn. Chỉ có giấy phép tạm thời được cấp trong thời hạn của giấy phép hợp thức và thời hạn của giấy phép tạm thời sẽ trùng với 90 ngày đầu tiên của thời hạn giấy phép hợp thức. Giấy phép toàn thời hạn hoặc phần còn lại của thời hạn giấy phép có thể được cấp hoặc gia hạn chỉ khi tuân thủ theo mục này.

(C) Trong trường hợp giấy phép bị đình chỉ hoặc đơn xin cấp phép hoặc gia hạn giấy phép bị từ chối theo mục này, bất kỳ khoản tiền nào do đương đơn hoặc người được cấp phép nộp sẽ không được cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang hoàn trả.

(f) (1) Cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang sẽ từ chối cấp hoặc sẽ đình chỉ giấy phép chiếu theo mục này trong tối thiểu 90 ngày và tối đa 120 ngày kể từ ngày gửi thông báo sơ bộ như mô tả trong đoạn (2) của tiểu phần (e), trừ khi cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang đã nhận được đơn miễn trừ theo tiểu phần (h). Các thủ tục trong quy định phán xử hành chính của Đạo Luật Thủ Tục Hành Chính (Chương 4.5 (bắt đầu từ Mục 11400) và Chương 5 (bắt đầu từ mục 11500), Phần 1, Khoản 3 của Tiêu đề 2 Bộ Luật Chính Quyền) sẽ không áp dụng cho việc từ chối hoặc đình chỉ hoặc từ chối gia hạn, giấy phép hoặc cấp giấy phép tạm thời theo quy định của mục này.

(2) Bất kể các luật pháp khác, nếu một hội đồng, văn phòng hoặc ủy ban được liệt kê tại Mục 101, trừ Hội Đồng Cấp Phép Nhà Thầu Tiểu Bang, không hành động phù hợp với mục này, Sở Nội Vụ Tiêu Dùng sẽ cấp giấy phép tạm thời hoặc đình chỉ hoặc từ chối cấp, tái kích hoạt, phục hồi hoặc gia hạn giấy phép, nếu thích hợp.

(g) Các thông báo sẽ do mỗi cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang triển khai. Đối với đương đơn hoặc người được cấp phép trong danh sách xác nhận của Hội Đồng Thuế Vụ (BOE), thông báo phải bao gồm địa chỉ và số điện thoại của Hội Đồng Thuế Vụ (BOE), và phải nhấn mạnh sự cần thiết của việc nhận được thông báo từ Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) như điều kiện cho việc cấp, gia hạn hoặc tiếp tục tình trạng hợp lệ của giấy phép. Đối với đương đơn hoặc người được cấp phép trong danh sách xác nhận của Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), thông báo phải bao gồm địa chỉ và số điện thoại của Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), và phải nhấn mạnh sự cần thiết của việc nhận được thông báo từ Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) như điều kiện cho việc cấp, gia hạn hoặc tiếp tục tình trạng hợp lệ của giấy phép hoặc người được cấp phép.

(1) Thông báo sẽ cho đương đơn biết được cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang sẽ cấp giấy phép tạm thời theo quy định tại tiểu đoạn (A) của đoạn (2) của tiểu phần (e), có hiệu lực trong 90 ngày theo lịch nếu đương đơn hội đủ điều kiện và khi kết thúc thời hạn đó, giấy phép sẽ bị từ chối trừ khi cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang đã nhận được đơn miễn trừ từ Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), tùy bên nào thích hợp.

(2) Thông báo sẽ cho người được cấp phép biết bất kỳ giấy phép nào bị đình chỉ theo mục này sẽ tiếp tục bị đình chỉ cho đến khi cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang nhận được đơn miễn trừ cùng với đơn xin và lệ phí, nếu có, để phục hồi giấy phép.

(3) Thông báo sẽ cho đương đơn hoặc người được cấp phép biết nếu đơn xin bị từ chối hoặc giấy phép bị đình chỉ chiếu theo mục này, bất kỳ khoản tiền nào do đương đơn hoặc người được cấp phép nộp sẽ không được cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang hoàn trả. Cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang cũng phải xây dựng mẫu đơn mà đương đơn hoặc người được cấp phép sẽ sử dụng để yêu cầu miễn trừ từ Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB). Bản sao của đơn này sẽ đi kèm với mọi thông báo được gửi chiếu theo tiểu phần này.

(h) Nếu đương đơn hoặc người được cấp phép muốn khước biện việc đệ trình tên mình trên danh sách xác nhận, đương đơn hoặc người được cấp phép phải đưa ra yêu cầu miễn trừ bằng văn bản kịp thời tới Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), tùy bên nào thích hợp. Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) sẽ ngay lập tức gửi đơn miễn trừ tới cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang thích hợp và đương đơn hoặc người được cấp phép, nếu đáp ứng bất kỳ điều kiện sau đây:

(1) Đương đơn hoặc người được cấp phép đã tuân thủ các nghĩa vụ thuế, bằng cách thanh toán các khoản thuế chưa nộp hoặc ký kết thỏa thuận trả góp, như mô tả trong Mục 6832 hoặc 19008 của Bộ Luật Doanh Thu Và Thuế, nhằm hoàn tất các khoản thuế chưa thanh toán.

(2) Đương đơn hoặc người được cấp phép đã đệ trình yêu cầu miễn trừ không quá 45 ngày sau khi đương đơn hoặc người được cấp phép nhận được thông báo sơ bộ như mô tả trong đoạn (2) tiểu phần (e), nhưng Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), tùy bên nào thích hợp, sẽ không thể hoàn tất việc xem xét miễn trừ và gửi thông báo kết quả cho đương đơn hoặc người được cấp phép và cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang trong vòng 45 ngày sau khi Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) nhận được yêu cầu miễn trừ của đương đơn hoặc người được cấp phép. Bất cứ khi nào đơn miễn trừ được cấp theo quy định tại đoạn này, và, bất kể đơn miễn trừ đó, giấy phép hoặc người được cấp phép áp dụng đã bị đình chỉ sai, cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang phải phục hồi các giấy phép áp dụng đó với hiệu lực hồi tố kể từ ngày đình chỉ sai đó và việc đình chỉ này sẽ không được phản ánh trên bất kỳ hồ sơ giấy phép nào.

(3) Đương đơn hoặc người được cấp phép không thể thanh toán nghĩa vụ thuế tồn đọng do khó khăn tài chính hiện hành. "Khó khăn tài chính" nghĩa là khó khăn tài chính theo xác định của Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), tùy bên nào thích hợp, nếu đương đơn hoặc người được cấp phép không thể trả bất kỳ phần công nợ tồn đọng nào và đương đơn hoặc người được cấp phép không hội đủ điều kiện để thu xếp trả góp theo quy định của Mục 6832 hoặc Mục 19008 Bộ Luật Doanh Thu Và Thuế. Để xác nhận tình trạng khó khăn tài chính, đương đơn hoặc người được cấp phép phải đệ trình tất cả thông tin, bao gồm thông tin liên quan đến chi phí kinh doanh và cá nhân hợp lý, theo yêu cầu của Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), tùy bên nào thích hợp, cho các mục đích đưa ra xác nhận đó.

(i) Đương đơn hoặc người được cấp phép cần phải hành động chu toàn trong việc đáp ứng các thông báo từ cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang và Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) với ghi nhận rằng các giấy phép tạm thời sẽ mất hiệu lực hoặc việc đình chỉ giấy phép sẽ có hiệu lực sau 90 ngày và rằng Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) cần có thời gian để hành động trong giai đoạn đó. Đương đơn hoặc người được cấp phép trì hoãn hành động mà không có lý do chính đáng, trực tiếp dẫn đến việc không thể cho Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), tùy bên nào thích hợp, hoàn thành việc xem xét yêu cầu miễn trừ của đương đơn hoặc người được cấp phép sẽ không được xem là chu toàn theo yêu cầu của mục này và sẽ ảnh hưởng đến việc ban hành bãi miễn. Đương đơn hoặc người được cấp phép có trách nhiệm chứng minh mình phản hồi tích cực đối với các thông báo từ cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang và Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) và không có bất kỳ sự chậm trễ nào mà không có lý do chính đáng.

(j) Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) sẽ tạo các mẫu đơn miễn trừ để sử dụng theo mục này. Khi đương đơn hoặc người được cấp phép đã tuân thủ các nghĩa vụ nộp thuế bằng việc thanh toán các khoản thuế chưa trả hoặc ký kết thỏa thuận trả góp hoặc chứng minh sự tồn tại của khó khăn tài chính hiện hành theo quy định tại đoạn (3) của tiểu phần (h), Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), tùy bên nào thích hợp, sẽ gửi mẫu đơn miễn trừ cho đương đơn hoặc người được cấp phép và cung cấp đơn miễn trừ cho cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang thích hợp. Bất kỳ cơ quan cấp phép của chính phủ quyền bang nào đã nhận được đơn miễn trừ từ Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) theo tiểu phần này phải xử lý miễn trừ trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn miễn trừ đó. Nếu Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) xác định sau khi ban hành miễn trừ, người được cấp phép đã không tuân thủ thỏa thuận trả góp, Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), tùy bên nào thích hợp, sẽ thông báo cho cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang và người được cấp phép theo phương thức do Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), tùy bên nào thích hợp, quy định, rằng người được cấp phép đã không tuân thủ và miễn trừ đó sẽ bị bãi bỏ. Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) có thể, nếu cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang nhận thấy khả thi về mặt kinh tế để triển khai xử lý tự động việc tuân thủ tiểu phần này, thông báo cho cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang theo cách thức được quy định bởi Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), tùy bên nào thích hợp, rằng người được cấp phép đã không tuân thủ các thỏa thuận thanh toán trả góp. Sau khi nhận được thông báo này, cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang phải thông báo ngay cho người được cấp phép theo mẫu do cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang quy định rằng giấy phép của người được cấp phép sẽ bị đình chỉ vào

một ngày cụ thể, và ngày này sẽ không quá 30 ngày kể từ ngày biểu mẫu được gửi đi. Người được cấp phép sẽ được thông báo thêm rằng giấy phép sẽ tiếp tục bị đình chỉ cho đến khi miễn trừ mới được ban hành phù hợp với tiểu phần này.

(k) Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB) có thể ký kết các thỏa thuận liên ngành với các cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang cần thiết cho việc thi hành mục này.

(l) Bất kể các quy định khác, một cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang, với sự chấp thuận của giám đốc bộ phận hoặc cơ quan quản lý thích hợp, có thể áp đặt một khoản phí đối với người được cấp phép có giấy phép đã bị đình chỉ theo quy định của mục này. Lệ phí không được vượt quá số tiền cần thiết cho cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang bù đắp chi phí khi thi hành các quy định của mục này. Lệ phí được áp đặt theo mục này sẽ được ký gửi vào quỹ mà trong đó các lệ phí khác do cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang áp đặt được gửi vào và sẽ sẵn có cho cơ quan đó dựa trên việc phân bổ trong Đạo Luật Ngân Sách hàng năm.

(m) Quy trình được mô tả trong tiểu phần (h) sẽ cấu thành biện pháp khắc phục hành chính duy nhất cho việc phản đối việc cấp phép tạm thời hoặc từ chối hoặc đình chỉ giấy phép theo mục này.

(n) Bất kỳ cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang nào tiếp nhận điều tra về tình trạng cấp phép của đương đơn hoặc người được cấp phép đã bị từ chối hoặc đình chỉ giấy phép theo mục này hoặc những người đã được cấp phép tạm thời theo mục này phải hồi đáp rằng giấy phép bị từ chối hoặc đình chỉ hoặc giấy phép tạm thời được cấp chỉ vì người được cấp phép có tên trong danh sách 500 người nợ thuế quá hạn lớn nhất theo Mục 7063 hoặc 19195 Bộ Luật Doanh Thu Và Thuế. Thông tin chiếu theo mục này do bất kỳ cơ quan tiểu bang, hội đồng hoặc ban ngành nào thu thập được cũng phải tuân thủ Đạo Luật Thực Hành Thông Tin Năm 1977 (Chương 1 (bắt đầu từ Mục 1798), Tiêu đề 1.8, Phần 4, Khoản 3 Bộ Luật Dân Sự). Bất kỳ cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang nào đăng trên website Internet của mình hoặc trong các ấn phẩm khác rằng người được cấp phép đã có giấy phép bị từ chối hoặc đình chỉ theo mục này hoặc đã được cấp giấy phép tạm thời theo mục này cũng phải ghi rõ, in đậm và kế sát thông tin liên quan đến tình trạng giấy phép, rằng lý do duy nhất mà giấy phép đã bị từ chối, đình chỉ hoặc được cấp tạm thời là vì người được cấp phép đã không nộp thuế.

(o) Bất kỳ quy tắc và quy định nào được ban hành theo mục này bởi bất kỳ cơ quan tiểu bang, hội đồng hoặc ban ngành nào đều có thể được áp dụng như quy định khẩn cấp theo các điều khoản làm luật của Đạo Luật Tố Tụng Hành Chính (Chương 3.5 (bắt đầu từ Mục 11340), Phần 1 Khoản 3 Tiêu đề 2 Bộ Luật Chính Quyền). Việc áp dụng các quy định này sẽ được xem là khẩn cấp và cần thiết cho việc bảo vệ tức thời hòa bình, sức khỏe và sự an toàn của công chúng hoặc phúc lợi chung. Các quy định sẽ có hiệu lực ngay lập tức sau khi đệ trình cho Tổng Thư Ký Tiểu Bang.

(p) Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), và cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang, nếu thích hợp, sẽ áp dụng các quy định cần thiết để thực hiện mục này.

(q) (1) Không cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang cũng như bất kỳ viên chức, nhân viên hoặc đặc vụ hoặc cựu viên chức, nhân viên hoặc đặc vụ của cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang nào có thể tiết lộ hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào nhận được từ Hội Đồng Thuế Vụ (BOE) hoặc Ủy Ban Đặc Trách Thuế Thu Nhập (FTB), chiếu theo mục này, ngoại trừ thông báo cho công chúng về việc từ chối, khước từ việc gia hạn hoặc đình chỉ giấy phép hoặc cấp phép tạm thời theo quy định của mục này. Việc tiết lộ hoặc các sử dụng khác thông tin mà cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang nhận được theo mục này, trừ khi được ủy quyền bởi mục này, có thể bị phạt như một tội tiểu hình. Không được diễn giải tiểu phần này là để ngăn Hội Đồng Luật Sư California đệ trình lên Tòa Án Tối Cao California yêu cầu đình chỉ thành viên của hội đồng này chiếu theo mục này.

(2) Việc đình chỉ hoặc từ chối gia hạn, giấy phép hoặc việc cấp phép tạm thời theo quy định của mục này không cấu thành sự từ chối hoặc kỷ luật đối với người được giấy phép cho các mục đích của bất kỳ yêu cầu báo cáo nào tới Ngân Hàng Dữ Liệu Hành Nghề Y Quốc gia và sẽ không được báo cáo đến Ngân Hàng Dữ Liệu Người Hành Nghề Quốc Gia hoặc Ngân Hàng Dữ Liệu Toàn Diện Và Bảo Vệ Sức Khỏe.

(3) Dựa trên việc miễn trừ khỏi danh sách xác nhận, việc đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép của đương đơn hoặc người được cấp phép sẽ được xóa khỏi website Internet của cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang hoặc các ấn phẩm khác trong vòng ba ngày làm việc. Đoạn này sẽ không áp dụng cho Hội Đồng Luật Sư Tiểu Bang California.

(r) Nếu bất kỳ điều khoản nào của mục này hoặc việc áp dụng điều khoản đó đối với bất kỳ người nào hoặc hoàn cảnh nào được xem là không hợp lệ, việc không hợp lệ đó sẽ không ảnh hưởng đến các điều khoản khác hoặc việc áp dụng của mục này có thể có hiệu lực mà không cần điều khoản hoặc áp dụng không hợp lệ đó, và nhằm mục đích này các điều khoản của mục này là riêng biệt.

(s) Tất cả các quyền tạo nên bởi mục này để xem xét đương đơn cũng sẽ được sử dụng để xem xét người được cấp phép.

(t) Trừ khi có quy định khác trong mục này, các chính sách, thực hành, và thủ tục của cơ quan cấp phép của chính quyền tiểu bang đối với việc đình chỉ giấy phép theo mục này sẽ được áp dụng tương tự như đối với việc đình chỉ theo Mục 17520 Bộ Luật Gia Đình.

(u) Các điều khoản của mục này sẽ không được hiểu là để cho phép tòa án xem xét và ngăn cản việc thu thuế trước khi thanh toán những khoản thuế đó trong việc vi phạm quy định của Hiến Pháp California.

(v) Mục này sẽ áp dụng đối với bất kỳ người được cấp phép nào có tên trong danh sách 500 người nợ thuế quá hạn lớn nhất theo Mục 7063 hoặc 19195 của Bộ Luật Doanh Thu Và Thuế vào hoặc sau ngày 01 tháng 07 năm 2012.

494.6. Vi Phạm Bộ Luật Lao Động - Cơ Sở Cho Việc Kỷ Luật Đối Với Giấy Phép

(a) Giấy phép kinh doanh theo quy định của bộ luật này có thể bị đình chỉ hoặc thu hồi nếu người được cấp phép được Ủy Viên Lao Động hoặc tòa án xác định là đã vi phạm tiểu phần (b) của Mục 244 Bộ Luật Lao Động, và tòa án hoặc Ủy Viên Lao Động đã xem xét các tổn hại mà việc đình chỉ hoặc thu hồi đó sẽ gây ra cho nhân viên của người được cấp phép, cũng như những nỗ lực thiện ý của người được cấp phép trong việc giải quyết bất kỳ vi phạm bị cáo buộc nào sau khi nhận được thông báo.

(b) Bất kể tiểu phần (a), người được cơ quan thuộc Sở Nội Vụ Tiêu Dùng cấp phép bị Ủy Viên Lao Động hoặc tòa án phát hiện là đã vi phạm tiểu phần (b) của Mục 244 Bộ Luật Lao Động có thể phải chịu hành động kỷ luật bởi cơ quan cấp phép tương ứng của mình.

(c) Chủ lao động sẽ không bị đình chỉ hoặc thu hồi theo mục này khi yêu cầu nhân viên dự kiến hoặc hiện tại đệ trình đơn Xác Nhận Hội Đủ Điều Kiện Làm Việc I-9 trong vòng ba ngày làm việc kể từ ngày làm công tính lương đầu tiên.

CHƯƠNG 4
Khiển Trách Công Khai

495. Khiển Trách Công Khai Người Được Cấp Phép Hoặc Người Có Chứng Chỉ Đối Với Hành Vi Cấu Thành Cơ Sở Cho Việc Đình Chỉ Hoặc Thu Hồi Giấy Phép Hoặc Chứng Chỉ; Thủ Tục

Bất kể các điều khoản khác của luật pháp, bất kỳ cơ quan nào được ủy quyền cấp giấy phép hoặc chứng chỉ chiếu theo bộ luật này đều có thể khiển trách công khai người được cấp phép hoặc người có chứng chỉ cho bất kỳ hành vi nào cấu thành cơ sở để đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép hoặc chứng chỉ. Bất kỳ thủ tục nào để khiển trách công khai, khiển trách và đình chỉ công khai hoặc khiển trách và thu hồi công khai đều sẽ được tiến hành theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500), Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ Luật Chính Quyền hoặc, trong trường hợp người được cấp phép hoặc người có chứng chỉ trong phạm vi thẩm quyền của Sở Dịch Vụ Y Tế Tiểu Bang, phù hợp theo Mục 100171 của Bộ Luật Sức Khỏe Và An Toàn.

CHƯƠNG 5
An Ninh Kỳ Thi

496. Căn Cứ Từ Chối, Đình Chỉ Hoặc Thu Hồi Giấy Phép
Hội đồng có thể từ chối, đình chỉ, thu hồi hoặc hạn chế giấy phép trên cơ sở đương đơn hoặc người được cấp phép đã vi phạm Mục 123 liên quan đến việc phá hoại các kỳ thi cấp giấy phép.

498. Gian Lận, Lừa Đảo Hoặc Xuyên Tạc Là Căn Cứ Cho Biện Pháp Xử Lý Giấy Phép
Hội đồng có thể thu hồi, đình chỉ hoặc giới hạn giấy phép trên cơ sở người được cấp phép có được giấy phép đó nhờ gian lận, lừa đảo hoặc cố ý xuyên tạc thực tế trọng yếu hoặc cố ý tránh đưa ra thực tế trọng yếu.

499. Biện Pháp Xử Lý Giấy Phép Trên Cơ Sở Các Hành Động Của Người Được Cấp Phép Liên Quan Đến Đơn Của Người Khác
Hội đồng có thể thu hồi, đình chỉ hoặc giới hạn giấy phép trên cơ sở người được cấp phép, với sự hỗ trợ của đơn xin cấp phép của một người khác, cố ý phát biểu sai thực tế trọng yếu hoặc cố ý tránh trình bày thực tế trọng yếu trước hội đồng liên quan đến đơn này.

QUY ĐỊNH NGHỀ LÀM TÓC VÀ TRANG ĐIỂM

BarberCosmo
Board of Barbering & Cosmetology

Tiêu đề 16, Khoản 9
Bộ Luật Quy Định Tiểu Bang California

Bao gồm các sửa đổi cho đến tháng 1 năm 2026

Điều 1. Quản Lý

900. "Cơ Sở"

Trừ khi được quy định khác trong mục 7346 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp, theo mục đích của khoản này và Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm (Chương 10 (bắt đầu bằng mục 7301) Khoản 3 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp), "cơ sở" không bao gồm bất kỳ cơ sở, công trình hoặc một phần của công trình bên ngoài nơi người có giấy phép dịch vụ cá nhân ("PSP") đi đến gặp khách hàng, nếu dịch vụ duy nhất được thực hiện bởi người có PSP tại địa điểm đó được ủy quyền theo mục 965.2. Nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người có PSP không phải là "bên ngoài" Cho các mục đích của mục này.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7402.5 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312, 7346, 7350 và 7402.5 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

904. Thực Thi

(a) Điều 12 trong các quy định của Hội Đồng, thuộc Tiêu đề 16, Khoản 9 Bộ Luật Quy Định Tiểu Bang California bao gồm "Các Quy Tắc Về Sức Khỏe Và An Toàn" của Hội Đồng.

(b) Người hoặc những người có giấy phép của một cơ sở hoặc đơn vị lưu động, và người phụ trách của bất kỳ cơ sở hoặc đơn vị lưu động sẽ phải thực hiện và duy trì Các Quy Tắc Về Sức Khỏe Và An Toàn tại cơ sở hoặc đơn vị lưu động một cách độc lập và kết hợp với tất cả mọi người tại hoặc được thuê bởi hoặc làm việc trong hoặc tại khuôn viên của cơ sở hoặc đơn vị lưu động.

(c) Tất cả thợ làm tóc, bác sĩ thẩm mỹ, chuyên viên tạo kiểu tóc, chuyên gia thẩm mỹ, thợ làm móng, chuyên viên điện phân, người hướng dẫn hoặc người học nghề sẽ thực hiện và duy trì độc lập Các Quy Tắc Sức Khỏe Và An Toàn.

(d) Tất cả những người thực hiện các hoạt động của thợ làm tóc, bác sĩ thẩm mỹ, chuyên viên tạo kiểu tóc, chuyên gia thẩm mỹ, thợ làm móng, chuyên viên điện phân, trừ học viên tại các trường học, sẽ phải đưa ra các bằng chứng đầy đủ về giấy tờ tùy thân khi có yêu cầu của đại diện được ủy quyền của Hội Đồng. Bằng chứng đầy đủ phải ở dạng bằng lái xe có ảnh hoặc thẻ căn cước có ảnh được cấp bởi bất kỳ tiểu bang, liên bang hoặc cơ quan chính quyền khác.

(e) Việc không thể đưa ra bằng chứng nhận dạng hợp lệ sẽ là cơ sở cho biện pháp kỷ luật.

(f) Viên chức điều hành và bất kỳ đại diện được ủy quyền nào của Hội Đồng có quyền tiếp cận và kiểm tra mọi khu vực trong một cơ sở, đơn vị lưu động hoặc trường học, bao gồm tất cả phòng, nhà kho, tủ, ngăn kéo, hộp đựng hoặc chỗ chứa hoặc trưng bày vật dụng di động hoặc cố định.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312, 7313, 7316 và 7404, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

905. Đăng Thông Điệp Thông Tin Khách Hàng

Cả chủ trường được phê chuẩn và chủ cơ sở được cấp phép đều phải đăng bản "Thông Điệp Tới Khách Hàng" của hội đồng (BBC-CP01(2/2017)), được đưa vào đây để tham chiếu, một cách rõ ràng tại khu vực tiếp tân của trường học và cơ sở của họ.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 129(e) và 7404, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp

Điều 2. Điều Kiện Dự Thi

909. Bằng Chứng Đào Tạo

(a) Mọi đơn đăng ký dự thi mà trong đó đương đơn sử dụng chương trình đào tạo có được tại một trường đã được Hội Đồng chấp thuận ở tiểu bang này để hội đủ điều kiện dự thi phải kèm theo bằng chứng về chương trình đào tạo đó.

(b) Cho mục đích của phần này, bằng chứng đào tạo phải là một biểu mẫu được lập với tiêu đề "Tài Liệu Bằng Chứng Đào Tạo" (Mẫu #F-BBC-05 (Mới 06/2024)), được đưa vào đây để tham chiếu. Biểu mẫu Bằng Chứng Đào Tạo phải do trường nơi đương đơn đã hoàn thành khóa đào tạo đủ điều kiện lập.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Các Mục 7321, 7321.5, 7322, 7324, 7326, 7330, 7331, 7337, 7362.5, 7363, 7364, 7365, 7367 và 7391, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

910. Đương Đơn Ngoài Tiểu Bang Hoặc Thuộc Lực Lượng Vũ Trang

(a) Đương đơn muốn hội đủ điều kiện dự thi lấy giấy phép ở tiểu bang này trên cơ sở hành nghề, học tập hoặc đào tạo bên ngoài tiểu bang này hoặc đào tạo bổ sung tại một trường được cấp phép ở tiểu bang này hoặc bất kỳ sự kết hợp nào của các trường hợp trên, phải cung cấp bằng chứng về trình độ chuyên môn của mình cho hội đồng như sau:

(1) Đương đơn mong muốn được cấp tín chỉ hành nghề ở một tiểu bang hoặc quốc gia khác phải nộp đơn cho hội đồng, theo mẫu do hội đồng quy định (Mẫu #03E-145, Bản Khai Có Tuyên Thệ Về Kinh Nghiệm-Mẫu C, Sửa đổi tháng 1/91), bản khai có tuyên thệ từ một người không liên quan để xác nhận việc hành nghề đó, cùng với tuyên bố xác thực của cơ quan cấp phép ở tiểu bang hoặc quốc gia nơi việc hành nghề đó diễn ra xác nhận rằng đương đơn đã được cấp phép để tham gia vào hoạt động hành nghề đó, nếu đó là hoạt động yêu cầu phải có giấy phép.

(2) Đương đơn đã hoàn thành bất kỳ số giờ học tập và đào tạo nào ở một trường ở tiểu bang hoặc quốc gia khác, và mong muốn được cấp tín chỉ cho số giờ học tập và đào tạo ở tiểu bang này, phải nộp đơn cho hội đồng, theo mẫu do hội đồng quy định (Mẫu #03B-144, Hồ Sơ Đào Tạo Trường Thẩm Mỹ Ngoài Tiểu Bang-Mẫu B, Sửa đổi tháng

8/94), tuyên bố xác thực của trường hoặc khóa đào tạo đã diễn ra xác nhận số giờ học tập và đào tạo đã hoàn thành trong mỗi môn học và thời điểm diễn ra việc học tập và đào tạo đó.

(3) Đương đơn muốn được cấp tín chỉ cho chương trình đào tạo bổ sung đã hoàn thành tại một trường được cấp phép ở Tiểu Bang này phải nộp cho hội đồng tuyên bố xác thực của trường đó xác nhận số giờ hoàn thành công việc đào tạo đó trong mỗi môn học.

(b) Đương đơn đăng ký dự thi từng được lực lượng dự bị quân đội tuyển dụng để hành nghề bất kỳ nghề nào được cấp phép theo Chương 10 của Khoản 3 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp phải xuất trình tuyên bố xác thực của đơn vị quân đội xác nhận việc được tuyển dụng đó và có thể sử dụng hoạt động hành nghề đó để hội đủ tiêu chuẩn dự thi.

(c) Đương đơn đăng ký dự thi có trình độ học vấn, đào tạo hoặc kinh nghiệm thích hợp có được trong các lực lượng vũ trang Hoa Kỳ có thể nộp Hồ sơ Xác Minh Đào Tạo Và Kinh Nghiệm Trong Quân Đội (V-Met) để Hội Đồng đánh giá và Hội Đồng có thể sử dụng những hồ sơ đó để xét việc hội đủ điều kiện cho đương đơn đăng ký dự thi.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 35, 7321, 7321.5, 7324, 7326, 7330, 7331 và 7337 Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

Điều 3. Học Nghề

913. Phê Chuẩn Chương Trình Đào Tạo Học Nghề

(a) Ủy ban học nghề liên kết, ủy ban quản lý hoặc học nghề lao động đơn phương hoặc người sử dụng lao động cá nhân muốn tổ chức học nghề làm tóc, trang điểm, điện phân, chăm sóc da hay chăm sóc móng đều được xem là nhà bảo trợ cho chương trình học nghề.

(b) Đương đơn muốn được hội đồng phê duyệt với tư cách là nhà bảo trợ chương trình học nghề để tổ chức học nghề làm tóc, trang điểm, chăm sóc da, chăm sóc móng hay điện phân phải:

(1) Đệ trình lên hội đồng văn bản yêu cầu phê duyệt chương trình học nghề và nêu rõ môn học khi học nghề. Yêu cầu phê duyệt chương trình học nghề phải do người sử dụng lao động cá nhân ký tên hoặc, khi nhà bảo trợ chương trình không phải là cá nhân thì sẽ do nhân viên chịu trách nhiệm của tổ chức đó ký tên.

(2) Đệ trình bằng chứng cho thấy nhà bảo trợ chương trình đã được Hội Đồng Học Nghề California chấp thuận để cung cấp chương trình học nghề.

(3) Đệ trình bản đề cương chi tiết của chương trình đào tạo được đề xuất, trong đó thể hiện sự tuân thủ theo các quy định về học nghề có trong điều luật này.

(4) Đệ trình bản sao thỏa thuận giữa nhà bảo trợ và người học nghề (sau đây gọi là "thỏa thuận học nghề"). Thỏa thuận học nghề phải tuân thủ các điều khoản trong Đạo Luật Các Tiêu Chuẩn Lao Động Học Nghề Shelly- Maloney Năm 1939 (Bộ Luật Lao Động mục 3070 và phần tiếp theo) cùng các quy định được thông qua chiếu theo đó.

(c) Nhà bảo trợ chương trình học nghề phải thông báo cho hội đồng trong vòng 10 ngày bất kỳ thay đổi nào về thông tin đã được đệ trình hội đồng theo tiểu phần (b) của mục này để hội đồng phê duyệt.

(d) Hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho từng người nộp đơn xin trở thành nhà bảo trợ chương trình học nghề trong vòng mười (10) ngày kể từ khi nhận được yêu cầu phê duyệt của họ, cho biết xem đơn xin đó đã đầy đủ chưa hay còn thiếu và cần thông tin cụ thể gì.

(1) Khi thông tin cho đơn xin còn thiếu đã được gửi lại hội đồng, hội đồng sẽ quyết định trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, xem đơn xin đã đầy đủ hay chưa.

(2) Nếu đơn xin vẫn chưa đầy đủ, hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho đương đơn trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, về thông tin cụ thể nào cần được bổ sung.

(e) Trong vòng ba mươi lăm (35) ngày sau khi nhận được đơn xin hoàn chỉnh, hội đồng sẽ thông báo cho đương đơn bằng văn bản về việc đương đơn có đáp ứng được các yêu cầu phê duyệt hay không.

(f) Thời gian tối thiểu, trung bình và tối đa cho việc xử lý yêu cầu phê duyệt chương trình đào tạo học nghề, kể từ khi nhận được đơn đến khi Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm quyết định phê chuẩn trên cơ sở thi hành thực tế của hội đồng trong hai năm trước khi đề xuất mục này, như sau:

(1) Tối thiểu: 1 ngày

(2) Trung bình: 15 ngày

(3) Tối đa: 48 ngày

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp; và Mục 15376 Bộ Luật Chính Quyền. Tham chiếu: Mục 7333 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp; Mục 3070 và 3078 Bộ Luật Lao Động; và Mục 15376 Bộ Luật Chính Quyền.

913.1. Rút Lại Phê Duyệt: Nhà Bảo Trợ Chương Trình Học Nghề

(a) Hội đồng có thể rút lại hoặc giới hạn phê duyệt của mình đối với nhà bảo trợ chương trình học nghề nếu người này không thực hiện chương trình học nghề tuân thủ theo các điều khoản của luật lệ và quy định của Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm (Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp các mục 7301 và phần tiếp theo.)

(b) (1) Thủ tục rút lại hoặc giới hạn phê duyệt của hội đồng đối với nhà bảo trợ chương trình học nghề sẽ được bắt đầu bằng việc gửi thông báo đến nhà bảo trợ chương trình học nghề để cho biết lý do. Thông báo cho biết lý do này sẽ ở dạng văn bản và sẽ mô tả cụ thể tính chất của các vi phạm, bao gồm tham chiếu cụ thể đến các điều khoản luật lệ hoặc quy định được xác định là bị vi phạm, và cũng sẽ bao gồm lệnh đề xuất rút lại hoặc giới hạn phê duyệt của hội đồng đối với nhà bảo trợ chương trình học nghề.

(2) Nếu thích hợp, thông báo cho biết lý do có thể bao gồm lệnh sửa chữa ấn định thời gian hợp lý để sửa chữa vi phạm. Nếu nhà bảo trợ chương trình tuân thủ lệnh sửa chữa trong khoảng thời gian quy định thì hội đồng sẽ rút lại thông báo cho biết lý do.

(3) Khi điều chỉnh lệnh kỷ luật hay lệnh sửa chữa đối với thông báo cho biết lý do, hội đồng phải cân nhắc thích đáng về sự phù hợp của lệnh đó đối với các yếu tố như tính nghiêm trọng của vi phạm, ảnh hưởng của lệnh đó đối với những người học nghề tham gia vào chương trình học nghề của nhà bảo trợ, ảnh hưởng đến công chúng, thiện ý của nhà bảo trợ chương trình học nghề và lịch sử những lần vi phạm trước đây.

(c) Thông báo cho biết lý do sẽ thông tin cho nhà bảo trợ chương trình học nghề biết nếu họ muốn có phiên điều trần để tranh luận bất kỳ phần nào của thông báo cho biết lý do thì họ phải gửi yêu cầu điều trần bằng văn bản cho viên chức điều hành của hội đồng trong vòng 30 ngày kể từ khi có thông báo cho biết lý do. Nếu phiên điều trần không được yêu cầu theo tiểu mục này thì lệnh đưa ra trong thông báo cho biết lý do sẽ có hiệu lực từ ngày nêu trong thông báo cho biết lý do đó.

(d) Phiên điều trần để tranh luận về thông báo cho biết lý do sẽ được tiến hành trong vòng 60 ngày kể từ khi hội đồng nhận được yêu cầu điều trần bằng văn bản của nhà bảo trợ chương trình. Phiên điều trần đó sẽ diễn ra trước một ủy ban do hội đồng lựa chọn. Khi kết thúc phiên điều trần, ủy ban đó sẽ chuẩn bị hoặc đã chuẩn bị quyết định bằng văn bản về các kết quả, quyết định và trát lệnh của mình. Quyết định này sẽ được gửi bằng thư tới nhà bảo trợ chương trình trong vòng 45 ngày sau khi kết thúc phiên điều trần.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7333 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

914.1. Đệ Trình Đơn Xin Học Nghề; Tính Hội Đủ Điều Kiện

Nếu đương đơn xin cấp phép học nghề trước đây đã nộp đơn và hội đủ điều kiện cho kỳ thi cấp phép trong một môn cụ thể, đương đơn đó không hội đủ điều kiện để nộp đơn cho chương trình học nghề trong cùng môn đó.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7334 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

914.2. Đệ Trình Đơn Xin Học Nghề; Ghi Danh Lại

(a) Thời gian cho một chương trình học nghề là 2 năm. Nếu tại bất kỳ thời điểm nào người học nghề không tiếp tục ghi danh cho vào chương trình học nghề nữa, nhà bảo trợ chương trình học việc phải thông báo tới hội đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày ngừng tham gia.

(b) Nếu sau thời gian 2 năm người học nghề không hoàn thành 3.200 giờ và nội dung đào tạo liên quan theo yêu cầu, và hội đồng đã được thông báo về việc hủy ghi danh, và giấy phép học việc đã được nộp lại cho hội đồng theo yêu cầu của mục 923 tại điều luật này, đương đơn có thể ghi danh lại một lần nữa để hoàn thành chương trình. Sau 2 lần ghi danh vào chương trình học nghề, đương đơn không còn hội đủ điều kiện để tham gia chương trình nữa.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7334 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

915. Đào Tạo Liên Quan

(a) Mỗi chương trình học nghề được hội đồng phê duyệt phải bao gồm một học phần đào tạo thực tập và một học phần học thuật của khóa đào tạo liên quan.

(b) Khóa đào tạo liên quan dành cho người học nghề làm tóc phải cung cấp tối thiểu 216 giờ hướng dẫn trong khoảng thời gian hai năm. Trong số đó tối thiểu 144 giờ sẽ dùng để truyền đạt lý thuyết ngành làm tóc và tối đa 72 giờ có thể dùng cho đào tạo tự chọn. 72 giờ đào tạo tự chọn có thể được tiến hành bằng hướng dẫn học thuật hoặc bằng hội thảo chuyên đề hoặc học bằng các thuyết minh liên quan đến nghề làm tóc. Việc đào tạo tự chọn sẽ được xác nhận bằng các chứng chỉ hoàn tất khóa học hoặc các hồ sơ đăng ký.

(c) Khóa đào tạo liên quan dành cho người học nghề trang điểm, chăm sóc da, chăm sóc móng hay điện phân phải cung cấp tối thiểu 220 giờ hướng dẫn học thuật trong khoảng thời gian hai năm. Số giờ này sẽ bao gồm các môn học sau:

(1) Khóa đào tạo liên quan dành cho người học nghề trang điểm sẽ bao gồm các môn học liên quan đến trang điểm như sau: hóa học trang điểm, sức khỏe, an toàn và các chất độc hại, lý thuyết về điện, khử trùng và vệ sinh, vi khuẩn học, giải phẫu học và sinh lý học, tạo kiểu tóc ướt, tạo kiểu tóc bằng nhiệt, uốn vĩnh viễn, duỗi thẳng tóc bằng hóa chất, cắt tóc, nhuộm màu và tẩy tóc, điều trị tóc và da đầu, làm mặt, tỉa lông mày và tẩy lông, trang điểm, chăm sóc móng tay và móng chân.

(2) Khóa đào tạo liên quan dành cho nghề chăm sóc da sẽ bao gồm các môn học liên quan đến chăm sóc da như sau: hóa học trang điểm, sức khỏe, an toàn và các chất độc hại, lý thuyết về điện, khử trùng và vệ sinh, vi khuẩn học, giải phẫu học, sinh lý học, phân tích và xác định tình trạng da, làm mặt, tỉa lông mày và tẩy lông và trang điểm.

(3) Khóa đào tạo liên quan dành cho nghề chăm sóc móng sẽ bao gồm các môn học liên quan đến chăm sóc móng như sau: hóa học trang điểm, sức khỏe, an toàn và các chất độc hại, khử trùng và vệ sinh, vi khuẩn học, giải phẫu học và sinh lý học, làm móng với nước và dầu, bao gồm cả mát-xa bàn tay và cánh tay, làm móng chân toàn bộ và đắp móng giả.

(4) Khóa đào tạo liên quan dành cho nghề đốt điện phân sẽ bao gồm các môn học liên quan đến phương pháp đốt điện phân như sau: sức khỏe, an toàn và các chất độc hại, khử trùng, vệ sinh và tiệt trùng, vi khuẩn học, giải phẫu học và sinh lý học, điện, điện phân, nhiệt phân và các dòng điện cao tần và galvanic.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7333 và 7334 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

916. Số Giờ Và Lịch Trình Đào Tạo

(a) Thời gian hai năm theo Mục 7335 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp tương đương tối thiểu ba ngàn hai trăm (3.200) giờ học nghề. Học nghề toàn thời gian nghĩa là làm việc và đào tạo theo một chương trình được phê duyệt ít nhất là 32 giờ mỗi tuần. Mỗi người tối đa chỉ được phép làm tám tiếng rưỡi một ngày cũng như không quá năm ngày trong một tuần. Số giờ đào tạo tối đa không được vượt quá 42-1/2 giờ mỗi tuần.

(b) Chương trình học nghề hai năm sẽ được bắt đầu ngay khi hội đồng cấp giấy phép học nghề.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7333 và 7334 và 7345 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

917. Đào Tạo Trước Học Nghề

(a) Số giờ tối thiểu của việc đào tạo trước học nghề được đề cập trong Mục 7334 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp sẽ là hai (2) giờ hướng dẫn về các luật lệ và quy định của hội đồng, các quy trình bảo vệ khách hàng và vệ sinh, khử trùng cơ bản. Đương đơn xin cấp giấy phép học nghề phải hoàn tất khóa đào tạo trước học nghề theo yêu cầu tại mục này trong thời hạn sáu tháng ngay trước khi nộp đơn xin hoặc được cấp giấy phép học nghề.

(b) Theo mục này, "các quy trình bảo vệ khách hàng và vệ sinh, khử trùng cơ bản" bao gồm các quy trình khử trùng dụng cụ, khăn vải và thiết bị; quy trình rửa tay tiêu chuẩn; hướng dẫn xử lý khi tiếp xúc với máu; các tiêu chuẩn tối thiểu nhằm bảo vệ khách hàng khỏi hóa chất nguy hại; các vi phạm phổ biến và cách phòng tránh; nhận thức về lạm dụng thể chất và tình dục; cùng với tác phong nghề nghiệp.

(c) Để hoàn tất khóa đào tạo, đương đơn phải hoàn thành chương trình đào tạo trực tuyến trước học nghề do Hội đồng quản lý, bao gồm các nội dung sau:

(1) Quy trình đăng ký được cung cấp trên trang mạng của Hội đồng tại www.barbercosmo.ca.gov. Đương đơn phải đăng ký tài khoản người dùng bằng cách truy cập đường dẫn "đào tạo trước học nghề" trên trang mạng của Hội đồng và cung cấp các thông tin sau thông qua trang mạng:

(A) Họ và tên hợp pháp đầy đủ: (Họ) (Tên) (Tên đệm) và (Hậu tố), nếu có;

(B) Địa chỉ thư điện tử;

(C) Ngày sinh;

(D) Số điện thoại;

(E) Số an sinh xã hội (SSN) hoặc số nhận dạng người nộp thuế cá nhân (ITIN).

(2) Một khóa học tương tác bao gồm các mô-đun giảng dạy kèm theo các slide bài giảng liên quan đến các nội dung được liệt kê tại khoản (b). Người dùng đã đăng ký phải xem toàn bộ các mô-đun này và hoàn thành đúng các bài kiểm tra và hoạt động sau mỗi mô-đun theo quy định tại khoản này. Theo khoản này, "hoàn thành đúng các bài kiểm tra và hoạt động" bao gồm:

(A) Người dùng phải chọn đáp án đúng cho mỗi bài kiểm tra hoặc hoạt động liên quan đến mô-đun học tập để tiếp tục khóa học đến khi hoàn tất.

(B) Nếu chọn đáp án sai, người dùng sẽ được yêu cầu chọn lại và không được phép tiếp tục khóa học cho đến khi chọn đúng đáp án.

(C) Người dùng không được phép bỏ qua hoặc tua nhanh bất kỳ mô-đun hoặc trang trình chiếu nào trong chương trình đào tạo.

(D) Sau khi hoàn tất một trang trình chiếu, người dùng phải nhấp vào mũi tên để tiếp tục và hoàn tất khóa học.

(3) Sau khi hoàn tất khóa học, người dùng có thể tải xuống và in chứng nhận hoàn tất dạng kỹ thuật số, có tiêu đề "Certificate of Completion", ghi rõ họ tên hợp pháp đầy đủ của người dùng, tên khóa học, ngày hoàn tất và logo của Hội đồng.

(d) Sau khi hoàn tất chương trình đào tạo trước học nghề, cá nhân phải nộp bản sao chứng nhận hoàn tất được quy định tại đoạn (3) khoản (c) cho đơn vị bảo trợ chương trình học nghề đã được Hội đồng phê duyệt theo Mục 913 khi ghi danh vào chương trình học nghề.

(e) Nếu đương đơn không hoàn tất khóa đào tạo theo yêu cầu tại mục này trong thời hạn quy định, cá nhân đó phải học lại và hoàn tất khóa đào tạo theo đúng yêu cầu của mục này để đủ điều kiện được cấp giấy phép học nghề theo Mục 7334 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7334 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

918. Người Đào Tạo Học Nghề

(a) Người được cấp phép không được đào tạo người học nghề trừ khi giấy phép của người đó bao gồm phạm vi thực hành trong giấy phép của người học nghề.

(b) Người được cấp phép được phép giám sát tối đa hai người học nghề tại bất kỳ thời điểm được xác định nào.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7332 và 7336 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

919. Những Người Đào Tạo Và Cơ Sở Được Hội Đồng Phê Duyệt

(a) Người được cấp phép muốn đào tạo người học nghề phải được hội đồng chấp thuận trước khi sử dụng hoặc đào tạo người học nghề. Cơ sở muốn đào tạo người học nghề ở nhiều cơ sở địa điểm thuộc quyền sở hữu chung có thể yêu cầu tham gia đào tạo tại nhiều địa điểm. Quyền sở hữu chung bao gồm chuỗi cơ sở, nhiều cơ sở do cá nhân sở hữu và các tập đoàn nhượng quyền hoặc các công ty hợp doanh. Đơn xin phê duyệt của người đào tạo và cơ sở phải được thực hiện theo mẫu do hội đồng cung cấp (Mẫu # 35A-03, Đơn Xin Cấp Phép Học Nghề và Đơn Chấp Thuận Của Người Đào Tạo Và Cơ Sở, Sửa đổi 5/94).

(1) Các cơ sở tham gia đào tạo người học nghề ở nhiều địa điểm dưới quyền sở hữu chung phải cung cấp, như một phần của thủ tục đơn xin, danh sách bao gồm tên, địa điểm, số giấy phép do hội đồng cấp, tên các nhân viên và hoặc chủ sở hữu của các cơ sở.

(b) Các điều kiện để được chấp thuận làm người đào tạo học nghề:

(1) Người được cấp phép phải sở hữu giấy phép hiện hành và có hiệu lực do hội đồng cấp.

(2) Người được cấp phép không được có biện pháp kỷ luật nào đối với họ hoặc không bị thử thách do biện pháp kỷ luật của hội đồng hoặc đã kết thúc thời gian thử thách do biện pháp kỷ luật trước đây trong vòng hai năm ngay trước khi đơn xin cấp phép đào tạo người học nghề được đệ trình.

(3) Người được cấp phép không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(4) Người được cấp phép không có khoản phạt nào chưa trả chiếu theo Điều 12 Chương 10 Khoản 3 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

(c) Người học nghề không được phép làm việc hay đào tạo trong một cơ sở khi chưa được hội đồng chấp thuận. Đơn xin phê duyệt đối với cơ sở sẽ được thực hiện theo cùng mẫu như được quy định ở tiểu phần (a).

(d) Các điều kiện cho việc phê duyệt đối với cơ sở là:

(1) Cơ sở phải sở hữu giấy phép hiện hành và có hiệu lực do hội đồng cấp.

(2) Cơ sở không được có biện pháp kỷ luật nào đối với họ hoặc không bị thử thách do biện pháp kỷ luật của hội đồng hoặc đã kết thúc thời gian thử thách do biện pháp kỷ luật trước đây trong vòng hai năm ngay trước khi đơn xin phê duyệt của cơ sở được đệ trình.

(3) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(4) Người được cấp phép không có khoản phạt nào chưa trả chiếu theo Điều 12 Chương 10 Khoản 3 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

(5) Nếu cơ sở tham gia đào tạo người học nghề ở nhiều địa điểm thuộc quyền sở hữu chung thì phải có thỏa thuận giữa các cơ sở để sử dụng người học nghề.

(e) Hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho tất cả những người nộp đơn xin cấp phép làm người đào tạo học nghề hoặc một cơ sở đào tạo học nghề trong vòng mười (10) ngày kể từ khi nhận được đơn xin (Mẫu #35A- 03, Đơn Xin Cấp Phép Học Nghề và Đơn Chấp Thuận Của Người Đào Tạo Và Cơ Sở, Sửa đổi 5/94), về việc đơn xin đã đầy đủ hay còn thiếu và cần thông tin cụ thể gì.

(1) Khi thông tin cho đơn xin còn thiếu đã được gửi lại hội đồng, hội đồng sẽ quyết định, trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, xem đơn xin đã đầy đủ hay chưa.

(2) Nếu đơn xin vẫn chưa đầy đủ, hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho đương đơn trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, về thông tin cụ thể nào cần được bổ sung.

(f) Trong vòng ba mươi lăm (35) ngày sau khi nhận được đơn xin hoàn chỉnh, hội đồng sẽ thông báo cho đương đơn bằng văn bản về việc đương đơn có đáp ứng được các yêu cầu phê duyệt hay không.

(g) Thời gian tối thiểu, trung bình, tối đa cho việc xử lý yêu cầu phê duyệt chương trình đào tạo học nghề, kể từ khi nhận được đơn đến khi Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm quyết định cấp giấy phép trên cơ sở thi hành thực tế của hội đồng trong hai năm trước khi đề xuất mục này, như sau:

(1) Tối thiểu: 1 ngày

(2) Trung bình: 15 ngày

(3) Tối đa: 48 ngày

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7332, 7333, 7334 và 7336 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

920. Ghi Chép Đào Tạo Học Nghề

Người đào tạo học nghề phải trình lên hội đồng hoặc các đại diện của hội đồng bản sao các ghi chép công việc hàng ngày dành cho người học nghề của mình khi có yêu cầu. Các ghi chép công việc này bao gồm tên của người học nghề được thuê, ngày tháng người học nghề đã làm, số giờ làm việc và quá trình làm việc được thực hiện trong thời gian này, cùng tên của người đào tạo.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7333 và 7334 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

921. Chương Trình Giảng Dạy Dành Cho Khóa Học Nghề Làm Tóc

(a) Chương trình giảng dạy dành cho người học nghề ghi danh vào khóa học nghề làm tóc phải bao gồm ba ngàn hai trăm (3.200) giờ hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành bao gồm tất cả hoạt động của một thợ làm tóc chiếu theo Mục 7316 Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm.

(b) Cho mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện trên thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác hoặc trên một ma-nơ-canh. Đào tạo thực hành nghĩa là thời gian cần thiết để thực hiện hoạt động thực hành. Hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành sẽ bao gồm những giờ sau:

(1) 2.800 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và Đào Tạo Thực Hành Về Tạo Mẫu Tóc
Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Tạo Mẫu Tóc phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Tạo Kiểu Tóc (95 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 450 Hoạt Động Thực Hành):
Môn học về Tạo Kiểu Tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau: Phân tích tóc, gội đầu, tạo lọn tóc bằng ngón tay, uốn bằng ghim kẹp, chải ra, duỗi thẳng, uốn, làm xoăn với lược nóng và dụng cụ uốn nóng, tạo kiểu bằng máy sấy.

Uốn Vĩnh Viễn Và Duỗi Thẳng Bằng Hóa Chất (40 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 120 Hoạt Động Thực Hành):
Môn học về Uốn Vĩnh Viễn Và Duỗi Thẳng Bằng Hóa Chất sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau: Phân tích tóc, uốn vĩnh viễn bằng axít và kiềm, duỗi thẳng bằng hóa chất bao gồm cả việc sử dụng sodium hydroxide và các dung dịch ba-zơ khác.

Nhuộm Màu Và Tẩy Tóc (65 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 50 Hoạt Động Thực Hành):
Môn học về Nhuộm Màu Và Tẩy Tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau (bao gồm cả việc sử dụng màu bán vĩnh viễn, bán tạm thời và tạm thời): Phân tích tóc, kiểm tra dị ứng da và sợi tóc, các biện pháp an toàn, pha trộn công thức, nhuộm màu nhẹ, tẩy tóc, nhuộm highlight và lowlight, và sử dụng các chất tẩy màu nhuộm.

Cắt Tóc (20 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 300 Hoạt Động Thực Hành):
Môn học về Cắt Tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau: Sử dụng kéo, dao cạo (máy cạo), tông đơ cắt/xén bằng điện, và kéo lớn mỏng (thon) để cắt ướt và khô.

(2) 200 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và Đào Tạo Thực Hành Về Cạo Râu Tóc
Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Cạo Râu Tóc phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Chuẩn Bị Và Thực Hiện (100 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 40 Hoạt Động Thực Hành)
Môn học về Chuẩn Bị Và Thực Hiện sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau: Chuẩn bị râu tóc của khách hàng cho việc cạo, đánh giá tình trạng da của khách, thực hiện các kỹ thuật cạo, thoa thuốc sát trùng sau khi cạo tiếp theo dịch vụ làm mặt, mát-xa mặt của khách hàng và lăn kem mát-xa.

(3) 200 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Về Sức Khỏe Và An Toàn
Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Sức Khỏe Và An Toàn phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Luật Lệ Và Quy Định (20 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Các môn học về Luật Lệ Và Quy Định sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các vấn đề sau: Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm, Các Quy Tắc Và Quy Định Của Hội Đồng.

Cân Nhắc Về Sức Khỏe Và An Toàn (45 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Sức Khỏe Và An Toàn/các chất độc hại bao gồm việc đào tạo về các hóa chất và y tế trong các cơ sở, các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất, cách bảo vệ khỏi các hóa chất độc hại và phòng chống thương tổn do hóa chất, luật lệ và các cơ quan về y tế và an toàn, vi khuẩn học và ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm bao gồm HIV/AIDS và viêm gan B.

Khử Trùng Và Vệ Sinh (20 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Môn học về Khử Trùng Và Vệ Sinh sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau: Khử trùng và vệ sinh bao gồm các thủ tục thích hợp để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng cũng như các kỹ thuật viên, và các thủ tục khử trùng thích hợp cho các thiết bị sử dụng tại cơ sở.

Việc khử trùng phải được nhấn mạnh trong suốt thời gian đào tạo và phải được thực hiện trước khi sử dụng bất kỳ dụng cụ và thiết bị nào.

Giải Phẫu Và Sinh Lý Học (15 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Các môn học về Giải Phẫu Và Sinh Lý Học sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các vấn đề sau: Giải Phẫu Người, Sinh Lý Người.

(c) Hội đồng khuyến nghị các trường học nên cung cấp nội dung đào tạo trong lĩnh vực kỹ năng giao tiếp bao gồm đạo đức nghề nghiệp, nghệ thuật bán hàng, lưu giữ hồ sơ khách hàng, lễ nghi, và thông tin thuế cơ bản liên quan đến người thuê buồng, người làm việc độc lập, nhân viên và người sử dụng lao động.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7334 (f) Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316(a), 7321.5(d)(2), 7362(b), 7362.5(a) và 7389 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp; và Mục 3078 Bộ Luật Lao Động.

921.1. Chương Trình Giảng Dạy Dành Cho Khóa Học Nghề Trang Điểm

(a) Chương trình giảng dạy dành cho người học nghề ghi danh vào khóa học nghề trang điểm phải bao gồm ba ngàn hai trăm (3200) giờ hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành bao gồm tất cả hoạt động hình thành nên nghề trang điểm chiếu theo Mục 7316 Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm.

(b) Cho mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện trên thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác hoặc trên một ma-nơ-canh. Đào tạo thực hành nghĩa là thời gian cần thiết để thực hiện hoạt động thực hành. Hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành sẽ bao gồm những giờ sau:

(1) 2.600 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và Đào Tạo Thực Hành Về Tạo Mẫu Tóc
Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Tạo Mẫu Tóc phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Tạo Kiểu Tóc (95 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 450 Hoạt Động Thực Hành):
Môn học về Tạo Kiểu Tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau: Phân tích tóc, gội đầu, tạo lọn tóc bằng ngón tay, uốn bằng ghim kẹp, chải ra, duỗi thẳng, uốn, làm xoăn với lược nóng và dụng cụ uốn nóng, tạo kiểu bằng máy sấy.

Uốn Vĩnh Viễn Và Duỗi Thẳng Bằng Hóa Chất (40 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 210 Hoạt Động Thực Hành):

Môn học về Uốn Vĩnh Viễn Và Duỗi Thẳng Bằng Hóa Chất sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau: Phân tích tóc, uốn vĩnh viễn bằng axít và kiềm, duỗi thẳng bằng hóa chất bao gồm cả việc sử dụng sodium hydroxide và các dung dịch ba-zơ khác.

Nhuộm Màu Và Tẩy Tóc (65 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 215 Hoạt Động Thực Hành):
Môn học về Nhuộm Màu Và Tẩy Tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau (bao gồm cả việc sử dụng màu bán vĩnh viễn, bán tạm thời và tạm thời): Phân tích tóc, kiểm tra dị ứng da và sợi tóc, các biện pháp an toàn, pha trộn công thức, nhuộm màu nhẹ, tẩy tóc, nhuộm highlight và lowlight, và sử dụng các chất tẩy màu nhuộm.

Cắt Tóc (20 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 300 Hoạt Động Thực Hành):
Môn học về Cắt Tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau: Sử dụng kéo, dao cạo (máy cạo), tông đơ cắt/xén bằng điện, và kéo lớn mỏng (thon) để cắt ướt và khô.

(2) 200 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Về Sức Khỏe Và An Toàn
Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Sức Khỏe Và An Toàn phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Luật Lệ Và Quy Định (20 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật):
Các môn học về Luật Lệ Và Quy Định sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các vấn đề sau: Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm, Các Quy Tắc Và Quy Định Của Hội Đồng.

Cân Nhắc Về Sức Khỏe Và An Toàn (45 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật):
Môn học về Sức Khỏe Và An Toàn sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau: Hóa học trang điểm bao gồm thành phần hóa học và mục đích của các mỹ phẩm, chế phẩm chăm sóc móng, tóc và da. Trang điểm bằng hóa chất cơ bản, lột da bằng hóa chất và các thay đổi hóa học và vật lý của vật chất. Các chất độc hại bao gồm việc đào tạo về các hóa chất và y tế trong các cơ sở, cách bảo vệ khỏi các hóa chất độc hại và phòng chống thương tổn do hóa chất, công thái học, lý thuyết về điện trong trang điểm, vi khuẩn học, các bệnh truyền nhiễm bao gồm HIV/AIDS, viêm gan B và khuẩn tụ cầu, Các Bảng Chỉ Dẫn An Toàn Hóa Chất.

Khử Trùng Và Vệ Sinh (20 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật):
Môn học về Khử Trùng Và Vệ Sinh sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau: Khử trùng và vệ sinh bao gồm các thủ tục thích hợp để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng cũng như các kỹ thuật viên. Các thủ tục khử trùng thích hợp cho các thiết bị sử dụng tại cơ sở.
Việc khử trùng phải được nhấn mạnh trong suốt thời gian đào tạo và phải được thực hiện trước khi sử dụng bất kỳ dụng cụ và thiết bị nào.

Giải Phẫu Và Sinh Lý Học (15 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật):
Các môn học về Giải Phẫu Và Sinh Lý Học sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các vấn đề sau: Giải Phẫu Người, Sinh Lý Người.

(3) 200 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và Đào Tạo Thực Hành Về Thẩm Mỹ
Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Thẩm Mỹ phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Chăm Sóc Mặt Bằng Tay, Điện, Hóa Chất (25 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 65 Hoạt Động Thực Hành):
Môn học về chăm sóc mặt bằng tay, điện và hóa chất sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các kỹ thuật và thủ tục sau: Chăm Sóc Mặt Bằng Tay bao gồm việc làm sạch, các thao tác khoa học, ủ, và đắp mặt nạ. Chăm Sóc Mặt Bằng Điện bao gồm việc sử dụng các phương thức bằng điện, đèn chiếu cho da và dụng cụ điện cho mục đích làm mặt và chăm sóc da; tuy nhiên, các máy móc có khả năng tạo ra dòng điện sẽ không được sử dụng để kích thích làm săn hoặc cho các mục đích làm săn các cơ bắp của cơ thể hoặc khuôn mặt. Chăm Sóc Mặt Bằng Hóa Chất bao gồm lột da bằng hóa chất, ủ, đắp mặt nạ và tẩy tế bào chết. Việc đào tạo phải nhấn mạnh rằng chỉ có các lớp phi sinh trên cùng của da mặt, hay còn được gọi là biểu bì, mới được tẩy bỏ, và chỉ với mục đích làm đẹp. Tất cả các hoạt động thực hành phải được thực hiện theo Mục 992 về lột tẩy da.

Làm Đẹp Lông Mày Và Trang Điểm (25 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 55 Hoạt Động Thực Hành):
Môn học về Làm Đẹp Lông Mày sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, những vấn đề sau đây: Tỉa Lông Mày Và Tẩy Lông, bao gồm cả việc sử dụng sáp, nhíp, bằng điện hoặc bằng tay, và thuốc rụng lông để loại bỏ lông tóc thừa.

Môn học về Trang Điểm sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các vấn đề sau: phân tích da, trang điểm toàn bộ và chỉnh sửa, nhuộm lông mi và lông mày, và gắn lông mi giả.

(4) 200 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và Đào Tạo Thực Hành Về Chăm Sóc Móng Tay Và Chăm Sóc Móng Chân
Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Chăm Sóc Móng Tay Và Chăm Sóc Móng Chân phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Chăm Sóc Móng Tay Và Chăm Sóc Móng Chân (10 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 34 Hoạt Động Thực Hành):
Môn học về Chăm Sóc Móng Tay Và Chăm Sóc Móng Chân sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các vấn đề sau: Chăm sóc móng với nước và dầu, bao gồm phân tích móng, mát-xa bàn tay/bàn chân và cánh tay/cổ chân.

Móng Giả Và Đắp Móng (25 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 120 Hoạt Động Thực Hành) (trên móng):
Móng giả bao gồm acrylic: quét cọ dung dịch và bột, dán móng giả, đắp móng và sửa móng.

(c) Hội đồng khuyến nghị các trường học nên cung cấp nội dung đào tạo trong lĩnh vực kỹ năng giao tiếp bao gồm đạo đức nghề nghiệp, nghệ thuật bán hàng, lễ nghi, lưu giữ hồ sơ, và các ghi chép về dịch vụ khách hàng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7334 (f) Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316(b), 7321(d)(5), 7362(b), 7362.5(b) và 7389 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp; và Mục 3078 Bộ Luật Lao Động.

921.2. Chương Trình Giảng Dạy Dành Cho Khóa Học Nghề Đốt Điện Phân

(a) Chương trình giảng dạy dành cho người học nghề ghi danh vào khóa học nghề đốt điện phân phải bao gồm ba ngàn hai trăm (3.200) giờ hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành bao gồm tất cả hoạt động hình thành nên nghề đốt điện phân chiếu theo Mục 7316 Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm.

(b) Cho mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện trên thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác. Đào tạo thực hành nghĩa là thời gian cần thiết để thực hiện hoạt động thực hành. Hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành sẽ bao gồm những giờ sau:

(1) 400 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và Đào Tạo Thực Hành Về Điện Phân, Nhiệt Phân, Phương Thức Kết Hợp/Lưỡng Kép Và Điện
Các môn học hướng dẫn bắt buộc về điện phân, nhiệt phân, phương thức kết hợp/lưỡng kép và điện phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Điện Phân (45 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 120 Hoạt Động Thực Hành)
Môn học về Điện Phân sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng các kỹ thuật chèn đơn và đa kim, sử dụng dòng galvanic, phản ứng da, điện di anot và điện chuyển, đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị điện phân.

Nhiệt Phân (45 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 120 Hoạt Động Thực Hành)
Môn học về Nhiệt Phân sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng thiết bị nhiệt phân tự động và bằng tay, các kỹ thuật chèn, sử dụng dòng cao tần trong cả hai cường độ cao và thấp, phản ứng da, và đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị nhiệt phân.

Phương Thức Kết Hợp/Lưỡng Kép (45 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 120 Hoạt Động Thực Hành)
Môn học về Phương Thức Kết Hợp/Lưỡng Kép sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng kết hợp dòng cao tần và dòng galvanic, các kỹ thuật chèn, phản ứng da, điện di anot và điện chuyển, đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị Kết Hợp/Lưỡng Kép.

Điện (15 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Môn học về Điện sẽ bao gồm tính chất của dòng điện; nguyên tắc hoạt động của các thiết bị điện; các biện pháp phòng ngừa an toàn khác nhau áp dụng khi vận hành các thiết bị điện, và bảo trì đúng cách các thiết bị.

(2) 200 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Về Sức Khỏe Và An Toàn
Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Sức Khỏe Và An Toàn phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Luật Lệ Và Quy Định (20 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Môn học về Luật Lệ Và Quy Định sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các vấn đề sau: Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm, Các Quy Tắc Và Quy Định Của Hội Đồng.

Cân Nhắc Về Sức Khỏe Và An Toàn (45 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Môn học về Sức Khỏe Và An Toàn sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, vi khuẩn học, HIV/AIDS, viêm gan, herpes, nhiễm trùng tụ cầu khuẩn và các bệnh truyền nhiễm khác cùng biện pháp ngăn ngừa, công thái học, an toàn điện, và các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất.

Tiệt Trùng (25 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Môn học về Tiệt Trùng sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc nghiên cứu các thủ tục và kỹ thuật thích hợp để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng cũng như các kỹ thuật viên, và vệ sinh thiết bị được sử dụng trong các cơ sở. Việc tiệt trùng và vệ sinh phải được nhấn mạnh trong suốt thời gian đào tạo và phải được thực hiện trên tất cả các dụng cụ và thiết bị trước khi sử dụng. Thời gian và ngày giờ tiệt trùng phải được theo dõi và ghi chép.

Giải Phẫu Và Sinh Lý Học (25 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Các môn học về Giải Phẫu Và Sinh Lý Học sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, giải phẫu và sinh lý người, da liễu và phân tích da và tóc, nghiên cứu về các hệ thống tuần hoàn, thần kinh và nội tiết.

(c) Hội đồng khuyến nghị các trường học nên cung cấp nội dung đào tạo trong lĩnh vực kỹ năng giao tiếp bao gồm đạo đức nghề nghiệp, tư vấn, chăm sóc trước và sau điều trị, nghệ thuật bán hàng, lễ nghi, lưu giữ hồ sơ, các ghi chép về dịch vụ khách hàng, kỹ năng kinh doanh và thông tin thuế cơ bản liên quan đến người làm việc độc lập, nhân viên và người sử dụng lao động.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7334 (f) Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316(f), 7330(d) (3), 7362(b), 7366 và 7389 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp; và Mục 3078 Bộ Luật Lao Động.

922. Chuyển Đổi

Người học nghề có thể yêu cầu nhà bảo trợ chương trình chuyển đổi từ một lớp đào tạo liên quan được chấp thuận sang một lớp khác hoặc từ một cơ sở và người đào tạo đã được chấp thuận sang một cơ sở và người đào tạo khác. Người học nghề và nhà bảo trợ chương trình phải thông báo cho hội đồng trong vòng năm ngày về bất kỳ sự chuyển đổi nào.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7333 và 7336 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

923. Nộp Lại Giấy Phép

Những người học nghề đã vượt qua kỳ thi cấp giấy phép hoặc chấm dứt việc ghi danh vào chương trình đào tạo học nghề hoặc những người hết hạn ghi danh học nghề phải trả lại cho hội đồng bất kỳ giấy phép học nghề nào cũng như ảnh nhận dạng đã được cấp cho họ trước đó.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7335 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

924. Hoàn Tất Chương Trình Đào Tạo Học Nghề

(a) Sau khi hoàn thành hoặc ngừng chương trình học nghề, cơ sở bảo trợ chương trình học nghề có trách nhiệm cấp cho người học nghề giấy chứng nhận đã hoàn thành hoặc ngừng học nghề. Giấy chứng nhận hoàn thành hoặc ngừng học nghề cần phải có chữ ký của người hướng dẫn, người học nghề và cơ sở bảo trợ chương trình học nghề.

(b) Giấy chứng nhận hoàn thành hoặc ngừng học nghề cần phải là tài liệu do cơ sở bảo trợ chương trình lập bao gồm tất cả những thông tin sau:

(1) Tên khóa học.

(2) Tên, địa chỉ, số điện thoại và ngày sinh của người học nghề.

(3) Số giấy phép học nghề và số an sinh xã hội.

(4) Tên cơ sở bảo trợ chương trình và mã cơ sở bảo trợ do hội đồng cấp.

(5) Tổng số giờ đào tạo liên quan đã hoàn thành.

(6) Ngày hoàn thành hoặc ngừng đào tạo người học nghề.

(7) Tổng số giờ đào tạo tại chỗ mà người học nghề đã hoàn thành theo môn học được chỉ định.

(8) Bất kỳ nội dung đào tạo nào nhận được trong chương trình học nghề đã được hội đồng chấp thuận trước đó.

(9) Tuyên bố xác nhận việc người học nghề đã hoặc chưa đáp ứng các yêu cầu của chương trình học.

(10) Tuyên bố, ghi rõ ngày và ký tên xác nhận theo hình phạt về khai man rằng mọi thông tin trong tài liệu đó là trung thực và chính xác. Tuyên bố phải được diễn đạt như sau:

"Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, xác nhận theo hình phạt về khai man theo luật pháp của tiểu bang California rằng mọi thông tin trong tài liệu này là trung thực và chính xác".

(c) Người học nghề phải nộp chứng chỉ hoàn thành học nghề và tất cả các tài liệu cần xét khác kèm theo đơn đăng ký dự thi cấp giấy phép hành nghề.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7321, 7321.5, 7324, 7326, 7330, 7333 và 7337 Bộ Luật Kinh Doanh và Nghề Nghiệp.

925. Tuyên Bố Về Trách Nhiệm Của Người Đào Tạo

Chủ cơ sở nơi khóa học nghề được tổ chức phải thông báo bằng văn bản cho nhân viên là người đào tạo học nghề về trách nhiệm của nhân viên đó với tư cách là người đào tạo. Tuyên bố về trách nhiệm của người đào tạo phải bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các điều khoản được nêu trong tiểu phần (a), (b), (c), (d) và (e), Mục 3078 Bộ Luật Lao Động. Tuyên bố về trách nhiệm của người đào tạo phải có chữ ký của chủ cơ sở và người đào tạo học nghề và được lưu giữ trong khuôn viên của cơ sở đó. Tuyên bố về trách nhiệm của người đào tạo phải được xuất trình cho hội đồng hoặc người đại diện của hội đồng khi có yêu cầu.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7332, 7333 và 7336 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

926. Tín Chỉ Học Nghề Cho Việc Đào Tạo Trước Đó

(a) Người học nghề mong muốn hội đủ điều kiện dự thi chiếu theo Mục 7321 đến 7330 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp để được cấp giấy phép tại tiểu bang này dựa trên một phần đào tạo nhận được từ một chương trình học nghề tại California trước đó phải cung cấp chứng cứ về văn bằng của họ như sau:

(1) Việc đào tạo trước đó phải diễn ra trong một chương trình học nghề do hội đồng phê duyệt.

(2) Việc đào tạo trước đó phải diễn ra trong vòng ba năm ngay trước khi ghi danh lại trong một chương trình học nghề do hội đồng phê duyệt.

(3) Giấy Chứng Nhận Hoàn Tất hoặc Đình Chỉ hợp lệ có chữ ký của người học nghề, người đào tạo, đại diện trường và nhà bảo trợ chương trình phải được gửi cho nhà bảo trợ chương trình ghi danh trước khi tín chỉ trước đó được cấp.

(4) Sau khi hoàn tất ba ngàn hai trăm (3.200) giờ của khóa đào tạo học nghề, Giấy Chứng Nhận Hoàn Tất hoặc Đình Chỉ hợp lệ cho mỗi giai đoạn ghi danh phải kèm theo đơn xin dự thi.

(b) Người học nghề phải rời khỏi chương trình được phê duyệt trong tình trạng tốt để có được tín chỉ cho việc đào tạo đã nhận được. Tình trạng tốt được định nghĩa như sau:

(1) Không bị chấm dứt làm việc do các hoạt động không thích hợp.

(2) Đã trả lại giấy phép học nghề cho nhà bảo trợ chương trình để chuyển tiếp đến hội đồng.

(3) Đã tham gia các lớp đào tạo có liên quan và bổ sung chiếu theo mục 915 CCR.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7333 và 7334 và 7345 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Điều 4. Kỳ Thi

931. Thông Dịch Viên

(a) Một đương đơn đăng ký tham dự kỳ thi thợ làm tóc, bác sĩ thẩm mỹ, chuyên viên tạo kiểu tóc, chuyên gia thẩm mỹ, thợ làm móng hoặc chuyên viên điện phân có thể sử dụng Thông Dịch Viên trong kỳ thi nếu đương đơn không thể nói, đọc hoặc viết tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt hoặc tiếng Trung Giản Thể ở trình độ lớp 10, và nếu đương đơn và/hoặc thông dịch viên tuân thủ các yêu cầu tại các tiểu mục (c), (d), (f), (h), (i) và (j), nếu áp dụng.

(b) Để yêu cầu Hội Đồng chấp thuận một cá nhân do đương đơn chỉ định làm Thông Dịch Viên, đương đơn phải nộp kèm theo đơn đăng ký dự thi một mẫu đơn đã điền đầy đủ có tiêu đề "Đơn Yêu Cầu Sử Dụng Thông Dịch Viên" (Mẫu #03A-126 (Sửa đổi 02/2025)), được đưa vào đây để tham chiếu.

(c) Thông Dịch Viên phải là người thành thạo cả tiếng Anh lẫn ngôn ngữ mẹ đẻ của đương đơn và phải xác nhận việc này bằng văn bản cam kết chịu hình phạt nếu khai man.

(d) Một người chỉ được phép làm Thông Dịch Viên một lần mỗi năm trong bất cứ kỳ thi nào. Vì mục đích của khoản này, "một lần mỗi năm" có nghĩa là người đó chưa từng làm Thông Dịch Viên trong bất kỳ kỳ thi cấp phép nào của Hội đồng trong vòng mười hai (12) tháng trước ngày ký vào đơn được nêu tại khoản (b).

(e) Những người khuyết tật có quyền tham gia vào các hoạt động thi cử một cách bình đẳng như những người không khuyết tật và các điều chỉnh hợp lý sẽ được cung cấp cho tất cả những người có hồ sơ chứng nhận y tế.

(f) Những người sau đây không được phép làm Thông Dịch Viên:

(1) Những người dưới 15 tuổi.

(2) Những người hiện tại hoặc trước đây từng là học viên ngành làm tóc, trang điểm, tạo kiểu tóc, điện phân, chăm sóc móng hoặc chăm sóc da.

(3) Những người hiện tại hoặc trước đây từng được cấp giấy phép làm kỹ thuật viên hoặc người hướng dẫn bởi tiểu bang này hoặc bất kỳ tiểu bang nào khác trong ngành làm tóc, trang điểm, tạo kiểu tóc, điện phân, chăm sóc móng hoặc chăm sóc da.

(4) Những người hiện tại hoặc trước đây từng ghi danh vào chương trình đào tạo học nghề làm tóc, trang điểm, chăm sóc da, chăm sóc móng hoặc điện phân.

(5) Những người hiện tại hoặc trước đây từng là chủ sở hữu hoặc nhân viên của bất kỳ trường nào dạy về làm tóc, trang điểm, điện phân, tạo kiểu tóc, chăm sóc móng hoặc chăm sóc da.

(g) Trong thời gian một (1) năm kể từ ngày một người đảm nhận vai trò Thông Dịch Viên, người đó sẽ không đủ điều kiện nộp đơn lên Hội Đồng để xin cấp giấy phép hành nghề trong ngành làm tóc, trang điểm, tạo kiểu tóc, điện phân, chăm sóc móng hoặc chăm sóc da mà người đó đã cung cấp dịch vụ Thông Dịch Viên.

(h) Nếu Hội Đồng xác định bất kỳ thông tin nào được cung cấp theo mục này là sai một cách nghiêm trọng, điều này sẽ làm mất hiệu lực bài thi của đương đơn, nếu có.

(i) Những người chỉ đọc đề thi cho đương đơn mà không thông dịch sang một ngôn ngữ khác, sẽ không được phép đi cùng đương đơn trong bất kỳ kỳ thi nào.

(j) Nếu Hội Đồng xác định rằng một Thông Dịch Viên cung cấp câu trả lời trong kỳ thi hoặc bất kỳ việc hỗ trợ tài liệu nào khác cho người dự thi ngoài việc thông dịch trong lúc tiến hành kỳ thi, hội đồng sẽ truất tư cách Thông Dịch Viên và hủy bỏ hiệu lực bài thi của đương đơn.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7338 và 7340, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

932. Điểm Đạt Trong Các Kỳ Thi

(a) Kỳ thi sẽ bao gồm một bài kiểm tra viết.

(b) Đương đơn phải nhận được điểm đạt ở bài kiểm tra viết này. Hội Đồng sẽ quyết định điểm đạt bằng cách sử dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí và dựa trên khuyến nghị của các chuyên gia phụ trách lĩnh vực dưới sự hướng dẫn của Hội Đồng và nhà thầu tổ chức thi của Hội Đồng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, 7338 và 7340, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7338 và 7340, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Điều 5. Đơn Vị Lưu Động

937. Cấp Phép Và Hoạt Động

(a) Đương đơn xin cấp phép vận hành đơn vị lưu động phải nộp cho Hội Đồng một hồ sơ đăng ký đã điền đầy đủ, bao gồm tất cả các nội dung sau: một mẫu đơn có tiêu đề "(1008) Đơn Đăng Ký Giấy Phép Đơn Vị Lưu Động" (Mẫu #03A-202 (Mới 06/2024)), được đưa vào đây để tham chiếu, phí nộp đơn không hoàn lại theo quy định tại mục 998, phí thanh tra cấp giấy phép lần đầu theo quy định tại mục 998, cùng với các bằng chứng, tuyên bố hoặc tài liệu theo yêu cầu tại Mục 7355(b) của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

(b) Tất cả các Quy Tắc Sức Khỏe Và An Toàn quản lý các cơ sở làm tóc và trang điểm (như có trong Điều 12 của bộ quy định này) sẽ được áp dụng cho các đơn vị lưu động trừ khi có quy định khác.

(c) Mọi cửa tủ bảo quản phải có chốt an toàn.

(d) Mọi thiết bị không được cất giữ trong tủ bảo quản phải được neo chắc chắn vào đơn vị lưu động.

(e) Không được phép thực hiện dịch vụ khi đơn vị lưu động đang di chuyển.

(f) Phải bố trí cầu dốc hoặc bệ nâng để tiếp cận đơn vị lưu động nếu cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật.

(g) Chủ sở hữu đơn vị lưu động có trách nhiệm tuân thủ tất cả các luật và quy định của địa phương, tiểu bang và liên bang liên quan đến hoạt động của các phương tiện được sử dụng làm đơn vị lưu động.

(h) Phải cung cấp lộ trình ghi rõ ngày, địa điểm và thời gian thực hiện dịch vụ, khi có yêu cầu, cho đại diện được ủy quyền của Hội Đồng.

(i) Hội Đồng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho đương đơn về việc đơn đăng ký đã hoàn chỉnh và được thụ lý hay còn thiếu sót và cần phải có thông tin hoặc tài liệu cụ thể nào để bổ sung hoàn chỉnh đơn đăng ký sau khi nhận được đơn đăng ký cấp phép cho hoạt động của đơn vị lưu động.

(j) Hội Đồng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho đương đơn về quyết định của Hội Đồng đối với đơn đăng ký, phụ thuộc vào lịch hẹn của đương đơn với Hội Đồng hoặc đại diện của Hội Đồng để kiểm tra đơn vị lưu động nhằm đưa ra phê duyệt chính thức, chiếu theo mục 7355 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp, trong vòng bảy (7) ngày theo niên lịch kể từ ngày nhận được thông báo về đơn đăng ký hoàn chỉnh. Nếu đơn đăng ký được xác định là chưa hoàn chỉnh và đương đơn không hoàn thành đơn đăng ký trong thời hạn quy định tại Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp mục 7345, Hội Đồng sẽ hoàn trả phí thanh tra và cấp phép lần đầu cho đương đơn sau khi sau khi kết thúc thời hạn quy định tại Mục 7345.

(k) Việc kiểm tra để phê duyệt chính thức phải được tiến hành nhằm đảm bảo tuân thủ Mục 7345 và 7357 (b) của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7357, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7345, 7355 và 7357, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Điều 6. Trường Học

940. Thiết Bị Cho Trường Học

(a) Các thiết bị tối thiểu mà một trường đào tạo thẩm mỹ phải có như sau:

(1) Thiết bị điện cho việc hướng dẫn về chăm sóc da và làm mặt bằng điện.

LƯU Ý: Thiết bị không được sử dụng để kích thích làm săn hoặc cho các mục đích làm săn các cơ bắp của cơ thể hoặc khuôn mặt.

(2) Ma-nơ-canh, với đầy đủ đầu tóc	10
(3) Đồng hồ hoặc máy quét thời gian	1
(4) Chậu gội đầu	5
(5) Máy sấy	6
(6) Ghế làm mặt hoặc giường làm mặt	2
(7) Quầy làm móng	6
(8) Duỗi tóc bằng nhiệt	

(A) Lược không dùng điện 3
(B) Lò sấy (dành cho lược không dùng điện) 1
(C) Dụng cụ uốn điện 1
(D) Dụng cụ uốn không dùng điện (ít nhất hai kích cỡ) 3
(E) Lò sấy (dành cho dụng cụ uốn không dùng điện) 1
(9) Ghế làm tóc hoặc ghế tạo kiểu tóc 15

(b) Các thiết bị tối thiểu mà một trường dạy làm tóc phải có như sau:
(1) Ma-nơ-canh, với đầy đủ đầu tóc 7
(2) Đồng hồ hoặc máy quét thời gian 1
(3) Chậu gội đầu 3
(4) Máy sấy 4
(5) Ghế làm tóc hoặc ghế tạo kiểu tóc 8
(6) Dụng cụ uốn điện 1
(7) Lược không dùng điện 1
(8) Dụng cụ uốn không dùng điện (ít nhất hai kích cỡ) 2
(9) Lò sấy (dành cho lược không dùng điện) 1
(10) Máy hấp khăn 1

(c) Các thiết bị tối thiểu mà một trường dạy điện phân phải có như sau:
(1) Đồng hồ hoặc máy quét thời gian 1
(2) Bồn rửa tay 2
(3) Bàn dịch vụ 3
(4) Máy tẩy lông điện phân:
(A) Máy nhiệt phân cao tần 2
(B) Máy tẩy lông kết hợp 2
(C) Kim nhiều mũi 1
(5) Đèn lúp/kính lúp cầm tay/kính lúp ống nhòm giúp phóng to 3
(6) Ghế đầu có thể điều chỉnh chiều cao 3
(7) Kệ đựng dụng cụ 3
(8) Hộp đựng vật sắc nhọn 1/bàn
(9) Máy tiệt trùng nhiệt khô 1
(10) Máy hấp tiệt trùng 1

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7362.1, 7362.2 và 7362.3, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

941. Phê Duyệt Cho Trường Học

(a) Để được hội đồng phê duyệt, một trường sau trung học tư thục phải đệ trình lên hội đồng yêu cầu phê duyệt trong đó bao gồm các yếu tố sau:

(1) Văn bản, do chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu của trường ký tên và cam kết chịu phạt nếu khai man, tuyên bố rằng trường sẽ cung cấp khóa hướng dẫn được hội đồng phê duyệt và, đối với các trường đào tạo thẩm mỹ, tất cả các yêu cầu của mục 7362.1 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp liên quan đến việc phê duyệt của trường đều đã được đáp ứng.

(2) Bản sao Giấy Chứng Nhận Phê Duyệt Hoạt Động Tổ Chức hợp lệ, còn hiệu lực do Cục Giáo Dục Sau Trung Học Tư Thục và Dạy Nghề cấp cho trường.

(b) Trong vòng mười ngày làm việc sau khi nhận được yêu cầu phê duyệt như quy định trong tiểu phần (a), hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho trường về việc phê duyệt đã được chấp thuận hay yêu cầu phê duyệt đó vẫn còn thiếu và cần thông tin cụ thể gì để hoàn tất yêu cầu phê duyệt.

(c) Các điều khoản trong tiểu phần (a) phải được đáp ứng đối với tất cả các trường mới và các trường đã thay đổi quyền chủ sở hữu hoặc địa chỉ.

(d) Nếu một trường được phê duyệt không còn đáp ứng được các yêu cầu của mục 7362 hoặc 7362.1 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp, trường đó phải thông báo cho hội đồng bằng văn bản trong vòng bảy ngày theo lịch về điều khoản nào mà trường không đáp ứng được.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7362 và 7362.1, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

950.5. Chương Trình Giảng Dạy Dành Cho Khóa Học Điện Phân

(a) Chương trình giảng dạy dành cho học viên ghi danh vào khóa học điện phân phải bao gồm sáu trăm (600) giờ hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành bao gồm tất cả hoạt động hình thành nên nghề điện phân chiếu theo Mục 7316 Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm.

(b) Cho mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác. Đào tạo thực hành nghĩa là thời gian cần thiết để thực hiện một hoạt động thực hành. Hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành sẽ bao gồm những giờ sau:

(1) 400 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và Đào Tạo Thực Hành Về Điện Phân, Nhiệt Phân, Phương Thức Kết Hợp/Lưỡng Kép Và Điện

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về điện phân, nhiệt phân, phương thức kết hợp lưỡng kép và điện phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Điện Phân (45 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 60 Hoạt Động Thực Hành)
Môn học về Điện Phân sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng các kỹ thuật chèn đơn và đa kim, sử dụng dòng galvanic, phản ứng da, điện di anot và điện chuyển, đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị điện phân.

Nhiệt Phân (45 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 60 Hoạt Động Thực Hành)
Môn học về Nhiệt Phân sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng thiết bị nhiệt phân tự động và bằng tay, các kỹ thuật chèn, sử dụng dòng cao tần trong cả hai cường độ cao và thấp, phản ứng da, và đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị nhiệt phân.

Phương Thức Kết Hợp/Lưỡng Kép (45 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Và 60 Hoạt Động Thực Hành)
Môn học về Phương Thức Kết Hợp/Lưỡng Kép sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng kết hợp dòng cao tần và dòng galvanic, các kỹ thuật chèn, phản ứng da, điện di anot và điện chuyển, đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị Kết Hợp/Lưỡng Kép.

Điện (15 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Môn học về Điện sẽ bao gồm tính chất của dòng điện; nguyên tắc hoạt động của các thiết bị điện; các biện pháp phòng ngừa an toàn khác nhau áp dụng khi vận hành các thiết bị điện, và bảo trì đúng cách các thiết bị.

(2) 200 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật Về Sức Khỏe Và An Toàn
Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Sức Khỏe Và An Toàn phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Luật Lệ Và Quy Định (20 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Môn học về Luật Lệ Và Quy Định sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các vấn đề sau: Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm, Các Quy Tắc Và Quy Định Của Hội Đồng.

Cân Nhắc Về Sức Khỏe Và An Toàn (45 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Môn học về Sức khỏe Và An toàn sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, vi khuẩn học, HIV/AIDS, viêm gan, herpes, nhiễm trùng tụ cầu khuẩn và các bệnh truyền nhiễm khác cùng biện pháp ngăn ngừa, công thái học, an toàn điện, và các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất.

Tiệt Trùng (20 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Môn học về Tiệt Trùng sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc nghiên cứu các thủ tục và kỹ thuật thích hợp để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng cũng như các kỹ thuật viên, và vệ sinh thiết bị được sử dụng trong các cơ sở.

Việc tiệt trùng và vệ sinh phải được nhấn mạnh trong suốt thời gian đào tạo và phải được thực hiện trên tất cả các dụng cụ và thiết bị trước khi sử dụng. Thời gian và ngày giờ tiệt trùng phải được theo dõi và ghi chép.

Giải Phẫu Và Sinh Lý Học (20 Giờ Hướng Dẫn Kỹ Thuật)
Các môn học về Giải Phẫu Và Sinh Lý Học sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, giải phẫu và sinh lý người, da liễu và phân tích da và tóc, nghiên cứu về các hệ thống tuần hoàn, thần kinh và nội tiết.

(c) Hội đồng khuyến nghị các trường học nên cung cấp nội dung đào tạo trong lĩnh vực kỹ năng giao tiếp bao gồm đạo đức nghề nghiệp, tư vấn, chăm sóc trước và sau điều trị, nghệ thuật bán hàng, lễ nghi, lưu giữ hồ sơ, các ghi chép về dịch vụ khách hàng, kỹ năng kinh doanh và thông tin thuế cơ bản liên quan đến người làm việc độc lập, nhân viên và người sử dụng lao động.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7362, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316(f), 7330(d)(1), 7362, 7366 và 7389, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

950.10. Chuyển Giao Tín Chỉ

(a) Học viên chuyển từ một chương trình hướng dẫn sang một chương trình khác sẽ nhận được tín chỉ cho số giờ hướng dẫn kỹ thuật và thực hành trước đó đã đạt được trong một chương trình khác ("giờ hướng dẫn") tính theo số giờ tương đương nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

(1) Số giờ hướng dẫn mà học viên đã đạt được trước đó phải tương đương, nghĩa là thời lượng và nội dung hướng dẫn phải giống với thời lượng và nội dung mà chương trình mới cung cấp; và

(2) Tín chỉ cho số giờ hướng dẫn của chương trình trước được cấp theo các yêu cầu của mục này.

(b) Học viên đã có giấy phép hành nghề bác sĩ thẩm mỹ hoặc đã hoàn thành số giờ hướng dẫn như một phần của chương trình hướng dẫn trang điểm toàn phần sẽ được cấp tín chỉ như sau:

(1) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề làm tóc mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(1) của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp ("Bộ Luật").

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(2) của Bộ Luật.

(C) 200 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học dịch vụ làm tóc sử dụng hóa chất như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(3) của Bộ Luật.

(D) 200 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học dịch vụ tạo kiểu tóc như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(4) của Bộ Luật.

(2) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề chăm sóc da mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7364(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7364(b)(2) của Bộ Luật.

(C) 150 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học dịch vụ chăm sóc da như được định nghĩa tại mục 7364(b)(3) của Bộ Luật.

(D) 50 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học tẩy lông và làm đẹp lông mi và lông mày như được định nghĩa tại mục 7364(b)(4) của Bộ Luật.

(3) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề chăm sóc móng mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7365(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7365(b)(2) của Bộ Luật.

(C) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học làm móng tay và móng chân như được định nghĩa tại mục 7365(b)(3) của Bộ Luật.

(4) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề tạo kiểu tóc mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7363(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7363(b)(2) của Bộ Luật.

(C) 200 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học dịch vụ tạo kiểu tóc như được định nghĩa tại mục 7363(b)(3) của Bộ Luật.

(5) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề điện phân mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7366(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7366(b)(2) của Bộ Luật.

(c) Học viên đã có giấy phép hành nghề làm tóc hoặc đã hoàn thành số giờ hướng dẫn như một phần của chương trình hướng dẫn làm tóc sẽ được cấp tín chỉ như sau:

(1) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề trang điểm mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(2) của Bộ Luật.

(C) 200 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học dịch vụ làm tóc sử dụng hóa chất như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(3) của Bộ Luật.

(D) 200 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học dịch vụ tạo kiểu tóc như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(4) của Bộ Luật.

(2) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề chăm sóc da mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7364(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7364(b)(2) của Bộ Luật.

(3) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề chăm sóc móng mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7365(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7365(b)(2) của Bộ Luật.

(4) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề tạo kiểu tóc mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7363(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7363(b)(2) của Bộ Luật.

(C) 200 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học dịch vụ tạo kiểu tóc như được định nghĩa tại mục 7363(b)(3) của Bộ Luật.

(5) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề điện phân mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7366(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7366(b)(2) của Bộ Luật.

(d) Học viên đã có giấy phép hành nghề chuyên gia thẩm mỹ hoặc đã hoàn thành số giờ hướng dẫn như một phần của chương trình hướng dẫn chăm sóc da sẽ được cấp tín chỉ như sau:

(1) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề trang điểm mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(2) của Bộ Luật.

(C) 150 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học dịch vụ chăm sóc da như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(5) của Bộ Luật.

(D) 50 giờ về nội dung khóa học tẩy lông và làm đẹp lông mi và lông mày như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(6) của Bộ Luật.

(2) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề làm tóc mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(2) của Bộ Luật.

(3) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề chăm sóc móng mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7365(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7365(b)(2) của Bộ Luật.

(4) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề tạo kiểu tóc mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7363(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7363(b)(2) của Bộ Luật

(5) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề điện phân mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7366(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7366(b)(2) của Bộ Luật.

(e) Học viên đã có giấy phép hành nghề làm móng hoặc đã hoàn thành số giờ hướng dẫn như một phần của chương trình hướng dẫn chăm sóc móng sẽ được cấp tín chỉ như sau:

(1) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề trang điểm mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(2) của Bộ Luật.

(C) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học làm móng tay và móng chân như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(7) của Bộ Luật.

(2) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề làm tóc mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(2) của Bộ Luật.

(3) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề chăm sóc da mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7364(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7364(b)(2) của Bộ Luật.

(4) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề tạo kiểu tóc mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7363(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7363(b)(2) của Bộ Luật.

(5) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề điện phân mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7366(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7366(b)(2) của Bộ Luật.

(f) Học viên đã có giấy phép hành nghề tạo kiểu tóc hoặc đã hoàn thành số giờ hướng dẫn như một phần của chương trình hướng dẫn tạo kiểu tóc sẽ được cấp tín chỉ như sau:

(1) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề trang điểm mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(2) của Bộ Luật.

(C) 200 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học dịch vụ tạo kiểu tóc như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(4) của Bộ Luật.

(2) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề làm tóc mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(2) của Bộ Luật.

(C) 200 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học dịch vụ tạo kiểu tóc như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(4) của Bộ Luật.

(3) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề chăm sóc móng mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7365(b)(1).

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7365(b)(2).

(4) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề chăm sóc da mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7364(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7364(b)(2) của Bộ Luật.

(5) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề điện phân mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7366(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7366(b)(2) của Bộ Luật.

(g) Học viên đã có giấy phép hành nghề điện phân hoặc đã hoàn thành số giờ hướng dẫn như một phần của chương trình hướng dẫn điện phân sẽ được cấp tín chỉ như sau:

(1) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề trang điểm mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7362.5(c)(2) của Bộ Luật.

(2) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề làm tóc mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7362.5(b)(2) của Bộ Luật.

(3) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề chăm sóc da mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7364(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7364(b)(2) của Bộ Luật.

(4) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề tạo kiểu tóc mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7363(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7363(b)(2) của Bộ Luật.

(5) Khi ghi danh vào một chương trình học nghề chăm sóc móng mới, tối đa:

(A) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học sức khỏe và an toàn như được định nghĩa tại mục 7365(b)(1) của Bộ Luật.

(B) 100 giờ hướng dẫn về nội dung khóa học khử trùng và vệ sinh như được định nghĩa tại mục 7365(b)(2) của Bộ Luật.

(h) Theo mục 7367 của Bộ Luật, đối với bất kỳ giờ hướng dẫn thực hành và hướng dẫn kỹ thuật nào trong các khóa học mà học viên đã hoàn thành vượt quá số giờ tối thiểu của nội dung chương trình giảng dạy kỹ thuật theo quy định tại các mục 7362.5, 7363, 7364, 7365 và 7366 của Bộ Luật, học viên sẽ nhận được tín chỉ cho số giờ hướng dẫn trước đó đã hoàn thành, được yêu cầu cho việc cấp giấy phép hành nghề thợ làm tóc, bác sĩ thẩm mỹ, chuyên viên tạo kiểu tóc, chuyên gia thẩm mỹ, thợ làm móng hoặc chuyên viên điện phân và số giờ này phải tương đương như được định nghĩa tại tiểu mục (a)(1).

(i) Cho các mục đích của mục này, các định nghĩa sau được áp dụng:

(1) "Chuyển từ một chương trình hướng dẫn sang một chương trình khác" có nghĩa là chuyển từ một chương trình hướng dẫn sang một chương trình khác hoặc, với tư cách là người được cấp phép, ghi danh vào một chương trình hướng dẫn mới để lấy một loại giấy phép khác do Hội Đồng cấp.

(2) "Đã hoàn thành" có nghĩa là đã hoàn thành thành công số giờ hoặc chương trình với điểm đạt.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7316, 7362.5, 7363, 7364, 7365, 7366 và 7367, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

950.12. Làm Việc Cho Khách Hàng Có Trả Công

(a) Học viên đã ghi danh tại một trường sẽ không được phép thực hiện dịch vụ cho khách hàng có trả công cho đến khi học viên đó đã hoàn thành giai đoạn mới bắt đầu của việc đào tạo và hướng dẫn. Giai đoạn mới bắt đầu sẽ chiếm 10 phần trăm trên tổng số giờ đào tạo được quy định cho mỗi khóa học.

(b) Học viên đã ghi danh tại một trường sẽ không được phép thực hiện dịch vụ cho khách hàng có trả công cho đến khi học viên đó đã hoàn thành hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành về dịch vụ mà khách hàng đó trả công cho.

(c) Cho mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác hoặc trên một ma-nơ-canh.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7362, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7362 (b), 7362.5, 7364, 7365, và 7366, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

961. Tài Liệu Giảng Dạy

(a) Trường được phê duyệt sẽ cung cấp bản in giấy hoặc bản điện tử của những tài liệu sau cho mỗi học viên trong vòng tuần giảng dạy đầu tiên:

(1) Ít nhất một giáo trình trong khóa học mà học viên ghi danh (ví dụ: trang điểm, làm tóc, điện phân, thẩm mỹ, làm móng).

(2) Một phiên bản hiện tại của Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm California (Chương 10, Khoản 3 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp California, bắt đầu từ mục 7301);

(3) Một bản sao hiện tại của Quy Định Về Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm (Tiêu đề 16, Khoản 9 của Bộ Luật Quy Định California, bắt đầu từ mục 904);

(4) Một phiên bản hiện tại của bất kỳ hướng dẫn dịch kỳ thi cấp phép nào được chuẩn bị bởi cơ sở cấp phép nhằm hỗ trợ cho các thí sinh dự thi bằng ngôn ngữ mà học viên dự định tham gia kỳ thi, nếu học viên dự định tham gia kỳ thi bằng một trong các ngôn ngữ không phải là tiếng Anh do Hội Đồng cung cấp.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7362 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312 và 7362 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Điều 8.5 Thực Tập

962. Định Nghĩa

(a) Cho các mục đích của Mục 7395.1, tiểu phần (c)(3) và Mục 7395.2, tiểu phần (c)(3) của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp, thuật ngữ "tình trạng tốt" có nghĩa như sau:

(1) Người được cấp phép duy trì giấy phép thợ làm tóc, chuyên gia trang điểm, chuyên viên điện phân, chuyên viên tạo kiểu tóc, chuyên gia thẩm mỹ hoặc thợ làm móng hiện hành, còn hiệu lực và không bị hạn chế do Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm cấp.

(2) Không có biện pháp kỷ luật nào hiện hành hoặc đang chờ xử lý đối với giấy phép theo Điều 11 của Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm.

(3) Người được cấp phép không có khoản phạt nào chưa nộp chiếu theo Điều 12 của Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm.

(b) Cho các mục đích của Mục 7395.1, tiểu mục (g)(3) và Mục 7395.2, tiểu mục (g)(3) của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp và mục này, thuật ngữ "đào tạo phù hợp" có nghĩa là học viên thực tập đã hoàn thành 25% số giờ hướng dẫn thực hành và hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu được yêu cầu theo quy định tại Mục 7362.5 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

(c) Cho các mục đích của Mục 7395.1, tiểu phần (g)(3) và Mục 7395.2, tiểu phần (g)(3) của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp, thuật ngữ "xử lý bằng hóa chất" nghĩa là bất kỳ sản phẩm hay quy trình nào, bao gồm cả việc chuẩn bị và/hoặc sử dụng sản phẩm, làm thay thế hoặc biến đổi cấu trúc phân tử của tóc, da hoặc móng thông qua việc xử lý bằng hóa chất. Các phương pháp xử lý này có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở, những điều sau đây:

(1) uốn vĩnh viễn
(2) uốn vĩnh viễn nhẹ
(3) duỗi thẳng bằng hóa chất
(4) sodium hydroxide và các dung dịch ba-zơ khác
(5) nhuộm và tẩy tóc (bán vĩnh viễn và vĩnh viễn)
(6) các sản phẩm lột da bằng hóa chất
(7) các sản phẩm tẩy lông
(8) các sản phẩm nhuộm lông mi và lông mày

(d) Cho các mục đích của Mục 7395.1, tiểu phần (g)(3) và Mục 7395.2, tiểu phần (g)(3) của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp, thuật ngữ "giám sát trực tiếp và tức thời" nghĩa là học viên thực tập có thể thực hiện dịch vụ cho khách hàng có trả công, chỉ với tư cách hỗ trợ, khi có mặt người được cấp phép được chỉ định giám sát quá trình làm việc. Các công việc được thực hiện bởi học viên thực tập phải thuộc phạm vi hành nghề của người được cấp phép được chỉ định giám sát học viên thực tập đó.

(e) Cho các mục đích của Mục 7395.1, tiểu phần (g)(3) và Mục 7395.2, tiểu phần (g)(3) của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp, thuật ngữ "được giám sát trực tiếp" có nghĩa là học viên thực tập chỉ được thực hiện các hoạt động được coi là hành nghề làm tóc hoặc trang điểm được liệt kê trong Mục 7316 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp khi có mặt một người được cấp phép được chỉ định để giám sát các hoạt động đó và học viên thực tập đáp ứng các yêu cầu của mục này. Thực tập sinh không được sử dụng hoặc áp dụng các phương pháp xử lý bằng hóa chất trên bất kỳ khách hàng nào trừ khi thực tập sinh đã được đào tạo phù hợp về việc áp dụng các phương pháp xử lý đó từ một trường dạy làm tóc hoặc trang điểm được Hội Đồng phê duyệt theo mục 941. Các công việc được thực hiện bởi học viên thực tập phải thuộc phạm vi hành nghề của người được cấp phép được chỉ định giám sát học viên thực tập đó.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7316, 7362.5, 7395.1 và 7395.2, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

962.1. Thông Báo Tham Gia Chương Trình Thực Tập Trang Điểm

(a) Trách nhiệm của mỗi trường tham gia là phải đảm bảo rằng các cơ sở và những người được cấp phép tham gia chương trình thực tập trang điểm vẫn duy trì được tình trạng tốt như được định nghĩa trong Mục 962. Bất kỳ thay đổi nào về trạng thái "tình trạng tốt" của một cơ sở hoặc người được cấp phép sẽ buộc cơ sở hoặc người được cấp phép đó phải rút khỏi chương trình.

(b) Các thông báo đến hội đồng của trường và cơ sở tham gia Chương Trình Thực Tập Trang Điểm phải được đệ trình lên hội đồng bằng văn bản. Thông báo về việc tham gia phải được cập nhật hàng năm để cho phép việc tham gia liên tục vào chương trình. Thông báo phải do trường lập và phải bao gồm các thông tin sau:

(1) Tên trường, địa chỉ, số điện thoại và mã trường do hội đồng cấp.

(2) Tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại và số giấy phép do hội đồng cấp.

(3) Tên chủ cơ sở.

(4) Tuyên bố, do trường và cơ sở ký tên và ghi rõ ngày tháng, đồng ý chịu hình phạt nếu khai man, rằng các thông tin trong tài liệu là trung thực và chính xác và rằng trường và cơ sở đã tuân thủ tất cả các yêu cầu của Điều này và Mục 7395.1 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tuyên bố phải được diễn đạt như sau: "Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, xác nhận theo hình phạt về khai man theo luật pháp của tiểu bang California rằng mọi thông tin trong tài liệu này là trung thực và chính xác. Chúng tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu của Điều 8.5, Khoản 9, Tiêu đề 16 Luật Quy Định Tiểu Bang California và Mục 7395.1 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp".

(5) Tài liệu phải có tên và chức vụ của cá nhân ký tên đại diện cho trường bằng chữ in hoặc đánh máy rõ ràng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7395.1, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

962.2. Thẻ Nhận Dạng Được Ép Phiến Của Trường

(a) Khi làm việc tại một cơ sở được phê duyệt, tất cả các học viên tham gia chương trình thực tập phải có thẻ nhận dạng có dán ảnh được ép phiến của trường.

(b) Thẻ nhận dạng có dán ảnh được ép phiến của trường phải có kích thước ít nhất là 2 1/2 " x 3 1/2 " và có chứa các thông tin sau: tên đầy đủ của học viên thực tập (họ, tên đệm, tên); một ảnh thẻ màu hiện tại chụp toàn khuôn mặt của thực tập sinh với kích thước ít nhất là 1 1/2 " x 1 1/2 ", cụm từ "HỌC VIÊN THỰC TẬP " được đánh máy với cỡ chữ tối thiểu là 14; và tên của trường đào tạo thẩm mỹ nơi học viên thực tập ghi danh.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7395.1, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Điều 9. Giấy Phép

965. Trưng Bày Giấy Phép

(a) Tất cả các giấy phép của kỹ thuật viên đều phải được trưng bày dễ thấy tại nơi làm việc chính của họ.

(b) Tất cả các giấy phép của cơ sở phải được trưng bày ở nơi dễ thấy tại khu vực lễ tân.

(c) Không được trưng bày bất kỳ giấy phép nào đã hết hạn hoặc không còn hợp lệ dù với bất cứ lý do gì bởi bất kỳ người nào có liên quan đến các hành nghề như định nghĩa trong Mục 7316 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Bất kỳ giấy phép nào được trưng bày như thế đều phải nộp lại cho hội đồng theo yêu cầu.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316, 7317, 7332, 7342, 7397, 7414, 7415, 7417, 7418, 7419 và 7420, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

965.1. Các Cá Nhân Được Miễn Trừ Áp Dụng Chương Này; Minh Họa Sản Phẩm

Cho mục đích của Mục 7319 (e) Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp liên quan đến những người được miễn trừ tuân thủ Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm, thuật ngữ "minh họa" nghĩa là thực hiện dịch vụ một lần trên một người tiêu dùng, nhưng không nhận thù lao, để cho thấy sản phẩm được sử dụng như thế nào hoặc để chứng minh giá trị hoặc hiệu quả của nó, với mục đích rằng người tiêu dùng sau đó có thể

mua và tự sử dụng sản phẩm mà không cần sự giúp đỡ của người được cấp phép hoặc người hướng dẫn sử dụng sản phẩm, và giá mua của sản phẩm được tính cho người tiêu dùng không nhiều hơn giá bán lẻ trung bình của sản phẩm.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7316 và 7319 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

965.2 Giấy Phép Dịch Vụ Cá Nhân

(a) Hội Đồng sẽ cấp Giấy Phép Dịch Vụ Cá Nhân (PSP) cho phép người có giấy phép thực hiện các dịch vụ nghề làm tóc và trang điểm bên ngoài cơ sở được cấp phép nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

(1) Đương đơn được Hội Đồng cấp phép và đã có giấy phép hợp lệ trong thời gian tối thiểu là hai năm liên tục hoặc đã được cấp phép tại một tiểu bang khác và hội đủ điều kiện được cấp phép theo quy định tại phần 7331 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp (BPC), để làm thợ làm tóc, bác sĩ thẩm mỹ, chuyên gia thẩm mỹ hoặc thợ làm móng, và không bị khước từ theo quy định tại phần 480 của BPC.

(2) Đương đơn nộp bộ dấu vân tay đầy đủ và hoàn chỉnh qua Live Scan để sử dụng cho việc kiểm tra lý lịch tội phạm thông qua Sở Tư Pháp California. Đương đơn có thể bị từ chối cấp PSP do bất kỳ căn cứ áp dụng nào được quy định trong Mục 475 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

(3) Đương đơn nộp lệ phí nộp đơn cho Hội Đồng theo quy định tại Mục 998 của các quy định này.

(4) Đương đơn cung cấp bằng chứng về bảo hiểm trách nhiệm hiện tại với số tiền tối thiểu là $1,000,000.

(b) Người có PSP phải duy trì bảo hiểm trách nhiệm với số tiền tối thiểu là $1,000,000 và xuất trình bằng chứng về bảo hiểm trách nhiệm cho Hội Đồng hoặc đại diện của Hội Đồng khi được yêu cầu bằng thông báo hợp lý.

(c) Thợ làm tóc được cấp phép có PSP được quyền thực hiện các dịch vụ bên ngoài cơ sở được cấp phép như sau:

(1) Gội đầu;

(2) Cắt tỉa, tạo kiểu dáng, chải, chỉnh sửa, uốn xoăn và tạo sóng cho tóc. Các dịch vụ được cho phép này không bao gồm làm cháy (singeing), duỗi thẳng (relaxing), uốn xoăn (waving) bằng hóa chất hoặc nhuộm tóc.

(3) Bôi thuốc dưỡng tóc (tonic);

(4) Bôi phấn, đất sét, chất khử trùng và dầu lên da đầu, mặt và cổ;

(5) Cắt tỉa râu.

(d) Bác sĩ thẩm mỹ được cấp phép có PSP được quyền thực hiện các dịch vụ bên ngoài cơ sở được cấp phép như sau:

(1) Gội đầu;

(2) Cắt tỉa, tạo kiểu dáng, chải, chỉnh sửa, uốn xoăn và tạo sóng cho tóc. Các dịch vụ được cho phép này không bao gồm làm cháy (singeing), duỗi thẳng (relaxing), uốn xoăn (waving) bằng hóa chất hoặc nhuộm tóc.

(3) Bôi thuốc dưỡng tóc (tonic);

(4) Bôi phấn, đất sét, chất khử trùng và dầu lên da đầu, mặt và cổ;

(5) Làm sạch, mát-xa hoặc kích thích mặt và cổ bằng tay kết hợp với việc sử dụng các chất làm sạch. Chất khử trùng, thuốc dưỡng tóc, dưỡng da hoặc kem bôi. Điều này không bao gồm việc lột tẩy da bằng chất hóa học hay lột tẩy da bằng công cụ, máy móc hoặc thiết bị;

(6) Dùng kẹp nhíp để loại bỏ lông trên cơ thể của bất kỳ người nào;

(7) Trang điểm hoặc chuốt mi;

(8) Đánh bóng và giũa móng bằng các dụng cụ không sử dụng điện;

(9) Bôi và tẩy sơn móng tay.

(e) Chuyên gia thẩm mỹ được cấp phép có PSP được quyền thực hiện các dịch vụ bên ngoài cơ sở được cấp phép như sau:

(1) Làm sạch, mát-xa hoặc kích thích mặt và cổ bằng tay kết hợp với việc sử dụng các chất làm sạch, chất khử trùng, thuốc dưỡng tóc, dưỡng da hoặc kem bôi. Điều này không bao gồm việc lột tẩy da bằng chất hóa học hay lột tẩy da bằng công cụ, máy móc hoặc thiết bị;

(2) Trang điểm hoặc chuốt mi;

(3) Dùng kẹp nhíp để loại bỏ lông trên cơ thể của bất kỳ người nào.

(f) Thợ làm móng được cấp phép có PSP được quyền thực hiện các dịch vụ bên ngoài cơ sở được cấp phép như sau:

(1) Đánh bóng và giũa móng bằng các dụng cụ không sử dụng điện;

(2) Bôi và tẩy sơn móng tay.

(g) Người có PSP nên sử dụng các dụng cụ dùng một lần bất cứ khi nào có thể.

(h) Người có PSP phải tuân theo tất cả các luật lệ, quy tắc và quy định áp dụng cho các dịch vụ được cung cấp, bao gồm nhưng không giới hạn ở luật và quy định sở tại.

(i) Sau khi hoàn thành các dịch vụ bên ngoài cơ sở được cấp phép, người có PSP phải:

(1) Cung cấp cho người tiêu dùng Thông Báo Cho Người Tiêu Dùng Về Giấy Phép Dịch Vụ Cá Nhân (BBC-PSP (2020)), được đưa vào đây để tham chiếu.

(2) Nhận biên lai có chữ ký và ghi ngày từ người tiêu dùng, biên lai có những thông tin sau đây:

A. Xác nhận của người tiêu dùng về việc đã nhận được Thông Báo Cho Người Tiêu Dùng Về Giấy Phép Dịch Vụ Cá Nhân;

B. Tên của người tiêu dùng;

C. Số điện thoại của người tiêu dùng;

D. Địa chỉ email của người tiêu dùng, nếu có

E. Danh sách tất cả các dịch vụ đã cung cấp cho người tiêu dùng.

(3) Cung cấp bản sao của biên lai cho người tiêu dùng.

(4) Xuất trình bản sao biên lai theo yêu cầu bằng thông báo hợp lý cho Hội Đồng hoặc đại diện của Hội Đồng và lưu giữ biên lai trong hồ sơ trong thời hạn năm (5) năm kể từ ngày cung cấp dịch vụ. Việc không xuất trình biên lai Thông Báo Cho Người Tiêu Dùng cho Hội Đồng hoặc đại diện của Hội Đồng là căn cứ để xử lý kỷ luật. Các yêu cầu về thông báo và biên lai trong mục này có thể được đáp ứng bằng phương thức điện tử.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7402.5 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312 và 7402.5 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Điều 10. Thủ Tục Kỷ Luật

969. Ủy Quyền Một Số Chức Năng

Quyền hành và sự tự quyết được luật pháp trao cho hội đồng trong việc tiếp nhận và đệ trình các cáo buộc; ban hành các thông báo điều trần, các tuyên bố tới bị đơn và tuyên bố về các vấn đề; tiếp nhận và đệ trình các thông báo về việc bào chữa; xác định thời gian và địa điểm điều trần theo Mục 11508 của Bộ Luật Chính Quyền; ban hành các trát gọi hầu tòa và trát đòi hồ sơ; lập và lên lịch các vụ việc cho điều trần và thực hiện các chức năng cần thiết khác cho việc phân bổ thiết thực công việc của hội đồng liên quan đến các thủ tục theo các điều khoản của Mục 11500 đến 11528 Bộ Luật Chính Quyền, trước khi diễn ra phiên điều trần của các thủ tục đó; chứng nhận và chuyển phát hoặc gửi qua bưu điện bản sao các quyết định theo Mục 11518 của bộ luật nói trên được ủy quyền theo đây và trao quyền cho viên chức điều hành hoặc, khi viên chức điều hành không có mặt tại văn phòng hội đồng thì trao cho người thay mặt viên chức điều hành.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7310 và 7403, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

970. Tiêu Chí Liên Quan Đáng Kể

(a) Cho mục đích từ chối, đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép được cấp theo Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm (Chương 10 (bắt đầu với Mục 7301) Khoản 3 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp), chiếu theo Mục 141, 7362, 7403, 7404, 7405 hoặc theo Khoản 1.5 (bắt đầu từ Mục 475) của cùng bộ luật hoặc một mục của Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm viện dẫn Mục 480 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp để cung cấp cơ sở cho việc từ chối cấp phép, hành động tội phạm, hành nghề sai trái hoặc hành vi sẽ được xem là có liên quan đáng kể tới các phẩm chất, chức năng và nhiệm vụ của người được cấp phép nếu tới một mức độ đáng kể sẽ chứng tỏ sự không phù hợp hiện tại hoặc tiềm tàng của người được cấp phép để thực hiện các chức năng được cho phép của người đó theo một cách thức phù hợp với sức khỏe, sự an toàn và phúc lợi của công chúng.

(b) Khi xác định sự liên quan đáng kể theo yêu cầu của tiểu phần (a) đối với một tội trạng, hội đồng sẽ xem xét các tiêu chí sau:

(1) Tính chất và tính nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

(2) Số năm trôi qua kể từ ngày phạm tội.

(3) Tính chất và nhiệm vụ của ngành nghề mà đương đơn xin được cấp phép hoặc người được cấp phép được cấp phép.

(c) Cho mục đích của tiểu phần (a), các hành động tội phạm, hành nghề sai trái hoặc hành vi có liên quan đáng kể sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các tiêu chí sau:

(1) Bất kỳ vi phạm nào đối với các điều khoản của Chương 10 Khoản 3 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp hoặc các luật khác của tiểu bang hoặc liên bang quản lý việc hành nghề làm tóc và trang điểm.

(2) Các hành vi phạm tội bao gồm nhưng không giới hạn ở, quấy rối tình dục, sử dụng hoặc buôn bán biệt dược hoặc ma túy, phạm tội trong quá trình hoặc có liên quan tới việc thực hiện các chức năng hoặc nhiệm vụ được ủy quyền bởi giấy phép đó.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 481 và 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 141, 480, 481, 488, 490, 492, 493, 7347, 7355, 7362, 7403, 7404 và 7405, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

971. Tiêu Chí Phục Hồi

(a) Từ chối cấp giấy phép.

(1) Khi xem xét từ chối người được cấp phép, chiếu theo mục 480, 7362, 7403 hoặc 7405 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp hoặc một mục của Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm (Chương 10 (bắt đầu bằng Mục 7301) Khoản 3 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp) trích dẫn Mục 480 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp là cấu thành cơ sở từ chối cấp giấy phép với lý do đương đơn đã bị kết tội, hội đồng phải xem xét liệu đương đơn có thể hiện tốt sự phục hồi hay không, nếu đương đơn đã hoàn thành bản án hình sự đang xem xét mà không vi phạm lệnh tạm tha hoặc thử thách. Khi đưa ra quyết định này, hội đồng phải xem xét các tiêu chí sau:

(A) Tính chất và tính nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

(B) Thời hạn tạm tha hoặc thử thách hiện hành.

(C) Mức độ mà thời hạn tạm tha hoặc thử thách hiện hành được rút ngắn hoặc kéo dài, và (các) lý do mà thời hạn đó được sửa đổi.

(D) Các điều khoản hoặc điều kiện của lệnh tạm tha hoặc thử thách và mức độ mà chúng áp dụng đối với việc phục hồi của đương đơn.

(E) Mức độ sửa đổi các điều khoản hoặc điều kiện tạm tha hoặc thử thách và (các) lý do sửa đổi.

(2) Nếu đương đơn chưa hoàn thành bản án hình sự đang xem xét mà không vi phạm lệnh tạm tha hoặc thử thách, hội đồng xác định rằng đương đơn đã không thể hiện tốt sự phục hồi dựa trên các tiêu chí tại đoạn (1), việc từ chối được dựa trên hành vi hành nghề sai trái hoặc việc từ chối được dựa trên một hay nhiều lý do khác với kết án hình sự được quy định trong Mục 7362 (b) hoặc 7403 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp, hội đồng sẽ áp dụng các tiêu chí sau để đánh giá sự phục hồi của đương đơn:

(A) Tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành động tội phạm, hành nghề sai trái hoặc hành vi đang xem xét là cơ sở để từ chối.

(B) Bằng chứng về hành động tội phạm, hành nghề sai trái hoặc hành vi nào đã phạm phải tiếp theo sau hành động tội phạm, hành nghề sai trái hoặc hành vi đang xem xét là cơ sở để từ chối.

(C) Thời gian đã trôi qua kể từ lúc phạm phải hành động tội phạm, hành nghề sai trái hoặc hành vi được đề cập đến trong tiểu đoạn (A) hoặc (B).

(D) Mức độ mà đương đơn đã tuân thủ trong bất kỳ điều khoản tạm tha, thử thách, bồi hoàn hoặc bất kỳ hình phạt pháp lý nào khác được áp dụng đối với đương đơn.

(E) Các tiêu chí trong tiểu đoạn (1) (A)-(E), nếu có.

(F) Bằng chứng, nếu có, về sự phục hồi do đương đơn nộp.

(b) Đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép.

(1) Khi xem xét việc đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép theo Mục 490, 7362, 7403, 7404 hoặc 7405 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp với lý do người được cấp phép đã bị kết tội, hội đồng phải xem xét liệu người được cấp phép có thể hiện tốt sự phục hồi hay không, liệu người được cấp phép đã hoàn thành bản án hình sự đang xem xét mà không vi phạm lệnh tạm tha hoặc thử thách. Khi đưa ra quyết định này, hội đồng phải xem xét các tiêu chí sau:

(A) Tính chất và tính nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

(B) Thời hạn tạm tha hoặc thử thách hiện hành.

(C) Mức độ mà thời hạn tạm tha hoặc thử thách hiện hành được rút ngắn hoặc kéo dài, và (các) lý do mà thời hạn đó được sửa đổi.

(D) Các điều khoản hoặc điều kiện của việc tạm tha hoặc thử thách và mức độ mà chúng áp dụng đối với việc phục hồi của người được cấp phép.

(E) Mức độ sửa đổi các điều khoản hoặc điều kiện tạm tha hoặc thử thách và (các) lý do sửa đổi.

(2) Nếu người được cấp phép chưa hoàn thành bản án hình sự đang xem xét mà không vi phạm lệnh tạm tha hoặc thử thách, hội đồng xác định rằng người được cấp phép đã không thể hiện tốt sự phục hồi dựa trên các tiêu chí tại đoạn (1), việc đình chỉ hoặc thu hồi dựa trên các hành vi dẫn đến biện pháp kỷ luật như mô tả tại Mục 141 của

Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp, hoặc việc đình chỉ hoặc thu hồi được dựa trên một hoặc nhiều căn cứ khác ngoài bản án hình sự được quy định tại Mục 7362 (b), 7403 hoặc 7404 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp, hội đồng sẽ áp dụng các tiêu chí sau để đánh giá sự phục hồi của người được cấp giấy phép:

(A) Tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành động tội phạm, biện pháp kỷ luật hoặc hành vi đang xem xét là cơ sở để đình chỉ hoặc thu hồi.

(B) Bằng chứng về bất kỳ hành động tội phạm, biện pháp kỷ luật hoặc hành vi nào được thực hiện sau hành vi, biện pháp kỷ luật hoặc hành động tội phạm đang được xem xét làm căn cứ cho việc đình chỉ hoặc thu hồi.

(C) Thời gian đã trôi qua kể từ lúc phạm phải hành động tội phạm, biện pháp kỷ luật hoặc hành vi được đề cập trong tiểu đoạn (A) hoặc (B).

(D) Mức độ mà người được cấp phép đã tuân thủ trong bất kỳ điều khoản tạm tha, thử thách, bồi hoàn hoặc bất kỳ hình phạt pháp lý nào khác được áp dụng đối với người được cấp phép.

(E) Các tiêu chí trong tiểu đoạn (1) (A)-(E), nếu có.

(F) Bằng chứng, nếu có, về sự phục hồi do người được cấp phép nộp.

(c) Khi xem xét đơn thỉnh nguyện xin phục hồi giấy phép, hội đồng phải đánh giá các bằng chứng về việc phục hồi do người thỉnh cầu đệ trình, xem xét cả các tiêu chí phục hồi được quy định trong tiểu phần (b).

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 481, 482 và 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 141, 475, 480, 481, 482, 488, 490, 493, 7347, 7355, 7362, 7403, 7404 và 7405, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

972. Hướng Dẫn Kỷ Luật

Khi đưa ra quyết định cho biện pháp kỷ luật theo Đạo Luật Thủ Tục Hành Chính (Bộ Luật Chính Quyền, Mục 11400 và phần tiếp theo), hội đồng phải xem xét các hướng dẫn kỷ luật có tiêu đề "Hướng Dẫn Kỷ Luật" (Ấn bản tháng 10 năm 2010) được đưa vào đây để tham chiếu. Sự khác lệch so với các hướng dẫn này, bao gồm các điều khoản thử thách tiêu chuẩn, cũng thích hợp khi hội đồng xác định, tùy theo phán quyết của mình, rằng các sự kiện về một vụ việc cụ thể chứng minh cho sự khác lệch đó - chẳng hạn như: khi có các tình tiết giảm nhẹ; thời gian của vụ việc; các vấn đề về bằng chứng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7403 và 7404, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

973. Căn Cứ Để Đình Chỉ Tức Thời

Chiếu theo Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp mục 7403.2, đại diện của hội đồng phải yêu cầu viên chức điều hành của hội đồng hoặc người được ủy quyền của người đó đưa ra lệnh đình chỉ giấy phép tạm thời ngay lập tức và đặt giấy phép đó vào tình trạng thử thách dựa trên căn cứ người được cấp phép có một trong bất kỳ điều kiện nào sau đây tại cơ sở hoặc trường được cấp phép:

(a) Bồn ngâm chân, chậu hoặc bồn dùng trong chăm sóc chân không sạch khi nhìn bằng mắt thường;

(b) Bồn ngâm chân dùng trong chăm sóc chân được phát hiện có cặn bẩn khi tháo gỡ tấm chắn, vòi phun, bệ đặt chân, hay bánh đẩy;

(c) Các chất làm sạch không phù hợp cho việc khử trùng và vệ sinh đúng cách các thiết bị chăm sóc móng tay và/hoặc chăm sóc móng chân được tìm thấy tại chỗ ở cơ sở;

(d) Không có nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân;

(e) Có lịch sử tái diễn các vi phạm về sức khỏe và sự an toàn liên quan đến thiết bị chăm sóc móng tay hoặc móng chân; hoặc

(f) Các dụng cụ chăm sóc móng tay và/hoặc móng chân không sạch khi nhìn bằng mắt thường.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7403.2, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

973.1. Thủ Tục Ban Hành Đình Chỉ Tức Thời

Viên chức điều hành của hội đồng hoặc người được ủy quyền của người đó sẽ đưa ra ý kiến dựa trên việc thanh tra do đại diện hội đồng tiến hành. Người đại diện đó phải chuyển các bằng chứng hình ảnh tới viên chức điều hành hoặc người được ủy quyền của người đó bằng các phương tiện truyền dẫn điện tử tức thời. Dựa trên việc nhận được các bằng chứng hình ảnh này, viên chức điều hành hoặc người được ủy quyền của người đó sẽ đưa ra quyết định nếu cần phải hành động để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của công chúng. Viên chức điều hành hoặc người được ủy quyền của người đó sẽ ban hành thông báo bằng văn bản về việc đình chỉ tức thời.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7403.2, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

973.2. Nội Dung Của Thông Báo Đình Chỉ Tức Thời

Thông báo đình chỉ tức thời phải bao gồm tất cả những điều sau:

(a) Tuyên bố mô tả cụ thể tính chất của vi phạm, bao gồm tham chiếu đến điều khoản cụ thể đã bị vi phạm;

(b) Tuyên bố rằng việc đình chỉ sẽ được thi hành ngay lập tức và giấy phép đó sẽ bị thử thách trong một năm;

(c) Ngày có hiệu lực của thử thách; và

(d) Bản mô tả quy trình khiếu nại.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7403.2, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

973.3. Điều Khoản Và Điều Kiện Về Thử Thách

Người được cấp phép đã bị đình chỉ tức thời và được đặt vào tình trạng thử thách chiếu theo Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp mục 7403.2 và mục quy định 973, phải tuân thủ các điều khoản và điều kiện sau:

(a) Người được cấp phép đang bị thử thách phải đệ trình lên hội đồng báo cáo hàng tháng cho thấy những điều sau, và ký tên xác nhận sẽ chịu hình phạt nếu khai man:

(1) Bản sao của tất cả các nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân; và

(2) Bằng chứng, nếu có, về việc hoàn thành khóa đào tạo sửa chữa do hội đồng phê duyệt như định nghĩa của mục quy định 973.4.

(b) Cơ sở của người được cấp phép đang bị đặt vào tình trạng thử thách sẽ được thanh tra hàng quý và có thể được thanh tra thường xuyên hơn. Chủ cơ sở có trách nhiệm nộp tất cả các khoản lệ phí cần thiết để bù đắp chi phí cho việc thanh tra. Phí thanh tra sẽ là $42 cho mỗi quầy làm việc tại cơ sở. Quầy làm việc là quầy làm móng chân hoặc quầy làm móng tay.

(c) Người được cấp phép đang bị thử thách phải thanh toán tất cả các khoản phạt hành chính. Trong trường hợp khó khăn kinh tế, người được cấp phép có thể yêu cầu kế hoạch thanh toán do hội đồng thiết lập.

(d) Người được cấp phép đang bị đình chỉ và đặt trong tình trạng thử thách theo mục 7403.2 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp phải hoàn thành khóa đào tạo sửa chữa 8 giờ do hội đồng phê duyệt.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7403.2, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

973.4. Định Nghĩa Đào Tạo Sửa Chữa

Đào tạo sửa chữa phải là khóa hướng dẫn do hội đồng phê duyệt tập trung vào việc khử trùng và vệ sinh các thiết bị chăm sóc móng tay và móng chân. Khóa đào tạo sửa chữa phải đặc biệt đề cập đến các luật lệ và quy định về sức khỏe và sự an toàn của hội đồng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7403.2, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

973.5. Phê Duyệt Khóa Đào Tạo Sửa Chữa

(a) Để khóa đào tạo sửa chữa được hội đồng phê duyệt, người cung cấp phải hoàn tất đơn xin phê duyệt khóa học trong đó cung cấp cho hội đồng các thông tin sau đây:

(1) Mô tả nội dung khóa học. Nội dung khóa học phải có liên quan đến các luật lệ và quy định về sức khỏe và sự an toàn của hội đồng. Khóa học phải tập trung vào sự an toàn và vệ sinh của các thiết bị chăm sóc móng tay và móng chân.

(2) Phương pháp hướng dẫn của khóa học được cung cấp. Phương pháp giảng dạy cho mỗi khóa học phải được mô tả, ví dụ như bài giảng, hội nghị chuyên đề, nghe nhìn, v.v.

(3) Bằng chứng cho thấy người hướng dẫn có đủ tiêu chuẩn để giảng dạy nội dung khóa học được chỉ định dựa trên phẩm chất về giáo dục, đào tạo và kinh nghiệm trước đây của họ. Bản lý lịch của mỗi người hướng dẫn phải được chuyển đến cùng với đơn xin phê duyệt.

(4) Đơn xin phê duyệt khóa học phải nêu rõ tên của người cung cấp và địa điểm nơi sẽ thực hiện hướng dẫn.

(b) Bất kỳ chỉnh sửa hay thay đổi nào sau đó đối với khóa đào tạo sửa chữa đã được phê duyệt cũng phải đáp ứng các yêu cầu được quy định trong mục này và phải được hội đồng chấp thuận.

(c) Hội đồng sẽ rút lại phê duyệt của bất kỳ khóa học nào nếu không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của mục này. Việc rút lại phê duyệt sẽ được tiếp tục cho tới khi người cung cấp khóa đào tạo đáp ứng các yêu cầu của mục này và có được văn bản chấp thuận của hội đồng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7403.2, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

973.6. Quy Trình Khiếu Nại

(a) Người được cấp phép đã nhận được quyết định đình chỉ tức thời và bị đặt vào tình trạng thử thách có thể thông báo bằng văn bản đến hội đồng về yêu cầu điều trần xem xét không chính thức trước ủy ban xem xét kỷ luật của hội đồng, trong vòng 30 ngày theo lịch kể từ ngày thông báo đình chỉ được gửi đi.

(b) Khi nhận được yêu cầu đúng thời hạn, hội đồng sẽ sắp xếp phiên điều trần được tổ chức tại Nam hoặc Bắc California, tùy nơi nào gần nhất với người được cấp phép đang bị đình chỉ/thử thách. Các yêu cầu khiếu nại theo mục này sẽ được giải trình tại phiên điều trần xem xét kỷ luật định kỳ theo lịch trình kế tiếp.

(c) Thành viên Hội đồng, ít nhất ba mươi (30) ngày theo lịch trước ngày điều trần, phải gửi thông báo bằng văn bản đến người được cấp phép đang bị thử thách về ngày, giờ và địa điểm của phiên điều trần. Để đẩy nhanh việc sắp xếp phiên điều trần xem xét kỷ luật, người được cấp phép đang bị thử thách có thể khước từ thông báo 30 ngày bằng cách đồng ý làm như vậy bằng văn bản.

(d) Người được cấp phép đang bị thử thách phải trình diện tại phiên điều trần và có thể đi cùng cố vấn pháp lý hoặc người đại diện được ủy quyền tới phiên điều trần. Người được cấp phép đang bị thử thách có thể trình bày các thông tin bằng văn bản và/hoặc lời khai bằng miệng tới ủy ban xem xét kỷ luật. Người được cấp phép đang bị thử thách có thể phản đối hoặc khiếu nại về bất kỳ khía cạnh nào sau đây của giấy phép bị đình chỉ/thử thách tức thời:

(1) Sự cố dẫn đến vi phạm Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm hoặc các quy định được hội đồng thông qua;

(2) Thời hạn sửa chữa, nếu có; hoặc

(3) Số tiền phạt.

(e) Ủy ban xem xét kỷ luật có thể xác nhận, điều chỉnh hoặc bãi bỏ lệnh đình chỉ tức thời và cưỡng chế thử thách. Quyết định bằng văn bản dựa trên kết quả cứ liệu thực tế và các kết luận pháp lý sẽ được gửi đến người được cấp phép đang bị đình chỉ/thử thách và cố vấn pháp lý của người đó, nếu có, trong vòng 30 ngày kể từ ngày điều trần xem xét kỷ luật. Bất kỳ điều chỉnh nào đối với lệnh đình chỉ và thử thách tức thời được thực hiện bởi ủy ban xem xét kỷ luật cũng sẽ là quyết định cuối cùng của ủy ban và chỉ được khiếu nại theo quy định trong tiểu phần (h) của mục này.

(f) Trong trường hợp ủy ban xem xét kỷ luật xác định không có cứ liệu thực tế nào để xác nhận việc đình chỉ và thử thách tức thời giấy phép đó, ủy ban xem xét kỷ luật phải hủy bỏ lệnh đình chỉ tức thời và cưỡng chế thử thách. Quyết định bãi bỏ sẽ có hiệu lực ngay lập tức vào cuối phiên điều trần. Quyết định này sẽ được xem là cuối cùng.

(g) Nếu người được cấp phép đang bị đình chỉ/thử thách không trình diện tại phiên điều trần xem xét kỷ luật và không đưa ra được lý do chính đáng cho việc vắng mặt, như định nghĩa trong mục 975 đối với việc không trình diện, giấy phép bị đình chỉ/thử thách sẽ trở thành phán quyết cuối cùng và có hiệu lực vào thời điểm ban hành. Sẽ không có bất kỳ khiếu nại hành chính nào.

(h) Nếu ủy ban xem xét kỷ luật xác nhận hoặc điều chỉnh lệnh đình chỉ tức thời và cưỡng chế thử thách, người được cấp phép có thể yêu cầu bằng văn bản phiên điều trần trước thẩm phán luật hành chính theo mục 7411 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Nếu ủy ban xem xét kỷ luật hủy bỏ lệnh đình chỉ tức thời và cưỡng chế thử thách, bất kỳ yêu cầu nào trước thẩm phán luật hành chính cũng sẽ được xem là đã rút lại.

(i) Hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản tới từng người được cấp phép bị đình chỉ tức thời và cưỡng chế thử thách khi thời hạn thử thách chấm dứt.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7403.2, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Điều 11. Phạt Hành Chính Và Trát Hầu Tòa

974. Bản Liệt Kê Các Khoản Phạt Hành Chính

(a) Khoản phạt hành chính có thể được ước định cho các vi phạm đối với các mục quy định của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp (BPC) và Khoản 9, Tiêu đề 16 Bộ Luật Quy Định Tiểu Bang California như sau (bằng đô-la):

Mục	Vi phạm lần đầu	Vi phạm lần hai	Vi phạm lần ba	Cho mục đích của Mục 7407.1 BPC, khoản phạt sẽ áp dụng cho:	Có thể miễn trừ
7313. Tiếp Cận Cơ Sở Để Thanh Tra	250	500	750	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
7317. Cơ Sở Không Có Giấy Phép	500	1,000	1,000		Không
7317. Cá Nhân Không Có Giấy Phép	1,000	1,000	1,000		Không
7317. Giấy Phép Cơ Sở Hết Hạn	250	300	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
7317. Giấy Phép Cá Nhân Hết Hạn	250	300	500	Cá nhân người được cấp phép	Không
7317. Cá Nhân Làm Việc Trong Một Cơ Sở Có Giấy Phép Hết Hạn	25	50	100	Cá nhân người được cấp phép	Không
7317. Cá Nhân Làm Việc Trong Một Cơ Sở Không Có Giấy Phép	250	300	500	Cá nhân người được cấp phép	Không
7320. Hành Nghề Y Khoa	1,000	1,000	1,000	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng được áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
7320.1. Sử Dụng Các Dụng Cụ Kim Loại Phi Pháp	250	500	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng được áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
7320.2. Các Phương Pháp Điều Trị Phi Pháp	500	500	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng được áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
7336. Không Giám Sát Người Học Việc	100	150	200	Cá nhân người được cấp phép	Không

Mục	Vi phạm lần đầu	Vi phạm lần hai	Vi phạm lần ba	Cho mục đích của Mục 7407.1 BPC, khoản phạt sẽ áp dụng cho:	Có thể miễn trừ
7348. Không Có Người Được Cấp Phép Phụ Trách Cơ Sở	100	150	200	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
7349. Tuyển Dụng Người Không Có Giấy Phép	1,000	1,000	1,000	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
7349. Tuyển Dụng Người Không Có Giấy Phép–Giấy Phép Hết Hạn	250	300	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
7349.1. Sử Dụng Cột Biển Hiệu Thợ Làm Tóc Phi Pháp	25	50	100	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
7350. Sử Dụng Cơ Sở Cho Mục Đích Cư Ngụ/ Lối Vào/Mục Đích Bị Cấm	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
7351. Yêu Cầu Về Phòng Vệ Sinh – Sạch Sẽ/ Bảo Quản/Sàn Nhà/Thông Khí	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
7352. Không Có Xà Phòng/Khăn Hoặc Máy Sấy Tay Trong Các Tiện Nghi Rửa Tay	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
7353.4. Không Thông Cáo Quyền Lợi Của Người Lao Động	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
7358. Không Có Người Được Cấp Phép Phụ Trách Đơn Vị Lưu Động	100	150	200		Không

Mục	Vi phạm lần đầu	Vi phạm lần hai	Vi phạm lần ba	Cho mục đích của Mục 7407.1 BPC, khoản phạt sẽ áp dụng cho:	Có thể miễn trừ
7359. Tuyển Dụng Người Không Có Giấy Phép Trong Đơn Vị Lưu Động	1,000	1,000	1,000		Không
7360. Đơn Vị Lưu Động–Sử Dụng Cho Mục Đích Cư Ngụ/ Bị Cấm	50	100	150		Không
7400. Không Nộp Thông Báo Thay Đổi Địa Chỉ	50	100	150	Cá nhân người được cấp phép	Không
7404(l). Cản Trở Thanh Tra	1,000	1,000	1,000	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc cản trở thanh tra	Không
904(d). Không Có Sẵn Giấy Tờ Nhận Dạng Có Dán Ảnh	50	100	150	Cá nhân người được cấp phép	Không
905. Không Niêm Yết. Thông Tin Khách Hàng	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
920. Hồ Sơ Đào Tạo Người Học Nghề Không Có Sẵn/ Không Hoàn Chỉnh	100	150	200	Cá nhân người được cấp phép	Không
965. Trưng Bày Giấy Phép	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi giấy phép của cơ sở không được trưng bày dễ thấy ở khu vực lễ tân; mức phạt áp dụng đối với cá nhân được cấp phép và người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi giấy phép của cá nhân không được trưng bày dễ thấy ở khu vực làm việc chính của người này	Không

Mục	Vi phạm lần đầu	Vi phạm lần hai	Vi phạm lần ba	Cho mục đích của Mục 7407.1 BPC, khoản phạt sẽ áp dụng cho:	Có thể miễn trừ
978(a)(1), (a)(2),(a)(3), (a)(4). Thùng Chứa, Tủ Và Hộp Đựng	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
978(a)(5). Chất Khử Trùng Trong Hộp Đựng Không Đủ Để Nhúng Ngập Hoàn Toàn	100	150	200	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
978(a)(6). Không Có Máy Tiệt Trùng Bằng Hơi Nước/Nhiệt Khô Cho Các Dụng Cụ Điện	500	1,000	1,500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
978(b). Không Có Sẵn Dung Dịch Khử Trùng Để Sử Dụng	250	300	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
978(c). Hộp Đựng Chất Khử Trùng Không Có Nhãn Của Nhà Sản Xuất	250	300	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
979. Khử Trùng Các Dụng Cụ Và Thiết Bị Không Dùng Điện	100	250	500	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở, mức phạt áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi cá nhân được cấp phép không hiện diện hoặc không thể được xác định hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không
980(a). Khử Trùng Các Thiết Bị Điện Sai Cách	100	250	500	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở, mức phạt áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi cá nhân được cấp phép không hiện diện hoặc không thể được xác định hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không

Mục	Vi phạm lần đầu	Vi phạm lần hai	Vi phạm lần ba	Cho mục đích của Mục 7407.1 BPC, khoản phạt sẽ áp dụng cho:	Có thể miễn trừ
980(b). Bảo Quản Sai Cách Các Thiết Bị Điện Đã Được Khử Trùng	50	100	150	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở, mức phạt áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi cá nhân được cấp phép không hiện diện hoặc không thể được xác định hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không
980(c). Bảo Quản Sai Cách Các Dụng Cụ Điện Bị Bẩn	50	100	150	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở, mức phạt áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi cá nhân được cấp phép không hiện diện hoặc không thể được xác định hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không
980.1. Khử Trùng Sai Cách Bồn Làm Móng Chân (Mỗi Ghế)	500	500	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng có thể áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
980.1(c)(7). 980.1(d)(8). 980.1(e)(4). Sai/ Thiếu Nhật Ký	100	150	200	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng có thể áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
980.1(g). Không Liệt Kê Ghế "Không Phục Vụ" Trong Nhật Ký; Không Có Ký Hiệu Trên Ghế	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng có thể áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
980.2. Khử Trùng Sai Cách Bồn Ngâm Chân "Không Ống" (Mỗi Bồn)	500	500	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng có thể áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
980.2(b)(7). 980.2(c)(6). 980.2(d)(3). Sai/ Thiếu Nhật Ký	100	150	200	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng có thể áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không

Mục	Vi phạm lần đầu	Vi phạm lần hai	Vi phạm lần ba	Cho mục đích của Mục 7407.1 BPC, khoản phạt sẽ áp dụng cho:	Có thể miễn trừ
980.2(f). Không Liệt Kê Ghế "Không Phục Vụ" Trong Nhật Ký; Không Có Ký Hiệu Trên Ghế	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng có thể áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
980.3. Khử Trùng Sai Cách "Bồn Ngâm Chân Không Có Xoáy Nước" (Mỗi Bồn)	100	150	200	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng có thể áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
980.3(b)(6). Sai/ Thiếu Nhật Ký	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng có thể áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
980.3(e). Bảo Quản Sai Cách Bồn Hoặc Chậu	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng có thể áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
980.4. Khử Trùng Sai Cách Bồn Hoặc Chậu Ngâm Chân Sau Khi Sử Dụng Tấm Lót Dùng Một Lần	500	500	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng có thể áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
980.4(a)(2). Sai/ Thiếu Nhật Ký	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở; mức phạt cũng có thể áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở	Không
980.4(a)(4). Không Dự Trữ Sẵn Năm (5) Tấm Lót Dùng Một Lần Cho Mỗi Bồn, Chậu Ngâm Chân	250	300	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không

Mục	Vi phạm lần đầu	Vi phạm lần hai	Vi phạm lần ba	Cho mục đích của Mục 7407.1 BPC, khoản phạt sẽ áp dụng cho:	Có thể miễn trừ
981(a). Không Vứt Bỏ Vật Dụng Không Được Khử Trùng	100	150	200	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở; mức phạt cũng được áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi không thể xác định cá nhân được cấp phép hoặc người này không hiện diện hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không
981(b). Bảo Quản Không Đúng Cách Vật Dụng Mới Và Dụng Cụ Dùng Một Lần	50	100	150	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở; mức phạt cũng được áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi không thể xác định cá nhân được cấp phép hoặc người này không hiện diện hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không
981(c). Mang Dụng Cụ Hoặc Vật Dụng Trong Hoặc Trên Quần Áo	50	100	150	Cá nhân người được cấp phép	Không
982. Tiệt Trùng Dụng Cụ Điện Sai Cách	100	150	200	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở; mức phạt cũng được áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi không thể xác định cá nhân được cấp phép hoặc người này không hiện diện hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không
983. Tình Trạng Sạch Sẽ Cá Nhân	50	100	150	Cá nhân người được cấp phép	Không
984(a). Cho Phép Người Được Cấp Phép Mắc Bệnh Truyền Nhiễm/ Dễ Lây Lan Phục Vụ Khách Hàng	100	250	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không

Mục	Vi phạm lần đầu	Vi phạm lần hai	Vi phạm lần ba	Cho mục đích của Mục 7407.1 BPC, khoản phạt sẽ áp dụng cho:	Có thể miễn trừ
984(b). Cho Phép Hoặc Yêu Cầu Người Được Giấy Phép Phục Vụ Khách Hàng Mắc Bệnh Truyền Nhiễm/ Dễ Lây Lan	100	250	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
984(e). Thực Hiện Dịch Vụ Trên Da Cơ Thể Hoặc Da Đầu Bị Kích Ứng, Xây Xát, Nhiễm Khuẩn Hoặc Tiết Dịch/Làm Việc Không Có Găng Tay Khi Da Tay Bị Kích Ứng, Xây Xát, Nhiễm Khuẩn Hoặc Tiết Dịch	100	250	500	Cá nhân người được cấp phép	Không
985. Không Sử Dụng Tấm Lót Cổ Hoặc Khăn	50	100	150	Cá nhân người được cấp phép	Không
986. Chổi Quét Bụi Cho Cổ/ Cọ Không Sạch Sẽ Hoặc Vệ Sinh	50	100	150	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở; mức phạt cũng được áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi không thể xác định cá nhân được cấp phép hoặc người này không hiện diện hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không
987. Khăn	50	100	150	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở; mức phạt cũng được áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi không thể xác định cá nhân được cấp phép hoặc người này không hiện diện hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không

Mục	Vi phạm lần đầu	Vi phạm lần hai	Vi phạm lần ba	Cho mục đích của Mục 7407.1 BPC, khoản phạt sẽ áp dụng cho:	Có thể miễn trừ
988. Dung Dịch, Kem, Phấn Và Mỹ Phẩm	50	100	150	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở; mức phạt cũng được áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi không thể xác định cá nhân được cấp phép hoặc người này không hiện diện hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không
989. Chất Độc Hại/Sử Dụng Sản Phẩm Bị Cấm	500	500	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
990. Gối Tựa Đầu Và Bàn Trị Liệu	50	100	150	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở; mức phạt cũng được áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi không thể xác định cá nhân được cấp phép hoặc người này không hiện diện hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không
991. Thực Hiện Các Thủ Thuật Xâm Lấn	500	500	500	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở; mức phạt cũng được áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi không thể xác định cá nhân được cấp phép hoặc người này không hiện diện hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không
992. Thực Hiện Lột Tẩy Xâm Lấn Da/Hạ Bì	500	500	500	Cá nhân được cấp phép khi người này có thể được xác định và có mặt tại cơ sở; mức phạt cũng được áp dụng đối với người nắm giữ giấy phép của cơ sở khi không thể xác định cá nhân được cấp phép hoặc người này không hiện diện hoặc khi phát hiện vi phạm nhiều lần tại cơ sở	Không
993. Các Dụng Cụ Bị Cấm	300	400	500	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không

Mục	Vi phạm lần đầu	Vi phạm lần hai	Vi phạm lần ba	Cho mục đích của Mục 7407.1 BPC, khoản phạt sẽ áp dụng cho:	Có thể miễn trừ
994. Tình Trạng Sạch Sẽ Và Giữ Gìn Tốt	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không
995(b), (c), (d), (e). Tiêu Chuẩn Hệ Thống Dẫn Nước	50	100	150	Người nắm giữ giấy phép của cơ sở	Không

(b) Vi phạm được coi là không thể miễn trừ trong tiểu phần (a) nghĩa là Hội Đồng, bằng toàn quyền quyết định của mình, xác định hành vi vi phạm đó là không thể sửa chữa chiếu theo Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp, Mục 7407, và do đó, khoản phạt cho việc vi phạm lần đầu có thể không được miễn trừ theo quy định trong Mục 7409 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, 7406 và 7407, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7353.4, 7406, 7407, 7407.1, 7409, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

974.1. Ủy Ban Xem Xét Kỷ Luật

(a) Ủy ban xem xét kỷ luật của hội đồng phải bao gồm ba (3) thành viên của hội đồng.

(b) Chủ tịch hội đồng, bằng toàn quyền quyết định của mình, có thể chỉ định nhiều ủy ban xem xét kỷ luật.

(c) Chủ tịch hội đồng sẽ chỉ định các thành viên của ủy ban xem xét kỷ luật hàng năm; việc chỉ định sẽ được tiến hành đồng thời với việc bầu chọn Chủ Tịch Hội Đồng hàng năm.

(d) Chủ tịch hội đồng phải lựa chọn thời gian và địa điểm cho các phiên điều trần xem xét trát hầu tòa không chính thức được tổ chức trước ủy ban xem xét kỷ luật.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7410, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7410, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

974.2. Kháng Cáo Lên Ủy Ban Xem Xét Kỷ Luật

(a) Ngoài việc yêu cầu phiên điều trần theo quy định trong Mục 7411 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp, người được gọi hầu tòa có thể, trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo vi phạm hoặc ban hành trát hầu tòa, thông báo cho hội đồng bằng văn bản về yêu cầu điều trần xem xét trát hầu tòa không chính thức trước ủy ban xem xét kỷ luật của người đó.

(b) Khi nhận được yêu cầu bằng văn bản đúng thời hạn, thành viên hội đồng phải sắp xếp cho người được gọi hầu tòa phiên điều trần kế tiếp được tổ chức tại khu vực lân cận địa chỉ của người đó ít nhất bốn mươi lăm (45) ngày sau khi hội đồng nhận được yêu

cầu điều trần. Thành viên hội đồng sẽ, ít nhất ba mươi (30) ngày theo lịch trước ngày điều trần, gửi thông báo bằng văn bản đến người được gọi hầu tòa về ngày, giờ và địa điểm của phiên điều trần.

(c) Người được gọi hầu tòa phải trình diện và có thể đi cùng cố vấn pháp lý hoặc người đại diện được ủy quyền tới phiên điều trần và có thể trình bày các thông tin bằng văn bản và/hoặc lời khai bằng miệng tới ủy ban xem xét kỷ luật.

(d) Người được gọi hầu tòa có thể phản đối hoặc khiếu nại các khía cạnh sau của trát hầu tòa hoặc thông báo vi phạm:

(1) Sự cố dẫn đến vi phạm Đạo Luật Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm hoặc các quy định được hội đồng thông qua;

(2) Thời hạn sửa chữa, nếu có; và/hoặc

(3) Số tiền phạt.

(e) Vào cuối phiên điều trần xem xét trát hầu tòa không chính thức, ủy ban xem xét kỷ luật có thể chọn tiếp tục điều trần hoặc để mở hồ sơ cho người được gọi hầu tòa cung cấp thêm thông tin cho ủy ban. Nếu ủy ban xem xét kỷ luật chọn tiếp tục điều trần, phiên điều trần sẽ được tiếp tục tại phiên điều trần theo lịch trình kế tiếp ở khu vực có địa chỉ của người được gọi hầu tòa. Thành viên hội đồng phải thông báo cho người được gọi hầu tòa về ngày giờ và địa điểm của phiên điều trần kế tiếp theo tiểu mục (b).

Nếu ủy ban xem xét kỷ luật chọn để mở hồ sơ cho phép đệ trình thêm thông tin bằng văn bản, người được gọi hầu tòa phải cung cấp thêm thông tin bằng văn bản tới cùng ủy ban xem xét kỷ luật trước khi diễn ra buổi họp theo lịch trình kế tiếp và ủy ban sẽ đóng hồ sơ và xem xét vấn đề tại buổi họp theo lịch trình kế tiếp.

(f) Ủy ban xem xét kỷ luật có thể xác nhận, điều chỉnh hoặc bãi bỏ trát hầu tòa, bao gồm bất kỳ khoản phạt nào. Trong bất kỳ trường hợp nào, các vi phạm được ghi trên trát hầu tòa hoặc thông báo vi phạm hay các khoản phạt hành chính đều không được tăng lên. Ủy ban xem xét kỷ luật có thể cân nhắc đến lịch sử các vi phạm trước đây có cùng hoặc tương tự tính chất khi đưa ra quyết định của mình về vấn đề đó. Quyết định bằng văn bản dựa trên các kết quả cứ liệu thực tế sẽ được gửi đến người được gọi hầu tòa và cố vấn pháp lý của người đó, nếu có, trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày điều trần xem xét trát hầu tòa không chính thức. Ngày có hiệu lực của quyết định sẽ là ba mươi (30) ngày sau khi quyết định được gửi đến người được gọi hầu tòa, và ngày có hiệu lực phải được ghi trên quyết định. Quyết định này sẽ được xem là lệnh án cuối cùng liên quan đến trát hầu tòa được ban hành, bao gồm cả mức phạt phải thu.

(g) Nếu người được gọi hầu tòa không trình diện tại phiên điều trần xem xét trát hầu tòa không chính thức và không đưa ra lý do chính đáng, như định nghĩa trong Mục 975 về việc không trình diện, khoản phạt hành chính sẽ trở thành cuối cùng và sẽ không có bất kỳ khiếu nại hành chính nào trừ khi luật pháp có quy định khác.

(h) Nếu ủy ban xem xét kỷ luật xác nhận hoặc điều chỉnh trát hầu tòa hoặc thông báo vi phạm, bao gồm bất kỳ khoản phạt nào, thì người được gọi hầu tòa có thể, trước ngày có hiệu lực của quyết định của ủy ban xem xét kỷ luật, yêu cầu bằng văn bản phiên điều trần trước thẩm phán luật hành chính chiếu theo Mục 7411 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Nếu ủy ban xem xét kỷ luật bãi bỏ toàn bộ trát hầu tòa hoặc thông báo vi phạm, bất kỳ yêu cầu điều trần trước thẩm phán luật hành chính nào cũng sẽ được xem như đã rút lại.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7410 và 7413, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

974.3. Kế Hoạch Thanh Toán Trả Góp.

(a) Người được cấp giấy phép bị phạt hành chính trên $500 có thể yêu cầu kế hoạch thanh toán không nhiều hơn 12 đợt trả góp theo từng tháng. Người được cấp giấy phép phải viết yêu cầu kế hoạch thanh toán. Sau khi người được cấp giấy phép yêu cầu kế hoạch thanh toán, hội đồng sẽ cung cấp cho người này biểu phí thanh toán nêu rõ khoản thanh toán và ngày thanh toán.

(b) Hội đồng sẽ hủy kế hoạch thanh toán của người được cấp giấy phép nếu người này không tuân thủ bất kỳ điều khoản và điều kiện nào trong kế hoạch thanh toán.

(c) Nếu bị hội đồng hủy kế hoạch thanh toán, người được cấp giấy phép sẽ không được:

(1) Xin hội đồng cấp lại bất kỳ giấy phép nào cho đến khi tất cả các khoản phạt còn lại đã được nộp đầy đủ;

(2) Yêu cầu kế hoạch thanh toán cho bất kỳ khoản phạt hành chính nào sau này.

(d) Người được cấp giấy phép đang nộp khoản phạt hành chính theo các điều khoản trong mục này sẽ được phép xin hội đồng cấp lại bất kỳ giấy phép nào người này đang sở hữu dù các khoản phạt vẫn chưa được nộp đầy đủ tại ngày cấp lại giấy phép.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, 7408.1 và 7414 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7408.1 và 7414 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

975. Lý Do Chính Đáng Cho Việc Không Trình Diện Tại Phiên Điều Trần

Hội đồng định nghĩa "lý do chính đáng" theo mục đích của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp Mục 7413 như sau: Bệnh tật cá nhân, tai nạn xe cộ, tử vong hoặc bệnh nặng trong gia đình trực hệ hoặc các khó khăn to lớn về thể chất hoặc tinh thần khác. Bất kỳ điều kiện nào được hội đồng xem là lý do chính đáng đều phải được chứng nhận bằng văn bản (ví dụ, thư xác nhận của bác sĩ, báo cáo tai nạn chính thức, cáo phó).

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7413, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

976. Trát Hầu Tòa; Hoạt Động Không Được Cấp Phép

Trát hầu tòa có lệnh bãi bỏ hoặc lệnh nộp khoản phạt hành chính có thể được áp đặt đối với một người, một công ty hoặc tổ chức tham gia hành nghề làm tóc, trang điểm hoặc bất kỳ phân ngành nào hoặc điện phân để được trả công mà không có giấy phép hợp lệ, còn hạn do hội đồng cấp.

Tất cả những trát hầu tòa được ban hành theo mục này phải đáp ứng các yêu cầu tại Mục 125.9 của Bộ Luật.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 125.9, 148 và 7317, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Điều 12. Sức Khỏe Và An Toàn

977. Các Định Nghĩa Về Sức Khỏe Và An Toàn

Những từ và thuật ngữ sau đây, khi được sử dụng trong điều luật này, sẽ có ý nghĩa như sau:

Nồi hấp tiệt trùng—Thiết bị được dùng để tiệt trùng các dụng cụ, thiết bị và vật dụng bằng cách đặt chúng trong hơi nước bão hòa với áp lực cao.

Sản Phẩm Không Kê Toa—Các sản phẩm trang điểm, làm tóc hoặc điện phân có bán sẵn cho công chúng mà không cần toa của bác sĩ.

Mỹ phẩm—Các chất được dùng để nâng cao ngoại hình của cơ thể con người.

Bị nhiễm bẩn—Sự hiện diện của máu hoặc những thứ có khả năng truyền nhiễm khác trên bề mặt của một vật dụng hoặc các cặn bẩn có thể nhìn thấy như bụi, tóc và da.

Hạ bì—Lớp da ở sát dưới biểu bì; lớp da sống.

Khử trùng hoặc Việc khử trùng—Việc sử dụng hóa chất để tiêu diệt các vi khuẩn có hại, vi-rút và các mầm bệnh trên đồ dùng hoặc dụng cụ, làm cho chúng an toàn để sử dụng.

Thuốc khử trùng—Sản phẩm đã được đăng ký với Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Hoa Kỳ (EPA) chứng minh hoạt tính diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút. Các sản phẩm được sử dụng phải có nhãn của nhà sản xuất nêu rõ việc đăng ký EPA và phải ở dạng dung dịch để khử trùng các dụng cụ không dùng điện và ở dạng xịt hoặc lau để khử trùng các dụng cụ điện và kéo.

Máy tiệt trùng nhiệt khô—Thiết bị được dùng để khử trùng các thiết bị và vật dụng bằng cách sử dụng không khí nóng mà hầu như hoặc hoàn toàn không có hơi nước.

Biểu bì— Lớp da ngoài cùng; lớp da phi sinh.

Dụng cụ Điện—Tất cả các dụng cụ dùng để làm tóc, trang điểm và đốt điện phân mà cần phải có điện để hoạt động bằng các phương tiện như dây điện, bộ sạc không dây hoặc pin. Các dụng cụ này bao gồm, nhưng không giới hạn ở, tông đơ cắt tóc, máy sấy tóc, máy uốn tóc và máy ép tóc.

Bồn Ngâm chân—Trên một ghế spa có bồn ngâm chân, chậu không nắp có chứa đầy nước và bàn chân của khách hàng được đặt trong đó suốt quá trình làm móng chân.

Dụng cụ tạo kiểu nóng—Các dụng cụ sử dụng nhiệt để tạo kiểu tóc.

Dụng cụ không dùng Điện—Tất cả các dụng cụ dùng để làm tóc, trang điểm và điện phân mà không sử dụng bất kỳ dạng điện nào để hoạt động. Các dụng cụ này bao gồm, nhưng không giới hạn ở, kéo, dao cạo, kìm cắt da, sủi da, đồ bấm móng, giũa kim loại, đồ chà móng bằng kim loại, lược và kẹp tóc.

Độc hại—Chất có thể gây ra bệnh tật hoặc tử vong bằng cách đi vào hoặc chạm vào cơ thể.

Vệ sinh—Tình trạng sạch sẽ, lành mạnh.

Bẩn—Dơ; không sạch.

Tiệt trùng hoặc Việc tiệt trùng—Quá trình loại bỏ hoặc tiêu diệt tất cả các hình thái sống của vi sinh vật, bao gồm cả các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm (như nấm, vi khuẩn, vi-rút và các hình thái bào tử) bằng cách sử dụng nồi hấp tiệt trùng hoặc máy tiệt trùng nhiệt khô.

Chậu—Bồn độc lập, không có nắp, có chứa đầy nước và bàn chân của khách hàng được đặt trong đó suốt quá trình làm móng chân.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

978. Thiết Bị Và Vật Dụng Tối Thiểu

(a) Các cơ sở và trường học phải có và duy trì các thiết bị và vật dụng tối thiểu sau:

(1) Nếu dịch vụ làm tóc được thực hiện, mỗi cơ sở phải có ít nhất thùng rác có nắp đậy để chứa tóc bỏ đi. Tóc phải được vứt trong thùng rác có nắp đậy.

(2) Các hộp đựng kín để chứa tất cả các khăn, áo choàng, áo khoác, tấm trải và tấm phủ bẩn trong bất kỳ khu vực khép kín nào mà công chúng thường hay lui tới.

(3) Tủ, ngăn kéo hay hộp đựng kín và sạch để đựng tất cả các dụng cụ không dùng điện, khăn, áo choàng, áo khoác, đồ tấm trải và tấm phủ sạch.

(4) Bình chứa dung dịch khử trùng cho các dụng cụ và thiết bị cần khử trùng. Bình chứa phải được dán nhãn "Dung Dịch Khử Trùng."

(5) Mỗi bình chứa được nêu trong mục (4) phải chứa đủ dung dịch khử trùng để có thể nhúng ngập hoàn toàn các dụng cụ.

(6) Nếu thực hiện điện phân, cần phải có nồi hấp tiệt trùng hoặc máy tiệt trùng nhiệt khô đáp ứng yêu cầu của Mục 982.

(b) Các cơ sở và trường học phải có dung dịch khử trùng được pha theo hướng dẫn của nhà sản xuất, có sẵn để sử dụng vào mọi lúc.

(c) Bình chứa có dán nhãn của nhà sản xuất để đựng chất khử trùng được sử dụng phải luôn có sẵn tại cơ sở hoặc trường học. Trong trường hợp đã dùng hết lượng chất khử trùng còn lại cuối cùng thì phải còn bình chứa rỗng có dán nhãn của nhà sản xuất.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

979. Khử Trùng Các Dụng Cụ Không Dùng Điện

(a) Trước khi sử dụng cho khách hàng, mọi thiết bị không dùng điện có thể khử trùng, trừ kéo, phải được khử trùng theo tuần tự các bước như sau:

(1) Loại bỏ tất cả các cặn bẩn có thể nhìn thấy được.

(2) Làm sạch bằng xà phòng hoặc chất tẩy rửa và nước.

(3) Làm khô dụng cụ hoàn toàn bằng khăn giấy mới và sạch.

(4) Sau đó nhúng ngập hoàn toàn trong chất khử trùng đã đăng ký với EPA được chứng minh có hoạt tính diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

(5) Người được cấp phép hoặc học viên phải đeo găng tay bảo vệ hoặc sử dụng kẹp gắp khi lấy các dụng cụ ra khỏi chất khử trùng.

(b) Dung dịch khử trùng được nêu trong tiểu phần (a) phải:

(1) Luôn luôn được đậy kín.

(2) Được thay theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc khi bị vẩn đục hoặc có chứa cặn bẩn.

(c) Tất cả các dụng cụ đã được sử dụng cho khách hàng hoặc bị bẩn theo bất kỳ cách nào đều phải được đặt trong hộp đựng có dán nhãn "Dơ", "Bẩn" hoặc "Bị Nhiễm Bẩn."

(d) Tất cả các dụng cụ đã được khử trùng phải được bảo quản ở nơi sạch sẽ và kín, có dán nhãn "Sạch" hoặc "Đã Khử Trùng."

(e) Không được đặt các dụng cụ đã được khử trùng trong hộp đựng, túi hoặc hộp đựng không thể khử trùng được.

(f) Kéo phải được khử trùng theo quy trình tuần tự như sau:

(1) Loại bỏ tất cả các cặn bẩn có thể nhìn thấy được.

(2) Làm sạch bằng xà phòng hoặc chất tẩy rửa và nước.

(3) Xịt hoặc lau kéo bằng chất khử trùng đã đăng ký với EPA được chứng minh có hoạt tính diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

(g) Không được đặt kéo đã được khử trùng trong hộp đựng, túi hoặc hộp đựng không thể khử trùng được.

(h) Nếu các dụng cụ nêu trong mục này được khử trùng theo các yêu cầu được liệt kê trong Mục 982, các yêu cầu của mục này sẽ được xem là đã được đáp ứng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

980. Khử Trùng Các Dụng Cụ Điện

(a) Tông-đơ cắt tóc và các dụng cụ điện khác phải được khử trùng trước mỗi lần sử dụng theo tuần tự các bước như sau:

(1) Đầu tiên, loại bỏ tất cả các cặn bẩn có thể nhìn thấy được.

(2) Khử trùng bằng chất khử trùng dạng xịt hoặc lau đã đăng ký với EPA được chứng minh có hoạt tính diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

(b) Tất cả các dụng cụ điện đã khử trùng phải được bảo quản ở nơi sạch sẽ.

(c) Tất cả các dụng cụ điện bẩn đã được sử dụng cho khách hàng hoặc bị bẩn theo bất kỳ cách nào, đều phải được đặt trong hộp đựng có dán nhãn "Dơ", "Bẩn" hoặc "Bị Nhiễm Bẩn" (ngoại trừ các dụng cụ tạo kiểu nóng).

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

980.1. Quy Trình Làm Sạch Và Khử Trùng Bồn Ngâm Chân Xoáy Nước Và Bồn Phun Khí

(a) Như được sử dụng trong mục này, "bồn ngâm chân xoáy nước" hay "spa" được định nghĩa là bất kỳ bồn nào sử dụng dòng nước luân chuyển.

(b) Bồn ngâm chân phun khí được định nghĩa là bất kỳ bồn nào sử dụng hệ thống dòng tia khí để di chuyển dòng nước.

(c) Sau khi sử dụng cho mỗi khách hàng, mỗi bồn ngâm chân xoáy nước hay bồn phun khí phải được làm sạch và khử trùng theo tuần tự các bước như sau:

(1) Xả hết nước ra khỏi bồn.

(2) Thành bên trong của bồn phải được cọ rửa và làm sạch mọi cặn bẩn có thể nhìn thấy được bằng bàn chải sạch, xà phòng lỏng (có dán nhãn như vậy trên sản phẩm xà phòng) và nước.

(3) Bồn spa phải được tráng rửa bằng nước.

(4) Bồn spa phải được đổ đầy lại với nước sạch.

(5) Nước trong bồn phải được khuấy đều quanh bồn trong ít nhất 10 phút với liều lượng chính xác (đọc hướng dẫn pha chế trên nhãn của nhà sản xuất) dung dịch khử trùng loại dùng cho bệnh viện đã đăng ký với EPA được dán nhãn là diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút.

(6) Bồn spa phải được xả hết nước, tráng rửa và lau khô bằng khăn giấy mới và sạch.

(7) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải ghi ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện sau khi phục vụ mỗi khách hàng.

(d) Vào cuối mỗi ngày và sau khi phục vụ khách hàng cuối cùng, mỗi bồn ngâm chân xoáy nước hay bồn phun khí phải được làm sạch và tẩy trùng theo tuần tự các bước như sau:

(1) Tháo gỡ tấm chắn và bất kỳ bộ phận có thể tháo lắp nào khác.

(2) Cọ rửa tất cả các cặn bẩn có thể nhìn thấy được khỏi tấm chắn, thành bên trong bồn, bất kỳ bộ phận có thể tháo lắp nào khác và khu vực phía sau chúng bằng bàn chải sạch, xà phòng lỏng (có dán nhãn như vậy trên sản phẩm xà phòng) và nước.

(3) Lắp lại tấm chắn và các bộ phận rời khác đã được làm sạch.

(4) Đổ nước ấm và chất tẩy rửa (có dán nhãn như vậy trên sản phẩm tẩy rửa) đầy bồn và khuấy đều chất tẩy rửa quanh hệ thống bồn spa trong ít nhất 10 phút (theo hướng dẫn của nhà sản xuất spa).

(5) Xả sạch dung dịch tẩy rửa và tráng bồn.

(6) Đổ lại nước sạch đầy bồn và khuấy đều quanh bồn trong ít nhất 10 phút với liều lượng chính xác (đọc hướng dẫn pha chế trên nhãn sản phẩm) dung dịch khử trùng loại dùng cho bệnh viện đã đăng ký với EPA được ghi trên nhãn có hoạt tính diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút.

(7) Xả cạn, tráng rửa và lau khô bồn bằng khăn giấy mới và sạch và để bồn khô hoàn toàn.

(8) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải ghi ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện vào cuối ngày.

(e) Ít nhất mỗi tuần một lần, sau khi hoàn thành các quy trình nêu trong tiểu mục (d) (1 đến 6), mỗi bồn ngâm chân xoáy nước và bồn phun khí sẽ không được xả cạn và phải tiến hành các quy trình tuần tự như sau:

(1) Không xả cạn dung dịch khử trùng. Tắt máy và để yên dung dịch khử trùng trong bồn trong ít nhất 6 giờ.

(2) Sau khi dung dịch khử trùng đã được để yên trong ít nhất 6 giờ, xả cạn và tráng rửa bồn bằng nước sạch.

(3) Đổ nước sạch lại đầy bồn và xối rửa hệ thống.

(4) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải ghi ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện hàng tuần.

(f) Nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân phải luôn sẵn có khi khách hàng hoặc người đại diện của hội đồng có yêu cầu.

(g) Bồn ngâm chân xoáy nước "Không Phục Vụ" phải có ký hiệu trên nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân, cho biết bồn đó đang không phục vụ. Bồn ngâm chân đó phải có ký hiệu "Không Phục Vụ" trên ghế và được duy trì trong tình trạng hợp vệ sinh.

(h) Việc vi phạm mục này có thể dẫn đến khoản phạt hành chính và/hoặc biện pháp kỷ luật. Mỗi bồn ngâm chân xoáy nước hoặc bồn phun khí không tuân thủ mục này có thể dẫn đến vi phạm riêng biệt.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

980.2. Quy Trình Làm Sạch Và Khử Trùng Bồn Ngâm Chân Không Ống

(a) Như được sử dụng trong mục này, bồn ngâm chân "không ống" được định nghĩa là bất kỳ bồn nào có bệ đặt chân, bánh đẩy, các bộ phận lắp ráp của bánh đẩy và cánh quạt.

(b) Sau khi sử dụng cho mỗi khách hàng, mỗi bồn ngâm chân không ống phải được làm sạch và khử trùng theo tuần tự các bước như sau:

(1) Xả hết nước ra khỏi bồn spa.

(2) Tháo gỡ bệ đặt chân và bất kỳ bộ phận có thể tháo lắp nào khác theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

(3) Cọ rửa tất cả các cặn bẩn có thể nhìn thấy ở bánh đẩy, bệ đặt chân, thành bên trong bồn, các bộ phận khác và vùng phía sau hoặc dưới mỗi bộ phận bằng bàn chải sạch, xà phòng lỏng (có dán nhãn như vậy trên sản phẩm xà phòng) và nước. Tráng lại bằng nước sạch.

(4) Lắp lại đúng cách bệ đặt chân và các bộ phận khác sau khi đã làm sạch.

(5) Đổ nước sạch lại đầy bồn và khuấy đều quanh bồn trong ít nhất 10 phút với liều lượng chính xác (đọc hướng dẫn pha chế trên nhãn sản phẩm) dung dịch khử trùng loại dùng cho bệnh viện đã đăng ký với EPA được ghi trên nhãn là diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút.

(6) Xả cạn, tráng rửa và lau khô bồn bằng khăn giấy mới và sạch.

(7) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải ghi ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện sau khi phục vụ mỗi khách hàng.

(c) Vào cuối mỗi ngày và sau khi tiến hành các quy trình nêu trong tiểu mục (b) (1 đến 7) và sau khi phục vụ khách hàng cuối cùng, mỗi bồn ngâm chân không ống phải được làm sạch và tẩy trùng theo tuần tự các bước như sau:

(1) Đổ nước ấm và chất tẩy rửa (có dán nhãn như vậy trên sản phẩm tẩy rửa) đầy bồn và khuấy đều chất tẩy rửa quanh hệ thống spa trong ít nhất 10 phút (theo hướng dẫn của nhà sản xuất).

(2) Xả sạch dung dịch tẩy rửa và tráng bồn.

(3) Đổ nước sạch lại đầy bồn và khuấy đều quanh bồn trong ít nhất 10 phút với liều lượng chính xác (đọc hướng dẫn pha chế trên nhãn sản phẩm) dung dịch khử trùng loại dùng cho bệnh viện đã đăng ký với EPA được ghi trên nhãn là diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút.

(4) Xả nước, súc rửa và lau khô bồn bằng khăn giấy sạch.

(5) Để bồn khô hoàn toàn.

(6) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải ghi ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện vào cuối ngày.

(d) Ít nhất mỗi tuần một lần, sau khi hoàn thành các quy trình nêu trong tiểu mục (c) (1 đến 3), dung dịch khử trùng trong mỗi bồn ngâm chân không ống sẽ không được xả cạn và phải tiến hành các quy trình tuần tự như sau:

(1) Tắt máy và để yên dung dịch khử trùng trong bồn trong ít nhất 6 giờ.

(2) Sau khi dung dịch khử trùng đã được để trong ít nhất 6 giờ, tráng rửa và lau khô bồn bằng khăn giấy mới và sạch.

(3) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải ghi ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện hàng tuần.

(e) Nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân phải luôn sẵn có khi khách hàng hoặc người đại diện của hội đồng có yêu cầu.

(f) Bồn ngâm chân không ống "Không Phục Vụ" phải có ký hiệu trên nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân cho biết bồn đó đang không phục vụ. Bồn ngâm chân đó phải có ký hiệu "Không Phục Vụ" trên ghế và được duy trì trong tình trạng hợp vệ sinh.

(g) Việc vi phạm mục này có thể dẫn đến khoản phạt hành chính và/hoặc biện pháp kỷ luật. Mỗi bồn ngâm chân không ống không tuân thủ mục này có thể dẫn đến vi phạm riêng biệt.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7406, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

980.3. Quy Trình Làm Sạch Và Khử Trùng Bồn Ngâm Chân Không Có Xoáy Nước Hoặc Chậu

(a) Như được sử dụng trong mục này, "bồn ngâm chân không có xoáy nước" hoặc "chậu" được định nghĩa là bất kỳ bồn, chậu, thau, bồn rửa, bát nào và tất cả các thiết bị không sử dụng điện dùng để chứa nước dùng cho bàn chân của khách hàng trong dịch vụ chăm sóc chân.

(b) Sau khi sử dụng cho mỗi khách hàng, mỗi bồn ngâm chân không có xoáy nước hoặc chậu phải được làm sạch và khử trùng theo tuần tự các bước như sau:

(1) Xả hết nước ra khỏi bồn ngâm chân hoặc chậu.

(2) Mặt bên trong của bồn ngâm chân hoặc chậu phải được cọ rửa và làm sạch mọi cặn bẩn có thể nhìn thấy được bằng bàn chải sạch, xà phòng lỏng (có dán nhãn như vậy trên sản phẩm xà phòng) và nước.

(3) Bồn ngâm chân hoặc chậu phải được tráng lại bằng nước sạch.

(4) Đổ nước sạch lại đầy bồn ngâm chân hoặc chậu với liều lượng chính xác (đọc hướng dẫn pha chế trên nhãn sản phẩm) dung dịch khử trùng loại dùng cho bệnh viện đã đăng ký với EPA được ghi trên nhãn là diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút. Để dung dịch khử trùng trong bồn ngâm chân hoặc chậu trong ít nhất 10 phút.

(5) Xả nước, súc rửa và lau khô bồn bằng khăn giấy mới, sạch.

(6) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải ghi ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện sau khi phục vụ mỗi khách hàng.

(c) Nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân phải luôn sẵn có khi khách hàng hoặc người đại diện của hội đồng có yêu cầu.

(d) Việc vi phạm mục này có thể dẫn đến khoản phạt hành chính và/hoặc biện pháp kỷ luật. Mỗi bồn ngâm chân hoặc chậu không tuân thủ mục này có thể dẫn đến vi phạm riêng biệt.

(e) Tất cả các bồn hoặc chậu được khử trùng phải được bảo quản ở nơi sạch sẽ và kín, có dán nhãn "Sạch" hoặc "Đã Khử Trùng."

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7406, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

980.4. Tấm Lót Bồn Hoặc Chậu Ngâm Chân Dùng Một Lần

(a) Các tấm lót dùng một lần, có thể tiêu hủy, có thể tái chế được thiết kế và được sản xuất để dùng làm tấm lót cho bồn hoặc chậu ngâm chân phải được vứt bỏ ngay sau mỗi lần sử dụng và không được phép khử trùng hoặc tái sử dụng.

(1) Sau khi vứt bỏ các tấm lót bồn làm móng chân, bồn hoặc chậu phải được cọ rửa và làm sạch các cặn bẩn có thể nhìn thấy được bằng bàn chải sạch và xà phòng lỏng (có dán nhãn như vậy trên sản phẩm xà phòng) và nước. Bồn hoặc chậu ngâm chân phải được tráng bằng nước sạch và lau khô bằng khăn giấy mới và sạch.

(2) Ghi chép lại quy trình làm sạch trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải ghi ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện sau khi phục vụ mỗi khách hàng.

(3) Nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân phải luôn sẵn có khi khách hàng hoặc người đại diện của hội đồng có yêu cầu.

(4) Các cơ sở hoặc trường học sử dụng các tấm lót phải luôn có sẵn năm tấm lót cho mỗi bồn chậu ngâm chân để sử dụng thường xuyên.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7406, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

981. Dụng Cụ Và Vật Dụng

(a) Tất cả các dụng cụ hoặc vật dụng được đưa vào tiếp xúc trực tiếp với khách hàng và không thể được khử trùng (bao gồm, nhưng không giới hạn ở, mút chà móng, đá bọt, que sáp, đồ tách ngón chân, găng tay, bông tẩy trang, bọt biển, que dũa phủ bột mài, và khăn lót cổ) phải được vứt bỏ vào thùng rác ngay sau khi sử dụng cho mỗi khách hàng.

(b) Các vật dụng mới và các dụng cụ dùng một lần, có thể tiêu hủy phải được bảo quản ở nơi sạch sẽ và kín, có dán nhãn "Mới."

(c) Người làm việc hoặc được đào tạo tại một cơ sở hoặc trường học không được phép mang bất kỳ dụng cụ hay vật dụng nào trong hoặc trên quần áo hoặc đồng phục (bao gồm cả túi và bao đeo thắt lưng) khi đang hành nghề bất kỳ hoạt động nào như định nghĩa trong Mục 7316 của Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

982. Khử Trùng Dụng Cụ Điện Phân

(a) Trước khi sử dụng cho khách hàng tại các trường học hoặc cơ sở, tất cả các dụng cụ điện phân có thể tiệt trùng, ngoại trừ kim/dây tóc dùng một lần, đã tiệt trùng trước và có thể tiêu hủy, phải được khử trùng bằng một trong những phương pháp sau đây:

(1) Làm sạch bằng xà phòng hoặc chất tẩy rửa và nước (trong đó có thể bao gồm việc sử dụng các thiết bị siêu âm) và sau đó khử trùng bằng một trong những phương pháp sau đây:

(A) Nồi hấp tiệt trùng, đã được đăng ký và liệt kê với Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm Và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA), sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

(B) Máy tiệt trùng nhiệt khô, đã được đăng ký và liệt kê với FDA, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

(C) Các chất chỉ thị hóa học (thay đổi màu sắc) phải được sử dụng trên mỗi bao bì tiệt trùng để biểu thị quá trình tiệt trùng đã được hoàn tất.

(2) Tất cả các dụng cụ đã tiệt trùng phải giữ nguyên trong bao bì mà chúng đã được khử trùng cho đến khi sẵn sàng để sử dụng. Bao bì này phải còn nguyên vẹn và được dán nhãn "Đã Tiệt Trùng" hoặc "Tiệt Trùng."

(3) Tất cả các dụng cụ đã sử dụng cho khách hàng hoặc bị bẩn theo bất kỳ cách nào đều phải được đặt trong hộp đựng có dán nhãn "Dơ", "Bẩn" hoặc "Bị Nhiễm Bẩn."

(4) Thiết bị tiệt trùng phải được kiểm tra hàng tuần để đảm bảo đạt tới nhiệt độ yêu cầu theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

(b) Kim/dây tóc điện phân dùng một lần, đã tiệt trùng trước và có thể tiêu hủy phải được đặt trong hộp đựng vật sắc nhọn chống đâm thủng ngay sau khi sử dụng, khi bị nhiễm bẩn trước lúc sử dụng hoặc khi được mở ra và phát hiện hư hỏng. Các hộp đựng vật sắc nhọn phải được thay khi đầy không quá ba phần tư và được xử lý như chất thải nguy hiểm sinh học.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

983. Tình Trạng Sạch Sẽ Cá Nhân

(a) Trang phục của người được cấp phép hoặc học viên phục vụ khách hàng phải luôn luôn sạch sẽ.

(b) Mỗi người được cấp phép thực hiện dịch vụ phải rửa tay kỹ bằng xà phòng và nước hoặc các sản phẩm làm sạch tay gốc cồn có hiệu quả tương đương ngay trước khi phục vụ mỗi khách hàng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

984. Bệnh Tật Và Nhiễm Ký Sinh

(a) Các cơ sở hoặc trường học không được cố tình cho phép người được cấp phép hoặc học viên đang bị nhiễm trùng hoặc nhiễm ký sinh có khả năng lây sang khách hàng được phép phục vụ khách hàng hay được đào tạo tại cơ sở hoặc trường đó.

(b) Các cơ sở hoặc trường học không được cố tình yêu cầu hoặc cho phép người được cấp phép hoặc học viên phục vụ khách hàng đang bị nhiễm trùng hoặc nhiễm ký sinh có khả năng lây sang người được cấp phép hoặc học viên đó.

(c) Nhiễm trùng hay nhiễm ký sinh có khả năng lây giữa người được cấp phép hoặc học viên và khách hàng bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các loại sau:

- Cảm lạnh, cảm cúm hoặc các bệnh về đường hô hấp khác kèm theo sốt, cho tới 24 giờ sau khi cơn sốt đã được xử lý.
- Viêm họng liên cầu ("viêm họng do khuẩn liên cầu"), cho đến 24 giờ sau khi tiến hành chữa trị, và 24 giờ sau khi cơn sốt đã được xử lý.
- Viêm màng kết có mủ ("đau mắt đỏ"), cho tới khi được bác sĩ hoặc thầy thuốc lâm sàng được cấp phép khác kiểm tra và cho phép đi làm lại.
- Ho do khuẩn Bordetella pertussis ("ho gà"), cho tới năm ngày sau khi hoàn tất liệu pháp kháng sinh.
- Thủy đậu ("trái rạ"), cho tới sáu ngày sau đợt vỡ mụn nước hoặc sớm hơn nếu mọi tổn thương đã khô và đóng vảy.

- Quai bị, cho tới chín ngày sau đợt sưng của tuyến nước bọt mang tai.
- Lao, cho tới khi cơ quan phụ trách y tế địa phương tuyên bố cá nhân đó không còn nguy cơ lây nhiễm.
- Chốc lở (nhiễm khuẩn da), cho tới 24 giờ sau khi bắt đầu điều trị.
- Chấy rận (chấy đầu), cho tới buổi sáng sau lần chữa trị đầu tiên.
- Ghẻ ("rận mu"), cho tới khi hoàn tất việc chữa trị.

(d) Các bệnh lây qua đường máu như HIV/AIDS và viêm gan B (HBV) sẽ không được xem là bệnh có khả năng truyền nhiễm hay lây lan cho mục đích của mục này.

(e) Người làm việc hoặc đào tạo tại một cơ sở hoặc trường học không được thực hiện các dịch vụ mà không mang găng tay trên bề mặt da hoặc da đầu nơi vùng da đó bị viêm hoặc hở (ví dụ, bị trầy, bị đứt) hoặc nơi da bị nhiễm trùng hoặc phát ban; cũng như không có người nào làm việc hoặc được đào tạo tại cơ sở hoặc trường học được thực hiện các dịch vụ nếu da tay của người đó đang bị viêm hoặc hở hoặc nơi da bị nhiễm trùng hoặc phát ban.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp; và Mục 121365, Bộ Luật Sức Khỏe Và An Toàn.

985. Khăn Lót Cổ

Phải sử dụng tấm khăn quấn hoặc lót cổ vệ sinh để giữ lớp bảo vệ, chẳng hạn như áo choàng của khách hàng, khỏi việc tiếp xúc trực tiếp với cổ của khách.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

986. Chổi Quét Bụi Cho Cổ Và Cọ

(a) Trước khi sử dụng cho khách hàng, chổi quét cổ hoặc móng và tất cả cọ làm móng khác được sử dụng trong một cơ sở hoặc trường học cho khách hàng phải được làm sạch theo tuần tự các bước như sau:

(1) Loại bỏ tất cả các cặn bẩn có thể nhìn thấy được.

(2) Làm sạch bằng xà phòng hoặc chất tẩy rửa và nước.

(3) Làm khô chổi hoặc cọ.

(4) Bảo quản tất cả chổi hoặc cọ sạch ở nơi sạch sẽ và kín, có dán nhãn "Sạch."

(5) Tất cả chổi hoặc cọ đã được sử dụng cho khách hàng hoặc bị bẩn theo bất kỳ cách nào đều phải được đặt trong hộp đựng có dán nhãn "Dơ", " Bẩn" hoặc "Bị Nhiễm Bẩn."

(b) Trước khi sử dụng cho khách hàng, các loại cọ sợi tự nhiên, làm mặt, acrylic, keo, móng nghệ thuật và trang điểm được sử dụng trong một cơ sở hoặc trường học cho khách hàng, phải được làm sạch theo tuần tự các bước như sau:

(1) Loại bỏ tất cả các cặn bẩn có thể nhìn thấy được.

(2) Làm sạch bằng cách sử dụng các chất tẩy rửa như monomer, chất tẩy rửa dạng lỏng/xịt dành cho cọ trang điểm, cồn.

(3) Làm khô cọ.

(4) Bảo quản tất cả cọ sạch ở nơi sạch sẽ và kín, có dán nhãn "Sạch."

(5) Tất cả cọ đã được sử dụng cho khách hàng hoặc bị bẩn theo bất kỳ cách nào đều phải được đặt trong hộp đựng có dán nhãn "Dơ", "Bẩn" hoặc "Bị Nhiễm Bẩn."

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

987. Khăn

(a) Khăn, tấm phủ, áo choàng, tấm trải hoặc áo khoác sau khi được sử dụng một lần phải được đặt trong hộp đựng kín và không được sử dụng cho đến khi được giặt tẩy và khử trùng đúng cách.

(b) Khăn, tấm phủ, áo choàng, tấm trải và áo khoác phải được giặt bằng cách giặt thương mại thông thường hoặc bằng quy trình giặt phi thương mại bao gồm ngâm trong nước ở nhiệt độ ít nhất 160o F trong tối thiểu 25 phút trong suốt hoạt động giặt hoặc xả. Ngoài ra, việc giặt thương mại chọn sử dụng hóa chất và nước lạnh để làm giảm sinh vật trong lúc giặt cũng có thể được chấp nhận, miễn là việc giặt đó theo hướng dẫn của nhà sản xuất dành cho máy giặt, máy sấy, chất tẩy rửa, nước trợ xả và các phụ gia khác. Các chất giặt tẩy được sử dụng không cần phải công bố là kháng khuẩn.

(c) Tất cả khăn, tấm phủ, áo choàng, tấm trải và áo khoác sạch phải được bảo quản trong tủ sạch và kín hoặc hộp đựng sạch và kín.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

988. Dung Dịch, Kem, Phấn Và Mỹ Phẩm

(a) Tất cả dung dịch, kem, sáp, dầu gội, gel và các chế phẩm mỹ phẩm khác phải được giữ trong hộp đựng sạch và kín. Có thể đựng phấn trong lọ rắc sạch.

(b) Tất cả các chai lọ và hộp đựng phải được ghi nhãn rõ ràng và chính xác để cho biết sản phẩm gì được chứa bên trong. Tất cả các chai lọ và hộp đựng có chứa các chất độc hại phải được đánh dấu bổ sung và rõ ràng như thế. Các chất độc hại được giữ nguyên trong hộp đựng có dán nhãn của nhà sản xuất không cần phải ghi nhãn bổ sung.

(c) Khi chỉ có một phần của chế phẩm mỹ phẩm được sử dụng cho khách hàng, chế phẩm đó phải được lấy ra khỏi chai hoặc hộp đựng theo cách không làm nhiễm bẩn phần còn lại.

(1) Điều khoản này không áp dụng cho các chế phẩm mỹ phẩm đã được chứng minh là không có khả năng truyền bệnh (ví dụ, sơn móng tay, dung dịch monomer cho móng giả).

(d) Mỹ phẩm bút chì phải được chuốt nhọn trước mỗi lần sử dụng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

989. Chất Độc Hại/Sử Dụng Sản Phẩm Bị Cấm

Không có cơ sở hoặc trường học nào được:

(a) Có trong khuôn viên các sản phẩm mỹ phẩm có chứa các chất độc hại mà Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm Và Dược Phẩm Hoa Kỳ cấm sử dụng trong các sản phẩm mỹ phẩm.

(b) Có trong khuôn viên chất methyl methacrylate monomer và/hoặc methylene chloride.

(c) Sử dụng sản phẩm theo cách thức không được chấp thuận bởi FDA, Cục Quản Lý An Toàn Và Sức Khỏe Nghề Nghiệp hoặc EPA.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

990. Gối Tựa Đầu, Khay Gội Đầu, Bát, Và Bàn Trị Liệu

(a) Gối tựa đầu của ghế phải được phủ bằng khăn hoặc tấm giấy sạch cho mỗi khách hàng.

(b) Khay gội đầu và bát phải được làm sạch bằng xà phòng và nước hoặc chất tẩy rửa khác sau mỗi lần gội đầu, được giữ gìn tốt và trong tình trạng hợp vệ sinh vào mọi lúc.

(c) Bàn trị liệu phải được phủ bằng giấy lót bàn trị liệu sạch, khăn sạch hoặc tấm phủ sạch sau mỗi lần sử dụng. Khăn hoặc tấm phủ đã được sử dụng một lần phải được lấy ra ngay lập tức khỏi bàn trị liệu và đặt trong hộp kín và không được sử dụng một lần nữa cho đến khi được giặt tẩy và khử trùng đúng cách. Giấy lót bàn trị liệu phải được vứt bỏ ngay sau khi sử dụng một lần.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

991. Thủ Thuật Xâm Lấn

(a) Người được cấp phép hoặc học viên không được phép sử dụng sản phẩm, thiết bị, máy móc hoặc kỹ thuật khác hoặc kết hợp cùng nhau, dẫn đến việc loại bỏ, tiêu hủy, cắt rạch hoặc xỏ lỗ làn da của khách hàng vượt lớp biểu bì. Bất kỳ hành động nào như vậy đều được xem là thủ thuật xâm lấn.

(b) Các thủ thuật xâm lấn bao gồm, nhưng không giới hạn ở, những điều sau đây:

(1) Ứng dụng điện làm săn cơ một cách rõ rệt.

(2) Bôi thoa các loại sữa dưỡng, kem, huyết thanh hoặc các chất dùng ngoài da khác cần có giấy phép y tế để thu mua.

(3) Xâm nhập vào da sử dụng kim bằng kim loại, ngoại trừ kim/dây tóc điện phân.

(4) Mài mòn và/hoặc lột tẩy da bên dưới lớp biểu bì.

(5) Loại bỏ da bằng cách sử dụng một dụng cụ có lưỡi cạo hoặc thiết bị tương tự.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), 7316, 7320, 7320.1 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp

992. Lột Tẩy Da

(a) Chỉ có lớp trên của da, được gọi là biểu bì, mới có thể được loại bỏ bằng bất kỳ phương pháp hoặc phương tiện nào, và chỉ với mục đích nâng cao vẻ ngoài của làn da.

(b) Các kỹ thuật loại bỏ da và các thủ tục dẫn đến phá hủy các mô sống ngoài lớp biểu bì của da đều bị cấm.

(c) Chỉ những sản phẩm không kê toa không được bán cho riêng bác sĩ sử dụng mới có thể được dùng cho mục đích lột tẩy da.

(d) Tất cả sản phẩm lột tẩy da phải được áp dụng theo các hướng dẫn của nhà sản xuất vì sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), 7316, và 7320 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

993. Các Dụng Cụ Bị Cấm

(a) Các cơ sở hoặc trường học không được giữ trong khuôn viên hoặc sử dụng bất kỳ dụng cụ lưỡi cạo nào cho mục đích loại bỏ vết chai hoặc các quy trình tương tự khác.

(b) Các cơ sở hoặc trường học không được giữ trong khuôn viên hoặc sử dụng bất kỳ dụng cụ tương tự nào như kim cho mục đích nặn hút mụn sẹo trên da và các quy trình tương tự khác.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), 7320, và 7320.1, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

994. Tình Trạng Sạch Sẽ Và Giữ Gìn Tốt

(a) Các cơ sở và trường học phải giữ cho sàn nhà, tường, đồ gỗ, trần nhà, đồ nội thất, đồ trang trí, đồ gắn cố định sạch sẽ và trong tình trạng tốt.

(b) Các cơ sở hoặc trường học không được phép để tích tụ các chất thải, tóc vụn hoặc vật phế thải.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

995. Tiêu Chuẩn Xây Dựng

(a) Các cơ sở và trường học phải có hệ thống thông gió đầy đủ theo Phần 2, Mục 1203, Tiêu đề 24 Bộ Luật Quy Định Tiểu Bang California.

(b) Nguồn cung cấp nước máy nóng lạnh phải được đảm bảo theo Phần 5, Mục 601.3.1, Tiêu đề 24 Bộ Luật Quy Định Tiểu Bang California.

(c) Các cơ sở và trường học phải cung cấp nước uống sạch theo Phần 5, Mục 601.3.3, Tiêu đề 24 Bộ Luật Quy Định Tiểu Bang California.

(d) Các cơ sở và trường học phải cung cấp các tiện nghi rửa tay theo Phần 5 Mục 601.3.2, Tiêu đề 24 Bộ Luật Quy Định Tiểu Bang California.

(e) Các cơ sở và trường học phải cung cấp nhà vệ sinh công cộng theo Phần 5, Mục 422.6, 422.7 và Bảng Số 422.1, Tiêu Đề 24 Bộ Luật Các Quy Định Tiểu Bang California.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e) và 7352 Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

998. Biểu Phí

Hội Đồng sẽ thu các khoản phí sau (bằng đô-la):

(a) Thợ làm tóc:
- (1) Phí nộp đơn và dự thi 75
- (2) Phí xin giấy phép lần đầu 50
- (3) Phí gia hạn giấy phép 50 [1]
- (4) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép 25 [1]

(b) Bác sĩ thẩm mỹ:
- (1) Phí nộp đơn và dự thi 75
- (2) Phí xin giấy phép lần đầu 50
- (3) Phí gia hạn giấy phép 50 [1]
- (4) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép 25 [1]

(c) Chuyên gia thẩm mỹ:
- (1) Phí nộp đơn và dự thi 75
- (2) Phí xin giấy phép lần đầu 40
- (3) Phí gia hạn giấy phép 50 [1]
- (4) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép 25 [1]

(d) Thợ làm móng:
- (1) Phí nộp đơn và dự thi 75
- (2) Phí xin giấy phép lần đầu 35
- (3) Phí gia hạn giấy phép 50 [1]

(4) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép	25 [1]
(e) Chuyên viên điện phân:	
(1) Phí nộp đơn và dự thi	75
(2) Phí xin giấy phép lần đầu	50
(3) Phí gia hạn giấy phép	50 [1]
(4) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép	25 [1]
(f) Phí nộp đơn và xin giấy phép học nghề[2]	25
(g) Cơ sở:	
(1) Phí nộp đơn và xin giấy phép lần đầu	50
(2) Phí gia hạn giấy phép	40
(3) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép	20
(h) Đơn Vị Lưu Động:	
(1) Phí nộp đơn	50
(2) Phí thanh tra và xin giấy phép lần đầu	100
(3) Phí gia hạn giấy phép	40
(4) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép	20
(i) Giấy Phép Dịch Vụ Cá Nhân:	
(1) Phí xin giấy phép lần đầu	25
(2) Phí gia hạn giấy phép	10
(3) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép	5
(j) Tạo Mẫu Tóc:	
(1) Phí nộp đơn và dự thi	75
(2) Phí xin giấy phép lần đầu	50
(3) Phí gia hạn giấy phép	50
(4) Phí nợ quá hạn gia hạn giấy phép	25

[1] Các khoản phí có hiệu lực đối với tất cả các giấy phép hết hạn vào hoặc sau ngày 21 tháng 12 năm 2007.

[2] Giấy phép của người học nghề không thể được gia hạn.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, 7337 và 7421, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 7402.5, 7415, 7417, 7418, 7419, 7420, 7423, 7424 và 7425, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp.

Điều 13. Doanh Thu

999. Phí Cho Chi Phiếu Bị Từ Chối Thanh Toán

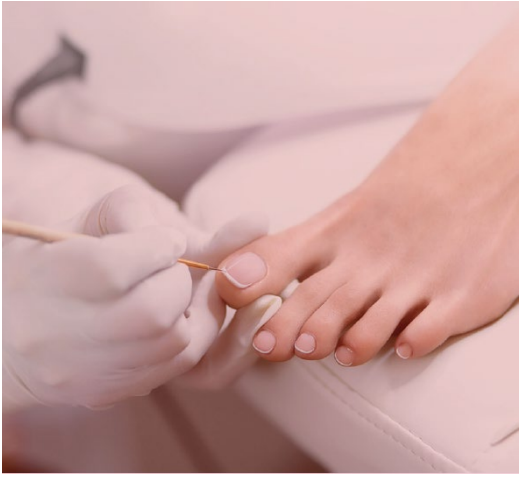
Phí cho việc hoàn trả chi phiếu cá nhân không thanh toán sẽ là số tiền do Sở Nội Vụ Tiêu Dùng thiết lập theo các luật lệ của Tiểu Bang California. Khoản phí này được yêu cầu bên cạnh việc hoàn trả tiền chi phiếu bị từ chối thanh toán.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ Luật Kinh Doanh Và Nghề Nghiệp. Tham chiếu: Mục 1719 Bộ Luật Dân Sự; Mục 6157 Bộ Luật Chính Quyền.

Trang này được chủ ý bỏ trống.

Trang này được chủ ý bỏ trống.





BAN HÀNH BỞI

HỘI ĐỒNG NGHỀ LÀM TÓC VÀ TRANG ĐIỂM

P.O. Box 944226, Sacramento, CA 94244-2260

(800) 952-5210 **www.barbercosmo.ca.gov**

Nghiêm cấm bán lại Đạo Luật và Quy Định của Hội Đồng Nghề Làm Tóc Và Trang Điểm năm 2026; tất cả các bản sao phải được phát hành miễn phí.



